

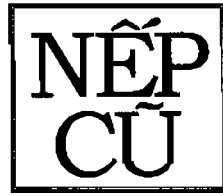
TOAN ÁNH

NẾP CŨ

CẦM - KỲ - THI - HỌA



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



CẨM - KỶ - THI - HỌA

TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

Nhà xuất bản Trẻ xuất bản theo hợp đồng sử dụng tác phẩm 2004-2015.

BIỂU GHU BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP HCM

Toan Ánh, 1914-2009

Cám - Kỳ - Thi - Hoa / Toan Ánh. - T P Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011.

440tr. ; 20cm. - (Nếp cũ).

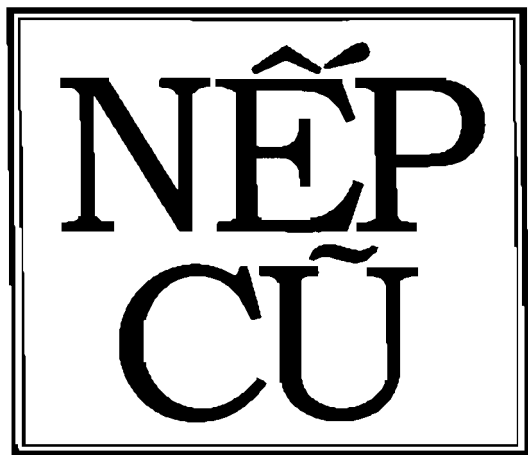
1. Ca nhạc -- Việt Nam. 2. Nhạc cụ -- Việt Nam. 3. Thơ Việt Nam. 4. Hội họa -- Việt Nam. 5. Văn hóa.
6. Việt Nam -- Văn minh. 7. Việt Nam -- Đời sống xã hội và lập quán.

306.09597 -- dc 22
T627-A60

ISBN 978-604-1-00448-7
Cám - Kỳ - Thi - Hoa



TOAN ẢNH



CẨM - KỶ - THI - HỌA

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Mục lục

Phần 1

CẨM 7

Phần 2

KỶ 215

Phần 3

THI 309

Phần 4

HỌA 397

Lời nhà xuất bản



Nhà văn, nhà nghiên cứu phong tục Toan Ánh tên thật là Nguyễn Văn Toán sinh năm 1915 (Ất Mão) tại Thị Cầu, tỉnh Bắc Ninh.

Vào làng cầm bút từ rất sớm (1934), với nhiều bút danh trên các lĩnh vực như thơ ca, văn xuôi, kịch bản và biên khảo phong tục học như: Đào Vân, Kinh Vũ, Minh Chúc, Hào Lân, Vương Quốc Sùng, Thành Nghĩa, Hiến Vi... và nhiều nhất là Toan Ánh.

Ông mất ngày 15 tháng 5 năm 2009, tại Thành phố Hồ Chí Minh, hưởng thọ 95 tuổi.

Trong hơn 70 năm cầm bút sáng tác và hoạt động văn học nghệ thuật, ông đã cộng tác với hàng chục tờ báo khắp trong Nam ngoài Bắc, làm chủ nhà in, nhà xuất bản ở Hà Nội (trước năm 1954), thành viên Trung tâm Văn bút Quốc tế (Pen Club), giáo sư thỉnh giảng tại nhiều trường đại học và cao đẳng như Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn, Đại học Văn khoa Huế, Đại học Văn khoa Cần Thơ, Đại học Đà Lạt, Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn... về các môn phong tục học, văn hóa xã hội Việt Nam, lịch sử nghệ thuật và nếp sống dân tộc Việt Nam.



Do đảm nhiệm nhiều công việc trên nhiều lĩnh vực khác nhau thuộc về hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật, lại được sự giáo dục thiếu thời của gia đình và nỗ lực học tập của bản thân, sự quảng giao với người trí thức nhiều vùng miền trong cả nước, nên hầu hết các tác phẩm thuộc thể loại khảo cứu phong tục và văn hóa dân gian của ông có giá trị thực tiễn và khoa học cao.

Gần 120 tác phẩm (không kể những bài báo, những bài giảng) đã được tác giả và gia đình tập hợp, có 70 tác phẩm đã được xuất bản trước và sau ngày 30.4.1975 bởi nhiều nhà xuất bản khác nhau (tính đến năm 2004).

Từ năm 2004, trong tinh thần tiến đến thực hiện “Toàn tập Toàn Ánh”, Nhà xuất bản Trẻ đã được tác giả và gia đình đồng ý trao quyền xuất bản từng phần các tác phẩm của ông đã và chưa công bố.

Việc tổ chức tập hợp, sắp xếp theo chủ đề, để mỗi tác phẩm Toàn Ánh mà Nhà xuất bản Trẻ xuất bản là một sản phẩm mang đầy đủ giá trị và tinh thần Toàn Ánh nhất, đồng thời đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu, tìm hiểu của bạn đọc rộng rãi.

Trong tinh thần đó, Nhà xuất bản Trẻ xin được trân trọng giới thiệu tập sách này đến bạn đọc nhân kỷ niệm hai năm ngày nhà văn - nhà nghiên cứu Toàn Ánh về với tổ tiên.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Phần 1

Cầm

- NHẠC KHÍ - 27
- NHẠC Ở VIỆT NAM - 43
- ÂM NHẠC XỨ THƯỢNG - 52
- CA HÁT - 56
- TỤC HÁT TRỐNG QUÂN
GIỮA GIAI XUÂN CẦU,
GÁI KHÚC LỘNG - 198

Mến tặng hiền thê để kỷ niệm 30 năm ngày cưới.

T.A.

Lời đề tặng dành riêng cho phần Cầm ca Việt Nam, xuất bản lần đầu tiên năm 1969.

TỰA¹



Tôi mừng rằng công trình sưu tầm biên khảo về *Nếp cũ* của ông Toan Ánh càng ngày càng được quốc dân hoan nghênh. Non ba chục năm trước, đọc những bài chép các tục lạ ở thôn quê Bắc Việt và đăng rải rác trên báo *Tri Tân*, *Trung Bắc Chủ Nhật*, *Tao Đàn* tôi đã để ý tới ông liền: khu vực đó ít người khai thác, mà những chuyện ông kể đều hấp dẫn, dồi dào về chi tiết. Kế đó là chiến tranh Pháp Việt. Bẵng đi một thời gian, sau Hiệp định Genève một ít lâu, tôi lại thấy ông xuất hiện trên văn đàn với những tác phẩm: *Bó hoa Bắc Việt*, *Trong lũy tre xanh*. Và trong mấy năm nay, không năm nào ông không cho ra vài ba cuốn, có cuốn dày 400-500 trang khổ lớn: *Tín ngưỡng Việt Nam*, *Người Việt... Đất Việt*, *Làng xóm Việt Nam*, *Miền Bắc khai nguyên*... Ông đã sớm định một chí hướng từ khi mới ra làm việc, lựa một con đường ít người đi mà cũng là con đường đẹp nhất, thích thú nhất: đi sâu vào lòng dân tộc, tìm hiểu nếp sống của tổ tiên; và luôn mấy chục năm, tập trung mọi hoạt động vào

1 Bài tựa này viết riêng cho phần *Cấm ca Việt Nam*, xuất bản lần đầu trên năm 1970.



đó, sưu tầm trong các sách báo cũ và mới, đi tới từng miền để điều tra, ghi chép, lợi dụng mọi hoàn cảnh để đạt mục đích, nên tài liệu của ông mỗi ngày một nhiều, sự sáng tác của ông mỗi ngày một phong phú. Nghe nói ông dự tính soạn năm sáu cuốn nữa, mỗi cuốn bốn năm trăm trang. Va công của ông đến nay đã được quốc dân đền đáp. Đó là điều đáng mừng, không phải mừng cho ông mà cho tiền đồ của văn hóa nước nhà.

Sau Hiệp định Genève, khi ảnh hưởng của Mỹ bắt đầu lan tràn vào Việt Nam, trong khoảng mười năm đầu một số người hăng hái tiếp thu văn hóa Mỹ vì nó lạ đối với chúng ta, một số khác nhiệt liệt giới thiệu những trào lưu tư tưởng mới của Pháp. Dĩ nhiên công việc đó nên làm, nhưng chúng ta đã say với cái mới, cái lạ của người mà cơ hồ như quên cái đẹp, cái cũ của mình. Vài năm nay, có một trào lưu ngược lại; chúng ta đã thấy mặt trái của phương Tây: có một lực lượng phi thường chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại mà họ không ổn định nổi chính xã hội của họ, lại chỉ gây thêm vô số xáo trộn trên thế giới, ở Đông Á, Tây Á, Phi Châu, Nam Mỹ. Nên một số học giả phương Tây đương muốn tìm hiểu sâu hơn văn minh của phương Đông; ở nước ta thì một số nhà văn đã trở lại nghiên cứu văn hóa cổ truyền của mình: triết lý cổ, tuồng cổ, văn thơ cổ, nếp sống cổ... Chúng ta chưa biết công trình của các nhà đó có dẫn tới một đường lối nào dung hòa mới với cũ không, tạo nên một nhân sinh quan mới, một nếp sống mới nào không, nhưng nội một điều quốc dân, nhất là thanh niên, đã hoan nghênh công việc của họ, cũng đủ cho ta mừng rồi: có tìm hiểu kỹ di sản của mình thì mới quý nó được, có quý nó thì mới tìm được hương đi cho tương lai; không một dân tộc nào đoạn tuyệt hẳn với di sản mà cường thịnh được. Lịch sử là một sự liên tục: tương lai ở trong hiện

tại, mà hiện tại ở trong dĩ vãng. Tôi mong mà cũng tin rằng “sự suy đồi của văn hóa vì đụng chạm với những sản phẩm ngoại lai lúc này” - lời của ông Toan Ánh - chỉ là một thứ lờ lỏi ngoài da phát sinh trong các thành thị, còn đại đa số dân chúng ở thôn quê, ở các quận, các tỉnh nhỏ vẫn còn giữ được nếp sống cũ. Tôi có thể dẫn chứng được vì đã mục kích nhiều gương hi sinh nhẫn nại tiết tháo.

Trước sự xâm nhập ồn ào, “man rợ” của các loại nhạc Jazz, Twist, Be-bop mấy năm gần đây, ông Toan Ánh âm thầm thu thập tài liệu về *Cầm ca Việt Nam* để chúng ta thấy tính cách nghiêm trang mà hòa nhã, vui mà không loạn của ca nhạc cổ, nhất là cái tinh thần “cộng lạc” giữa giai cấp sĩ phu và bình dân thời xưa ra sao. Tôi yêu quý các cụ Nguyễn Du và Phan Bội Châu quá khi các cụ đêm đêm đi hát dặm với các thôn nữ, và tôi thích cái tục hát quan họ ở Bắc Ninh làm sao! Thời đó trí thức và bình dân đâu có cách biệt như ngày nay, mà không có cách biệt thì làm gì có đấu tranh giai cấp.

Tác giả không thể đi sâu vào chi tiết được - như vậy thì biết mấy ngàn trang cho đủ? Nhưng ông đã ghi hết được những đại cương về cầm ca của ta từ thời cổ cho tới đầu thế chiến vừa rồi: nhắc qua “nhạc lý”: lục ky, thất bát đàn; tả mấy chục thứ nhạc khí và không biết bao nhiêu giọng ca hát trí thức và bình dân: hát đồ đưa, hát chầu trâu, hát ru em, hát ví, hát quan họ, hát dặm, hát trống quân, hát phường, hò, vè, hát xẩm, hát ả đào, ca Huế, hát thờ, hát tuồng, hát chèo, vãn vãn, cả ca cải lương nữa, chấm dứt là những bài hát đầu tiên chịu ảnh hưởng của Tây phương.

Đọc tác phẩm của ông tôi băng khuâng nhớ lại một lúc vui thanh thoát trong đời tôi mà nhờ dân ca tôi đã được hưởng. Cách đây non bốn mươi năm, cũng vào một đêm Trung thu như đêm nay, nhưng ở làng Thịnh Hào cách Hà Nội lắm

sáu cây số, anh em chúng tôi ba bốn người đương chuyện trò trong một khu vườn bỗng có tiếng hát văng vẳng đưa lại, và chẳng ai bảo ai, mọi người đều im bật. Tiếng hợp ca mỗi lúc mỗi gần và chúng tôi nghe rõ là điệu ru hời:

*Tay tiên là tiên chuốc chén ơ ơ đào là rượu đào,
Đồ đi là đi thời tiếc, ơ ơ vào, uống vào, uống vào
thời say.
Ru là ru ru hời, ơ ơ hời là ru hời...*

Giọng ca tới những tiếng chén, tiếc, bay vút lên không, rồi chìm hẳn xuống ở những tiếng (rượu) đào, (uống) vào; sau cùng tan lẩn trong cảnh bao la của đồng ruộng. Đúng lúc đó nhìn qua bờ ao, chúng tôi thấy một đoàn thợ gặt, cả trai và gái khoảng mười người đi hàng hai dưới ánh trăng vàng vạc trên con đê (tức đường Quần ngựa). Tiếng hát ngừng một chút rồi lại cất lên, tôi nhồm nhồm muốn chạy theo họ, nhưng rồi lại ngồi xuống, vì băng qua được cánh đồng chiêm tới chân đê thì họ đã đi xa mất rồi. Tôi lắng tai nghe tới khi dư âm tắt hẳn, mà tiếc ngơ tiếc ngẩn! Suốt đời tôi, chưa có lần nào giọng ca làm cho mê như lần đó: nó du dương, uyển chuyển, bát ngát, tôi biết dùng tiếng gì để tả bây giờ? Ca nhạc Tây phương không sao gọi cho tôi được cảm xúc thần tiên đó. Ca nhạc của mình quả thực không phong phú, nhiều sắc thái bằng phương Tây nhưng có những nét riêng, cái thần riêng thâm thiết với ta, như là tiếng gọi của tổ tiên, của dân tộc. Ông Toàn Ánh đã có công gọi cho ta nhớ lại nhớ cái hồn của đất nước đó trong cuốn Cầm ca Việt Nam này. Chỉ là một “nhất lãm” nhưng rất đủ để hướng dẫn những người muốn đi sâu vào chi tiết.

Một điểm đáng chú ý nữa là ông đã khéo lựa những câu hát để chúng ta thấy tinh thần khả ái của thôn nữ Việt Nam.

Họ sống thật cực khổ:

*Một ngày hai bận trèo non,
Lấy gì mà đẹp mà giòn hơi anh!*

mà họ rất chung tình:

*Ra về chỉ một ngóng theo,
Ngóng rừng rừng rậm, ngóng đèo đèo cao.*

và rất hiếu thảo với cha mẹ, tận tụy với chồng con:

*Bố kính thờ mẹ thờ cha,
Thờ chồng trọn đạo cùng là nuôi con.*

Một số thiếu nữ ngày nay, hạng bạn mini-jupe hút Salem, uống huyết-ky, đọc những câu đó tất bĩu môi, cho là cổ hủ; nhưng dân tộc ta - mà dân tộc nào cũng vậy - sở dĩ vượt qua được những cơn hỗn loạn, khủng hoảng mà lại hiên ngang đứng đầu lên được, chính là nhờ những người mẹ, người vợ cổ hủ như các cụ bà Sào Nam, Tú Xương, Nguyễn Quang Diêu...

Sài Gòn, Trung Thu Kỷ Dậu (1969)

NGUYỄN HIẾN LÊ



THÚ VUI TAO NHÀ



Người ngoại quốc sống trên đất Việt, tìm hiểu nếp sống của người Việt Nam, đều công nhận dân tộc Việt Nam là một dân tộc chịu khó, không ngã lòng trước mọi khó khăn, đã chiến thắng được tất cả mọi trở ngại vật chất và tinh thần trong chịu đựng, trong gian lao. Lịch sử Việt Nam trải qua bao nhiêu cuộc hưng vong, người Việt Nam như cây tre, gặp gió mạnh thì ngã xuống, qua cơn gió lại vươn mình lên. Trong cuộc sống hàng ngày, họ không nề hà vất vả, làm lụng sáng chiều, đầu tắt mặt tối, vất lộn với sự sống. Sống trên một dải đất khi nắng thì như thiêu như đốt, khi lạnh thì như cắt da cắt thịt, đất đai thì núi rừng trùng điệp và đồng lúa mênh mông, nếu tổ tiên chúng ta không kiên nhẫn phấn đấu, không bền gan chịu đựng, làm sao ngày nay chúng ta có một giang sơn gấm vóc. Chúng ta đã chống lại được sự thôn tính của người Trung Hoa về phương Bắc, chúng ta lại mở mang được bờ cõi về phương Nam, và gần đây, chúng ta lại tự giải thoát được ách nô lệ của người Pháp, mặc dầu kẻ địch của chúng ta có đủ khí giới tối tân, đối lại chúng ta chỉ có sự đoàn kết dân tộc với lòng bền bỉ kiên cường.

Ở hoàn cảnh rất khó khăn, về địa lý cũng như về chính trị, dân tộc Việt Nam đã phải làm lụng nhiều hơn tiêu khiển, đã phải đương đầu chiến đấu nhiều hơn hưởng thụ, gia dĩ từ ngày lập quốc tới nay, hết kẻ thù gần đến kẻ thù xa, họ luôn luôn muốn thôn tính đất nước chúng ta, cho tới ngày nay tham vọng ngoại tộc trên đất nước vẫn chưa hết, họ muốn sang đoạt hết quyền sống, trách chi chúng ta không cực nhọc trong sinh hoạt!

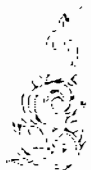
Nói như vậy không phải là người Việt Nam không có những thú chơi giải trí. Có lắm chứ, tuy vất vả, tuy bận rộn, nhưng sau những giờ làm lụng, sau những cuộc phấn đấu, chúng ta vẫn có nghỉ ngơi và chơi bời, có như vậy chúng ta mới có dịp tự thưởng công cho mình.

Chúng ta giải trí với những thú vui riêng của dân tộc, và những thú vui này là những trò tiêu khiển của mọi tầng lớp, thay đổi tùy theo từng hạng người và cũng có khi từng địa phương.

Và ngay trong các lối chơi tiêu khiển cũng có năm bảy đường, *“có cách chơi nhả, có cách chơi tục, có cách chơi thanh, có cách chơi thô, có cách chơi nghĩa lý văn chương, có cách chơi bá láp vô vị, có cách chơi đủ di dưong tình tình, có cách chơi làm hư bại nhân cách.”*¹

Thói thường có làm thì phải có chơi, và chơi bời cũng không phải là có hại, *có lao lực phải có tiêu khiển*⁽¹⁾ điều cần thiết là phải chọn lối chơi mà vui, vì trong cách chơi hay hoặc dở, nhả hoặc tục, thanh hoặc thô thường do lối mà cũng do cả người chơi nữa. *“Người chơi phong nhã cao thượng thì cách chơi cũng cao thượng phong nhã; người chơi nhả nhớt tục tằn thì cách chơi cũng tục tằn nhả nhớt”*⁽¹⁾. Người biết

1 Phạm Quỳnh - *Văn chương trong lối hát ả đào*. Nam Phong số 69, tháng 3 năm 1923.



chơi thường tìm những thú chơi hợp với mình. Có những thú chơi âm ỉ ồn ào, có những thú chơi yên tĩnh trầm lặng, có thú chơi cần tới sức vóc, có thú chơi cần sự suy nghĩ, lại có thú chơi cần cả trí lẫn lực. Có thú chơi, người chơi chỉ một mình cũng thấy thú. lại có những thú chơi phải có đồng bạn mới hào hứng; có thú chơi không cần sự ganh đua, có thú chơi phải ganh đua mới thỏa thích.

Thú chơi thay đổi tùy người, thay đổi tùy địa phương, nhưng cũng lại thay đổi theo thời đại. Tôi không nói tới những thú chơi mới ngày nay do ảnh hưởng của Tây phương mà có, tôi chỉ hạn chế trong những thú cổ xưa của người mình, và tôi cũng không đề cập tới những thú chơi ồn ào rầm rĩ, những thú chơi mạnh mẽ cần tới sức vóc, chỉ muốn nhắc tới những *Thú vui tao nhã* của người xưa.

Những thú tao nhã này, trước hết phải kể tứ thư phong lưu là *cắm, kỳ, thi, họa*, rồi đến những thú tiêu khiển khác như *ca hát, chơi cây cảnh, uống trà, chơi chim, chơi hòn non bộ, chơi diều*, v.v...

*"Xét trong cách chơi bời, cách nào cũng có một cái thú tiêu nhân, cũng di dưỡng được tính tình, cũng khoan khoái được thần trí."*¹

Những thú chơi tao nhã của tổ tiên chúng ta trải qua bao nhiêu cuộc hưng vong của đất nước, ngày nay nhiều thú vẫn còn tồn tại và đương thời cũng còn nhiều người thích thú. Còn hay mất, những thú chơi này đã từng làm cho ông cha chúng ta say mê, chúng ta phải tìm hiểu, tìm hiểu để thưởng thức cũng như để so sánh với một vài thú chơi ngày nay.

Nếu chúng ta được nghe những cụ già đứng trước những cây tùng của hòn non bộ thân bằng cổ tay lá bằng mũi kim vào giữa mùa nóng nực mà nói rằng thấy mát cả người như

1 Phan Kế Bính - *Việt Nam phong tục*, Đông Dương tạp chí, 1914-1915.



đã bước chân vào rừng rùng; nếu chúng ta được thấy một người đứng tuổi vào bực đàn anh trong làng cầm cùi ngồi vót từng cái khung điều, uốn đôi cánh điều quên cả ăn, quên cả mệt, nếu chúng ta được nhìn một cụ già khác cầm cùi với nghiêng mực, với ngọn bút nhỏ để vẽ một bức tranh thủy mặc, chú ý tới nét vẽ của mình như quên hẳn cuộc đời bên ngoài, nếu chúng ta lại chứng kiến các cụ pha một ấm chè tàu buổi sáng, được tự tay đun lấy bình nước, tự tay tráng chiếc ấm và những chiếc chén, từ chén tổng tới chén quân và nếu... còn nhiều nữa, chúng ta sẽ cảm thấy cái thanh thú của những thú chơi lịch sự thanh tao của người mình và chừng đó chúng ta ắt phải say những cái say mê của tổ tiên.

Viết về những thú vui tao nhã trong nếp sống cũ của dân tộc, tôi tự biết rằng sẽ không làm thỏa mãn được nhiều độc giả vì sự hiểu biết quá nông cạn của tôi, vì tôi chỉ nhắc lại một cách quá giản lược, chính tôi không phải là một tài tử trong một thú chơi, không lột hết được những điều phải trình bày, nhưng tôi vẫn viết, viết để ghi lại một vài cái gì của ông cha để hoặc có người lưu ý tới sẽ đào sâu bởi kỹ hơn, trình bày rõ ràng và đầy đủ với một sự tham bác rộng rãi hơn.

Trước khi đề cập tới những thú vui tao nhã khác, trong tập sách nhỏ này, trước hết tôi xin trình bày về hai thú Cầm. Ca.

Tôi sẽ rất thỏa mãn nếu những trang sách nhỏ này có người đọc tới và sẽ chỉ bảo cho những điều thiếu sót để bổ khuyết về sau.

Tháng Giêng năm Kỷ Dậu - 1969



CẨM



Trong những thú vui tao nhã của ta, người xưa xếp tứ thú phong lưu lên đầu, mà đứng đầu tứ thú này là *cẩm*, nghĩa là chơi đàn.

Gảy đàn (*cẩm*) là một lối chơi thanh nhã, hoặc gảy một mình, hoặc hợp tấu với bạn bè.¹

Cẩm tuy nói là đàn, nhưng ta phải hiểu đây là nhạc, vì ngoài đàn ra, trong thú tiêu khiển này người xưa còn thổi sáo, kéo nhị, đánh trống, chơi sinh tiền v.v...

Những lúc thư nhàn, những khi đêm khuya thanh vắng với một nỗi tâm tư vui buồn riêng, dạo một khúc đàn, thổi một bản sáo để tự tỏ nỗi vui hoặc giải nỗi buồn, quả thật là thú vị. Sự trầm lắng yên tĩnh càng tăng vẻ tao nhã của thú chơi. Tiếng đàn thánh tha thánh thót như những cung bậc của niềm vui, mà cũng có thể như những tiếng nói để thổ lộ nỗi buồn u uất.

Đàn tuy là một thú tiêu khiển, nhưng trong đạo trị dân của người xưa, đàn, hay đúng hơn, nhạc cũng là một trong những điều quan trọng, vì điệu đàn là tự lòng người mà hiện ra. Qua

1 Đào Duy Anh - *Việt Nam Văn hóa Sử cương*, Nxb Bốn Phương Sài Gòn, 1961.

điệu đàn của một địa phương, có thể biết được phong hóa thịnh suy, chính trị mờ tỏ.

Sách Lễ Ký có nói rằng: *Nhạc giả thông luân lý giả dã*, nghĩa là nhạc thông với luân lý. Tiếng nhạc thanh tao êm ái có thể biến thành kêu gọi dân lành. Người xưa chơi đàn gìn giữ *chánh thanh*, cố giữ điệu đàn không có âm thanh biến thể để chánh thanh hóa dân thanh.

Đàn tuy tao nhã, nhưng chỉ tao nhã với khách phong lưu; với những con người đạo đức kém, người xưa cho là *gia hữu cầm, nữ tử đàn*.

Đàn hay dở lợi hại là do người, người học đàn phải biết tự điều khiển mình, tiếng đàn mới hữu ích và không di hại.

Người xưa thường dùng đàn để chính tâm dưỡng tính, để khuyến thiện, răn ác với mục đích sửa cho ngay lòng người. Vua Thuấn xưa gảy cây đàn năm dây, ca bài Nam Phong đem sự đại trị lại cho thiên hạ, đức Khổng Tử khi ở nước Tề, nghe nhạc Thiệu mà quên ăn.

Tại nước ta, đàn nhạc đã có từ lâu và vua Lê Thánh Tông đã quy luật âm nhạc bằng cách đặt ra bộ *Đông Vãn* và bộ *Nhà Nhạc* để hòa nhạc và xướng hát.

Trong các cuộc tế lễ từ triều đình đến dân gian, bao giờ đàn nhạc cũng điều hòa nghi lễ.

Đàn đã ăn sâu vào phong tục của ta, đàn đã là một thú tiêu khiển thanh tao, và đàn cũng đã gắn liền với một phần đời sống của nhiều người, từ nơi dân giả tới hàng quý tộc.

BÁT ÂM

Đàn hay dở do âm thanh, khéo điều hòa âm thanh thì tiếng đàn thánh thót thanh cao êm ái, điều hòa vụng, âm thanh rối loạn và như vậy tiếng đàn cũng biến theo.

Để phát ra âm thanh, ta dùng tám thứ tiếng phát ra bởi tám vật liệu khác nhau, gọi là bát âm, do đó các phường nhạc của ta xưa còn được gọi là *phường bát âm*.

Bát âm gồm:

- *Kim*: tiếng loại kim khí, thường là tiếng đồng như tiếng chuông, tiếng bặt (loại chuông nhỏ), tiếng chiêng, tiếng nao (loại chiêng nhỏ), tiếng náo bặt, tiếng sinh tiền v.v...
- *Thạch*: tiếng đá, thường là tiếng khánh.
- *Thổ*: tiếng đất sét nung, thường là tiếng huân, một thứ nhạc dùng để thổi, tiếng còi và có khi tiếng bát.
- *Ti*: tiếng phát ra do dây tơ, thường là tiếng các thứ đàn: cầm, sắt, tỳ bà, tranh, nguyệt, v.v...
- *Trúc*: tiếng các loại tre, thường là tiếng các loại sáo, loại tiêu, v.v...
- *Bào*: tiếng trái bầu, trái bí, thường là tiếng kèn. Cổ nhân thường dùng các trái bầu bí làm kèn.
- *Cách*: tiếng da thuộc căng thẳng, thường là tiếng trống.
- *Mộc*: tiếng gỗ thường là tiếng mõ, tiếng phách.

Những nhạc khí chế tạo bởi các nguyên liệu trên phát ra mỗi loại một thứ tiếng khác nhau, nhiều âm thanh có thể đi đơn độc trong các bản độc tấu, nhưng thường trong một buổi hòa nhạc, phải có sự hòa hợp pha trộn giữa nhiều âm thanh của nhiều nhạc khí. Tiếng gọi là bát âm, nhưng trên thực tế rất ít khi phường bát âm dùng đủ các nhạc cụ với đủ tám thanh âm của tám nguyên liệu nói trên, như là tiếng gỗ, thiết ít khi được dùng đến. Thường trong những buổi đàn hát, các âm thanh của ti, trúc, cách và kim được dùng đến nhiều, và những nhạc khí cũng được thay đổi tùy từng trường hợp, nhiều nhạc khí như kèn trống đám táng không đem dùng trong buổi tế lễ, mặc dầu các bản nhạc không giống nhau.

Trong trường hợp có một bản nhạc hòa nên bởi cả tám nhạc khí, bản nhạc gọi là *bát âm nhĩ nhạc*. Thường phường bát âm xưa chỉ chơi những điệu sẵn có, lưu thủy, ngũ đối, tứ đại, nam ai, nam bình, tấu mã, v.v... rất ít có bản mới.

NHỮNG ĐIỀU KỶ

Người xưa chơi nhạc có sáu điều kị gọi là *lục kị*, những điều kị này đều về thời tiết. Các nhạc cụ là những đồ lúc làm cần tỉ mỉ để giữ cho cung điệu được đúng, sai một chút là lạc âm thanh. Kỹ thuật chế tạo nhạc cụ của ta xưa dù sao cũng chưa hoàn toàn tinh vi, nhất là thân nhiều nhạc cụ đều bằng gỗ hoặc bằng tre, rất dễ chịu ảnh hưởng của thời tiết.

Lục kị của ta là:

- *Kị đại hàn* - Trời lạnh thường làm mọi vật se lại, co lại, và trong lúc đó khí trời cũng khô hanh. Gặp kỳ đại hàn, nước còn đông lại, đàn không thể hay được.
- *Kị đại thử* - Trái với lạnh, gặp nóng vật gì cũng nở ra, và trong lúc đó khí trời như bốc lửa. Đàn gảy lên không phản ảnh đúng được cung bậc của bản đàn, đàn không hay.
Ấy là chưa kể người chịu ảnh hưởng của sức nóng, lúc đàn nắn dây so phím không được như lúc tiết trời mát mẻ, ấm áp.
- *Kị đại phong* - Gió lớn làm rung bầu không khí, những âm thanh phát ra cũng bị rung động theo, đàn trong cơn đại phong cũng không lột hết được ý đàn.
- *Kị đại vũ* - Mưa to, nước đổ như trút, tiếng nước đổ át tiếng đàn, đàn không hay. Đây là chưa nói, không khí có nước làm âm thanh có thể sai lạc và dây đàn cũng chịu ảnh hưởng sự ẩm thấp của khí trời.



- *Kỳ sấm sét* - Khi sấm sét vang trời, đàn không hay, tiếng sấm sét át tiếng đàn.
- *Kỳ đại tuyết* - Khi tuyết phủ đầy đường, đàn không hay. Nước ta không có tuyết, nếu có cũng rất hạn hữu và cũng chỉ có ở các tỉnh biên giới miền Bắc nơi có núi cao.

Sáu điều kỳ trên của các tài tử phương Đông thời xưa, các cụ ta vẫn hằng theo. Xét cho kỹ những điều kỳ đó cũng đúng, nhất là đối với các nhạc khí của người mình chế tạo, tuy có tinh vi nhưng cũng không hoàn toàn thoát khỏi được ảnh hưởng của thời tiết.

Ngày nay với những nhạc khí Tây phương của nền tân nhạc, chế tạo bởi những nguyên liệu chọn lọc qua một kỹ thuật tân kỳ, không hiểu lục kỳ trên có còn chăng? Và các nhạc sĩ cổ điển ngày nay có còn giữ những điều kỳ của người xưa?

NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐÀN

Gặp những khi thời tiết kỳ với tiếng đàn, người ta không đàn, nhưng ngoài những trường hợp đại kỳ nêu trên, cũng còn những trường hợp khác người tao nhã không đàn. Những trường hợp này có bấy và người xưa gọi là *Thất bất đàn*. Bảy trường hợp này hoặc nằm trong khuôn phép xử thế của người lịch sự thanh cao, người chơi đàn thường cố giữ gìn để tránh tiếng chê trách của bậc trí thức thượng lưu, hoặc vì tôn trọng ngón chơi, nâng cao nghệ thuật.

Thất bất đàn là:

1. Tang tóc không đàn,
2. Khi nhạc có chuông trống ồn ào không đàn.
3. Khi tâm trạng bối rối không đàn.
4. Khăn áo không chỉnh tề không đàn.

5. Không xông trầm không đàn.
6. Trong mình không sạch sẽ không đàn.
7. Không gặp tri âm không đàn.

Qua bảy điều trên, người chơi đàn đã có lý do chính đáng để không đàn trong mỗi trường hợp.

Tang tóc không đàn vì sự buồn rầu; chơi đàn là để giải trí, giải trí trong lúc có tang không hợp với đạo đức của phương Đông. Các cụ còn nói *nghe tang không đàn*, tang đây có thể là tang của người khác, như được một tin buồn của người khác, người lịch sự không có quyền vui với đàn địch trong khi người khác đau xót.

Khi nhạc có chuông trống không đàn vì tiếng chuông tiếng trống sẽ át hẳn tiếng đàn, đàn dù có hay mấy cũng không ai biết thưởng thức và chính mình cũng không tự thưởng thức được tài nghệ của mình, lại khi tâm trạng bồi rối, đàn làm sao mà hay được?

Khăn áo không tề chỉnh, trong người không sạch sẽ, không xông trầm không đàn chính vì lý do nâng cao nghệ thuật.

Không gặp tri âm cũng không đàn, vì đàn lên ai là người nghe, ai là người thấu được tâm trạng của mình qua tiếng đàn.

Nhân đây, tôi xin phép nhắc lại sự tích Bá Nha, Tử Kỳ, mặc dầu tích này bạn đọc đều thừa biết, nhưng nhắc lại để chứng tỏ đàn mà có tri âm, người chơi đàn mới thật là mãn nguyện.

SỰ TÍCH BÁ NHA, TỬ KỲ

Bá Nha người nước Tống làm quan đến chức Thượng Đại Phu, chơi đàn rất giỏi, nhưng chưa gặp người hiểu đàn để thưởng thức ngón đàn tuyệt diệu của mình. Một ngày kia ông đi sứ nước Sở về, qua một quãng sông, gặp đêm trăng

trong gió mát, lại thêm cảnh vật nên thơ, ông cho ghé thuyền vào bờ sông Hàm Dương lấy đàn ra gảy. Lúc ấy ở trên bờ sông có Tử Kỳ vừa đón củi về, nghe tiếng đàn dừng lại nghe trộm. Bá Nha đang gảy đàn, đàn bỗng đứt dây. Bá Nha đoán có người nghe trộm tiếng đàn của mình, và ông nghĩ, quãng sông vắng vẻ, rừng núi chập chùng, kẻ nghe trộm đàn ắt không phải thiện nhân. Ông cho quần sĩ lên bờ tìm bắt. Tử Kỳ lên tiếng nói:

- Tôi là người đón củi, qua đây, thấy đại nhân gảy khúc đàn hay nên lắng tai nghe, tôi thật không phải kẻ bất lương.

Bá Nha không tin một gã tiểu phu lại thường thức nổi tiếng đàn của mình, hỏi lại:

- Vừa rồi ta đàn bản gì?

Tử Kỳ đáp ngay:

- Ngài đàn bản Đức Khổng Tử thương tiếc thầy Nhan Hối.

Thấy Tử Kỳ am hiểu tiếng đàn của mình, Bá Nha có lòng trọng, mời xuống thuyền, rồi lên dây gảy một bản đàn khác. Trong lúc đàn, Bá Nha nghĩ đến non cao, Tử Kỳ khen hay và nói:

- Tiếng đàn cao vút, chí của Ngài vời vọi ở chốn non cao.

Bá Nha lại đàn một bản khác, tâm trí nghĩ đến dòng nước chảy, Tử Kỳ lại khen hay:

- Chí của Ngài cuộn cuộn như dòng nước chảy.

Thấy Tử Kỳ biết thưởng thức ngón đàn của mình, Bá Nha nhận thấy thật là tri âm và quý mến lắm. Hai người cùng nhau đàm đạo về đàn, về nhạc thân mật và tương đắc.

Bá Nha muốn mời Tử Kỳ cùng về kinh đô nước Tống với mình để cùng chung hưởng sang giàu, nhưng Tử Kỳ từ chối vì còn cha mẹ già phải phụng dưỡng, không thể bỏ cha mẹ ra đi, trái đạo làm con.

Hai người hẹn nhau đến năm sau cùng hội ngộ ở nơi này.

Năm sau, y hẹn, Bá Nha xin phép vua Tống trở về thăm



nhà, đi qua chỗ cũ đem đàn ra gảy. Đàn gảy lên, Bá Nha không thấy Tử Kỳ, tiếng đàn lại nghe như sầu não oán than. Bá Nha nghi hoặc, tìm đến nhà Tử Kỳ, hỏi ra mới biết Tử Kỳ đã chết. Bá Nha buồn rầu thương tiếc, xin đến mã để thăm người bạn tri âm lân chót.

Đến mộ Tử Kỳ, Bá Nha đem đàn ra gảy một bản đàn ai điều nghe bi thảm não ruột sau khi đã bày đồ lễ trước nơi an nghỉ cuối cùng của người tri kỷ. Bá Nha khóc than thảm thiết và khi đàn xong. Bá Nha đập vỡ đàn, thề trọn đời không đàn nữa, vì người duy nhất biết thưởng thức đàn của mình là Tử Kỳ đã chết.

Qua sự tích trên, phải nhận rằng, chơi đàn đã là một cái thú, gặp người biết thưởng thức ngón đàn của mình lại càng thú hơn.

BÁT TUYỆT

Đàn hay, khách chơi đàn cần phải có tri âm và khi đã đạt tới mức của Bá Nha, ngón đàn thật là tuyệt diệu.

Theo người xưa, cái tuyệt trong đàn có tám điều gọi là *Bát tuyệt*, và tám điều này, đạt được thực ra rất hiếm người.

Bát tuyệt là:

- *Thanh*: Đàn hay, người chơi đàn khiến được tiếng đàn. Gặp cây đàn tiếng đục, lúc chơi tiếng cũng hóa trong.

- *Kỳ*: Đàn hay thật là kỳ ảo, biến hóa vô cùng trong đục rõ rệt và nghĩ tới đâu, tiếng đàn như theo tới đó, như khi Bá Nha đàn cho Tử Kỳ nghe, lúc lên non cao, lúc theo dòng nước.

- *U*: Tâm hồn người chơi đàn nằm trong tiếng đàn nếu có chuyện gì u trầm, trong tiếng đàn có thể hiện ra. Sách xưa ghi lại truyện Đức Khổng Tử đánh đàn. Lúc Ngài đang đàn, có thầy Tăng Tử và thầy Tử Cống đứng bên cửa nghe. Khi



Ngài đàn xong, thầy Tăng Tử nói rằng: “Trong tiếng đàn dường như có tham ý, sao mà bất nhân thế!”

Thầy Tử Cống nhắc lại lời thầy Tăng Tử với đức Khổng Tử. Ngài bảo rằng:

- *Sâm* (tên húy của thầy Tăng Tử) thật là người hiền trong thiên hạ, đã quen thâm âm rồi. Khi ta đang đàn có một con chuột chạy ra, con mèo thấy, mắt lăm le, chân nhè nhẹ rình bắt con chuột, ta muốn cho bắt được, điều muốn của ta đã hiện trong tiếng đàn.

- *Nhã*: tiếng đàn vui vẻ mà hòa nhã, không hấp tấp, lụp chụp.

- *Bi*: Trong tâm có điều gì bất như ý, tiếng đàn nghe sâu nào ai oán.

- *Tráng*: Gặp việc đặc ý, tiếng đàn nghe mạnh mẽ hùng hào.

- *Du*: Ý người đánh đàn ở non cao hay vực thẳm tiếng đàn biểu hiện được nơi đó hoặc cao xa hoặc thăm thẳm.

- *Trường*: Ý người đánh đàn tại chỗ sâu xa, tiếng đàn nghe dài đặc, cuốn cuộn như dòng nước.

Chơi đàn đạt được bát tuyệt, ngón đàn thật là tinh vi, và người sành đàn được thưởng thức tài nghệ tuyệt diệu này cũng lấy làm thú vị.

NHẠC KHÍ



Chơi nhạc, người sử dụng nhạc khí này, người sành nhạc khí khác, mỗi cây đàn, cây sáo, cây nhị, âm thanh mỗi khác. Tình cảm của người chơi nhạc biểu lộ qua cung đàn, điệu sáo, nhưng mỗi ngón đàn nhạc lại nói lên một cách tâm hồn của người chơi cũng như lại diễn tả một tính tình khác nhau? Có tiếng đàn gảy nên những khúc hùng tráng mạnh mẽ, có tiếng đàn tạo nên những điệu êm đềm mơ mộng nhẹ nhàng. Có người chỉ giỏi về một cây đàn, có người tài nghệ có thể diễn hiện¹ trên đời ba nhạc khí.

Nhạc khí của ta rất nhiều từ đàn đến sáo, từ sáo đến nhị, - ở đây tôi không nói tới những loại thanh la, náo bát, chuông, trống, chiêng, khánh, thường chỉ được sử dụng trong những cuộc tế lễ.

Dưới đây xin nói qua về mấy nhạc khí chính tôi được biết hoặc qua các sách vở hoặc được thấy bạn bè đã từng dùng trong những buổi hòa nhạc.

1 diễn tả và thực hiện (biểu diễn) thực tế.

CÁC LOẠI ĐÀN

Ta chơi nhiều loại đàn, có thứ hoàn toàn Việt Nam, có thứ do nước ngoài du nhập vào.

■ **Đàn bầu** - Cây đàn hoàn toàn Việt Nam, nặng tính chất Việt Nam nhất phải kể là cây đàn bầu. Đàn bầu được chế hóa một cách hết sức giản dị, và chỉ có một dây, do đó đàn còn có tên là độc huyền cầm.

Dây đàn căng thẳng trên trống đàn, một đầu dây buộc chặt vào trống đàn, còn một đầu buộc vào cây trụ bằng tre. Cây trụ dùng để nhấn âm thanh khi nhạc sĩ gảy đàn. Đàn không ngựa, không phím, và trên mặt trống đàn chỉ có ba vạch trắng, chia đàn làm bốn cung thay vì năm cung như các đàn khác. Các nhạc sĩ thành thạo, không cần đến các vạch trắng, họ đã hiểu cung nào ở chỗ nào.

Trống đàn làm bằng một thứ gỗ đục rỗng thường cỡ 1m20 (dài), 0m12 (cao), 0m16 (rộng).

Tuy đàn chỉ có bốn cung, nhưng mỗi cung có thể tạo ra rất nhiều âm thanh và tiếng đàn nghe tha thiết buồn buồn, một thứ buồn êm ái quyến rũ, đôi khi đến nỗi nùng để thấm lặn vào tâm hồn con người.

Người xưa cho những bản nhạc của đàn bầu là tục nhạc, là dâm thanh vì tiếng nhạc dễ gợi u hoài và tạo niềm sầu cảm.

Ca dao có câu:

Làm thân con gái chớ nghe đàn bầu.

Đàn bà con gái bị cấm nghe đàn bầu chính vì sức quyến rũ của những bản đàn.

Những lúc đêm khuya thanh vắng, tiếng đàn như rót vào tâm hồn con người và có một sức kêu gọi mãnh liệt, người có tâm sự buồn nghe đàn càng buồn thấm thía, trách chi những thiếu phụ, nữ lang sống cô độc trong khuê phòng làm



sao tránh khỏi ảnh hưởng của âm thanh sâu man mác và đầy quyến rũ.

Nhớ lại hồi nhỏ tôi đã được nghe một tay đàn bầu, vừa đàn vừa ca bài *Tiến chân anh Khóa* của Á Nam. Nhạc sĩ đã khéo diễn tả cái cảnh chia ly trên cung bậc với những tiếng đàn nỉ non thán thốt, người nghe như có cảm tưởng đang sống trong một cảnh chia ly.

*Anh Khóa ơi! Em tiến chân anh đến tận bến tàu,
Hai tay em đỡ cái khăn trâu em lấy đưa anh.
Tay cầm trâu giọt lệ chạy quanh,
Anh xơi một miếng cho bỏ chút tình em nhớ thương.
Anh Khóa ơi! Cái bước công danh ngoắt ngoéo đủ
trăm đường,
Anh đi một bước tấm gan vàng em xé làm hai.
Kìa người ta bè bạn vui cười,
Hai anh em ta thương nhớ chỉ ngậm ngùi mà đứng
thương nhau!*

Bài hát của nhà thơ đã đi sâu vào tâm khảm người nghe lại thêm tiếng đàn rấm rứt như than vãn nào nề, ôi buồn sao buồn vậy!

Đàn bầu để nằm và người chơi ngồi thẳng, một tay gảy, một tay cầm cây trụ để điều khiển âm thanh.

Đàn bầu thường chỉ độc tấu, vì đàn rất khó hòa âm với các đàn khác. Chính vì tiếng đàn độc tấu nên nghe càng như rên rĩ nỉ non, và do đó sức khêu gợi, quyến rũ càng mạnh.

Khách tài hoa nhiều người chơi đàn bầu, nhưng đặc biệt xẩm chợ thường dùng đàn này để xướng ca làm kế độ nhật.

■ **Nhị hay đàn cò** - Nhị cũng là một nhạc khí hoàn toàn Việt Nam, và được gọi là đàn cò ở miền Nam. Gọi là đàn, nhưng khi chơi nhị, tài tử không phải gảy vào dây hay đánh vào thỏi



ở trên như các loại đàn khác, mà dùng mã vĩ cọ sát vào hai dây nhị. Nhị hơi giống vĩ cầm của Tây phương, và sự phát thanh của nhị cũng như của vĩ cầm.

Nhị còn có tên là hồ cầm. Nhị có bốn phần: thùng, cần, ngựa và dây.

Thùng nhị làm bằng một khối gỗ đục rỗng và được bịt bằng một miếng da trâu ở trên mặt. Một con ngựa được gắn trên trống thùng, để căng hai dây qua.

Cần nhị dài chừng nửa thước và cắm chặt vào thùng. Hai dây nhị được buộc từ đầu cần xuống tới ngựa, những dây này ăn vào hai trục để lên dây, và luồn qua một cái khuyết ở giữa cần, khuyết là một vòng đồng.

Như trên đã trình bày, chơi nhị, phải dùng mã vĩ cọ sát vào dây nhị. Mã vĩ làm bằng đuôi ngựa hoặc bằng tóc buộc vào một cung tre, dây mã vĩ được đặt vào giữa khe của hai dây nhị. Khi chơi nhị, cầm chiếc cung tre kéo mã vĩ. Sự cọ sát giữa mã vĩ và dây nhị tạo nên âm thanh và âm thanh được rung mạnh trên một mảnh cây tùng hương.

Chơi nhị gọi là kéo nhị. Những nghệ sĩ tài hoa khi kéo nhị, tiếng nhị nghe êm ái hòa với các tiếng đàn khác. Những người mới tập, khi kéo nhị, âm thanh phát ra như xé vào tai với những tiếng the thé chói chói.

■ **Đàn cầm** - Cầm là một loại đàn cổ từ Trung Hoa truyền sang ta. Theo sách cổ để lại thì đàn do vua Phục Hy sáng chế ra đầu tiên. Sách kể lại rằng: “Xưa vua Phục Hy thấy chim phượng hoàng đậu trên cây ngô đồng, ngài cho cây ngô đồng là loại cây quý nhất, nên ngài sai đốn ngã cây ngô đồng xuống cửa làm ba khúc, và gõ thử từng khúc một: khúc ngọn tiếng quá trong, khúc gốc tiếng quá đục, chỉ có khúc giữa đủ tiếng nặng nhẹ đục trong. Nhà vua đem ngâm khúc giữa này ở dòng nước chảy 72 ngày rồi sai người thợ khéo là Lưu

Từ Kỳ đào ra làm thành đàn đặt tên là *Điệu Cẩm*. Đàn dài ba thước sáu phân, trước rộng tám tấc, sau hẹp bốn tấc, trục ngọc, phím vàng. Đàn có 13 phím, 5 dây.

Về sau, Bá Ấp Khảo con vua Văn Vương nhà Chu thêm một dây, đến đời vua Võ Vương lại thêm một dây nữa. Bảy dây của đàn cẩm mang tên: cung, thương, giốc, thủy, vũ, vãn, vô.

Qua những dòng trên, lúc đầu đàn cẩm chỉ có bảy dây nhưng về sau các nhà sành nhạc thêm bớt đặt ra đàn này đàn khác từ một tới chín dây: Nhất huyền cẩm, tam huyền cẩm, ngũ huyền cẩm, v.v...

Chơi đàn cẩm có nhiều bài, và danh tiếng nhất là khúc *Phụng cầu hoàng*.

Sở sách chép lại, những tay chơi đàn cẩm hay thừa xưa là Bá Ấp Khảo, Bá Nha, Tử Mã Tương Như, v.v...

Theo ông Thạc Nhân trong *Xã hội Nguyệt san* số 6 xuất bản tháng 4 năm 1966, đàn cẩm là đàn nguyệt cẩm, còn gọi là đàn kim, tương tự như đàn mandoline của Tây phương. Đàn nguyệt cẩm này khác hẳn đàn cẩm của vua Phục Hy.¹

■ **Đàn sắt** - Cẩm sắt thường đi đôi với nhau, cả hai đều dùng dây tơ. Theo sách cũ chép lại thì đàn sắt nguyên của Bào Hi Thị sáng chế ra, dài bảy thước hai tấc, hai mươi lăm dây.

Ông Thạc Nhân trong bài dẫn trên có đề cập tới *Dương Cẩm sắt* và ông viết:

“Dương cẩm sắt là một thứ cổ nhạc khí của “đồng bào người Việt gốc Miên. Đàn được cấu tạo bởi những thanh sắt đẹp, đặt khít nhau trên một cái đàn bán cung, theo thứ tự âm thanh từ thấp lên cao. Mỗi thanh sắt là một âm. Người chơi đàn luôn luôn ngồi thẳng hai tay cầm hai thanh gỗ có mấu đánh cùng một lần xuống những thanh sắt. Do đó mỗi lần gõ đều có một hợp âm bởi hai thanh. Đặc biệt sự chế biến

1 Thạc Nhân - *Xã hội Việt Nam với vấn đề Lễ Nhạc*.

âm thanh cho dương cầm sắt này là người ta đục rỗng ở dưới thanh sắt nhiều ít tùy theo mỗi âm thanh...”.

■ **Đàn tranh** - Đàn tranh bằng gỗ đục rỗng lòng máng, có 16 dây, 16 dây này tùy theo nhu cầu của âm thanh, căng chùng, dài ngắn khác nhau và tất cả đều bằng đồng. Những dây này máng trên những ngựa gắn vào khoảng giữa thùng đàn. Người chơi đàn phải ngồi thẳng, dùng đầu ngón tay phải có móc những móc sắt và gảy, giống như người chơi hạ uy cầm; tay trái nhấn trên các sợi dây để lựa âm thanh.

Theo sách xưa để lại, đàn tranh dài sáu thước, mười hai dây, cao ba tấc.

■ **Đàn tỳ bà** - Đàn tỳ bà có bốn dây, gồm một thùng đàn trông tựa tựa như thùng đàn mandoline nhưng nhỏ hơn. Đàn có 14 phím gắn trên thùng từ gần lưng chừng thùng đến hết cần đàn, mỗi phím là một âm thanh. Âm thanh dài ngắn tùy theo tay nhấn vào phím. Chơi đàn, nhạc công phải ôm đàn vào lòng, tương tự như chơi mandoline ngày nay. Âm thanh được tạo ra bởi tay gảy vào dây, dây rung lên.

Người xưa cho đàn tỳ bà nguyên người Hồ làm ra, do đó còn mang tên là *hồ cầm*. Người Hồ khi đi ngựa thường chơi đàn này, lấy tay nẩy ngược lên kêu là *tỳ*, nẩy xuôi xuống kêu là *bà*, đàn được đặt tên là tỳ bà vì vậy. Đàn Tỳ bà được người xưa trở gỗ ngò đồng ra mà làm, bụng như rùa, cổ như phụng.

Từ đời nhà Nguyên tới nay, đàn tỳ bà làm bằng gỗ, đầu công, cổ dài, có bốn trục vịn bốn dây, ở giữa có 14 phím.

■ **Dương cầm** - Đàn còn mang tên là *đá cầm* hình như trái cật, dài 1 thước 5 tấc, bề ngang một thước,¹ có 42 dây đồng, chia làm 4 bậc, mỗi bậc 3 dây.

¹ Thước tấc đây là thước tấc của ta thời xưa.



Khi chơi đàn, để đàn trước mặt dùng hai thanh tre có mấu mà đánh, do đó gọi là *đá cầm*.

Đàn này mới có từ đời nhà Thanh.

Tại Việt Nam còn có *dương cầm sắt* đã nói ở trên, *dương cầm gỗ* cũng giống như dương cầm sắt chỉ khác ở chỗ những thanh sắt đục rỗng được thay thế bằng những thanh gỗ cứng, dày mỏng tùy theo nhu cầu của mỗi âm thanh, *dương cầm tre* với những thanh tre thay những thanh sắt. Ngoài ra lại còn *dương cầm đồng* trình bày và cấu tạo cũng gần như các dương cầm trên, nhưng “có điểm đặc biệt là thay vì những thanh sắt hay gỗ, người ta làm những chiếc chiêng đồng nhỏ, dày mỏng cũng tùy theo nhu cầu của mỗi âm thanh. Lối chơi cũng như các dương cầm trên”.¹

• **Đàn nhật** - Đàn này, ngoài Bắc Việt còn gọi là *đàn tứ* vì có bốn dây. Thùng đàn hình tròn như mặt trời, cần dài 7 tấc, mặt thùng rộng 8 tấc. Đàn có 10 phím, 4 dây, 2 dây chập một.

• **Đàn nguyệt** - Đàn nguyệt hình mặt trăng, còn được gọi là nguyệt cầm. Ông Thạc Nhân đã nhầm đàn này với đàn cầm.

Đàn này thùng rộng tám tấc rưỡi, dày một tấc rưỡi, hoàn toàn kín, cần dài 1 thước 7 tấc, 8 phím, 4 dây, hai dây chập một như đàn nhật. Người sử dụng đàn có tài chỉ cần 2 dây. Mỗi phím có thể có 4 âm thanh tùy theo tay rung mạnh hay yếu trên dây, nhờ đó đàn có những biến âm rất êm tai và quyến rũ.

• **Đàn tam** - Tên đàn do ba dây của đàn. Đàn giống như đàn nguyệt nhưng bé hơn. Thùng cũng bằng gỗ, rộng năm tấc, dày hai tấc, hai bên bịt bằng da trâu thay vì bằng gỗ mỏng như đàn nhật và đàn nguyệt. Cần đàn dài một thước năm tấc, có

¹ Thạc Nhân - Tài liệu đã dẫn.

ba trục để nín ba dây; giữa mặt đàn có con ngựa, dây căng qua, và dây cũng lượn qua một chiếc khuyết ở giữa cần như dây nhị, chiếc khuyết này bằng ngà hay bằng xương có xoi ba lỗ cho ba dây. Khi chơi đàn, nhạc sĩ ngồi xếp bằng, kê đàn trên đầu gối chân mặt, tay trái ôm cần mà nhấn trên dây, tay mặt cầm một miếng ngà dài chừng hai tấc, rộng chừng tám phân hoặc miếng đồi mồi mà gảy.

■ **Đàn cầm nam** - Đây là một cây đàn đặc biệt, có thể ăn theo với mọi điệu hát cung cao và cũng là một cây đàn hoàn toàn Việt Nam. Theo tài liệu của cụ Hoàng Yến trong *Cầm học tâm nguyên* đăng trong *Nam Phong tạp chí* số 47, tháng 5-1921, thì đàn này do Luàn Quốc Công, tên húy là Dục đặt ra. “Ngài là một tay rất mực phong lưu, tính thông nhả nhạc; phàm điệu hát, câu hò, khúc lý, về tay ngài sửa sang lại, phàn nhiều ngài thấy điệu hát mình cung cao lắm, đờn xưa ít ăn theo, ngài mời hiệp cả cầm, sắt, tỷ bà lại một, chế ra một cây đàn mới, kêu tên là *nam cầm*. Đờn này thùng dầy, hình như quạt lá vả, cần dài 3 thước, tám dây. Nam Bắc truyền bá ai cũng cho là hay”.

■ **Đàn đáy** - Đàn đáy còn được gọi là *đàn nhà trò*, vì được dùng nơi cầm ca, do các kép gảy khi ca nhi hát ả đào. Đàn mặt sau khoét rỗng, nên còn được gọi là *vô đế cầm*. Đàn thùng vuông, cần dài ba thước và cũng có ba dây, căng từ cuối thùng đàn lên đầu cần đàn, nơi có ba chiếc trục để vịn ba chiếc dây, hình thức gần như đàn cầm nam. Có người cho rằng đàn đáy chính là biến thân của đàn cầm nam mà hình dáng được sửa đổi lại.

Đàn đáy gảy theo điệu hát của các ca nhi, cao thấp mau chậm, nhịp khoan tùy theo điệu hát, thật là hay. Ngày xưa, người Nghệ An chơi đàn đáy rất tuyệt diệu, được tiếng khắp



trong nước, và trong các tài tử có Cửu Đạm đàn thật cao nên ngày nay nhắc tới, những người quán ở tỉnh này còn nhớ.

Tương truyền rằng đàn đáy do ông Lý Thiết Quài, một vị trong bát tiên sáng chế ra: Xưa có hai vợ chồng nhà đốt than ăn ở rất nhân từ mà vẫn nghèo, cho đến một hôm được một ông già cho một cây đàn và bảo hai vợ chồng tập đàn ca sẽ giàu có.

Hai vợ chồng mang đàn về nhưng không biết đàn, lại tìm đến ông già ấy dạy cho hàng ngày cho tới khi biết sử dụng đàn. Vừa hay lúc ấy gặp ngày lễ Vạn thọ vua Hán Vũ Đế. Hai vợ chồng đến đàn hát.

Bày tời vua Vũ Đế có ông Đông Phương Sóc, nghe tiếng đàn thấy điệu quen, đã từng được nghe. Hỏi thì hai vợ chồng nhà này nói rõ đầu đuôi và tả hình dạng ông già. Đông Phương Sóc lúc đó mới nhớ lại là bản đàn của Lý Thiết Quài gảy ở cung tiên. Do sự tích trên mà sau này lại các làng có nghề nhà trò, khi cúng tế, thường tế vua Hán Vũ Đế, ông Đông Phương Sóc và ông Lý Thiết Quài, như ở làng Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh vậy.

*

Trên đây là mấy loại đàn được ta thường dùng ngày trước, và cho tới ngày nay cũng không có mấy thay đổi đối với cổ nhạc.

Nói cho đúng, đàn không thay đổi, không có nhạc cụ mới - tôi không nói tới những cây đàn Tây phương - mà cả đến bản đàn cũng rất ít bản đàn mới. Nhạc độ ở nước ta xưa thấp kém lắm, các bản nhạc phần nhiều chịu ảnh hưởng của Trung Hoa và Chiêm Thành, ngoại trừ những bản hòa với dân ca đây màu sắc dân tộc.

Các nhà chơi đàn của ta xưa, trong các cây đàn nêu trên, thường lấy năm cây đàn làm ngũ điệu: đàn tranh, đàn nguyệt,



đàn tỳ bà, nhị và đàn tam. Các tài tử phong lưu xuất sắc thường biết chơi cả năm cây đàn trên.

CÁC LOẠI SÁO

Đàn nhị thường đi với sáo. Trong một phường bát âm không thể không có sáo được. Tiếng sáo hòa với tiếng đàn khiến khúc nhạc càng êm ái và càng diễn tả rõ cái hay của bản đàn. Tiếng sáo bao giờ cũng thanh nhã. Tiếng sáo tạo nên do không khí chịu hơi thổi mà ra.

Sáo cũng có nhiều loại với nhiều tên khác nhau, có thứ thổi ngang, có thứ thổi dọc. Dưới đây là mấy loại sáo đã được cụ Hoàng Yến nhắc tới trong *Cầm Học tâm nguyên*.

- **Hoàng** - Hoàng là một ống sáo có cái lưới gà, khi thổi tiếng phát ra do cái lưới gà, và âm thanh trầm bổng tùy theo các lỗ sáo.

- **Tiêu** - Tiêu bằng trúc có sáu lỗ, năm lỗ ở mặt trước và một lỗ ở sau.

Tục văn hiến thông khảo nói rằng ống tiêu được chế ra từ đời nhà Minh, dài một thước chín tấc năm phân, tròn ba tấc, đầu ống khoét một lỗ gọi là sơn khẩu.

Ống tiêu ta hiện thời bây giờ hình thức cũng vậy nhưng nhỏ và ngắn hơn.

- **Địch** - Địch có bảy lỗ tức là ống sáo ta thổi bây giờ.

- **Quản** - Nhạc khí này ta thường gọi lầm là địch. *Quản* chế ra từ đời nhà Đường có bảy lỗ, được gọi là *thất tình quản*, lại có một lỗ ở bên cạnh, lỗ này thường được dán lại bằng lụa ruột cây tre để cho tiếng reo lên, là *trợ thanh*. Ngày nay khi thổi sáo, ta thường lột lụa mo cau hoặc lụa củ hành mà dán lỗ này.

- **Tri** - Tri giống như ống địch có đáy, thổi ngang, sáu lỗ.
- **Huân** - Đây chính là cái còi bằng đất có hai lỗ, một lỗ thổi hơi vào, một lỗ là lối hơi thoát ra tạo nên tiếng còi.
Cái *huân* người xưa làm bằng đất to, như trứng gà, tròn năm tấc rưỡi, dài ba tấc, sáu lỗ.
- **Kèn**. Kèn cũng là một nhạc khí mà âm thanh tạo nên do hơi thổi làm chuyển động không khí trong kèn. Kèn thường như một ống loa, trên thân kèn có những lỗ, số lỗ nhiều ít theo nhu cầu của âm thanh, mỗi lỗ có hai âm thanh cao và trầm.
Miệng kèn nhỏ như một tổ sâu, có cái lưỡi gà để tạo âm thanh. Kèn phải thổi dọc.
- Xưa kèn chỉ thường được dùng trong việc tế lễ, nhất là tang lễ. Tang lễ có một loại kèn riêng gọi là kèn đám ma, thổi lên kêu *tò te tí te*, tiếng thật là buồn, nhất là đêm hôm, khi con cháu khóc người chết có đệm tiếng kèn thật là ảo não.
- **Sinh tiền**. Đây cũng là một nhạc khí Việt Nam làm bằng hai thanh gỗ gắn vào nhau, trên mỗi thanh gỗ có lồng những đồng tiền đồng, do đó tên là *sinh tiền*. Nhạc sĩ sử dụng sinh tiền đập mạnh, tiếng những đồng tiền chạm vào nhau vang lên để tăng nhịp điệu cho bản nhạc được hòa âm bởi các nhạc khí khác. Các thanh niên chơi sinh tiền trong phường bát âm thường có những điệu bộ như điệu múa, và đôi mắt đưa theo những đồng tiền lên xuống và chạm vào nhau trông thật khả ái.
- **Phách**. *Phách* làm bằng hai thanh tre dùng để đánh vào nhau theo nhịp đàn và làm nhịp cho câu hát. Các ả đào khi hát thường đánh phách.
- **Bát**. Đây chính là chiếc bát lớn dùng để gõ nhịp khi có ca hát đàn địch.

■ **Trống.** Trong các buổi tế lễ thường có tiếng trống và trống dùng trong những dịp này thường là thứ trống to.

Trống có nhiều loại, mỗi loại được dùng một cách riêng, có loại dùng một dùi trống, có loại dùng hai dùi trống, và có loại chủ cần bàn tay vỗ vào mặt trống la phát ra âm thanh.

Trống bao giờ cũng hình ống có khi hai đầu và giữa bằng nhau, có khi ở giữa khum khum hai đầu nhỏ hơn. Trống có hai phần:

Thành trống - thường bằng gỗ - đây là tôi nói riêng về trống Việt Nam - những trống phương Tây ngày nay du nhập vào nước ta, thành bằng kim khí. Thành trống thường rỗng giữa.

Mặt trống - Ở hai đầu thành trống, được bịt bằng da, ta thường dùng da trâu. Hai đầu bịt này là hai mặt trống.

Đánh trống phải có dùi, dùi to nhỏ tùy theo loại trống.

• *Trống cái* - Đây là loại trống đại, thường đình làng nào cũng có. Trống này bề cao có khi tới hai thước và mặt trống có khi rộng tới một thước. Trống dùng để điểm vào trong các cuộc tế lễ, cùng đi với tiếng chiêng.

Trong những đám rước, trống cái phải có hai người khiêng và một người thứ ba đánh trống.

Những khi làng có hát thờ thần, thường có một vị chức sắc ngồi *cầm chầu* đánh trống, mỗi khi có điều gì đáng khen lại đánh một tiếng trống.

Trong đám tang cũng có khi có trống cái, trống đánh nhát gùng tiếng một dẫn đầu cho đám tang.

• *Trống com* - Trống com là một loại trống hoàn toàn Việt Nam, mình dài và nhỏ, khi đánh trống không dùng đến dùi mà dùng hai bàn tay vỗ vào hai mặt trống. Trên hai mặt trống, lúc chơi thường có hai nắm com nếp nhỏ, có lẽ do hai nắm com nếp này mà trống được mang tên là trống com.



Cũng có nơi “như làng Đình Bảng, làng Phù Đổng, tỉnh Bắc Ninh chẳng hạn, nhạc công lại không bao giờ đánh cơm nếp lên mặt trống, họ chỉ để nguyên da trống như vậy trong lúc biểu diễn mà thôi”.¹

Trống cơm được coi là một nhạc cụ cần thiết trong các phường nhạc bình dân. Từ những bản nhạc dạo hành khi rước thần hoặc đưa ma đến những đám hát chèo ta đều nghe có tiếng trống cơm, và bao giờ tiếng trống cơm cũng giữ nhịp cho điệu nhạc.

Tiếng trống cơm nghe cũng đặc biệt, *bùng bập bùng*, không trong lanh lảnh và cũng không trầm như chìm xuống. Tiết điệu trống cơm thật là phong phú và cách biểu diễn tiết tấu cũng rất tài tình. Tiếng trống cơm với tất cả những âm thanh trầm bổng như nặng hồn dân tộc bên trong.

• *Trống bùng* - Có ai đã dự một cuộc thi vật ở các hội quê miền Bắc chưa? Và có ai đã dự một buổi đánh cờ bời hoặc đánh cờ người trên sân khấu chưa? Đã dự những cuộc này, ắt phải để ý tới một người cầm một chiếc trống nhỏ có cán đi sát các đầu thủ gỡ lên những tiếng *tong tong tong* để khuyến khích các đô vật hoặc thúc giục các kỳ thủ khi cuộc vật đi vào lúc gay cấn hoặc khi các kỳ thủ đang nghỉ nước cờ. Tiếng trống thúc giục này đánh trên *trống bùng*. Có lẽ gọi như vậy vì người sử dụng phải bùng chiếc trống trên tay, mặc dầu bùng đây không đúng hẳn nghĩa, vì trống được cầm bằng một chiếc cán ở tay trái, còn tay phải cầm dùi trống đánh vào mặt trống.

Trong các buổi cúng lễ của các pháp sư đạo Lão, ngoài tiếng tâu, tiếng cảnh cũng có tiếng trống bùng. Trống bùng còn được gọi là *trống khấu*.

1 Nguyễn Tiến Chiêu - Trống cơm - *Bách khoa* số 67, ngày 15-10-1959.



• *Trống ếch* - Đây là một thứ trống của trẻ em chơi. Ở nhà quê, khi ăn thịt ếch người ta lột da, và có người dùng da ếch bịt lên một ống tre, một khúc gỗ nhỏ khoét rỗng, phơi khô cho trẻ em chơi làm trống gọi là *trống ếch*. Danh từ trống ếch về sau được dùng để chỉ loại trống nhỏ, mặt cũng bịt bằng da trâu, dùng cho các trẻ em chơi trong những khi chơi tế lễ rước xách, nhất là khi có mùa sư tử vào dịp Trung thu ở miền Bắc...

• *Trống bân* - Những phường nhạc đám tang có một loại trống riêng thành rất thấp độ hai tấc rưỡi ta, nhưng mặt lại rất rộng, đường kính trên tám tấc. Tiếng trống nghe trầm và rất ăn với tiếng kèn. Trống này gọi là *trống bân*, và nôm na hơn người ta gọi là trống đám ma.

Trống bân cũng như *trống com*, khi sử dụng nhạc công phải dùng dây đeo qua vai và để trống phía trước mặt và đánh trống có hai dùi.

• *Trống ngũ bộ* - Trống này giống như chiếc trống cái nhưng khuôn khổ nhỏ hơn, thành trống cao độ nửa thước, và mặt trống đường kính bằng hai phần ba thành trống.

Không hiểu tại sao lại gọi là trống ngũ bộ? Phải chăng trống này hòa cùng với tiếng náo bạt đánh lên nhịp năm, như phường trống ở làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh. Phường trống này thường gồm bốn người, hai người đánh trống và hai người chơi *náo bạt*, mà người dân quê quen gọi là *chũm chọe*, vì náo bạt gồm hai mảnh bằng đồng hình tròn có núm, khi chơi đem hai mặt đánh vào nhau.

Trong những cuộc tế lễ hay rước xách ở làng Thị Cầu ngoài phường bát âm, có thêm phường trống này. Tiếng trống nghe dịp (nhịp) năm *tung tung cắc tung tung*, hòa với tiếng chũm chọe ăn theo thành những tiếng *dịch dinh dinh chọe*.

Nhạc công chơi trống cũng dùng quai, nhưng lại đeo thừng ngang vai, để trống ở mé cạnh sườn. Đánh trống cũng phải dùng hai dùi.

Tại các nhà cô đầu, trống dùng để đánh chầu đệm theo câu hát, điệu đàn, tiếng phách là loại trống hình thẽ giống trống ngũ bộ, chỉ khác khi đánh trống, quan viên thường bịt mặt trống để tiếng trống nghe *tom tom* thay vì *tung tung*.

Ngoài mấy loại trống kể trên, còn nhiều trống khác như trống bỏi, trống thầy cù, v.v...

41

Đàn, nhị, sáo, sênh phách, kèn, trống là những nhạc khí chính, thường ai cũng rõ, nhưng còn nhiều nhạc khí khác chỉ những người sử dụng mới hiểu như *tíu*, *cảnh*, *lệnh*, *mở*, *cồng*, *khánh*, v.v...

Tíu là một nhạc khí bằng đồng hình như cái bát, các thầy cúng thường đánh với cảnh tiếng nghe *cheng cheng*.

Cảnh cũng là một nhạc khí bằng đồng, gõ lên tiếng kêu cũng *cheng cheng*. Cảnh hình tròn vòng trong nổi cao hơn vòng ngoài. Khi sử dụng thầy cúng dùng một chiếc dùi nhỏ gõ vào nơi vòng trong. Ở vòng ngoài, tức là vành cảnh có ba lỗ xỏ dây để mắc vào một chiếc khung tròn bằng sắt hoặc bằng đồng, chiếc khung này có cán. Lúc gõ cảnh, thầy cúng gõ thành những tiếng *chập cheng*, muốn tạo nên tiếng *chập*, thầy đưa tay giữ lấy chiếc cảnh. Tiếng cảnh hòa với tiếng *ê a* đọc kinh hoặc đọc sớ của thầy cúng.

Lệnh là một nhạc khí bằng đồng dày vào khoảng 5 ly ngày nay, hình tròn đường kính độ 20 phân tây, khi gõ lên, tiếng kêu *heng heng*. Lệnh thường được dùng tại các làng quê để triệu tập những phiên họp của quan viên tại đình làng. Lệnh có một lỗ ở mép để xỏ dây vào, người đánh lệnh xách lệnh lên bằng dây này và gõ vào bằng một chiếc dùi.

Mỗ bằng gỗ hoặc bằng gốc tre, tạo nên những tiếng *cốc cốc*.

Cồng bằng đồng, hình tròn, ở giữa có núm tròn lồi lên, người ta dùng dùi đánh vào núm tròn này, vang lên những tiếng *boong boong*. Chung quanh công có vành cao độ ba bốn phân tây, hoặc ít nhiều hơn tùy theo công to hay nhỏ.

Khánh bằng đá hoặc bằng sành, gõ vào phát ra những tiếng *coong coong*.

Còn nhiều nhạc khí mà rất tiếc với kiến thức nông hẹp, người viết không đủ hiểu để diễn tả, hoặc không biết để nói tới được.



NHẠC Ở VIỆT NAM



Đã nói về cảm với các nhạc khí, chúng tôi thấy cũng nên nhắc qua tới các loại nhạc ở Việt Nam - ở đây chúng tôi xin phép chỉ nói tới cổ nhạc.

Theo những nhạc khí, theo hoàn cảnh xã hội và qua sự trình bày của các phường nhạc, nhạc Việt Nam có thể chia làm hai loại: nhạc lễ và nhạc tiêu khiển.

NHẠC LỄ

Nhạc là một cái gì màu nhiệm thiêng liêng và người xưa cho rằng chỉ những thiên tài mới chế được ca nhạc, và do đó phương Đông chúng ta lại quan niệm rằng *nhạc là sự điều hòa giữa trời đất và nhạc hay cùng hòa chung với trời đất.*

Nhạc lại có thể cảm lòng người và thay đổi được phong tục. Lễ nghi không có nhạc thiếu vẻ trang nghiêm, và để giữ gìn mỹ tục, để bảo tồn lễ nghi, người xưa dùng nhạc trong các buổi tế lễ.

Nước Tàu về thời cổ vua chúa đặt ra nhạc phủ để trông coi việc tế tự và dạy bọn nhạc công.¹

1 Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huế - *Việt Nam ca từ biên khảo*.



Chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa, ngay từ ngày xưa, các vua chúa Việt Nam cũng dùng nhạc trong các cuộc tế lễ, và dần về sau trong các cuộc tế lễ tại các đình miếu, từ đường ở các vùng nông thôn Việt Nam, hoặc trong các đám ma, đám rước thần người ta có sử dụng các hội tiêu nhạc.¹

Về đời nhà Lê, vua Lê Thánh Tông đã sai các quan triều thần nghiên cứu âm nhạc Trung Quốc, đặt ra bộ *Đồng Văn chuyên tập âm luật để hòa nhạc* và bộ *Nhã Nhạc chuyên dùng nhân thanh để xướng hát*.² Hai bộ này được sử dụng vào các lễ tế Giao miếu và lễ triều hạ.

Rồi đến đời Lê trung hưng, các chúa Trịnh lại có cả đội bả lệnh dùng trong việc tang tế trong phủ Chúa cũng như ngoài dân gian.

Từ đời Quang Hưng (1578), nhạc khí dùng cho bộ Đồng văn và Nhã nhạc gồm một trống ngường thiên lớn, một kèn trúc lớn, một long sinh long phách (sinh tiền và phách có hình rồng), một cây đàn ba, bốn hoặc mười lăm dây, một ống sáo và một trống mảnh một mặt. Nhạc khí dùng cho đội bả lệnh gồm trống, mõ, trống tiến bông, kèn đại, kèn tiểu và kèn tổ sâu.

Hai bộ Đồng văn và Nhã nhạc từ đời này thường ít dùng đến, và về sau trong các cuộc tế lễ Giao miếu và lễ triều hạ, cũng như trong các buổi tế thần của dân gian người ta đều dùng nhạc của giáo phường, tức là thứ nhạc dân gian. Nhạc này ngày càng biến hóa, và bộ nhạc gồm một cái nhịp dài bằng tre, do một cụ già gõ nhịp, một cái ống sáo, một cái quyển nhị, một cái trống cơm, một cái đàn đáy, mỗi người kẹp cầm một cái, còn đào thì cầm một cái phách, một cái

1 Thạc Nhân - Tài liệu đã dẫn.

2 Đào Duy Anh - *Việt Nam Văn hóa Sử cương*.

sinh tiền, hoặc một cái trống mảnh một mặt dùng khi vừa hát vừa múa.¹

Ở miền Nam, âm nhạc của ta từ khi chúa Nguyễn vào khai thác, đã chịu ảnh hưởng âm nhạc Chiêm Thành và đã tạo nên những khúc nhạc cung Nam trầm bi oán vọng, khác với những khúc nhạc linh hoạt cung Bắc. Nhạc miền Nam ngày càng phong phú thịnh vượng hơn, so với nhạc miền Bắc ngày một suy. Nhà vua có đội nhạc Thánh dùng trong việc tế tự, gồm những tay giỏi nhạc trong nước, sử dụng các nhạc khí cũng giống như miền Bắc, gọi là Đường ngoài.

Tới ngày nay, nhạc lễ cũng thay đổi nhiều, và trong các buổi tế lễ chỉ dùng những ban nhạc thu hẹp thường gọi là phường Bát âm với các nhạc khí: náo, bặt, bát, sinh tiền, kèn, trống nhỏ, đàn, nhị, sáo, một vài thứ đàn. Có phường có tám nhạc khí, có phường chỉ có năm sáu. Về đàn thì có khi là đàn nhật, có khi là đàn nguyệt, có khi là đàn tranh hoặc một vài thứ đàn khác, có khi hai ba thứ đàn.

Các bản nhạc dùng tới vui buồn thay đổi tùy trường hợp tế tự hoặc tang lễ.

Nói đến nhạc lễ cũng phải kể đến những buổi cầu đồng, hầu bóng tại các miếu điện vùng quê, mà ở đây có thấy cung văn vừa đàn vừa ca những bản châu văn với mục đích để đồng sớm nhập.

Trong những đám rước thần ở thôn quê bao giờ cũng có ban nhạc tham dự, không kể trống chiêng đi theo cờ tiết mao trên đầu đám rước. Ban nhạc gồm cả phường đồng văn lẫn phường bát âm. Phường đồng văn đi sau voi ngựa và đoàn chấp kích, thường gồm một người cầm trống khẩu, người này đứng đầu gọi là *cai đồng văn*, một người cầm *thanh la*, hai

1 Đào Duy Anh - Sách đã dẫn.

người cầm *sinh tiền*, bảy hoặc tám người đánh *trống bán*. Có làng lại có thêm hai đứa con trai, ăn mặc giả gái, mỗi đứa đeo một cái *trống com*, gọi là *con đi đánh bông*.

Phường đồng văn này, hễ trống khải, thanh la, sinh tiền khởi lên thì trống bán họa lại. Hai con đi đánh bông vừa đập trống vừa múa nhịp nhàng theo khúc điệu của những bản nhạc.

Phường bát âm đi sau phường đồng văn, hai phường cách nhau bởi cờ vĩa và gươm đàn mặt¹.

Phường bát âm thường gồm tám nhạc khí đã trình bày ở trên.

Tuy gọi là phường đồng văn và phường bát âm, nhưng thường là dân đinh trong làng, ít khi các làng xã phải nhờ đến những phường chuyên nghiệp. Các thanh niên trong làng, trong lúc mùa màng nhàn rỗi thường cùng nhau tập luyện âm nhạc trước là để tiêu khiển sau là giúp dân làng trong những cuộc tế lễ rước xách. Những chàng trai quê thường rất lấy làm hãnh diện được tham dự trong ban nhạc, nhất là phường bát âm trong những buổi tế thần cũng như trong khi đi rước. Trong những dịp này, các chàng trai được các cô gái làng chú ý. Các chàng cố đàn cho hay, sáo cho giỏi...

NHẠC TIÊU KHIỂN

Ngoài các buổi tế lễ, người ta còn dùng nhạc để tiêu khiển mua vui cùng nhau. Năm ba bạn trẻ, có khi do một người nhiều tuổi đứng đầu hợp thành một ban nhạc, để cùng nhau luyện các bản nhạc và hòa tấu với nhau những khi gió sớm, lúc trăng chiều. Cũng có những người với một nhạc cụ, một

1 Về nghi trượng đám rước, thứ tự cờ quạt đàn kiệu, trống chiêng v.v... xin xem *Tín ngưỡng Việt Nam* quyển thượng trang 177 - 178, Nam chí tùng thư, Nxb. Trẻ tái bản năm 2004.



cây đàn nhật hoặc cây đàn nguyệt, một cây nhị hoặc cây đàn bầu, khi nhàn rỗi vừa đàn vừa hát những bản nhạc mình ưa thích. *Những lúc thư nhàn, hoặc khi đêm khuya thanh vắng buồn bã một mình, thì mượn tiếng đàn làm tiếng giải muộn. Hoặc đàn nguyệt, đàn thập lục dạo một vài câu lưu thủy, hoặc gảy chơi một câu tứ đại, nam ai v.v... Tiếng đàn thánh tha thánh thót, ti ti như để kêu sầu cũng đủ tả tấm lòng ngao ngán.¹*

Đem tâm tư gởi vào khúc nhạc, dùng nhạc để quên nỗi u buồn, dùng nhạc để nói lên niềm vui, nhạc thật là một thú tiêu khiển thanh cao tao nhã.

Trong các ban nhạc hợp nhau để mua vui tiêu khiển các loại nhạc khí được dùng thường là: đàn kim, đàn nguyệt, đàn tranh, hồ cầm, sinh tiền, sáo, tiêu và trống nhỏ; và các ban nhạc tài tử này cùng nhau hòa những bản nhạc thông dụng và được nhạc giới công nhận là có giá trị. Trong các bản nhạc này, thường được phân chia thành hai loại: bản Bắc và bản Nam tức là những khúc nhạc cung Bắc và cung Nam như trên đã nhắc tới.

Nhạc cung Bắc - Đây là những bản nhạc linh hoạt, một phần phóng tác theo nhạc Trung Hoa, nhưng xoang điệu mang sắc thái Việt Nam. Thực ra cũng có những bản gốc Trung Hoa, cũng có những bản gốc Việt Nam, ngày nay lẫn lộn, khó mà phân biệt. Mấy bản cung Bắc chính có thể kể:

Cổ bản: Một bản nhạc cổ rất nhiều xoang điệu. Nhạc nghe êm tai, nhưng nội dung không rõ là gì.

Lưu thủy: Lưu thủy là nước chảy. Bản nhạc gây cho thính giả một cảm giác êm ái, điệu nhạc như trầm lắng nhưng thanh nhanh và buồn buồn.

Hành vân: Hành vân là mây bay. Qua hai chữ hành vân ta

1 Phan Kế Bình - *Việt Nam phong tục*, Đồng Dương tạp chí 1914, 1915.



hình dung đám mây trôi xa xa giữa bầu trời xanh ngắt. Nghe bản nhạc hành vân, ta cảm thấy nhẹ nhẹ, êm êm, thanh thản.

Kim tiền: Bản nhạc gọi theo tên nhạc khí, kim tiền tức là sinh tiền dùng để đập nhịp. Nội dung và xoang điệu bản nhạc đi rất mạnh. Nghe bản nhạc thính giả cảm thấy cái gì háng hái, say sưa, mạnh mẽ. Trái hẳn với xoang điệu thanh thản của bản lưu thủy, hành vân, xoang điệu bản kim tiền đi nhanh, dồn dập, réo rắt, hùng mạnh.

Bình bán: Bản này dung hợp cái chậm rãi và cái dồn dập của hai bản lưu thủy và kim tiền, xoang điệu vừa mau vừa chậm, vừa trầm vừa hùng. Nội dung bản này có thể nói đoạn đầu là lưu thủy và đoạn sau là kim tiền.

Tấu mã: Bản này diễn tả nhịp ngựa phi, do đó vừa dồn dập, vừa nhanh, vừa mạnh. Điệu tấu mã thường được sử dụng trong các vở tuồng với những vai anh hùng, tráng sĩ.

Tứ đại cảnh: Tứ đại cảnh là cảnh bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông trong một năm. Nội dung bản nhạc diễn tả cảnh sắc của bốn mùa. Bản nhạc này tuy được xếp vào các bản nhạc cung Bắc, nhưng nhiều người cho rằng tác giả bản nhạc này là vua Tự Đức vì các lẽ sau đây:

- Bản nhạc được phổ biến nhiều nhất ở Huế.
- Vua Tự Đức là một nhạc sĩ có tài lại có tâm hồn nghệ sĩ, đàn giỏi, thơ hay.

Trên đây là những bản nhạc cung Bắc chính, ngoài ra cũng có những bản khác như Phủ lục, như những bản cổ của người Trung Hoa v.v...

Nhạc cung Nam - Đây là những bản nhạc sản xuất ở miền Nam từ thời chúa Nguyễn, chịu ảnh hưởng rất nhiều các nhạc khúc Chiêm Thành. Từ nhạc thường buồn oán bi sầu, nhưng rất có giá trị. Dưới đây là các bản chính và luôn luôn được cảm giới sử dụng:

Nam ai: Nam ai là thương Nam, xót Nam. Đây là bản nhạc buồn nhất, ai oán nhất trong các bản nhạc cung Nam.

Với bản nhạc Nam ai, rất nhiều nhạc sĩ, thi sĩ đặt lời ca, tùy theo hoàn cảnh cảm xúc và ý nghĩa của từng người. Thường bản ca Nam ai có ba vần tạo thành ba khổ. Dưới đây là một thí dụ:

*Khuyên ai gần bó bảo đến công trình thầy mẹ
Án nặng nhường sông, nghĩa chất non cao
Ơn cù dục cù lao,
Sinh thành lo sợ xiết bao,
Lo cơm bữa nhường nao,
Ấm lòng ra vào.*

*Nâng niu, bú mớm đêm ngày xem tây vang ngọc,
Hay chạy, hay đi, lúc nắng, lúc mưa.*

*Từ xưa đến giờ,
Lúc hãy còn thơ,
Đến bây giờ,
Chịu nhục nhơ,
Biết bao nhiêu mà!
Trông năm tròn ngày qua,
Da mồi, tóc bạc, mây xa,
Khuyên trong côi người ta,
Thào ngay mới là!*

Xoang điệu của bản Nam ai chậm chậm để diễn tả nỗi buồn thâm cực độ, do ảnh hưởng của Chiêm Thành.

Nam thương: Nam thương nghĩa là buồn Nam, mến Nam. Đây là một bản nhạc cổ điệu buồn nhưng không buồn bằng Nam ai. Bản nhạc cũng chịu ảnh hưởng nhạc Chiêm Thành,

xoang điệu đi chậm nhưng một vài chỗ âm thanh có vẻ réo
rất, hàm ý thương tiếc nhớ nhung, đau khổ buồn buồn.

Nam xuân: Đây là một bản nhạc ít buồn và có được cái
vui, tuy cái vui vẫn như thể bị cái buồn nối tiếp. Phải chăng
đây là cái buồn truyền kiếp của một quốc gia đã bị diệt vong
mà ảnh hưởng ăn vào âm nhạc của Việt Nam. Xoang điệu
bản nhạc tuy buồn nhưng có nhiều nét thướt tha duyên dáng,
cái thướt tha duyên dáng của hình bóng cô gái Chăm đi là
lướt trên bóng chiếu.

Nam bình: Đây là một bản nhạc không buồn không vui,
âm thanh đi đều đều. Có thể nói đây là một bản nhạc cung
Nam được hòa hợp bởi ba bản Nam ai, Nam thương và Nam
xuân cho nên nội dung pha lẫn buồn vui, nhưng cái buồn
vẫn nhiều hơn.

Bốn bản nhạc trên, tuy nhạc chỉ có một bản, nhưng mỗi
bản lại được phổ thành nhiều ca khúc bởi nhiều tác giả, mỗi
ca khúc nội dung khác nhau tùy cảm hứng của từng tác giả.

•

Xét qua tất cả các bản nhạc cung Bắc và cung Nam, ta
thấy số các bản nhạc không thay đổi mấy qua thời gian, nhất
là rất ít có bản mới. Các nhạc sĩ Việt Nam ta xưa cho rằng
trách nhiệm của mình là học cho đủ những xoang điệu cũ,
chứ không dám đặt ra những xoang điệu mới, thậm chí có
người cho rằng những tiếng dậm thêm của một vài tài tử trẻ
tuổi là do tính hiếu kỳ¹. Với quan niệm trên ta đừng lấy làm
lạ khi vấn đề sáng tác nhạc của ta xưa rất là hạn chế.

Từ mấy chục năm nay, vì ảnh hưởng nhạc Tây phương,
nhạc Việt Nam cũng có đôi sự thay đổi. Người ta đua nhau
chơi tân nhạc, xa rời cổ nhạc. Cái thú phong lưu này của

1 Đào Duy Anh - Tài liệu đã dẫn.



người xưa đã bị biến cải, và dường như những người ở chốn thị thành, những người tự cho mình là trí thức không lưu ý tới nền cổ nhạc, chỉ đua đòi học theo tân nhạc. Phải chăng đây là một sự tiến bộ, hay đây chỉ là một hiện trạng gốc rễ bị lung lay.

Đã đành rằng với thời đại mới, người ta không thể cứ bo bo theo cũ, nhưng theo mới không bỏ cũ, dùng mới để cải tiến cũ, để dung hòa cũ, có như vậy mới mong giữ vững được cội rễ của văn hóa.

Nhạc Việt Nam không phải dở. đã có những người ngoại quốc tán thưởng, thì tại sao chính ta không chấn chỉnh lấy nền nhạc nước nhà?



ÂM NHẠC XỨ THƯỢNG



Âm nhạc của người Thượng rất đơn giản, thường là kết hợp bởi những âm thanh man dại của núi rừng. Sống trong vị trí cách biệt hẳn mọi giao tiếp đối thay của thế giới bên ngoài, âm nhạc cũng như văn hóa của người Thượng ít bị ảnh hưởng ngoại lai mà vẫn giữ bản chất nguyên vẹn buổi ban đầu. Những bài ca của người Thượng thường là những điệu hát thần thoại được kết dệt từ ngàn xưa, hoặc để kết lại nguồn gốc của họ tộc, ca ngợi đời sống anh hùng của những tù trưởng can đảm, hay để mơ tưởng một cuộc sống thanh bình sung túc, hoặc ca tụng những mối tình thơ mộng của núi rừng. Những lời ca đó không được ghi chép bằng văn tự mà chỉ được lưu truyền qua cửa miệng của loài người trải qua nhiều thế hệ.

Âm điệu của những bài hát rất đơn sơ, chất phác mô phỏng tiếng nói của núi rừng; tiếng gió lách qua chòm lá, tiếng chim hót, tiếng suối reo, tiếng thác đổ rạt rào...

Tất cả những âm thanh kết hợp thành nhịp điệu chi phối hình thức diễn tả. Do đó âm điệu của những bài ca miền núi thường thường trầm trầm nhẹ nhẹ như gió thoảng như thác nước rơi, không có những âm thanh cao vút hay dồn dập rộn ràng.

Nhạc cụ

Nhạc cụ dùng phụ họa cho lời ca cũng để diễn tả những âm điệu mô phỏng của thiên nhiên với những tiếng ngân nhỏ nhẹ trầm buồn như tiếng thì thảo của những người sơn cước.

Người Bana, Xêđăng hay chơi một loại đàn bầu giản dị. Ta gọi là đàn bầu vì đàn bên dưới làm bằng một quả bầu khô, cán đàn là một ống tre nhỏ, bên trên cắm 12 cái chốt để cột dây đàn. Dây đàn ngày trước làm bằng sợi dây gấc nên tiếng trầm và nhỏ, ngày nay thay thế bằng những sợi dây thép của dây điện thoại. Những sợi dây đàn được cột dài ngắn tùy theo thứ tự vào những chốt trên cán đàn đối với thân bầu. Những sợi dài cho âm trầm, những sợi ngắn cho âm cao, tiếng rung của dây đàn sẽ được chuyển vào quả bầu và phát ra những âm thanh trầm trầm nhỏ nhỏ. Muốn nghe đàn phải đứng rất gần người đánh đàn vì tiếng nhẹ như gió thoảng.

Người Xêđăng cũng thường thổi một loại ống sáo có sáu lỗ, thổi bằng cách nhậm vào một đàn ống. Ống sáo này cũng phát ra những tiếng nhỏ nhỏ buồn buồn. Những thiếu nữ Bana thường chơi loại đàn ống. Nếu một hay hai người chơi thì đàn gồm có 8 ống, nếu nhiều người cùng đàn có thể nhiều ống hơn. Những ống này làm bằng thân cây lồ ô đã thông mát, các ống dài ngắn khác nhau. Những ống dài cho âm trầm, những ống ngắn cho âm bổng. Muốn đàn người ta gác dọc những ống này lên trên hai thanh tre nằm ngang trên mặt đất, ống dài nhất ở bên phải rồi theo thứ tự đến ống ngắn nhất bên trái. Nếu chỉ một người chơi đàn thì người này phải quỳ ngồi ngay dưới đất ở giữa các ống đàn, dùng hai tay vỗ vào nhau để phát ra hơi gió ở trước mỗi ống, hơi gió luồn vào trong ống, chạm vào thành ống tạo nên tiếng ngân rồi thoát ra thành một âm ở đầu kia của ống. Người đánh đàn phải thuộc âm điệu của từng ống, mỗi ống cho một âm khác nhau,

nhưng người chơi đàn có thể đánh những bản âm bằng cách vỗ ở giữa hai ống gần nhau, hơi gió sẽ chia vào hai ống và phát ra một âm trung bình giữa hai âm. Thường bao giờ cũng có một người ngồi ở phía dưới đối diện để đánh nhịp. Người đánh nhịp chỉ vỗ vào ống có âm trầm thứ nhì, ống này được kê cho cao phía bên người đánh nhịp. Tiếng đàn này rất ấm và trầm, thoang thoảng âm vang hòa điệu với những bài ca âm điệu hiền lành.

Người Rađê, người Stiêng, người Kotu ở Quảng Trị có một loại kèn ghép bằng nhiều ống hộp nhỏ theo thứ tự cao thấp như hình bậc thang, tiếng kèn có những âm thanh đều đều có vẻ man dại và buồn.

Người Thượng ở miền Nam cao nguyên lại còn có một loại đàn ghép bằng hai thanh tre hay gỗ chuốt mỏng, tùy theo độ mỏng hay dày, mỗi thanh tre cho một âm thanh khác nhau. Những thanh này được nối lại với nhau bằng hai sợi dây song song. Người chơi đàn cầm một thanh tre hay gỗ mỏng khác gõ vào đàn.

Có nơi loại đàn này biến đổi thành hai hình thức khác nhau, người ta không ghép những thanh tre lại để cầm mà đàn nhưng lại gác chúng lên trên miệng một đường nương nhỏ rồi dùng cây gõ lên những thanh tre đó sẽ có được những âm thanh trong trẻo và nhẹ.

Ngoài những loại đàn và kèn đặc biệt của đồng bào Thượng thay đổi cho từng bộ lạc, ta còn thấy đồng bào Thượng có một nhạc cụ thông dụng cho mọi nơi đó là những chiếc goong¹ và trống. Goong hay chiêng và trống gồm có nhiều loại lớn bé khác nhau, đánh goong giống trống cho hòa hợp là cả một nghệ thuật, người Thượng thường sử dụng các loại nhạc khí sau này vào những lúc có lễ lạc tế tự long trọng.

¹ ngày nay thường dùng chữ cồng

Người Thượng cũng có những vũ khúc bình dị, bình dị như âm nhạc và tâm hồn của họ. Vũ điệu thường đơn giản ít động tác và nhẹ nhàng hòa hợp với lời ca tiếng nhạc. Họ rất thích ca hát nhất là các cô thiếu nữ, lời ca ngân nga đều đều như không bao giờ thay đổi. Ngày nay xen lẫn với những bài ca cổ truyền, người Thượng cũng biết hát những bản nhạc cải cách của Phạm Duy, Nguyễn Văn Đông... Vào một vài buổi Thượng, thỉnh thoảng chúng ta được nghe điệu nhạc trầm buồn, vì vu qua tiếng đàn ống lẫn lộn với những âm thanh dồn dập như thánh thót của Tây ban cầm.



CA HÁT



Trước khi nói tới kv, cái thú phong lưu thứ hai của ta sau cầm, tôi nghĩ cần nói tới ca hát trước. Có đàn thì có hát, có cầm thì có ca; đàn giữ nhịp cho câu hát, hát trợ hứng cho cung đàn, và cổ nhân thường nói thú cầm ca để gồm cả đàn lẫn hát.

Tiếng nói của ta rất nhiều giọng, cho nên câu nói uyển chuyển bỗng chìm để biến thành câu hát.¹

Ta hay hát vào những lúc nào?

Ta thường ca hát khi cảm hứng nổi lên muốn đem tâm tư gửi vào giọng hát, hoặc cũng có khi vì uất hận muốn gởi nỗi niềm bức tức vào câu ca. Ngoài ra trước một cảnh đẹp hoặc trong khi làm một công việc nặng nhọc, để thông cảm với vẻ đẹp thiên nhiên hoặc để cho công việc bớt mệt nhọc ta cũng ca hát. Bởi thế cho nên *người nha quê khi làm việc hoặc khi vui chơi hay hát lắm. Đưa trẻ chăn trâu, buổi chiều cho trâu về, hoặc cời trên cổ, hoặc nằm trên lưng trâu, nhẹ nhàng cất tiếng hát rồi năm mười đứa khác cũng họa theo.*

1 Đào Duy Anh - *Việt Nam Văn hóa sử cương*

Những đàn ông, đàn bà cấy lúa, cắt lúa, làm cỏ hay tát nước ở dưới trăng hoặc ban đêm đập lúa, giã gạo, cũng theo nhịp nhàng tuy chân mà hát để quên mệt. Trên các sông, nhất là trên sông Hương ở Huế, giữa đêm khuya thường được nghe một chị lái đò ở xa xa cất tiếng lạnh lạnh hò "mái nhì", hay hò "mái dấy", giọng thực náo nùng tê tái. Những người kéo gổ trên sông, những lũ kéo chài dưới biển, cũng thường dùng tiếng "hồ khoan", "đò ta" để làm cho rập tay chân. Ở Bắc Việt, những đêm sáng trăng, nhất là đêm rằm tháng tám, con trai, con gái trong làng thường họp nhau để hát đối hay hát trống quân... xem thế thì ta thấy rằng người nhà quê ta rất thích hát!

Ta rất thích hát và hát cũng là một thú chơi thanh cao tao nhã không kém cầm kỳ thi họa.

Hát nghĩa là gì, và hát với ca có khác nhau không?

Theo Đào Đăng Vĩ trong *Việt Nam Bách khoa Từ điển* thì ca và hát cũng như nhau và có nghĩa là "Đưa giọng cao thấp, lớn nhỏ và nhịp điệu để đọc những câu văn câu thơ nghe cho êm dịu. Ca chỉ là ngân nga giọng cho hay, còn hát gồm cả ca mà có điệu bộ hoặc có làm tưởng: ca vọng cổ, ca nam ai, hát cải lương, hát bội, hát chèo cổ.

Nói về ca hát, Việt Nam có những giọng ca điệu hát chung của dân tộc, nhưng mỗi miền Bắc, Trung, Nam lại có những lối ca hát riêng, tuy có đôi khi giống nhau, nhưng sự giống nhau vẫn có điều khác biệt vì tính tình con người mỗi địa phương tuy có đại đồng nhưng vẫn tiểu dị.

Các giọng ca hát của ta có thể phân biệt:

- Các giọng bình dân.
- Các giọng trí thức.

1 Đào Duy Anh - Sách đã dẫn.

CÁC GIỌNG CA HÁT BÌNH DÂN

Đây là những giọng ca hát do giới bình dân thường hát với nhau, hoặc được giới bình dân ưa chuộng thưởng thức.

Những câu hát dùng trong các giọng bình dân phần lớn là những câu ca dao nhưng khi đưa vào giọng hát đã hơi bị biến đổi trên hình thức tùy theo từng giọng.

Những giọng bình dân có *giọng hát trong lúc làm việc* để con người đỡ mệt như hát hò đưa, hò tát nước, hò kéo gỗ v.v... hoặc có tác dụng hân với việc làm như hát ru em. Bên những giọng hát trợ lực cho việc làm, có những *giọng hát trao tình* giữa trai gái, những giọng hát này riêng bọn nam nữ dùng đối đáp với nhau trong cuộc gặp gỡ khi làm việc, trong những đám hội hè hoặc trong những buổi hát thi hát đố.

Ở miền Bắc về lối hát trao tình này có ba giọng chính: hát ví, hát quan họ, và hát trống quân.

Ở miền Trung có hát ví, hát dặm, hát các phường, hò. Ở miền Nam cũng có những câu hò, lại có hát cải lương và vọng cổ. Với những giọng hát này, lúc hát các trai gái xướng họa đối đáp có thể có nhiều biến thể thành nhiều giọng khác.

Ngoài các giọng hát trong lúc làm việc và các giọng hát trao tình còn có các giọng hát tôn giáo mà tiêu biểu nhất là giọng hát châu văn ở miền Bắc. Lối này cũng có thể coi là một lối hát nghề nghiệp của các ông cung văn, tức những người vừa đàn vừa hát trong các buổi hầu bóng. Hát về cũng là một lối hát, dùng những câu về để nói về một việc gì hoặc một vật gì.

Hát xẩm của những người bị mù tật đi hát rong làm kế sinh nhai cũng là một lối hát nghề nghiệp, ta thường gọi là xẩm chợ.



Hát tuồng, gọi là hát bội ở miền Trung, hát bội ở miền Nam cũng là hát nghề nghiệp, tuy nhiều khi cũng có những ban hát tuồng tài tử.

Sau hết phải nói đến hát chèo, một lối hát diễn lại các tích cũ giống như hát tuồng, nhưng với những giọng hát khác hẳn và thiên về luân lý nhiều hơn.

Ngoài các giọng hát đã kể trên, cũng không thể bỏ qua những câu hát của trẻ em, những câu hát được các em nhắc lại trong các trò chơi như *Thả đĩa ba ba*, *Chi chi chành chành* v.v...

Các giọng hát, trên bình diện khác nhau, nhưng phần nhiều nội dung câu hát không khác nhau.

Nội dung câu hát

Trước khi đi vào chi tiết của từng lối hát, chúng ta thử xét qua nội dung của những câu hát.

Có những câu hát tả cảnh của đất trời:

*Ngồi tựa mạn thuyền
Trăng in mặt nước cùng nhìn non nước càng xinh
Sơn thủy hữu tình
Thơ ngâm ngoài lái, rượu bình giải trí trong khoang
Tay lựa cung đàn
Tiếng cao réo rắt, tiếng trầm nỉn nỉ thiết tha.*

(Hát quan họ)

Nhiều hơn là những câu hát nói lên tâm tình của yêu đương.

*Hôm qua tát nước đầu đình
Bỏ quên cái áo bên cành hoa sen
Bắt được cho chúng anh xin
Hay là em để làm tin thì làm.*



Áo anh sút chỉ đường tà
Vợ anh chưa có mẹ già chưa khâu
Áo anh sút chỉ từ lâu
Muốn mượn cô ấy vào khâu cho cùng.

(Ca dao)

Cũng có những câu hát để chòng ghẹo lẫn nhau:

Trống quân có đĩa thịt bò
Nhưng anh không vợ đi mò cà đêm.

(Hát trống quân)

Trống quân trống quít trống còi
Ta chẳng lấy nó, nó đòi lấy tu
Trống quân anh đánh dịp ba
Lúc vào dịp bảy, lúc ra dịp mười.

(Hát trống quân)

Cũng có những câu hát để thách đố lẫn nhau:

Cái gì mà thấp, cái gì mà cao?
Cái gì sáng tỏ như sao trên trời?
Cái gì anh trái em ngồi?
Cái gì thơ thẩn ra chơi vườn đào?
Cái gì mà sắc hơn dao?
Cái gì phơi phơi lòng đào hỏi anh?

Đã có câu thách đố, lẽ tất nhiên phải có câu trả lời:

Đất thấp ông trời cao
Ngọn đèn sáng tỏ hơn sao trên trời
Chiếu hoa em trái anh ngồi,
Đêm nằm mơ tưởng ra chơi vườn đào

*Nước kia nó sắc hơn dao,
Trúng gà phơi phơi lòng đào em bảo anh.*

Giữa câu hát, trai gái rất nhiều câu khen tặng nhau:

*Cổ tay em trắng như ngà,
Con mắt em liếc như là dao cau,
Miệng cười như thể hoa ngâu,
Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.*

Và các cô gái thường có những câu hát đả đố:

*Thân em như tấm lụa đào,
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai?
Thân em như đóa hoa tươi,
Phải chăng chàng thật là người yêu hoa?*

Lại có những câu hát làm quen:

*Lạ lòng tôi mới tới đây
Lạ thung, lạ thổ tôi nay lạ nhà
Ba cô tôi lạ cả ba
Bốn cô lạ bốn biết là quen ai
Đến đây lạ cả bạn trai
Lạ cả bạn gái biết ai mà chào?
Bây giờ biết nói làm sao?
Biết ai quen thuộc mà vào trình thưa
Cô cả cô hai ơi!*

(Hát ví)

Cũng có những câu hát để trai gái nói lên những lý do yêu đương của mình, những câu hát này nhắc tới những điều đáng yêu của đôi bên. Dưới đây là một câu để chàng trai trình bày cung cô gái tại sao chàng đã yêu cô:

Một yêu tóc để đuôi gà,
Hai yêu lời nói mặn mà có duyên;
Ba yêu má lúm đồng tiền,
Bốn yêu răng lánh hạt huyền kém thua;
Năm yêu cổ yếm đeo bùa,
Sáu yêu nón thượng quai tua dịu dàng;
Bảy yêu nết ở khôn ngoan,
Tám yêu ăn nói lại cùng thêm xinh;
Chín yêu em ở một mình,
Mười yêu con mắt hữu tình với ai.

Chàng trai đã yêu cô gái qua mười lý do. Ở đây tôi tưởng cần phải nói rõ về điểm thứ tư. Ngày xưa, cho tới hồi tiền chiến, ở miền Bắc và phía Bắc miền Trung, ta có tục nhuộm răng đen, nhất là tại các vùng quê. Răng đen nhưng phải đen nhúc như hạt huyền mới đẹp, hay ít ra cũng đen như hạt na già.

Những hàm răng không đủ đen, lại loang lổ ta gọi là răng *cài* mà thì dù người đẹp cũng giảm vẻ đẹp rất nhiều.

Có câu hát trên để nói lên mười điều đáng yêu của cô gái, cũng lại có câu hát mười yêu khác nói tới những điều chẳng đáng yêu của cô gái chút nào:

Một yêu em béo như bở,
Chân tay ngắn ngắn dít to như giành;
Hai yêu mắt toét ba vành,
Đầu đuôi khốe mắt như xanh bằm đầy.
Ba yêu tới cặp môi dày,
Mỗi khi ăn nói bầy nhầy dãi ra.
Bốn yêu bộ mặt rỗ hoa,
Lại thêm em có nước da mực tàu.
Năm yêu mái tóc trên đầu,
Hôi như tổ cú chấy bâu hàng đàn.



Sáu yêu tình khí ngang tàng,
 Bạ ai em cũng oang oang chửi liến.
 Bảy yêu lời nói có duyên,
 Chua như mề mứa xổ xiên cả trời.
 Tám yêu những lúc em cười,
 Trông xinh bằng mẹ đười ươi hiện hình.
 Chín yêu dáng điệu hữu tình,
 Đi đâu đó quán xiêu đình như chơi;
 Mười yêu khi đứng lúc ngồi,
 Xổ tràng trung tiện, sấm trời phải thua;

Thực ra câu hát trên chỉ là một câu hát để chòng ghẹo các cô gái, chứ ở đời đã mấy ai có đủ *mười đức tính đáng quý* như câu hát nêu ra.

Những loại câu hát tương tự không phải hiếm, tại các địa phương thường có những câu hát khác nhau. Trong *Phong lưu đồng ruộng*, soạn giả đã có dịp nhắc tới một câu hát nói về *Cô gái Sơn Tây yếm thủy tủy giản*, với những điều cũng đáng nực cười không kém chi *mười cái đáng yêu* của cô gái trong câu hát trên.

Tóm lại các câu hát qua những giọng điệu tuy khác nhau nhưng nội dung không khác nhau bao nhiêu. Có câu hát dùng cho lối hát này lại dùng cả cho lối hát khác. Và phần nhiều những câu hát đều là những câu ca dao; không biết những người hát đã dùng ca dao để hát hay chính những câu hát đã chuyển thành ca dao.

NHỮNG GIỌNG HÁT TRONG KHI LÀM VIỆC

Người bình dân thường sống cuộc đời làm lụng vất vả, một nắng hai sương. Trong lúc làm lụng để quên mệt nhọc, họ thường dùng những câu hát để trợ lực cho mình và cũng



là để giải khuây cùng chúng bạn làm việc. Mỗi việc làm đều có giọng hát riêng, nhưng các giọng hát này đều có một điểm giống nhau là hát mà không có nhạc đệm. Muốn hát, người lao động bình dân cứ cất tiếng ca, cốt sao cho âm thanh êm ái, cao thấp cho nhịp nhàng, dài ngắn cho ngân nga, người nghe thấy êm dịu là khúc hát đã thành công.

Hát trong việc làm có nhiều giọng khác nhau bởi việc làm của mỗi người không giống nhau.

Hát dò đưa

Hát dò đưa là giọng hát của các cô cậu lái dò lúc chờ dò hát lên theo nhịp với cây chèo khua trên mặt nước.

Giọng hát dò đưa thường êm êm buồn buồn tạo cho người ta có một tâm trạng yếu đuối và dễ bị cảm dỗ. Câu hát dài ngắn không đều, nhưng giọng bao giờ cũng buồn như gió lướt.

Cha mẹ thường cấm con gái nghe giọng hát dò đưa, và ca dao cũng có câu:

*Trai khôn tránh khỏi vợ thừa,
Gái khôn tránh giọng dò đưa mới là!*

Thực ra giọng hát dò đưa miền Bắc chỉ là một giọng hát huê tình, và các cô cậu lái dò trong khi chờ đợi đưa khách qua sông để tâm hồn được thông cảm với nỗi niềm riêng thường hát lên. Các cô cậu hát thường không phải để quyến rũ ai, mà cũng không phải hát cho một thính giả nào. Các cô cậu hát cho mình, nhưng cha mẹ các cô gái cứ luôn luôn dặn dò các cô phải coi chừng giọng hát dò đưa.

Giọng hát dò đưa thật quyến rũ, theo Mai Văn Lương trong *La Chanson Annamite*,¹ phải kể tới giọng hát dò đưa

¹ Báo *Indochine* n^o 77, 78, 1942.

miền Trung, nhất là giọng hát của các cô lái đò trên sông Hương ở Huế, giọng hát này, tức là hò Huế, sẽ được trình bày riêng ở sau.

Lối hát đò đưa cũng rất thịnh hành ở vùng Nghệ Tĩnh các cô cậu trai gái lái đò vừa chèo thuyền vừa hát hoặc một mình hoặc có đối đáp với nhau. Hát một mình, dù trai hay gái hát, gọi là *hát buông*, còn hát có đối đáp gọi là *hát cuộc*. Khi hát cuộc hoặc hai chiếc thuyền đi song song với nhau, hoặc chiếc nọ đi sau chiếc kia trên một dòng sông.

Người hát ngoài trai gái lái đò, có thể là khách đi đò.

Chèo đò thường vất vả, dãi nắng dầm sương mà công sá chẳng đủ ăn, do đó trong lúc hát buông các lái đò thường nhắc đến tình cảnh của mình:

*Cau khó ăn với hạt bèo,
Lấy chông dò dọc, ráo chèo mà ăn.*

Nghề chèo đò có kiếm được bao nhiêu, nghỉ chèo, chèo ráo nước là cũng thiếu tiền ăn!

*Một trăm ông lái đò thanh nhàn
Không thương trai bạn cơ hàn nắng mưa!*

Hát đò đưa tuy là một giọng hát trong việc làm nhưng khi trai gái đối đáp đã biến thành lối hát trao tình.

Sông rộng trời cao, gió mát trăng trong, trước cảnh đẹp lại gặp người đẹp, hỏi trai gái nào khỏi động tâm. Họ hát với nhau, họ trao đổi tình duyên, họ hẹn hò cần dặn, mai sau có nên duyên hay không là chuyện khác. Họ hãy biết ngày nay gặp gỡ, cùng nhau hát trong một cuộc đưa đò, cùng trao nhau những lời êm dịu qua câu hát để hưởng lấy đêm trăng, để hưởng lấy cảnh đẹp và để hưởng lấy sự triu mến nũng nịu qua những lời hát ái ân, lấy mái chèo làm nhịp, khua xuống mặt nước như nhặt như khoan.

Trên những dòng sông, thuyền bè qua lại, đã có biết bao mối tình được bắt đầu, được gửi lại hoặc được kết thúc tốt tươi.

Đây là lời dặn dò nhau:

*Anh xuôi năm bảy tờ thấy,
Để em lẻ bóng trên này sao yên?
Anh về cho chóng mà lên,
Đừng vui dưới nọ mà quên trên này!*

Dặn dò rồi nhớ nhung:

*Từ ngày nhớ nọc lui thuyền
Sông bao nhiêu khúc, dạ em phiền bấy nhiêu.*

Hoặc gắn bó:

*Sông sâu sóng vỗ dập dềnh
Sông bao nhiêu nước thương mình bấy nhiêu.*

Hoặc trách móc:

*Nước lên lấp xấp cầu dầy
Anh quen em mới được một ngày thuyền lui.*

Rồi chia tay đôi bên có người chờ đợi:

*Nước ngược anh bỏ sào xuôi
Khúc sông bỏ vắng có người sầu riêng.*

*

*Nước chảy cho đá trôi nghiêng,
Anh vui chung thiên hạ, em sầu riêng một mình.*

Khúc hát hò đưa thật là thú vị, nó đã làm cho các cô cậu lái đò đỡ vất vả trong lúc chèo thuyền, và cùng các cô cậu vui đời, yêu đời mặc dù đời chèo thuyền trên sông nước một nắng hai sương.

Những câu hát ái ân, những câu hát triu mến, các cô gái tuổi mới lớn lên quên làm sao được, và giữ làm sao để tránh giọng hát dò đưa như lời khuyên nhủ của mẹ cha:

Mẹ cha khuyên nhủ sớm trưa

Nhưng em vẫn hát dò đưa cùng chàng!

Chính vì vậy trên các khúc sông vẫn luôn luôn vọng lên tiếng hát, trai hát mà gái cũng hát, và cũng có thể rằng một cuộc hát dò đưa bắt đầu cho một hảo lương duyên.

Khách đi dò đôi khi thấy lái dò ca cũng cả hứng nẩy tình hát đối đáp mười câu, có khi cả một cuộc hành trình để lưu một kỷ niệm với con sông.

Sông bao nhiêu nước cũng vừa

Đôi ta giọng hát dò đưa khác gì!

HÒ KÉO GỖ

Đây là lối hò đặc biệt của những người chung sức làm một công việc nặng, nhất là những người kéo gỗ.

Đặc biệt trong giọng *hò kéo gỗ* bao giờ cũng có điệp khúc là mấy tiếng *hò dô ta*.

Một bọn người cùng nhau kéo cây gỗ. Cây gỗ nặng, sức người cố gắng nhưng cây gỗ không nhích được bao nhiêu. Để làm nhịp cho mọi người cùng ra sức kéo một lúc và để đỡ sự mệt nhọc, một người hát lên một câu hát, thường là một câu hát vui hoặc một câu về tình ái. Câu hát chấm dứt, tất cả đoàn người đều cất tiếng *hò dô ta* rồi cùng cố sức cùng kéo.

Thí dụ:

Dô ta kéo gỗ làm đình,

Con gái vô tình thì để vú ra!

Hò dô ta!

Không phải mọi người chỉ nhắc lại một lần hò dô ta, mà họ nhắc lại đôi ba lần. Nhắc lại tiếng hò dô ta lần đầu để gắng sức, những lần sau để thở, vừa hát vừa làm việc, công việc xong, họ cũng ngừng hát. Người cất tiếng hát phải tìm những câu ngộ nghĩnh để đồng bạn cùng vui, công việc mới nhanh chóng và đỡ mệt.

HÒ TÁT NƯỚC

Các thiếu nữ đồng quê, lúc cùng nhau tát nước, để vui công việc, họ có những câu hát riêng, không giống những câu hát lúc họ hát trao tình với các bạn trai. Trong câu hát, có tiếng bắt chước tiếng nước tát từ ao sang ruộng hoặc từ sông vào đồng:

Thì thuôm! Thì thuôm!

Tát nước ao chuôm,

Bóng trắng soi xuống, trăng sương soi vào!

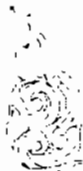
Thì trào! Thì trào!

Nước chảy ào ào!

Cầu trời cho trận mưa rào tháng năm!

Tiếng gầu sông, tiếng gầu dai vục xuống mặt nước, nước mức nước lên, đổ nước vào đồng phải chăng là những tiếng đệm cho câu hát.

Hai cánh tay tuy mỏi vì tát nước, nhưng câu hát nhịp nhàng cất lên giữa hai người cùng tát nước như có sức làm tiêu tan sự mệt nhọc, và các cô thiếu nữ, sau một buổi tát nước đêm, thấy nước trắng xóa trong ruộng nhà, lòng các cô phơi phới, hớn hử vì công việc đã xong, và vui vẻ xếp gầu cùng nhau ra về!



HÁT RU EM

Ru em cũng là một việc làm của người dân quê. Ta có câu:

*Xay lúa thì đừng ẵm em,
ẵm em thì đừng xay lúa.*

Ru em là một phần trong công việc ẵm em. ẵm em, ru cho em ngủ, còn để đi làm việc khác, hoặc cùng nghỉ ngơi với giấc ngủ của em.

Ru em phải hát với giọng êm êm để đưa em vào giấc ngủ.

Gọi là ru em, nhưng thường thì bà ru cháu hoặc mẹ ru con; chị ru em cũng có, nhưng chị còn bận nhiều công việc khác ở trong nhà, ở ngoài đồng hơn.

Về mùa hè, bà ru cháu, hoặc mẹ ru con thường nằm võng, tiếng võng đưa kéo cà kéo kệt như làm nhịp cho điệu hát, và võng đưa tạo nên luồng gió nhẹ nhàng khiến cho cháu ngủ theo giọng hát của bà và bà cũng thiu thiu ngủ cùng với cháu.

Hát ru em thường bắt đầu bằng hai tiếng *À ơi!* Hoặc *Bồng bồng*.

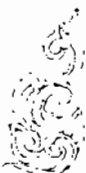
Câu hát là những câu ca dao, nhưng cũng có những câu chỉ dùng để hát ru em:

*Bồng bồng mẹ bế con sang
Đò dọc quan cấm, đò ngang không chèo;
Muốn sang thì bắc cầu kiều
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.*

Hoặc:

*À ơi! Cái ngủ mày ngủ cho lâu
Mẹ mày đi cấy ruộng sâu chưa về!*

1 có nơi hát "phải yêu kính thầy".



Hoặc:

*Bồng bồng! Cái bồng là cái bồng binh
Thối com gánh nước một mình bồng xoi!
Bồng bồng! Cái bồng là cái bồng bang
Mẹ bồng yêu bồng, bồng càng làm thơ.*

Những câu hát ru em thường nhiều câu chẳng có ý nghĩa gì hoặc đôi khi là những điều ước mong của người mẹ về đứa con:

*Mẹ ru con ngủ cho ngoan,
Mai sau con lớn con nên thân người.*

HÁT CHĂN TRÂU

Các trẻ em ở thôn quê thường phải giúp đỡ cha mẹ, mà trong các công việc giúp đỡ cha mẹ, chăn trâu là một. Ở miền Bắc và phía Bắc miền Trung, các trẻ em lên chín lên mười đã được cha mẹ giao cho nhiệm vụ chăn dắt trông nom một con trâu, và công việc này, các em, trai cũng như gái, thường làm rất trọn vẹn cho đến năm mười lăm mười sáu tuổi, khi các em có thể giúp đỡ cha mẹ trong các công việc khó khăn.

Trong lúc cho trâu đi ăn cỏ, các em họp đoàn cùng nhau, bày những trò vui, và có khi các em ca hát với nhau. Vua Đinh Tiên Hoàng thuở nhỏ cũng đi chăn trâu và thường cùng các bạn *cò lau tập trận*. Theo lời tương truyền để lại, trong lúc chăn trâu, chơi tập trận, nhà vua cùng chúng bạn thường hát câu hát sau đây:

*Cây cò ấy, nước non này,
Nước non quanh quất, cỏ cây xanh rì.
Rừng hoang cỏ rậm để chi
Phen này ta quyết dọn đi cho rồi!
Này này chúng bạn ta ơi!*

Những khi ngồi trên mình trâu một mình, các em vừa cho trâu gặm cỏ ở bờ đê, vừa thổi sáo hoặc cất tiếng hát:

*Ngày xưa Ninh Thích chăn trâu,
Mà rồi mang ân công hầu trâu ơ!
Ngày nay mình nghe ta ngồi,
Mai sau ta có một đời hiển vinh!*

Ở vùng Nghệ Tĩnh, các em chăn trâu có rất nhiều câu hát:

*Tru (trâu) một mà cọt com da (cây đa)
Tru (trâu) đôi ăn kẹ (bờ ruộng), tru ba ăn cồn (bãi)
Cù cu (chim cu) tát nước ao hèo,
Mai đôi tru (dần trâu) lên trại ai rêu (chăn) cho mi?*

Trước cảnh đồng ruộng bao la, các em cất cao giọng hát như muốn thông cảm với đất trời:

*Thua choa (chúng tao), biết sự thua choa!
Mai đôi tru (trâu) lên trại, trâu chiều hoa cho ngồi.*

Hát chăn trâu, các em vùng Nghệ Tĩnh có những tiếng ời ời kéo dài đệm cho câu hát, nghe như tiếng gọi nhau. Các em có những bài hát về đủ mọi điều. Có khi về đám giỗ:

*Trách người quân tử vô tình,
Hôm qua có giỗ không cho mình vắt xôi!*

Đối với lời trách móc không biếu nắm xôi, em nhà có giỗ đã không ngần ngại hát đáp:

*Giỗ thì anh nó (chà) mua vàng,
Xôi thì xôi độ (đậu) ngái (xa) dàng không đem.*

Cũng có khi các em hát chòng ghẹo nhau:

*Đứa mó (nào) không chộ (thấy) thì mù,
Có không con gái cội (cười) tru quặp sừng.*

Trong đám chăn trâu có các em lớn, mười lăm mười sáu tuổi trở lên, các em đã biết hẹn hò với nhau:

*Năm ni em mắc chăn tru
Vài năm chi nữa về làm du (làm dâu) mẹ thầy.*

*Năm ni anh mắc chăn bò,
Vài năm chi nữa về lo việc nhà.*

Hát chăn trâu tuy là lối hát của trẻ em, nhưng nhờ những câu hát các em đã vui với công việc của mình.

NHỮNG GIỌNG HÁT TRAO TÌNH

Tại miền Bắc có ba lối hát trao tình, chính là hát ví, hát quan họ và hát trống quân, rồi từ những giọng hát chính này nó biến thể ra những giọng hát khác.

Hát ví

Hát ví là lối hát thông thường nhất ở trung du và trung châu Bắc Việt. Ở nhiều nơi về miền Đông Bắc Việt, lối hát này còn được gọi là hát Đúm. *Hát ví có thể được coi là một bài hát làm quen.⁽¹⁾* Đây là lối hát của những người mới gặp gỡ nhau và *cuộc hội ngộ có thể được kéo dài⁽¹⁾*. Hát ví có đối và có đáp, có hát để gắn bó và có hát để chia tay. *Bài hát ví là một khúc tình ca nho nhỏ¹* và người hát ví thường dựa vào cảnh vật để nói lên tình ý của mình.

Hát ví trong lúc làm việc và cũng hát trong những đám hội, nhất là về vùng Bắc Giang.

1 Phạm Duy - *Hát hồi miền Bắc* Văn đàn tạp chí, số 4 đổ ngày 13-1-1961.

Ai đã có dịp qua con đường cái quan mà hai bên là đồng ruộng, trên đường khách bộ hành qua lại, dưới ruộng thợ đồng làm việc, nam có, nữ có, người cày ruộng, người cấy lúa?

Ở quãng đường này, cách đây mấy chục năm về trước những chàng trai trẻ đi qua đám ruộng thường bị các cô gái hát trên:

Báo này:

*Hỡi người đi đường cái quan,
Dừng chân đứng lại em than vài lời.
Đi đâu vội mấy anh ơi,
Công việc đã có chị tôi ở nhà
Anh cả anh hai đó ơi!*

Bắt đầu câu hát, người hát thường gọi lên hai tiếng *báo này* như muốn cho người nghe chú ý tới câu hát của mình, và cuối câu hát thường đệm bằng mấy tiếng *Anh cả anh hai đó ơi!* hoặc *Chị cả chị hai đó ơi!* để báo cho người nghe biết câu hát của mình đã dứt, để người nghe sửa soạn hát đáp với mình.

Người khách bộ hành đi trên đường, nghe giọng hát đầy quyến rũ, lời ca đậm ấm, ngập ngừng rồi đứng lại để đáp lời làm quen của cô bạn gái dưới đồng.

Cô bạn gái đang cất cổ chẳng? Chàng trai - vì khách bộ hành thường là một chàng trai mới được các cô hát ghẹo, - liền hát lại:

Báo này:

*Cô kia cất cổ một mình
Cho anh cất với chung tình làm đôi.
Cô còn cất nữa hay thôi,
Để anh cất với làm đôi vợ chồng.
Cô cả cô hai đó ơi!*

Thật là kẻ Buối vợ vào! Mới làm quen đã tính chuyện vợ chồng!



Câu hát có khi của chàng trai còn khăng khít hơn:

Báo này:

*Cô kia cất cô bên sông,
Có muốn ăn nhãn thì lỏng sang đây!
Sang đây anh nắm cổ tay,
Anh hỏi câu này: có lấy anh không?
Cô cả cô hai đó ời!*

Chàng trai hát trả lời cô gái vì lịch sự và vì phong nhã, chàng trai muốn gây chút cảm tình làm quen. Có chàng trai cứ cầm đầu đi mặc cho các cô dưới đồng hát ghẹo. Chàng trai rảo bước đi, cô gái không tha, hát theo:

Báo này:

*Ma kéo hay là ma lời
Mà chàng nỡ bỏ lời tôi chàng về.
Anh cả anh hai đó ời!*

Có chàng trai đi thẳng, nhưng cũng có những chàng trai bực mình với các cô gái dưới đồng, chàng đứng lại, hát chọc một câu xuyên tâm:

Báo này:

*Cô kia mà hát ghẹo ời,
Cái mồm méo xệch như quai chèo đò.
Có muốn anh nấn lại cho,
Ngày mai chèo đò, ăn bát cơm thiêu!
Cô cả cô hai đó ời!*

Hát xong chàng bỏ đi thẳng, mặc cho cô gái muốn trả lời hay không.

Cũng có trường hợp chàng trai hát những câu sâu cay hơn.

*Nhà em tội lỗi vì đâu,
Mà em đi chống phao câu lên trời?*

Đây là chàng trai có ý moi móc cô gái đang cấy lúa, đầu cúi xuống và bộ môn chống ngược trở lên.

Tuy là gái quê, nhưng các cô cũng chẳng phải tay vừa. Bị hát chằm chọc, các cô cũng hát lại:

*Nhà em chẳng tội lỗi gì,
Em chẳng đi chống, lấy gì anh xoi?*

Câu hát rất đúng, đúng về nghĩa đen, nhưng cũng lại rất đau đớn về nghĩa bóng. Về nghĩa đen, các cô không đi chống, nghĩa là đi cấy lúa, làm sao có gạo, còn về nghĩa bóng - chống đây tức là đi đại tiện.

Thật là cay cú cho chàng trai, bị vố đau lớn, chẳng có cách gì hơn là bỏ đi thẳng, vừa đi vừa lảm bảm rửa thắm lủ thợ cấy chua ngoa... Còn các cô, các cô tiễn theo chàng trai những chuỗi cười khiến cho chàng phải rảo bước đi mau hơn. Chàng không thể trách các cô được, tuy câu hát của các cô có hơi tàn nhẫn, vì sinh sự thì sự sinh, chàng hát câu sâu cay, chàng phải chịu những câu sâu cay hơn đáp trả. Các cô gái bao giờ cũng sẵn sàng những câu ứng biến đối với những chàng trai thiếu lịch sự. Như câu chuyện sau đây:

Các cô thợ cấy miền Bắc trước đây đi cấy thường mặc váy, *chiếc quần một ống không đáy*. Trong lúc làm việc đôi khi gió lộng hoặc các cô vô ý, thân váy tốc ngược lên. Có chàng trai ngẫu nhiên được trông thấy nơi kín đáo nhất của một cô, đã hát một câu thật thiếu lễ độ và lịch sự:

*Tám vãi đáng giá bao tiền
Mà em để cả tổ tiên ra ngoài?*

Thật đáng giận chưa? Khi không mà bị chàng trai hát xược, có lẽ nào cô gái để yên. Cô suy nghĩ rồi cô hát đáp:

*Nhà em tiết kiệm đồng tiền,
Xin anh rước lấy tổ tiên về thờ!*

Câu hát đáp mới thật là chua ngoa: Chàng trai gieo gió thì phải gặt bão.

Bị câu hát làm cho tím mặt, chàng trai hoặc tìm những câu hát khiếm nhã hơn, hoặc làm thỉnh bỏ đi thẳng, thường thì đi thẳng cho êm đẹp, vì đối với bọn gái chua ngoa, mồm mép con trai đáp sao cho lại.

Chàng trai đi thì mặc chàng, các cô gái lại cúi xuống tiếp tục những công việc của mình bên những trai làng.

Rồi trong đám trai làng, một chàng cảm nhan sắc của một cô gái làng, từ lâu vẫn muốn ngỏ nỗi lòng nhưng chưa có dịp nào thuận tiện. Hôm nay trời đẹp, ánh bình minh tươi sáng, mùi đất được cày vỡ nồng nàn, lòng chàng phơi phới, chàng liếc nhìn cô gái, rồi chàng đánh bạo hát:

Báo này:

Cô kia yếm trắng lòa lò,

Lại đây đập đất trồng cà với anh.

Bao giờ cà chín củ xanh,

Anh cho một quả để dành mớm con!

Cô cà cô hai đó ơ!

Chàng trai hơi sổ sàng, nhưng đây chỉ là sự sổ sàng của người đồng quê chất phác.

Cũng có những chàng trai tế nhị hơn, hát xa xôi hơn nhưng vẫn rơi vào phản mình:

Báo này:

Cô kia má đỏ hồng hồng

Cô chưa lấy chồng còn đợi chờ ai?

Buồng không lần lữa hôm mai

Đầu xanh mấy chốc da môi tóc sương!

Cô cà cô hai đó ơ!

Lời nói thật là khéo léo! Nhưng với những lời khéo léo



ấy, cô gái chẳng động tâm; chàng trai cho rằng cô đã mắc mưu nơi nào; chàng hát xa hát gần:

Bảo này:

*Cô kia đi đường này với ta,
Trồng đậu, đậu tốt, trồng cà, cà sai.
Cô kia đi đàng ấy với ai,
Trồng bông, bông héo, trồng khoai, khoai hà!
Cô cà cô hai đó ơ!*

Và có khi chàng trai lúc bắt đầu rụt rè, nhưng với giọng hát, nhất là khi được cô gái đối đáp một đôi lời, chàng trở nên quyết liệt:

Bảo này:

*Cô mình ơ! Anh quyết với cô mình,
Công anh đan diu chẳng có thành thì thôi!
Con sông kia, bên lở có bên bồi,
Bên lở thì đục, bên bồi thì trong;
Con sông kia nước chảy đôi dòng,
Biết rằng bên đục bên trong bên nào!
Cô cà cô hai đó ơ!*

Trên đây chỉ là những câu hát nhắc lại những cuộc gặp gỡ giữa đường hoặc cùng làm việc với nhau.

Thật ra, trai gái đã yêu nhau vì tình đã quen hơi bên tiếng vì giọng hát câu ca, trai thường tìm đến làng gái để hát một vài canh, trong khi gái vừa làm việc vừa đối đáp với trai. Và những canh hát đối đáp này, thường khi đã kết quả bằng những lứa đôi tốt đẹp.

Đây là chưa nói tới hát bội.

Tại các đám hội xuân miền Bắc, nhất là tại các vùng trung du, trai gái gặp gỡ nhau dùng miếng trâu mời hát để vui ngày hội, rồi cùng hẹn hò nhau tới những hội sau để cùng



hát. Hoặc những cặp trai gái đã quen biết nhau, họ cùng hẹn nhau tới các đám hội để cùng nhau nối tiếp sự trao tình qua câu ca giọng hát.

Ở các đám hội, trai gái như có quyền tự do cùng nhau trao đổi câu ca tiếng hát để nói lên sự yêu đương tưởng nhớ của mình. Lễ giáo Việt Nam tuy khe khắt, nhưng tục lệ các làng lại rất rộng rãi trong các buổi hội xuân, cho trai gái được tự do luyện ái, miễn là sự luyện ái đừng đi tới trò trên bực trong dâu.

Hát ví là giọng hát để làm quen mà cũng là giọng hát để đôi bên lưu luyện nhau:

Báo này:

Minh về ta chẳng cho về

Ta nắm cổ áo ta để bài thơ

Bài thơ ba chữ rành rành

Chữ “trung”, chữ “hiếu”, chữ “tình” là ba.

Chữ trung thì để thờ cha.

Chữ hiếu thờ mẹ đòi ta chữ tình.

Cô cù cô hai đó ơi!

Trong những buổi hội xuân, với các đám hát ví quang cảnh thật là vui. Trời xuân lành lạnh, có khi mưa xuân lớt phớt. Những cô gái què khăn mỏ quạ, má ửng đỏ vì tiết trời, đứng tùm nập tùm ba cùng những bạn trai khăn đóng áo dài, về mặt trung hậu chân thành, cùng nhau hát những lời yêu đương, thật là êm ái. Một đám hội không phải chỉ có một đám hát, mà có rất nhiều đám hát. Đằng sau chùa, đằng trước chùa, bên bờ ruộng, cạnh đường làng, chỗ nào cũng là chỗ để trai gái tụ tập ca hát.

Hát ví thịnh hành khắp miền Bắc, nhưng hát ví trong ngày hội thường chỉ nhiều tại mấy tỉnh trung du như Bắc Giang, Bắc Ninh v.v...

HÁT VÍ NGHỆ TĨNH

Từ trên, tôi mới trình bày về lối hát ví ở miền Bắc. Ở các tỉnh Nghệ, Tĩnh cũng có hát ví, và người dân quê ở vùng này, dù nam hay nữ không ai là không biết hát ví, vì ở đây hát ví cũng như ở ngoài Bắc, là một lối dân ca người đồng quê rất ưa thích.

Tục hát ví trước đây rất thịnh hành, chẳng những bình dân ca hát mà cả đến lớp nho sĩ cũng ham chuộng.¹

*Hát lên ta nhời ta nhời,
Mấy khi đèn hạnh soi nơi quuyến vàng.*

Người ta hát theo những câu hát cũ hoặc đặt ra những câu hát mới. Những ai không biết cất điệu uốn giọng thì hát đệm theo người khác. Vì cho rằng có không biết hát nữa, đi dự đám hát, nghe người khác hát, theo dõi từng câu, từng ý, từng cách lấy điệu tìm lời, từng giọng hát để thưởng thức, hiểu được lời, biết được điệu hát, rõ được giọng hay, dù chính mình không hát, cái thú của hát ví vẫn đến với mình.

Cũng như ở ngoài Bắc, hát ví là lối hát đối đáp, bên nọ lên tiếng, bên kia trả lời, trả lời sao cho câu hát ăn với câu hát của người lên tiếng. Muốn như vậy, các trai gái hát ví phải ứng khẩu hát ngay tại chỗ nhiều câu hát mới tự đặt ra nếu không tìm được những câu hát cũ. Người dự hát phải chú ý nghe câu hát của người cất tiếng rồi lúc hát đáp vừa cất giọng hát vừa suy nghĩ để lựa chữ tìm vần. Cũng nhiều khi họ dùng những câu có sẵn đã lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, đã ăn sâu vào trí óc họ.

Sau những ngày làm lụng mệt nhọc, người dân quê vùng Nghệ, Tĩnh cũng như bất cứ người dân quê nơi nào ở Việt

1 Nguyễn Chung Anh - *Hát ví Nghệ, Tĩnh*.

Nam cũng cần phải giải trí, và hát ví chính là một thú giải trí tao nhã vừa làm tiêu tan được sự mệt nhọc, vừa làm phấn khởi tinh thần con người để vui với việc làm.

*Lắng tai nghe tiếng em “đàn”.
Bằng ai buông chén ngọc đổ vào gan lạnh lòng!*

Đàn đây tức là hát ví. Câu hát đã làm rung động lòng người nghe và đem lại sự ấm áp giữa trời lạnh lẽo.

Hát ví là một sự trợ lực cho việc làm, bởi vậy có làm việc là có hát ví như tục *hát phường vải* ở Nam Đàn (Nghệ An), *hát phường chiếu* ở Can Lộc (Hà Tĩnh), *hát vá lưới* ở các bờ biển, *hát phường buôn* ở các vùng kẻ chợ, *hát phường cấy* trong các vụ gặt cấy v.v...

Hát để giải mệt, hát để trợ lực cho việc làm, nhưng cũng lại là dịp để trai thanh tân, gái yếu điệu tìm hiểu nhau, và đã hơn một lần, những cuộc nhân duyên tốt đẹp đã bắt đầu bằng một canh hát ví như ở ngoài Bắc vậy.

Trong khi làm việc trai gái hát ví với nhau, nhưng các cụ già luôn theo dõi cuộc tranh tài của đôi bên, nhất là các cụ bà, và thỉnh thoảng lại nhắc lời nhắc ý cho con em. Các cụ thường khuyến khích trai gái thương yêu nhau để đi đến những lứa đôi cảm sắt, nhưng trong việc thương yêu, đôi bên đều giữ gìn kính trọng lẫn nhau, và chính các cụ già cũng vừa khuyến khích các cô các cậu nhưng cũng lại canh chừng để giới hạn những cử chỉ yêu thương chỉ ở trong vòng lễ giáo.

Hát ví, trai gái lựa câu để nói với nhau, để giải bày tâm sự với nhau. Thằng hoặc có chàng trai nghèo, gặp một cô gái nhà giàu kiều kỳ hóm hĩnh, chàng không ngần ngại gì không nói rõ sự lựa chọn lứa đôi của mình:

*Trèo lên cây chuối cao tàu
Vừa đôi thì lấy ham giàu mần chi?*



Cô gái cũng chẳng phải vừa! Chàng trai đã miệt thị sự giàu có, nàng phải cho chàng biết cái giàu là điều vẫn hơn.

Ham giàu răng lại mần chi?

Trầu cày, ruộng cấy, có khi thuê phường.

Thuê phường để phường hát đối đáp cho mà nghe tạo nên cảnh phong lưu vui vẻ.

Thương những câu hát ví Nghè. Tình xoay quanh câu chuyện yêu đương; giữa trai gái phải có yêu đương, có yêu đương mới nảy trí, có nảy trí lời hát mới hay:

Ba trăm năm nước cũ thanh bình,

Mùng nay gió mát trăng thanh một trời.

Thu hương mùng khách anh tài,

Lạ quen xin có mấy lời chào nhau.

Đó là câu hát lúc mở đầu đôi bên mới gặp nhau. Ý nghĩa câu hát thật là đẹp và tình tứ biết bao, nhất là khi câu hát lại do một thiếu nữ xinh đẹp hát lên.

Và chàng trai cũng đáp lại bằng một câu hết sức lịch sự, vừa nói lên sự hân hoan của mình, lại vừa ngợi khen nhan sắc của người đẹp.

Gặp hồi gió mát trăng trong,

Không đi thì sợ phụ lòng Hằng Nga.

Hữu tình ta lại gặp ta,

Biết nhau một tiếng đã là biết nhau!

Đã lịch sự chưa? Phụ lòng Hằng Nga tức là phụ lòng người đẹp đang đối đáp với mình, và người đẹp khả dĩ sánh với Hằng Nga.

Nhiều khi trai gái mới gặp gỡ nhau trong buổi hát đầu tiên, cô gái thấy chàng trai hướng tới mình nhưng không biết chàng trai đã có nơi chốn nào chưa. Cô kín đáo hỏi thăm qua câu hát:



*Biết nhau biết tự buổi đầu
Còn e núi thẳm sông sâu thế nào?
Trăm năm chút phận má đào,
Chín khôn một đại làm sao cho tròn!*

Lẽ tất nhiên, nếu chàng trai thật lòng thương yêu cô gái, chàng cho cô gái biết tình trạng gia đình của mình:

*Sách đèn chăm phận nam nhi,
Đại khau trước đã, lo gì tiểu khoa.
Cầu Ô đợi bến Ngân Hà,
Ngư câu gieo lá mới là đêm nay.*

Trong những buổi hát, có những chàng trai than thở về mối tình bị chia cắt:

*Chim bay về núi tối rồi,
Gửi thư, thư chậm, gửi lời, lời quên.*

Cũng như hát ví miền Bắc, mọi trạng thái tâm hồn đều có những câu hát để phô diễn.

Nhắc lại mối tình xưa chẳng? Họ sẽ hát:

*Nghe tin em đã có con bông
Anh cho riêng đồng bạc, đúc chiếc vòng cháu đeo.*

Để mĩa mai ai họ sẽ hát:

*Hoa thơm mất nhụy đi rồi,
Về tô màu thuốc lại bán cho người đường xa.*

Để diễn tả một ý chí vững mạnh họ sẽ hát:

*Hoa tàn bướm hây còn xinh,
Chợ tan mặc chợ, quán với đình cứ nghiêm.*

Câu hát biến diễn theo mọi hoàn cảnh. Trước đây trong Văn hóa Nguyệt san số 69, xuất bản tháng 3 năm 1962, các

tác giả Hoàng Diệp và Thiết Mai có nhắc đến câu chuyện cụ Phan Bội Châu trong một cuộc hát ví được một cô gái quê hỏi thăm một cách rất tài tình:

Vấn quán hà tính, hà danh?

Hà châu, hà quận? Niên canh kỳ hà?

Câu hát chỉ có 11 chữ, lại toàn chữ Hán, mà hỏi được tới năm điều. Câu hát sau này đã được dịch nôm:

Hỏi anh tên họ là gì?

Quận châu nào tới, tuổi thì bao nhiêu?

Cụ Phan đã trả lời câu hỏi trên và hát đáp:

Trước Lâm Thúy, sau Hồng Sơn.

Nhà nào đọc sách gây đàn nhà anh.

Qua câu trả lời, cụ Phan đã trả lời để trả lời chứ so sánh câu hỏi với câu đáp, ta thấy câu đáp không sát với ý nghĩa câu hỏi tài tình và lém lỉnh trên, đấy không kể cụ đã dùng Nôm để đáp một câu Hán. Dù sao câu đáp cũng đã nói lên tình tình hào hoa phong nhã và chí khí cương cường của một kẻ sĩ đất Lâm Thúy Hồng Sơn.

Hát ví Nghệ Tĩnh, ngoài những câu hát trao tình, và những câu hát nói lên tâm trạng của trai gái, còn có những câu hát đố rất khéo léo đôi khi đến hiểm hóc, với những câu trả lời thật hay và thật tài nói lên sự ứng đối lanh lẹ của nam nữ ca hát.

Dưới đây là những câu thách lời đối đã được nhiều tác giả nhắc tới trên sách báo.¹

Thách:

¹ Phần lớn những câu hát trong đoạn này đều trích trong cuốn *Hát ví Nghệ Tĩnh* của Nguyễn Chung Anh.

*Ai xô ông Tế mà ông Tế Ngã
Ai lôi ông Phàn mà ông Phàn Tri?¹
Chàng mà đối được gái nữ nhi theo về.*

Đối:

*Ai đập ông Cô mà ông Cô Trúc?
Ai đơm Vua Vũ mà Vua Vũ Vương?²
Anh đã đối được hỏi nàng tính rặng?*

Thách:

*Cô Xuân đi chợ Hạ,
Mua cá Thu về chợ hãy còn Đông.
Trai nam nhi đối được, gái má hồng xin theo.*

Đối:

*Anh ở bên Nam sang bán hàng thuốc Bắc.
Chữa con gái Đông phòng cảm bệnh miền Tây
Ông Tư Hồng, Bà Nguyệt Lão như anh sang đây
kết duyên.*

Thách:

*Chi là chung, chi là đỏ, chi là đi,
Rượu bỏ đào anh không uống, anh uống gì mà say?*

Đối:

*Trung là trung, trung là trưa (giữa)
Xích xuống tí nữa thì trung là ngay,
Anh không say vì rượu mà chỉ say ngãi nàng.*

Trên đây là một số các câu thách và đối, còn nhiều câu khác với lối chơi chữ tương tự. Cũng có một số câu cho tới ngày nay vẫn chưa có người đối được đến nơi đến chốn:

- 1 Tế Ngã và Phàn Tri là học trò Đức Khổng Tử.
- 2 Cô Trúc là vua nước Cô Trúc, Vũ Vương là vua nhà Chu.

*Chữ rằng: Nhật nguyệt tịnh minh
Ngày Nghiêu, tháng Thuần, hội thái bình âu ca*

Câu này khó đối bởi hai chữ nhật, nguyệt ghép lại thành chữ minh. Nhật là mặt trời, nguyệt là mặt trăng, minh là sáng. *Nhật nguyệt tịnh minh* là mặt trời mặt trăng đều sáng, song nhật, nguyệt lại có nghĩa là ngày tháng. Ngày Nghiêu tháng Thuần chỉ sự thái bình.

*Cha con thầy thuốc về làng
Gánh một gánh hồi hương, phụ tử, thiếp hồi chàng đối chi?*

Hồi hương là về làng, phụ tử là cha con, nhưng *hồi hương* và *phụ tử* lại là tên hai vị thuốc Bắc.

*Nồi đồng ba, nấu cháo ba ba
Tam tam nhi cứu, hỏi anh đà chín chưa?*

Mấy câu trên là những câu khó đối, và lối thách đối văn tự này thường chỉ những người có đôi chút học thức mới đem ra thử tài nhau, còn giới bình dân có những đôi câu đối giản dị và bình dân hơn, đối đáp ý nghĩa ở ngay nếp sống hằng ngày, tuy vậy cũng không phải là không tế nhị và không tài tình. Ta hãy thử nghe câu đối hỏi chú thợ cày:

*Bây giờ hỏi thật chú cày
Một trăm gánh lúa được mấy tay mấy gỏi?*

Đáp:

*Hai tay úp lại một bàn,
Một trăm gánh lúa được sáu ngàn tư tay.*

Nghe tuy giản dị nhưng câu hỏi thật khó, và câu đáp thật rành. Theo cách gặt lúa vùng Nghệ Tĩnh hễ gặt đầu trong nắm tay là một *tay*, hai tay nhập một là một *gỏi*, bốn *gỏi* là một *lượm*, bốn *lượm* bó lại thành một *bó*, hai *bó* là một



gánh, mỗi gánh lúa có 32 gòl tức là 64 tay, một trăm gánh là 6.400 tay hoặc 3.200 gòl.

Và sau đây là mấy câu đố khác:

Đố:

*Anh muốn hỏi em một lời
Mặt trời ở đó, tróc (đầu) trời ở mô?*

Đáp:

*Anh về van đất, đáy ơi,
Ra đây em chỉ tróc trời cho anh.*

Đố:

*Nghe tin em buồn bán tài tình,
Hỏi em con cá rô mấy vẩy, con cá kình mấy xương?*

Đáp:

*Anh về đếm mạ giữa nương,
Đếm người giữa chợ thì em mới đếm được xương cá kình.*

Những câu đối đáp trong hát ví Nghệ Tĩnh thường gắn với nếp sống hằng ngày, và cũng luôn luôn thay đổi theo trường hợp của từng người hát.

Thách thức nhau, đối đáp với nhau nhiều khi còn có những câu châm chọc nhau hoặc moi móc nét xấu hoặc hoàn cảnh của nhau, tương tự như các lối dân ca khác ở khắp Bắc, Trung, Nam.

(...)

HÁT QUAN HỌ

Hát quan họ là một lối hát trao tình đặc biệt của mấy huyện Tiên Du, Võ Giàng, Yên Phong tỉnh Bắc Ninh và huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang.

Tương truyền rằng hát quan họ có từ đời nhà Lê và người đặt ra lời hát này là Hiếu Trung Hầu tên húy là Diễn làm quan dưới triều vua Lê Cảnh Hưng. Xuất thân Hiếu Trung Hầu là hoạn quan, sau được thăng Thanh Hoa trấn Đốc Đồng.

Hiếu Trung Hầu quê ở xã Lũng Giang, tổng Nội Duệ, huyện Tiên Du, trấn Kinh Bắc. Ngài không có con và khi chết ngài bầu hậu hàng Tổng và hàng năm tổng Nội Duệ mở hội để kỷ niệm ngài tại Đồi Lim tức là Hồng Vân Sơn.

Hiếu Trung Hầu lúc về già, đặt ra lời hát *quan họ* để mua vui.

Đây là một lối hát đối đáp giữa hai bên trai gái, qua những câu hát nam nữ tỏ tình với nhau. Lời hát đôi khi thật văn chương bóng bẩy, đôi khi thật thâm thiết nồng nàn.

Hát quan họ, trai gái đối đáp với nhau không cần tới âm nhạc đệm, nhưng nếu có nhạc càng hay. Trường hợp có đệm nhạc rất hiếm, và thường chỉ thấy trong buổi hát thờ ở các đình làng.

Hát quan họ phải hát giọng đôi, hai người châu miệng vào cùng nhau hát, hai giọng luyện với nhau, tiếng ngân vang, vang vút, tiếng trầm êm ái như ru.

Hát quan họ có nhiều giọng, nhưng có ba giọng chính các nam nữ thanh niên vẫn dùng để đối đáp trong những ngày hội. Ba giọng đó là:

Giọng sống - Dùng để dạo giọng lúc bắt đầu hát. Giọng sống ngân vút cao nghe đậm ấm nồng nàn. Đây là giai đoạn đôi bên trai gái dò xét ướm hỏi long nhau:

*Hôm nay từ hải giao tình,
Tuy rằng hôn bế nhưng sinh một nhà.
Số anh phải lấy vợ xa,
Số em không lấy chồng nhà được đâu.
Đã trót yêu nhau, lấy nhau cho được,
Bỏ lòng này rày ước mai ao!*

Trên đây là một câu hát giọng sống. Lúc hát lên có những khúc đệm ý a, ý á hoặc ới ư... hoặc những tiếng láy đi láy lại để câu hát ăn với âm thanh, âm thanh ăn với giọng hát.

Những câu hát sống có thể dùng cho bên nam, bên nữ cũng được, lúc hát lên bên đương sự chỉ cần đổi một vài chữ trong câu hát cho hợp với mình.

Giọng vật - Sau khi đôi bên dạo giọng bằng một vài câu hát sống là những câu giọng vật để đôi bên gắn bó với nhau. Nếu giọng sống chỉ có một giọng thì giọng vật lại gồm nhiều giọng: giọng buồn, giọng vui, giọng cao, giọng thấp, giọng ngắn, giọng dài. Chính vì vậy mà gọi là giọng vật, giọng vật không đồng nhất. Có khi giọng hát bắt chước tiếng đàn với những lời đệm tình tang, tang tít, có khi giọng hát bắt chước tiếng chim liu lo nhưng nồng nàn, có khi bắt chước tiếng giun để nghe buồn rầu ảo não. Giọng vật cần thay đổi mới nói lên đủ tình tiết yêu thương của đôi bên nam nữ.

Những câu hát giọng vật thường có hai câu để đôi bên đối nhau, bên nọ hát lên, bên kia xuống lại dù bên hát trước là nam hay nữ. Cũng như những câu hát giọng sống, mỗi câu hát đều có thể dùng được cả cho đôi bên nam nữ chỉ cần thay đổi một đôi chữ trong câu hát để cho hợp với người hát:

Nam:

*Ngồi tựa vườn đào,
Thấy người thực nữ ra vào lòng những vấn vương,
Gió lạnh đêm trường,
Nửa chân để đó, nửa giường để đó chờ ai,
So chữ sắc tài,
Có công gắn bó ai người phụ nghĩa quên công.
Nên chẳng dấy vợ đây chồng!*

Nữ:

Ngồi tựa vườn đào,
Thấy người bạn ngọc ra vào lòng những vấn vờ.
Tháng đợi năm chờ,
Yêu nhau chớ để hững hờ với khách tài hoa.
Khấn nguyện trăng già,
Duyên tơ xe lại một nhà đầm ấm yên vui.
Nguyệt lặn sao dời,
Bỏ công gần bó, bỏ lời gần bó giao đoan.
Nên chẳng tình Tấn duyên Tấn!

Dưới đây xin thêm hai câu hát giọng vật khác đối nhau:
Nam:

Con chim bỏ câu,
Nó liệng thấp nó lại liệng cao,
Liệng qua cửa phủ, liệng vào trong dinh
Ngọn đèn khơi ngọn tam tinh
Khơi lên cho tỏ ta nhìn mặt nhau
Nhìn người chẳng dám nhìn lâu
Nhìn qua thấy mặt chịu sầu thiết tha!
Nào lời tôi dặn hôm qua?
Có nhớ những lời tôi dặn hôm qua?

*

Nữ:

Con chim bỏ câu
Nó liệng thấp nó lại liệng cao,
Liệng qua cửa phủ liệng vào trong kho.
Ngọn đèn chịu gió phất phơ
Nào lời tôi hẹn bây giờ là đâu?
Khơi đèn nhìn mặt thêm sầu,
Khơi đèn nhìn mặt thêm đau tác lòng!
Phụ tình ao ước chờ mong
Trách ai đã phụ tình ao ước chờ mong!



Trong giọng vật có cả giọng ngâm thơ. Đây là những bài thơ nói lên tình yêu của trai gái:

*Biết chăng, chẳng biết hơi tri âm?
Vấn vít con tơ vận ruột tâm.
Khắc khoải sầu tuôn, lòng tựa bể,
Bồi hồi dạ nhớ thàng như năm.
Chấn loan bên đắp bên chờ đợi,
Chiếu nguyệt nửa nằm, nửa biếng thăm.
Một bức tình thư đưa nhận gửi,
Thấu tình chẳng hơi bạn tri âm?*

Giọng bí - Trai gái quan họ dạo giọng bằng giọng sống, gắn bó với nhau bằng giọng vật và để chia tay nhau họ dùng giọng bí, hoặc gọi là giọng ví.

Giọng bí ngân dài, nói lên sự chua xót của phân ly, sự luyến tiếc của ngày mau tàn, nhất là khi gặp nhau ở những đám hội phải chia tay từ giả nhau.

*Bây giờ giáp mặt đình ninh
Xa xôi ai có thấu tình chăng ai?
Hay là người đã nghe ai?
Thà chông đường nghĩa rấp gai lối tình!*

Nội dung câu hát giọng bí thường là căn dặn nhau, bảo nhau nhớ lấy những lời hẹn ước, đừng vì khuất mặt xa lời mà quên nhau.

Tuy ba giọng hát là ba thời kỳ của buổi hát, gặp gỡ, gắn bó và giả từ, nhưng nhiều khi hát sang giọng bí rồi, có những đám quan họ lại trở lại hát giọng vật như cố níu lấy sự lưu luyến của trai gái đang tuổi yêu đương. Giọng vật một đôi câu rồi họ lại chuyển sang giọng bí để từ biệt và hẹn hò nhau.

Năm giọng trên

Ngoài ba giọng chính trên, quan họ còn có năm giọng gọi là năm giọng trên. Năm giọng này chỉ hát tới những khi hát giải. Năm giọng đó có những tên nghe thật kỳ khôi: *Đường bạn, Lên núi, Xuống sông, Hừ la* và *Tình tang*.

1. *Đường bạn*: Giọng gần bó keo sơn với những lời hát rất tình tứ.
2. *Lên núi*: Giọng hát khi hát lên, người nghe có cảm giác như thấy một đoàn người reo hò cùng nhau leo núi. Câu hát lối tứ tự. Rất tiếc kẻ viết bài này lâu ngày không còn nhớ được câu nào.
3. *Xuống sông*: Cũng như giọng lên núi, khi hát lên người nghe có cảm giác như một đoàn người đang bước xuống kín nước ở dòng sông.
4. *Hừ la*: Tên thật kỳ khôi với những bài hát giọng kéo dài đặc biệt.
5. *Tình tang*: Cũng như giọng hừ la, lúc hát câu hát được đệm bằng những tiếng tình tang.

Năm giọng trên của quan họ chỉ người hát giỏi mới hát nổi, vừa tốn hơi tốn sức, lại phải diễn tả cho đúng điệu của mỗi giọng.

Nguồn gốc của tục hát Quan họ

Như trên đã nói, theo tương truyền thì tục hát *Quan họ* do Hiếu Trung Hầu đặt ra để mua vui lúc tuổi già. Vốn là một hoạn quan không có con cái, Hầu đã phó thác sự cúng giỗ của mình sau khi nhắm mắt cho dân chúng tổng Nội Duệ, nhưng trong tuổi già sống không con tro tro, ngày tháng nặng nề, Hầu tìm cái vui trong cái vui của đàn trẻ trong thôn xã, trong hàng tổng.

Dựa theo lối hát ví của vùng Kinh Bắc tức là Bắc Giang và Bắc Ninh ngày nay, Hầu đặt ra lối *hát quan họ* thay cho hát ví, vì hát ví bao giờ cũng chỉ có một giọng đều đều kém linh động, kém tình tiết, kém cả nồng nàn, trong lối diễn tả. Vốn đã được hầu hạ nhà vua trong cung cấm, Hầu cần cứ vào những điệu nhạc khi vui khi buồn, khi đậm ảm, khi dẫn dỗi để đặt ra lối hát Quan họ với những giọng hát diễn tả đúng tình cảm từ lúc trai gái mới gặp nhau, qua thời kỳ gần bó cho tới khi từ giả tượng trưng bởi ba giọng chính: sống, vất, bĩ.

Lúc mới sơ khởi, Hầu có ban nhạc cho hòa theo các giọng hát nhưng về sau trong thôn quê, không phải lúc nào cũng sẵn nhạc, nên dân chúng gặp gỡ nhau là hát theo những giọng Hầu đã đặt ra. Thay vì nhạc đệm, họ hát giọng đôi để tránh sự trơ trẽn của giọng đơn ca, để người ca giọng ảm có thể dịu dặt người còn non giọng. Hát quan họ, lúc đầu chỉ có mấy xã thuộc tổng Nội Duệ như Lũng Giang, Lũng Sơn, Duệ Đông v.v... nhưng dần dần, dân chúng vùng lân cận thấy hay đều cùng nhau tập hát. Cho tới thời tiền chiến, tục hát quan họ này lan suốt nhiều xã thuộc hai huyện Tiên Du và Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh, và còn lan tràn sang một số các xã tỉnh Bắc Giang ở bên kia sông Cầu như Mát Ninh, Nội Ninh v.v...

Mùa quan họ

Chính ra, trai gái quan họ có thể hát với nhau quanh năm, bất cứ vào lúc nào, nhưng đời sống nông dân bận lam lũ làm ăn, nên quanh năm nếu có hát quan họ, chỉ có hát lễ tế, mà hát lễ tế thì lối hát ví thích hợp với đồng quê hơn. Bởi vậy quan họ chỉ được hát trong những dịp lễ bái quan trọng hoặc trong những dịp khao cưới ở các tư gia.



Mùa Xuân là mùa hội hè lễ bái, dân quê nhân vụ chiêm vừa cấy xong, vụ gặt chưa tới, làng làng đua nhau mở hội và nam nữ thanh niên họp nhau thành từng bọn rủ nhau đi hát quan họ.

Mùa quan họ tới với mùa Xuân tung bừng, tới với lòng hân hoan của những chàng trai cũng như của những cô thôn nữ nụ cười nhí nhảnh, yếm thắm thắt lưng điều.

Mùa quan họ là mùa hội Xuân. Có hội xuân là có hát quan họ tại các vùng đã kể.

Sau ba ngày Tết, từ ngày mồng bốn đã có làng mở hội, như làng Hữu Thấp, huyện Võ Giang tỉnh Bắc Ninh. Trai gái quan họ từ các làng kéo nhau tới.

Thường họ tới hội vào lúc quá trưa, và họ hát cùng nhau cho tới tối. Lúc ra về họ lại hẹn hò nhau tới các hội khác.

Suốt ba tháng Xuân, có hội ở làng nào đều có trai gái quan họ kéo nhau tới hát.

Cuối Xuân hội bắt đầu thưa dần. Công việc nhà nông lại bắt đầu vất vả vì sửa soạn cho vụ gặt chiêm hoặc vì dỡ hoa màu phụ.

Rồi rồi, họ hát chơi xuân, bắt đầu có công việc, họ bắt đầu làm việc trở lại và ghi nhớ những kỷ niệm ca hát của ngày xuân. Những cuộc gặp gỡ mùa xuân đã từng tạo nên những lứa đôi đầy hạnh phúc.

Tại sao lại gọi hát quan họ?

Tại sao giọng hát này lại gọi là hát quan họ? Về điểm này, trước đây đã nhiều người giải thích trong số đó có cả nhạc sĩ Phạm Duy. Mọi người đều cho rằng vì sự kính trọng bọn người cùng hát với mình nên dùng tiếng quan để xưng hô, còn họ tức là ý nói một bọn đồng. *Quan họ là một bọn nhiều người được sự tôn trọng của những người khác. Hát quan họ tức là lối hát của những người này.*



Tôi đã được dịp hỏi người dân xã Lũng Giang, các cụ già nơi đây đã trả lời:

- Ta gọi nó là hát quan họ thì là hát quan họ. Chính chúng tôi ở nơi đây cũng không hiểu tại sao lại có danh từ này. Theo các cụ chúng tôi truyền lại thì đầu tiên những người hát là thân nhân họ hàng quan Hầu được ngài dạy cho trước. Quan họ là những người có họ hàng với Quan Hầu, và hát quan họ là lối hát của Quan Hầu tập cho những người này đầu tiên.

Lời giải thích xét ra rất có lý, vì lúc đầu truyền giọng hát mới, Hiếu Trung Hầu tất nhiên phải truyền cho con cháu trước rồi sau mới do con cháu truyền cho người ngoài.

Trong khi chưa ai biết đích xác tại sao lại gọi là hát quan họ, thiết tưởng nên chấp nhận lời giải thích của các cụ làng Lũng Giang, nơi có đôi Lim và có thể là quê tổ của tục hát quan họ.

Một bọn quan họ

Trai gái quan họ, đi hội, họ họp nhau thành từng bọn để thay phiên nhau hát. Trai cũng như gái, một bọn quan họ gồm ít nhất năm người, do một người dẫn đầu, lo việc mời mọc bạn hát, hoặc quyết định những điều liên quan tới cả bọn. Người này các quan họ tôn là anh Hai hoặc chị Hai.

Sau đó là các anh chị Ba, Tư, Năm và Sáu.

Nếu bọn quan họ có sáu người, ngoài anh Tư hoặc chị Tư còn có anh hoặc chị Bốn. Không có anh Cả hoặc chị Cả như hát Ví.

Một bọn quan họ bao giờ cũng gồm toàn những người cùng một làng, để còn đối đáp hát với trai gái làng khác. Trai gái cùng làng không cùng hát với nhau ở ngày hội.

Họ có thể hát tập hát chơi với nhau trong làng, nhưng đã đến hội, bao giờ họ cũng tìm các bọn quan họ thiên hạ để

mời hát, như vậy vừa được dịp tỏ tài năng nêu danh tiếng cho làng mình, vừa được hát thắng cánh không nể nang gì.

Tại các hội Xuân, trai gái quan họ, trông thấy những bọn quan họ ở làng nào là họ nhận ra ngay. Mỗi bọn đều có một đặc điểm riêng, khi đứng với nhau hoặc những khi hát với các bạn.

Mời hát ở hội

Đi tới hội, các bọn trai gái quan họ sau khi lễ Phật hoặc lễ Thần, tùy theo hội chùa hay hội đình, cùng nhau đứng ở quanh nơi địa điểm hội, ở sân đình, ở trước chùa, ở những thửa ruộng khô quanh đình chùa. Họ chờ bọn khác mời hát hoặc họ đang tìm kiếm một bọn hát bạn để mời hát. Trong lúc đó họ có thể xem những trò vui khác ở hội như đánh đu, đánh cờ, chơi tổ tôm điểm v.v...

Khi một bọn quan họ thấy một quan họ khác, nếu là bạn quen biết vẫn hát thường trong các hội khác thì dễ dàng lắm. Họ chào nhau, rồi mặc nhiên như đã hẹn hò trước họ cùng nhau hát câu vui sau khi đã mời nhau trâu nước.

Bọn trai bảo bọn gái:

- Liên chị hôm nay đã đến đây, chắc liền chị vui lòng cho liền em hầu tiếp mấy câu.

Thế là bọn gái nhận lời.

- Liên anh đã không chê chúng em hát kém, xin liền anh cho chúng em theo.

Xung hô với nhau, các bọn nam nữ quan họ thật là khiêm tốn. Họ tôn nhau là liền anh và liền chị, bao giờ cũng tự xưng mình là liền em.

Và họ cũng rất là nhún nhường lịch sự: khi họ nói xin liền anh cho chúng em theo là ý họ muốn bên nam hát trước. Bên nam lễ tất nhiên cũng phải lịch sự khiêm tốn:

- Liền em chỉ biết những chợ gần, liền chị đã đi chợ xa, xin liền chị cho liền em theo.

Câu nói trên của bên nam thật hết sức nhũn nhặn và tôn trọng bên nữ. Khi họ nói chỉ biết những chợ gần là ý họ muốn nói họ biết ít câu hát, chỉ hát được những câu dễ hát giọng thường, và khi họ nói liền chị đã đi chợ xa là ý họ muốn đề cao bọn nữ biết nhiều câu hát.

Rút cục thường thường bọn nữ hát trước, bọn nam hát sau.

Có những trường hợp có một bọn quan họ nam hoặc nữ tới hội nhưng không gặp những bạn hát quen, chỉ toàn những bọn lạ. Như vậy họ không hát chăng? Có chứ, đã đi đến hội phải hát không được hát họ thấy ngứa cổ làm sao, và họ, bịn rịn vô cùng nếu phải về không. Họ ngắm những bọn lạ, rồi họ mời, có khi nam mời nữ cũng có khi nữ mời nam.

Một bọn nam chờ ở hội đã lâu không gặp bạn quen giờ thấy một bọn nữ họ liền mời. Thấy nhau họ biết nhau ngay đó là một bọn quan họ. Họ biết qua nhân số năm hoặc sáu người, và đi hội nhiều, mắt họ nhìn quen, họ nhận ngay ra đó là một bọn quan họ.

Họ mang trâu tới mời. Đi hội, các bọn quan họ thường có sẵn bọc trâu để mời hát. Miếng trâu là đầu câu hát! Có những bọn quan họ lịch sự, họ không mang trâu ở nhà đi, họ lấy ngay những coi trâu các hàng nước bán trong ngày hội mời các bạn hát. Bạn hát dùng bao nhiêu họ sẽ trả tiền nhà hàng.

Họ mang coi trâu tới trước bọn mà họ đoán là bọn quan họ. Họ mời:

- Mời liền chị xoi trâu! Nhất niên nhất lệ, hôm nay dân làng đây mở hội, gặp liền chị, xin liền chị cho liền em được hầu tiếp ca mấy câu mừng xuân.

Lẽ tất nhiên bọn con gái chối từ nói là không biết hát. Bọn trai sẽ năn nỉ:



- Vui xuân, liền chị biết chợ xa thì đi chợ xa, không biết chợ xa thì đi chợ gần.

Bọn gái lúc đầu từ chối nhưng về sau cũng nhận lời. Cũng có khi bọn gái từ chối hẳn vì họ đã có hẹn với một bọn trai khác. Họ sẽ trả lời thẳng thắn:

- Chúng em xin cảm ơn liền anh. Nhưng thú thực hôm nay chúng em đã có hẹn, xin hẹn với liền anh đến hội khác.

Có thể các cô đưa ra đề nghị để gặp bọn trai ở hội nào ngày hôm sau hay một ngày gần đó.

Đối với những bọn liền chị đã có hẹn trước như vậy, lẽ tất nhiên các liền anh không thể cố mời được và đành nhận sự hẹn hò một ngày gặp gỡ mai đây.

Hát ở hội

Bạn hát gặp nhau, cũng như hai bọn quan họ mới tiếp xúc lần đầu, sau khi chào mời và nhận trâu của nhau, họ bắt đầu hát, bên nào hát trước tùy theo sự thỏa thuận của đôi bên như trên đã trình bày.

Họ hát với nhau qua các giọng Sông, Vặt và Bì.

Họ hát giọng đời. Bọn gái thường lấy nón che gió để giọng đỡ văng, hát đỡ mệt. Bên nọ hát một câu, bên kia đáp lại.

Trong lúc hát, qua mỗi đoạn, họ lại dùng mấy tiếng gọi nhau để nói hết tâm tình qua lời ca. Họ nhắc anh Hai ơi, anh Ba ơi... chị Hai ơi, chị Ba ơi... cho đến anh Sáu ơi, chị Sáu ơi, rồi họ lại gọi trở lại anh Hai, chị Hai nếu câu hát quá dài.

Ngồi rặng ngồi tựa vườn đào

Thấy người thực nữ ra vào lòng những văn vương.

Chị Hai ơi!

Gió rặng gió lạnh đêm trường

Nửa chăn để đó, nửa giường để đó chờ ai



Chị Ba ơi!
Sơ rằng sơ chữ sắc tài
Cố công gần bỏ ai người phụ nghĩa quên công
Chị Tư ơi!

Họ hát với nhau ở bờ ruộng trước cửa chùa, ở bên đường cạnh đình làng, họ hát với nhau ở trên đồi như hội Lim.

Họ xúm nhau nhập thành một bọn, mái mê hát với nhau mặc cho thời gian trôi qua, mặc cho những ai đi xem có đứng quanh họ để thưởng thức lời ca câu hát của họ. Họ không biết tới ngoại cảnh, đôi bên họ chỉ biết hát với nhau. Mùa Xuân gió tuy lạnh nhưng lòng họ đang xuân!

Chỗ này một đám hát, chỗ kia một đám hát! Bao nhiêu những câu tình tứ nồng nàn, bao nhiêu những lời hứa hẹn ái ân! Nhiều cuộc trăm năm đã bắt đầu ở nơi đây qua những câu hát đắm thắm yêu đương.

Thường họ đến hội vào lúc quá trưa như trên đã nói và họ bắt đầu hát vào khoảng giờ Mùi. Họ hát với nhau cho tới lúc bóng chiều đổ xuống mới chia tay. Có khi cùng về một đường, họ tiếp tục cuộc hát trên đường về. Bọn họ khi đi theo đường đê, giọng hát vang vẳng rất xa, nghe rất du dương. Nhưng lúc chia tay này, bao nhiêu câu hát hay đầy luyện ái họ đều đem ra hát với nhau, và lúc này họ không cần phải chọn câu đối cho xứng với câu xuống của bọn hát bạn mà họ chỉ cần hát để nói lên sự cảm mến nhau.

Gió Xuân miền Bắc lạnh, nhưng họ không thấy lạnh, những câu hát đã khiến cho lòng họ ấm áp.

Họ tiễn đưa nhau đến cổng làng mới chia tay và họ còn hẹn nhau gặp gỡ ở những ngày hội mấy hôm sau. Có những bọn hát họ hát với nhau hết xuân này sang xuân khác và nhiều lứa đôi tốt đẹp đã nên duyên nhờ những khúc hát hội xuân!

Mời bạn hát tới nhà hát trắng đêm

Có nhiều bọn quan họ, tuy đã hát ở hội và trên đường về với một bọn quan họ bạn, đến lúc chia tay vẫn còn bịn rịn không muốn mỗi bọn về một nẻo. Họ đề nghị mời nhau về làng họ rồi hát suốt đêm.

Đọc đến đây, các bạn sẽ mỉm cười, sao họ say nhau quá vậy? Thật họ quá có say nhau, vì phần nhiều trai gái quan họ đều là những người mới lớn chưa lập gia đình. Như vậy gặp nhau, gần nhau, hát tặng nhau toàn những lời ca đầy tình tứ, làm sao họ khỏi say nhau. Say nhau, họ không muốn bỏ dở cuộc hát, họ cần hát cho thật thỏa, thật đã, như vậy họ mời nhau về làng để hát mua vui một canh có sao!

Có khi bọn quan họ trai mời bọn quan họ gái, và có khi bọn quan họ gái mời bọn quan họ trai. Thường khi, hai bọn mới gặp nhau đã say nhau lời hát, bọn gái vẫn mời bọn trai về làng. Tại sao vậy? Xin thưa: bọn trai ngủ đêm ở một làng lạ không sao, còn bọn gái trước khi ngủ đêm tại xã nào cần phải được phụ huynh biết trước và cho phép.

Khi một bọn gái mời một bọn trai về làng, họ phải trình với phụ huynh và bọn hát bạn này thường được tiếp ở nhà chị Hai.

Tục lệ quan họ lạ lắm! Bọn quan họ trai do bọn gái mời tới làng được phụ huynh bọn gái tiếp đãi rất long trọng. Cha mẹ các cô gái tỏ ra rất quý mến những chàng trai. Những chàng trai này được mời lên nhà trên, ngồi một bên, còn các cô gái ngồi mé bên kia, nghĩa là hai bọn ngồi hai gian bên giường thờ. Đôi bên lại tiếp tục hát, trong khi đó người làng các cô gái kéo nhau tới nghe hát và xem mặt liền anh.

Đôi bên sẽ hát với nhau trắng đêm!

Họ hát quên ăn chẳng? Không, bọn quan họ trai được tiếp đãi lịch sự với cơm nước thịnh soạn. Các cô gái đã góp tiền

nhau để làm cơm mời liền anh. Lễ tất nhiên liền anh xoi cơm bên này thì liền chị cũng xoi cơm ở mé bên kia, và hai mâm đều có vẻ như hai mâm cỗ xuân.

Lần này liền chị mời liền anh, một bữa khác, liền anh sẽ xin phép phụ huynh liền chị để mời lại. Trong khi liền anh tới làng liền chị các trai làng không hề tỏ vẻ ghen tuông mà còn tỏ rất nhiều thiện cảm với liền anh là khác.

Không nói chỉ trai làng, nếu cô gái quan họ có chồng, chồng họ cũng không ghen; và chính họ cũng không nhận là vợ e liền anh mất cảm tình, họ chỉ bảo đó là cháu hay họ hàng gì đó thôi! Trường hợp này rất ít vì các cô gái đã lập gia đình rồi thường giữ ý không đi hát hội như khi còn son trẻ nữa!

Đã có lần, có một chị Hai có chồng đứng đầu một bọn quan họ nữ. Bọn này mời bọn quan họ bạn tới làng, và chị Hai phải lo việc đăng cai. Chính chồng chị đã thân hành làm cơm để mời liền anh.

Sau bữa cơm, hai bên liền anh và liền chị cùng nhau tiếp tục cuộc hát cho tới tang tảng sáng. Liền anh ra về, liền chị đưa tới tận cổng làng, và cũng có nhiều anh chị em của liền chị đưa chân theo.

Khi một bọn quan họ nam mời một bọn quan họ nữ tới hát đêm thì cũng vậy, cũng cơm nước và cũng có người làng tới xem mặt liền chị và cũng tiễn đưa lúc sáng ngày.

Đừng ai có ý nghĩ gì xấu với họ! Họ tiếp nhau suốt đêm chỉ bằng câu hát, và không có chuyện trên bực, trong dẫu!

HÁT GIẢI

Từ trên tôi mới chỉ trình bày về những cuộc hát vui xuân, ở hội cũng như ở nhà. Hát quan họ có những cuộc thi đua lấy giải rất gay go.

Tại nhiều hội xuân tại vùng quan họ, ngoài các cuộc vui như đánh đu, đánh cờ... còn có treo giải hát quan họ. Thường có ba giải, và giải thưởng thường gồm trà, pháo, khăn điều, đôi khi có thêm tiền.

Giải quan họ được treo suốt ngày hội để các bọn quan họ các nơi có thì giờ tới dự.

Hát quan họ giải thưởng hát ở hành lang đình. Giải thưởng đặt ở trên một án thư, hai bên là hai chiếc tràng kỷ, dành cho hai bên dự giải, một bên nam, một bên nữ.

Trên án thư, về mé bên nữ có úp mười chiếc chén và mé bên nam có sáu chiếc. Mỗi khi bên nào thua, bị lấy đi một chiếc chén. Như vậy, muốn thắng bên nam phải thắng bên nữ mười câu, còn bên nữ chỉ cần thắng bên nam sáu câu là được. Hát được một bọn chưa phải là được, có thể có những bọn khác vào tranh tài. Bọn thắng phải làm sao giữ giải trong suốt thời gian ấn định của hội làng có khi một hai ngày, có khi ba ngày.

Đôi bên hát giải dưới sự trọng tài của một người cầm trịch. Người cầm trịch là một người hát giỏi biết nhiều giọng, có thể hát được những câu hát sai của bên thua.

Muốn vào dự giải, bọn dự thi phải hát qua đủ *năm giọng trên* cho người cầm trịch nghe. Không hát đủ *năm giọng trên* không được dự hát giải.

Hát giải quan họ cần phải hát đôi nghĩa là bên hát một câu bên hát sau phải có một câu đối lại, phải đối cả ý lẫn giọng, sai ý hoặc sai giọng đều không được. Khi đối giọng phải đối đủ những mạch đệm câu như ý a, tình tang tính, hự răng ới hự.

Thí dụ:

Ngồi rằng ngồi tựa có mấy vườn ới ha hạ đào.

Những mạch đềm câu có mấy ới ha hạ, cần phải được nhắc lại trong câu hát đối.

Thí dụ trên là đối giọng. Dưới là đối ý:

*Ngắm xem duyên số buồn tình
Muốn lên thượng giới tại thiên đình hỏi số xem chơi
Mướm tàu bay thẳng lên trời
Số tàu trôi bảo có người hạ giới kết thân.
Vội vàng hạ mấy xuống dân,
Quả nhiên gặp bạn cháu trần là đây.
Nên chẳng định liệu một ngày!*

Câu hát trên ý thiệt mới, và cũng mới có từ hồi Pháp thuộc. Để đối với câu này, giới quan họ gọi là câu Tàu bay, có câu Tàu ngắm sau đây:

*Ngắm xem duyên số buồn tình,
Tàu ngắm vắn lái đặng trình thẳng tới Thủy cung
Được vào bệ kiến vua Rồng,
Như vua tra sổ phán rằng tốt số nhân duyên
Vội vàng tàu lái về liền
Quả nhiên gặp được bạn hiền nơi đây,
Nên chẳng định liệu một ngày!*

Khi hai bên dự giải đã hát xong năm câu hát giọng trên và bên nào đã ngồi vào phía bên nấy, người cầm trịch mới gieo âm dương để xem bên nào hát trước.

Có nhiều khi bên nam nhường cho bên nữ hát trước mà không cần bói âm dương.

Trong lúc hát thì, dân làng và khách xem hội đứng bu quanh để thưởng thức tài nghệ của đôi bên. Có những trường hợp đôi bên đều hát giỏi, giằng co nhau đến hết hội không bên

nào thua, và giải thưởng được chia đôi. Tuy nói là chia đôi nhưng trên thực tế, thường bên nam nhường giải cho bên nữ.

Để mừng bên thắng cuộc, dân làng đốt bánh pháo. Sau bánh pháo mừng, bọn quan họ thắng giải vào lễ thần tạ ơn trước khi lĩnh giải.

Giải thưởng tuy không đáng là bao, nhưng bọn được giải thực là hãnh diện.

Kết bạn

Đặc biệt nhất trong làng quan họ là tục kết bạn.

Hai bọn quan họ thuộc hai làng khác nhau, một bọn nam và một bọn nữ, sau khi đã hát với nhau nhiều lần ở nhiều hội xuân và cũng đã mời nhau về để hát đêm nhiều canh, thường kết bạn với nhau.

Kết bạn, có nghĩa là đôi bên giao kết chỉ hát với nhau ở hội và không hát với bọn nào khác. Việc kết bạn phải được phụ huynh và hương chức hai làng chấp thuận.

Đôi bên muốn kết bạn với nhau phải trình với phụ huynh và hương chức biết để xin sự đồng ý, nhất là những bọn quan họ nữ, càng cần được sự chấp thuận của dân làng hơn.

Bọn quan họ nam được bọn nữ cho biết hương chức trong làng và phụ huynh của bọn này đã bằng lòng sự kết bạn của họ với bọn nam, và họ mời bọn nam tới ngày hội làng họ, hoặc nếu ngày hội đã qua rồi thì một ngày sóc vọng, tới yết thần ở đình làng. Bọn nam đến đúng hẹn cùng nhau mua đồ lễ thường gồm hoa quả, trâu cau, trù rượu, đi đến làng bọn nữ. Bọn nữ đợi đón họ cùng với dân làng, đưa họ vào đình trình diện với các hương chức. Giới thiệu xong bọn trai lễ yết thần. Có đốt pháo để mừng sự kết bạn của đôi bên. Sau đó đôi bên cùng hát thờ thần.

Kể từ ngày đó, bọn nam được dân làng bọn nữ coi như

những người thân của làng xã. Họ quý những chàng trai đó như những rể làng. Mỗi khi làng có công việc gì vui mừng, bọn trai đều được bọn gái mời tới để hát thờ thần và sau đó hát mua vui một vài canh. Lễ tất nhiên mỗi lần bọn trai tới đều có đồ lễ yết thần, và bọn trai được bọn gái khoản đãi rất thịnh soạn.

Bọn trai đã đến làng bọn gái rồi, một ngày sau bọn gái cũng nhân một ngày lễ thần ở làng bọn trai, tới lễ nơi đây, hát thờ thần và sau đó cùng bọn trai hát một canh để dân làng bọn trai thưởng thức tài nghệ của liền chị. Bọn gái cũng được dân làng bọn trai tiếp đãi quý trọng như những cô dâu làng.

Đôi bên đã kết bạn rồi, khi làng bọn nam có lễ, bọn nam mời là bọn gái tới lễ và hát không cứ trong mùa xuân mà bất cứ dịp nào trong năm. Bọn nam đối với bọn nữ cũng vậy.

Và khi đi hội chỉ có hai bên hát với nhau. Bọn trai hát với một bọn gái khác, bọn gái sẽ ghen, và bọn trai cũng sẽ ghen nếu bọn gái kết bạn với mình hát với một bọn trai khác.

Nếu tại một hội nào, vì chờ đợi lâu không thấy bọn kết bạn với mình tới, bọn nam hoặc bọn nữ có một bọn khác mời, lỡ đang hát dở, họ đành phải xin lỗi bọn kia để trở lại hát với bọn kết bạn.

Trai gái quan họ đều biết rõ lệ này, nên khi bọn đang hát với mình xin lỗi có bọn kết bạn đã tới, họ liền vui lòng ngừng hát để trả cho hai bọn kết bạn hát với nhau.

Tục kết bạn quan họ gần giống như việc cưới xin giữa hai bọn hát, nhưng chỉ ở trên phương diện ca hát mà thôi, vì các cô cậu tuy có kết bạn quan họ nhưng vẫn toàn quyền muốn lập gia đình với ai cũng tùy.

Nếu một người trong bọn quan họ kết bạn lấy vợ hoặc lấy chồng, bọn kết bạn đều có đồ mừng, và trong dịp này đôi bên thường hát với nhau suốt đêm để mừng cho cô dâu chú rể.

Trong những đám tiệc khao vọng, các bạn quan họ cũng thường được mời tới hát để chúc mừng gia chủ và để mua vui cho dân làng của bạn hát.

Những bạn kết bạn với nhau thường dành cho nhau rất nhiều kỷ niệm. Khi đã lập gia đình không còn đi hát hội nữa, nhắc đến những kỷ niệm cũ là những điều rất thích thú của trai gái đã từng đi hát quan họ. Các bà vợ và các ông chồng không hề bao giờ ghen với các bạn quan họ của chồng hoặc của vợ. Họ đã biết tục lệ, và kết bạn chỉ là kết bạn chứ kết bạn không là hôn nhân.

Đại để những điểm chính về hát quan họ đã được trình bày. Trong đám cưới, trong đám khao, để mua vui cho quan khách chủ nhân có khi mời hai bạn quan họ tới hát đối đáp trong đám tiệc. Và có làng trong những dịp hội xuân có mời các bạn quan họ tới hát thờ.

HÁT TRỐNG QUÂN

Hát trống quân cũng là một lối hát trao tình giữa trai gái. Thường trống quân hay được hát về dịp Trung thu và hát ngoài trời, dưới trăng.

Hát trống quân có bên nam và bên nữ. Hai bên ngồi đối diện nhau, trống quân lập nên ở giữa.

Trống quân lập rất dễ dàng. Một chiếc thùng chè hay thùng sất tây không thì cồng tốt, hai chiếc cốc, một dây thùng và một que chống thùng cho căng. Tất cả vật liệu để lập trống quân chỉ có thế, nhưng trong tháng trung thu từ đêm mừng bày tới đêm mười sáu, trống quân lập nên tại một xóm nào ở làng quê là trai gái trong làng kéo nhau tới hát và nghe hát.

Hai chiếc cọc dong giữ hai đầu thùng, có khi là một sợi mây; dây thùng bắt qua chiếc thùng nằm vào khoảng giữa hai đầu. Chiếc que chống chiếc thùng trên mặt thùng cho dây thật căng. Dây càng căng, tiếng văng càng dài. Đánh trống quân là một chiếc dùi trống nhỏ bằng tre. Dùi tre đập vào thùng văng ra những tiếng *thình thùng thình*.

Tại các làng quê, vào dịp Trung thu, trai gái làng quê trước đây thường lập trống quân để hát mua vui với nhau. Có khi là con trai, có khi là con gái. Hát đối đáp là cái thú của trai gái chưa vợ chưa chồng. Một chàng trai đi đến một xóm có lập trống quân. Chàng vào hát nhưng chỉ muốn hát với những gái còn son rỗi. Ngồi xuống đám trống quân, cầm chiếc dùi đánh trống, tiếng *thình thùng thình* bật ra, chàng bắt đầu ca:

*Tháng tám anh đi chơi Xuân¹
Đồn đây có hội trống quân anh vào
Thình thùng thình!
Trước khi hát anh có lời rao,
Không chống thời vào, có chống thời ra
Thình thùng thình!
Có chống thời tránh cho xa
Không chống ta sẽ lân la tới gần!
Thình thùng thình!*

Tiếng rằng ca hát đối đáp thường dành cho trai gái thanh tân, đôi khi cũng có những người đã thành gia thất nhưng vẫn muốn hát để nhớ lại thuở còn con gái. Các người này cũng lập nên trống quân nhưng chính họ là người hát trước, và họ cũng không giấu gì tình trạng hộ tịch của họ, họ đã có chồng và có cả con:

1 Có lẽ xuân đây là tuổi xuân.

Trống quân em lập nên đây
Áo rài làm chiếu, khăn quây làm mừng.
Thình thùng thình!
Mua vui với ánh trăng trong
Có con cũng hát, có chồng cũng chơi.
Thình thùng thình!
Con thu em mượn vu nuôi.
Chồng thì em để hát nơi xóm nhà
Thình thùng thình!

Với câu hát trên, người hát đã nói rõ tình trạng gia đình của mình, bên Nam ai hứng thì hát, ai không chịu thì đi tìm đám trống quân khác mà hát với các cô thiếu nữ chưa chồng.

Trống quân nhiều khi lập nên, chỉ có một bên nam hoặc nữ. Họ chờ đợi người tới hát. Họ đánh trống và hát một mình để như mời người tới đối đáp.

Trống quân anh đánh nhịp ba
Lúc vào nhịp bảy, lúc ra nhịp mười!
Thình thùng thình!

Hoặc là họ hát những câu bông đùa để khuyến khích những người còn lảng vảng bên ngoài chưa dám ngồi xuống hát. Thường các cô thiếu nữ hay khiêu khích những chàng trai:

Trống quân có đĩa thịt bò,
Nhưng anh không vợ đi mò cá đêm!
Thình thùng thình!

Hoặc:

Trống quân, trống quít, trống còi,
Ta chẳng lấy nó, nó đòi lấy ta.

Những lối hát trống quân

Nếu hát quan họ khi hát có ba giọng chính để đối đáp với nhau thì trống quân chỉ có một giọng, nhưng câu hát lại nhiều, người hát có thể ứng khẩu đặt ra câu hát được.

Hát quan họ, vì ở nhà quê, trong những buổi hát hội thường hát giọng đôi, và câu hát phải hát theo giọng, nên phải có câu hát trước, không thể ứng khẩu được; hai người hát, một người ứng khẩu, người kia biết sao mà theo.

Hát trống quân dễ ứng khẩu, câu hát do đó thay đổi tùy người đi người hát, và với sự ứng khẩu, câu hát thường nói lên rõ được tình tiết tâm trạng của người hát.

Hát trống quân có hai lối hát:

- *Hát vắn*, là hát theo vắn

- *Hát đối*, là hát thành những câu đối bắt buộc đối phương phải trả lời.

■ *Hát vắn*

Đây là lối hát thông thường mỗi khi có trống quân lập nên. Hát chỉ cần theo vắn, người hát hoặc dùng những câu hát sẵn hoặc tự đặt ra những câu hát mới, thường theo thể lục bát hoặc lục bát biến thể.

Đã đi đến chốn thì chơi,

Đã đi đến chốn tiếc lời làm chi!

Đã gặp nhau ở đây thì,

Hát năm ba khúc bỏ khi vắng nhời.

Đó là một câu thông thường trai gái thường hát lúc bắt đầu cuộc hát.

Có khi bên gái lập nên đám trống quân, có những chàng trai hát giỏi tuy đã tới đám nhưng chưa chịu ngồi vào hát. Bên gái mời:

*Đồn chàng là khách tài hoa,
Mời chàng đối đáp một và trống canh.
Có lá mà lại có cành,
Có em mà lại có minh mới vui!*

Câu mời sao mà khéo léo. Chàng trai biết cô gái muốn mời mình, ngồi vào đám hát, và để tạ lòng người đẹp, chàng cũng hát một câu rất là phong nhã:

*Người thanh lời nói cũng thanh
Thấy ai lịch sự lòng anh vui mừng!
Đêm trăng sáng chỉ có chàng
Đôi ta đã gặp thì đừng xa nhau.*

Những trai gái trống quân lúc hát thường đã biết nhau nhưng cũng nhiều khi gặp người lạ. Trong trường hợp nay họ dò xét tình ý nhau qua câu hát, hỏi thăm nhau đã thành gia thất chưa, đôi bên bằng lòng nhau liệu bác mẹ có tác thành cho chăng.

*Thấy nàng anh cũng muốn thương
Sợ nàng còn vương tơ vương nẻo nào!
Xuân xanh mấy độ trăng cao,
Yêu nhau bác mẹ vun vào cho chăng?*

Có những câu hát trai gái thử tài nhau xem chàng có phải là con người học thức, xem nàng có phải là gái trầm anh biết đủ điều tứ đức tam tông.

Đây là gái thử trai:

*Truyện Kiều anh đọc đã lâu,
Xin anh hãy kể một câu hết Kiều.*

Chàng trai chỉ việc đáp:

*Trăm năm trong cõi người ta.
Mua vui cũng được một vài trống canh.*



Hoặc bên gái thử bằng những câu sau:

*Truyện Kiều anh đọc đã thông
Xin anh hãy kể một dòng chữ Nho.*

Đáp:

*Hồ công quyết kế thừa cơ,
Lễ niên binh hậu khắc cò tập công.*

Trong câu trên toàn chữ Nho, không có một chữ Nôm nào.
Hay câu sau đây:

*Truyện Kiều anh kể đã thông,
Xin anh hãy kể một dòng chữ Nôm.*

Đáp:

*Này chồng, này mẹ, này cha,
Này là em ruột, này là em dâu.*

Trong câu trên toàn chữ Nôm, không có một chữ Nho nào.
Đây là những câu gái thử trai, những câu trai thử gái cũng
nhiều:

*Thấy em là gái trăm anh,
Hỏi em hai chữ bố kinh thế nào?*

Đáp:

*Bố kinh thờ mẹ thờ cha,
Thờ chồng trọn đạo cùng là nuôi con.*

Và có khi chàng trai đi sâu hơn:

*Thấy em anh cũng quý lòng,
Hỏi em tứ đức, tam tông là chi?*

Đáp:

*Theo cha rồi lại theo chồng,
Khi chồng trăm tuổi, dốc lòng theo con.*

*Tam tông đạo áy vương tròn,
Thi câu tứ đức ai còn nghĩ suy!
Công, dung, ngôn, hạnh nữ nhi
Phận em là gái em thì phải theo.*

Trong những đám hát như vậy, hai bên đều thuộc nhiều câu hát và hai bên đều có tài ứng khẩu để trả lời nhau.

Thường trai cũng như gái, trong những đám trống quân tháng tám, mỗi bên có đôi ba người, luân phiên nhau hò hát để mua vui. Tuy mỗi bên mấy người, nhưng cặp trai gái nào có tình ý với nhau, họ chỉ đối đáp với nhau.

Có những đám hát thi, mỗi bên chỉ một người hát cho đến mãn cuộc.

■ *Hát đố*

Hát vắn là hát theo vắn, dùng những câu có vắn mà hát với nhau.

Trong những cuộc hát thi hoặc trong đám hát mà trai gái hai bên đều muốn cho người nghe hát cùng thấy rõ tài nghệ của mình, họ thường dùng những câu hát đố bắt đối phương phải trả lời. Những câu đố có khắp trên mọi lãnh vực, về luân lý, về lịch sử, về vạn vật cũng như về những điều thông thường cần biết.

Dưới đây là mấy thí dụ.

Hỏi:

*Cái gì nó bé nó cay?
Cái gì nó bé nó hay của quyền?*

Đáp:

*Hạt tiêu nó bé nó cay
Đồng tiền nó bé nó hay của quyền.*

Hỏi:

*Đố ai biết đá mấy hòn,
Núi cao mấy ngọn, trăng tròn mấy trăng?
Đố ai biết lúa mấy cây
Biết sông mấy khúc biết mây mấy từng?*

Đây là một câu đố mẹo, vì đố những điều không ai có thể trả lời được. Đáp lại một câu đố mẹo, người ta cũng phải trả lời mẹo:

*Đá kia chỉ có một hòn,
Núi kia một ngọn, trăng tròn đêm nay.
Lúa kia chỉ có một cây,
Sông kia một khúc và mây chín từng.*

Trong câu trả lời, người đáp đã thông thường hóa những điều mình trả lời. Đá nào biết bao nhiêu hòn, nhưng đá nào cũng là hòn đá, vậy chỉ dùng hai tiếng hòn đá bất cứ hòn đá nào. Ngọn núi, khúc sông và cây lúa cũng vậy. Ai biết ma đếm được, cho nên bất cứ ngọn núi nào cũng là ngọn núi, khúc sông nào cũng là khúc sông và cây lúa nào cũng là cây lúa.

Riêng có trăng tròn thì đêm nay dưới ánh trăng thu đôi bên ca hát với nhau trăng đang tròn vậy.

Mây được trả lời là chín từng vì ca dao có câu:

Nhất cao là chín từng mây.

Và câu đố dưới đây tương tự như những câu hỏi về vạn vật:
Hỏi:

*Quả gì năm núi sáu khe,
Quả gì nứt nẻ như đe thợ rào?
Quả gì kẻ ước người ao,
Quả gì lấp lánh như sao trên trời!
Quả gì ăn đủ năm mùa,
Quả gì to lớn có người ngồi trong?
Quả gì thích chữ chạm rồng,*

*Quả gì cùi trắng nước trong hơi chàng?
Quả gì da nó vàng vàng,
Quả gì lẩn lóc giữa đường cái đi?
Quả gì da nó sù sì,
Chàng mà đáp được, thiếp thì theo không.*

Đáp:

*Quả khế năm mùi sáu khe,
Quả na nức nẻ như đe thợ rào.
Quả mận kẻ ước người ao.
Quả mơ lấp lánh như sao trên trời.
Quả lê ăn đủ năm mùi,
Quả động to lớn có người ngồi trong.
Quả chuồng thích chữ chạm rồng,
Quả dưa cùi trắng nước trong đó chàng!
Quả thị da nó vàng vàng,
Bà yêu lẩn lóc giữa đường cái đi.
Quả mít da nó sù sì,
Nay anh giảng được em thì theo anh.*

Mấy câu đối đáp trên chỉ là một thiểu số trong hàng trăm câu hát đối đáp có sẵn.

Trai gái, khi hát thường chỉ dùng những câu hát vận mới nói lên được hết cảm tình yêu thương của nhau. Ít khi dùng đến hát đố như trên đã trình bày. Cũng có khi trong làng, trai xóm này gặp gái xóm khác, đôi bên tức khí nhau mới dùng đến những câu hát đố, mục đích để dẫn mặt nhau và đánh bại nhau trong câu hát.

Nguồn gốc tục hát trống quân

Hát trống quân là một lối hát thuần túy Việt Nam. Có người cho rằng lối hát này bắt nguồn từ đời nhà Trần. Thời

đó khi quân Việt phải chống quân Nguyên, đức Trần Hưng Đạo đặt ra lối hát trống quân để quân lính mua vui với nhau.

Cũng có người lại cho rằng hát trống quân là một tục của người Tàu truyền sang Việt Nam và bảo rằng tục hát này bắt đầu từ đời nhà Tống. Lúc bấy giờ nước Tàu bị quân Nhung địch quấy rối, quân sĩ phải đi đánh giặc nhiều, nhớ nhà nên ông Bao Công mới đặt ra tục hát trống quân để quân lính đóng bên nam, bên nữ hát với nhau cho đỡ nhớ nhà.

Ông Văn Thôn trong *Văn hóa Nguyệt san* số xuất bản về tháng 6, 7-1957, lại cho tục hát trống quân mới có từ đời vua Quang Trung. Ông đã viết:

Riêng về nước ta, vị anh hùng dân tộc Quang Trung cùng đánh dấu ngày rằm tháng Tám bằng một cử chỉ không nhuốm vẻ hoang đường, đài các nhưng vô cùng thiết thực mà nên thơ. Muốn cho binh sĩ theo ngài đi đánh Đông dẹp Bắc, quên nỗi nhớ nhung cố quận, vua Quang Trung đã cho họ trong các giờ nhàn rỗi, nhất là các đêm gió mát trăng thanh, cùng nhau hát nhịp, để vừa hát đối, một bên nam, một bên nữ, vừa đánh nhịp vào một đường dây thép, căng trên một chiếc thùng rỗng ruột. Nhân dân thấy hay lạ, đã bắt chước rồi áp dụng cuộc tiêu khiển vào ngày hội rằm tháng tám mà gọi đó là tục hát trống quân.

Ý kiến của Ông Văn Thôn không biết đúng hay sai, nhưng có điều chắc chắn là hát trống quân là một lối hát rất phổ thông tại miền Bắc, nhưng lại rất ít thấy tại hai miền Trung và Nam. Nếu đúng hát trống quân do vua Quang Trung đặt ra cho quân lính và được dân gian bắt chước, hát trống quân phải được phổ cập nhiều ở miền Trung, nhất là ở phía Nam mới đúng.

Dù tục hát trống quân có từ đời nào, và do ai đặt ra thì tục này cũng đã ăn sâu vào phong tục dân quê Việt Nam, và

đã là một trong ba lối hát giao tình chính của nam nữ thanh niên Bắc Việt trước đây.

HÁT CÒ LÀ

Ngoài ba điệu dân ca chính để trai gái hát trao tình với nhau, miền Bắc còn một điệu hát rất đáng kể và cũng rất phổ thông đó là điệu *hát cò lả*.

Điệu hát này không dùng để hát hòi, thường chỉ được hát trong lúc làm việc khi có một bọn nam nữ, hoặc hai bọn nam nữ cùng đối đáp.

Thí dụ: Câu hát:

*Còn cò bay lả bay lả
Bay ra cửa Phủ hay về Đồng Đăng*

Điệp khúc:

*Tình tình tang, tang tình tình
Cô mình ơi, cô mình rằng, rằng có nhớ, nhớ hay quên.*

Câu hát thường là một câu lục bát, do một người hát, còn điệp khúc do cả bọn cùng ca.

Điệp khúc, điệu không thay đổi, nhưng lời đôi khi thay đổi.

Thí dụ:

*Mừng nay vận mớ thái hòa,
Bốn phương lạc nghiệp âu ca thái bình.*

Điệp khúc:

*Tình tình tang, tang tình tình
Dân làng ơi, dân làng rằng, rằng có nhớ, nhớ hay quên.*

Thường thì trai gái gọi tới nhau trong điệp khúc.

*Tròng trành như nón không quai.
Như thuyền không lái như ai không chống.*

Điệp khúc:

*Tình tính tang, tang tính tình.
Cô mình ơi, cô mình rằng, rằng có nhớ, nhớ hay quên.*

Hoặc

*Người ta chồng trước vợ sau,
Anh kia không vợ như cau không buông.*

Điệp khúc:

*Tình tính tang, tang tính tình
Anh chàng ơi, anh chàng rằng, rằng có nhớ, nhớ hay quên.*

Hát cò lả là một điệu hát rất vui, vui vì nhiều người hát và giúp đỡ người ta quên mệt trong lúc làm việc, nhất là công việc ngoài đồng.

Cái vui của trai gái làm vui cả những người đứng tuổi cùng làm việc, nhất là các bà già thường vun vào để trai gái làng thương yêu nhau.

HÁT CÁC PHƯỜNG

Đây là những lối hát đặc biệt của vùng Nghệ Tĩnh. Chính ra những lối hát này chỉ là biến thể của hát ví vùng Nghệ Tĩnh và được ca hát trong những khi làm việc thuộc các nghề thủ công và làm ruộng.

Như trên đã trình bày, câu hát trợ lực cho việc làm giải trí con người trong những lúc nghỉ ngơi và trong những khi hội hè đình đám; đây là cuộc chung vui của cả người hát lẫn người nghe.

Tại vùng Nghệ Tĩnh các nghề nghiệp được tổ chức thành phường, và những phường ca hát với nhau, để việc làm tăng thêm năng suất và cũng là dịp để trai gái trao tình với nhau, có khi kén bạn trăm năm qua câu hát. Những cuộc hát phường có tổ chức nhất là hát *phường cấy* và hát *phường vải*. Ngoài ra cũng còn nhiều phường khác nữa như phường buôn, phường củi v.v...¹

HÁT PHƯỜNG CÙI

Đúng ra phải gọi là hát chặt củi, vì câu hát được mọi người hát trong lúc rử nhau đi chặt củi trong rừng.

Nghệ An, Hà Tĩnh nhiều rừng núi, dân chúng sau những vụ mùa, công việc đồng áng đã vội, rử nhau vào rừng chặt củi. Họ đi với nhau thành từng đoàn, như vậy để vừa vui công việc vừa hỗ trợ lẫn nhau nếu bất thần có hoạn nạn như gặp thú dữ, bị cây cối đè, bị té ngã hoặc bị bắt cứ tại nạn gì. Có đông vui, là có hát. Họ hát để quên mệt và cũng là để trai gái nhắn nhủ nhau.

Đi chặt củi, ngay từ sáng tinh mơ thanh niên, thanh nữ đã cùng nhau mo côm, đòn xóc và lạt hợp nhau ở ngã ba đường để cùng đi thành từng hàng vào rừng. Họ phải leo núi, băng suối tới nơi có nhiều củi.

Núi Hồng Lĩnh thường được dân các hạt Can Lộc, Nghi Xuân, Đức Thọ, Thạch Hà kéo nhau vào chặt củi và họ gọi núi này là núi Ngàn Hồng.

Đoàn người vào tới rừng, tản mát ra mỗi người một bụi để chặt củi. Công việc vất vả, họ vui vẻ làm. Trưa họ nghỉ ăn cơm rồi lại chặt cho đến chiều.

¹ Những câu hát các Phường ở đây đều trích trong cuốn *Hát ví Nghệ Tĩnh* của Nguyễn Chung Anh

Vừa chặt củi, thỉnh thoảng có người cất lên tiếng hát.

Không đi thì nhớ thì thương.

Ru đi lên động xuống trường nhọc nhằn.

Động là con đường lên dốc núi, còn trường là con đường hẻm giữa hai trái núi. Câu hát trên nói lên sự nhớ thương của họ đối với núi rừng và nói lên sự nhọc nhằn khi đi chặt củi.

Hát để tả sự nhọc nhằn, hát để ca tụng công việc, nhưng hát nhiều hơn là những khúc hát yêu đương.

Đợi chờ anh với em ơi,

Sau rồi lên ngược xuống xuôi anh chờ!

Tiếng hát vang lên trong khu rừng ở một bụi nào. hòa với tiếng dao chặt vào củi như làm nhịp cho câu hát. Một tiếng hát cất lên ở bụi này, lập tức ở bụi kia có tiếng êm ái đáp lại:

Lên rừng những lách cùng lau,

Những sông cùng cỏ biết anh đâu mà chờ!

Và không lâu, câu hát chưa dứt ở một bụi thứ ba đã có một chàng trai lên tiếng:

Tiếng ai nói với bên non

Muốn sang coi thử có đòn hay không?

Có câu hỏi ắt có câu trả lời:

Một ngày hai bạn trèo non

Lấy gì mà đẹp mà đòn hời anh!

Tiếng hát lên, tiếng đáp lại, khu rừng rậm bỗng rộn ràng sinh khí. Pha vào đấy là những tiếng cười và đôi khi là những câu nói tạo cho khung cảnh thêm vui vẻ.

Với những câu hát, thời gian đi qua mau và công việc cũng nhiều kết quả, củi đẵn nhanh hơn, chẳng mấy chốc người người đều được một gánh nặng.

Đoàn người gánh củi trên vai lại đi thành hàng để trở về làng. Ra khỏi rừng có người còn quay nhìn lại như luyến tiếc, và có khi một câu hát lại được cất lên.

*Ra về chỉ một ngóng (nhìn) theo
Ngóng rừng rừng râm ngóng đèo đèo cao!*

Tiếng hát vang, bước chân nhịp nhàng, phường củi thoăn thoắt bước, gánh củi kéo kệt trên vai chẳng mấy lúc đã về tới làng.

Một câu hát của người đi đầu báo tin cho làng xóm biết phường củi đã về:

*Động cơn (cây) Mai thì hốc (đốc)
Động thợ Đò thì dài
Ra đến động Hai vai
Thậm chừng chi là khôe
Chi thậm chừng là khôe*

Câu hát của người đi đầu vừa dứt, mọi người đi sau đồng thanh tiếp vào hai tiếng Hay chưa (đã hay chưa).

Thật là vui, thậm là vui. Củi được nhiều, một ngày qua không phí một ngày.

HÁT PHƯỜNG CẤY

Hát phường cấy có ở khắp vùng Nghệ Tĩnh, nhất là nơi nào nhiều ruộng.

Mùa cấy, nhà nông phải mượn thợ cấy để cấy lúa, và thợ cấy thường đi thành phường, trong phường thợ cấy thế nào cũng có đôi ba cô nhan sắc. Trai làng thấy có phường cấy, lại có các cô thợ cấy duyên dáng xinh đẹp, là ngay buổi chiều hôm đó, cơm nước xong các cậu rủ nhau một bọn tới

nhà có phường cấy để xin phép chủ nhà hát đối đáp với gái phường. Lại những câu hát yêu đương tình tứ của vùng Nghệ Tĩnh mà dưới đây xin trích ra ít câu.

Thoạt tiên là những câu xã giao chào hỏi:

*Nhân đêm thông thả mát trời,
Nghe tin bướm nhẩn, vội dờn gót qua.
Đến đây mừng cảnh mừng hoa,
Trước mừng hai cố, sau ra mừng phường.*

Hai cố đây tức là ông bà chủ nhà, còn phường tất nhiên là phường thợ cấy.

Chào xong rồi đến mời, vì các cô trong phường bao giờ cũng làm cao, phải mời mọc các cô mới chịu hát.

*Đến đây không hát cũng đàn,
Lẽ nào đâu có lẽ con người ngoan chối từ!*

Mời một lần không được thì mời lần nữa, hoặc tìm những câu hát khích lòng tự ái của các cô trong phường.

*Ôm đờn mà gảy năm cung
Biết ai đem nhị ra mà gảy chung với đờn.*

Rút cuộc bên gái bắt lời, và đôi bên câu qua câu lại cho tới thật khuya các chàng trai mới trở ra về. Chàng hát, nàng hát, vui thật là vui!

*Ở nhà con khách mách tương liên
Con nhện sa trước mặt, đi ra tự nhiên gặp nàng!*

*

*Vừa ra vừa gặp anh đây,
Một là duyên kỳ ngộ, hai trời xẩy đất vắn.*

Trong khi hát, đôi bên lựa câu hỏi thăm quê quán với nhau.

Đến đây lụ bẹn, lụ rào (sông),
Hỏi con chim hồng nhạn ở phương nào lại đây?
Kèo mai nhớ núi chim về,
Ai nhớ chim muốn hỏi biết thu để ra sao?

Đấy là lời chàng trai hỏi cô gái. Cô gái đáp lời và đồng thời cũng như hỏi thăm lại chàng trai về danh tính.

Em đây là con chim phượng,
Chị em đó là con chim nga.
Từ Bằng Sơn bay lại, bướm gặp hoa là tình.
Hỏi anh quý tánh phương danh.
Mai ra đường gặp bạn, khỏi mang tiếng vô tình làm ngơ.

Chàng trai trong câu hát đáp sẽ cho biết tên họ của mình và có khi cho biết cả tuổi, và tỏ ý sẵn sóc tới các cô gái, chàng hỏi thăm anh chị em cha mẹ cô một cách văn hoa:

Hỏi em cây quế mấy ngành
Cây sung mấy nụ, cây hành mấy hoa?
Hỏi em phụ mẫu tại gia,
Chị em sum họp mấy nhà mấy nơi?

Lời hỏi han đã khéo léo chưa, và thật là bóng bảy tài tình.
Và đây là lời cô gái đáp lại, và cô gái cũng hỏi thăm đến anh em cha mẹ của chàng trai như chàng trai đã hỏi nàng.

Thưa anh cây quế năm ngành
Cây sung năm nụ, cây hành năm hoa
Song thân thượng tại ở nhà
Hai anh đầu chị cả, việc thất gia đành rồi
Còn anh lan quế mấy chồi
Hai ông ba thượng tại? Anh trả lời cho em...

Hỏi thăm về gia đình, rồi họ lại ước độ nhau xem đã có nơi có chốn nào chưa:

- Trăng lên có chiếc sao châu,
Hỏi thăm đào liễu đã ăn trâu ai chưa?

- Mận hỏi thì đào xin thưa:
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.

Hai bên nam nữ hát với nhau cho tới khuya, dân làng tới nghe hát cũng đông, nhưng càng về khuya người dự thính về dần. Đôi bên cũng phải cùng nhau tạm biệt. Họ hát từ già nhau với những câu hát kể lể niềm thương nỗi nhớ.

Ra về rừng được mà về?
Bức thư ai gửi, lời thề ai trao?

*

Ru về rừng dứt rừng đành?
Ra về bỏ mối tơ manh ai quấy?

*

Ra về dặn trúc dò mai,
Dặn đào với liễu chớ nghe ai pha dèm.

*

Ru về lòng lại dặn lòng
Cam chua chớ phụ, ngọt bồng chớ ham.

*

Vì cam nên quít dèo bông
Vì anh cần mẫn nên lòng em mơ.

Bọn trai ra về, ra tới ngõ còn hát quái trở lại như nhớ tiếc và để hẹn hò:

Ru về bẻ lá cấm đây,
Đến mai ta nhớ chôn này ta đi.

Bọn trai hát quái lại thì bọn gái ở trong nhà cùng hát vọng ra:

Trăng khuya soi bóng anh đi
Thấy chân anh bước rọt (rượt) em thì quặn đau.

Cuộc hát đã tốt đẹp, đôi bên đã có lời hứa hẹn, sau khi đã cùng nhau tỏ tài đối ứng. Cũng có những trường hợp, trai gái trong khi hát khích bác nhau, và như vậy là *hát không kết*.

Trường hợp hát không kết là đôi bên bất bẻ, vặn hỏi, thách đố nhau đi đến chỗ bí mà hỏng cuộc hát. Có khi con dùng câu hát mà chửi nhau là khác nữa. Những cuộc hát như vậy cũng rất ít xảy ra⁽¹⁾.

Hát phường cấy vùng Nghệ Tĩnh cũng tương tự như hát ví nhiều tỉnh miền Bắc, gặp khi ngày mùa, các nông gia có đón thợ cấy thợ gặt thì các trai làng thường rủ nhau xin phép nhà chủ được cùng các cô thợ cấy, thợ gặt hát ví một đêm.

HÁT PHƯỜNG VẢI

Hát phường vải là lối hát của những cô thợ dệt vải. Dân chúng nhiều xã thuộc huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An có nghề dệt vải, và trong lúc đưa thoi dệt vải, họ có những câu hát, hát với nhau để quên công việc. Hát với nhau nhưng nếu có những chàng trai muốn đến hát thử tài với họ, họ sẽ không từ chối.

Nghề dệt vải có thể nói là một nghề sung túc, và con cái trong gia đình thường được đi học, có khi con gái cũng được cấp sách đến nhà các ông đồ ăn mỳ đạo thánh. Bởi vậy trong vùng có nhiều học trò họ cầm trịch trong những buổi hát, họ nhắc cho các cô gái những câu hát để thử tài với các chàng trai.

Hát phường vải có nghi thức, không giản dị như các lối hát của các phường khác, tuy tự trung vẫn chỉ là hát đối đáp giữa trai gái.

Để bạn đọc có một ý niệm về lối hát phường vải, chúng tôi xin in ở phần *tài liệu đọc thêm* một bài viết về lối hát này.

HÁT PHƯỜNG BUÔN

Nhiều nơi vùng quê, sau những vụ mùa màng, người dân quê mang nông phẩm của mình đi bán, hoặc nhân lúc việc đồng áng rảnh rang mua nông phẩm của dân làng mang đi bán ở các nơi khác. Đây chỉ là những chuyến buôn bán tạm bợ, vì sự sinh sống chính là nông nghiệp.

Dân chúng vùng Nghệ Tĩnh cũng vậy. Đi bán nông phẩm như vậy họ họp nhau thành từng phường vì thường hàng mang bán ở chợ xa, họp thành phường đi cùng cho vui, để có sự giúp đỡ nhau khi cần thiết. Những phường buôn này gồm những người cùng buôn bán một thứ hàng và theo hàng hóa người ta gọi tên phường, phường củ nâu, phường chè, phường gạo, phường chiếu v.v... Phần nhiều là dân quê nghèo, những người sung túc thường nghỉ ngơi sau mùa màng để bù lại sự vất vả của công việc nhà nông, và nông phẩm của họ, họ bán ngay tại nhà cho những người các phường tới mua mang bán đi các chợ.

Họp thành phường như vậy, họ tổ chức những cuộc hát với nhau. Thường thường họ đến nơi bán hàng từ ngày hôm trước để hôm sau họp chợ sớm. Tối hôm đó, các chàng trai hoặc ở các phường khác, hoặc ở nơi có chợ tìm tới các phường có các cô thiếu nữ để xin hát một canh.

Cũng là để giải trí, nhất là để khoe tài, và đôi khi qua những cuộc hát phường đã có những đôi trai gái trở nên đôi bạn, nên các cô gái phường có trai phường khác hoặc trai làng chợ tìm đến yêu cầu hát, ít khi các cô từ chối.

Những câu hát của phường buôn cũng không qua những lời trao tình nồng thắm, những câu hỏi han nhau về gia cảnh, về lứa đôi, những câu ước hẹn chung tình.

*Nghe tin em buồn bán tào tần
Khi đi xuôi, về ngược có nợ nần chi ai không?*

*Anh quen chưa ráo mỗ hôi,
Chưa trua buổi chợ đã chia đôi nẻo đường.*

*Em đang buồn bán côi này,
Khi đi xuôi về ngược, ghe (còn) có ngày gặp nhau.*

*Ra về chân bắm, chân quỳ
Bạn quen nhớ một, khách tương tri nhớ mười!*

Ngoài những câu hát yêu đương, vì họ là phường buôn, nên thỉnh thoảng có thêm vào những câu hát liên quan tới nghề nghiệp, chê những sự lọc lừa mua rẻ bán đắt, đông đây bán vơi:

*Mẹ em cảm đấu đi lừa,
Tham hơn ba hột, già chưa đến trảy (chày)*

Ai đã sống ở nông thôn, đã ăn gạo giã bằng cối ắt hiểu gạo phải giã đủ một số bao nhiêu chày mới trắng, gạo giã chưa đến chày là gạo giã dối và như vậy là do sự tham lam của người buôn gạo.

Chính vì sự tham lam buôn rẻ bán đắt, buôn đầy bán vơi nên người đời mới có câu mai mỉa:

Thực thà cũng thế lái buôn!

Và trong khi hát với phường buôn, đã có những người lên tiếng chê hai phường buôn:

*Cha gang, mẹ sắt, con đồng,
Tội gì mà lụy trong vòng nhà thau?
Đối cơm mà hơn no rau
Khó mà quân tù hơn giàu lái buôn.*

Nhưng dù ai chê bai phường buồn thì mặc, phường buồn lại gặp phường buồn, và đã có nhiều đôi kết chỉ xe tơ cùng nhau nối duyên tần tảo cho đến đầu bạc răng long.

Hát với nhau, họ nhớ nhung nhau, và trong những ngày xa cách họ hằng nhắc nhở đến nhau.

*Mây lâu ni chợ đón không đi
Đò lương không ngược, không biết anh mắc công chi
ở nhà'*

Trên đây là mấy lối hát của mấy phường Nghệ Tĩnh. Còn nhiều phường khác với những lối hát riêng, mỗi phường có một vài nét đặc biệt và mỗi phường lại có những câu hát nói về nghề nghiệp của mình, còn ngoài ra phần nhiều là những câu hát trao tình của trai gái.

Các phường đó là:

- Phường gặt, câu hát và hoàn cảnh hát cũng tương tự như phường cấy.

- Phường nón, làm nón, làm áo tơi.

- Phường đan, đan những đồ dùng bằng mây, tre.

- Phường chiếu, dệt chiếu.

- Phường vàng, làm vàng mã.

- Phường đường, nấu đường mía.

- Phường vá lưới, vá lưới đánh cá.

HÁT GIÃM

Hát giảm cũng là một lối hát đặc biệt của vùng Nghệ Tĩnh như hát các phường.

1 Đò Lương là chuyến đò ngược lên chợ Đò Lương, tỉnh Nghệ An.

Hát giặm là hát thế nào? Muốn hiểu hát giặm là thế nào, trước hết cần phải hiểu giặm là gì:

Nguyễn Đồng Chi trong *Hát giặm Nghệ Tĩnh* quyển một đã giải thích giặm là *đem một vật gì nhét vào, chắp vào, đệm vào, điền vào hay phổ vào một cái gì còn khuyết, một cái gì còn có thể chứa được.*

Trong lúc hát giặm đối đáp, người trả lời phải liên vận với câu cuối của người hát hỏi. Thí dụ:

Hỏi:

*Tôi hỏi mợ mấy lời,
Xin mợ tường cho về tỏ.*

Đáp:

*Lời cậu vừa nói đó,
Xui dạ thiếp âu sâu*

...

Nói liên vận như vậy là **giặm**, và cũng còn gọi là **bắt xấp**, do đó hát giặm còn được gọi là hát **xấp** hay hát **luồn**¹. Luồn là len lỏi, ở đây là theo vần của người trên mà bắt vần câu hát.

Hát giặm có ba lối:

- *Hát ứng khẩu* để đối đáp giữa trai gái,
- Hát ứng khẩu giữa các bạn bè kể lên những câu chuyện mới xảy ra ở trong vùng hoặc ở nơi xa mới đồn đến. Cũng có khi có người biết hát đến chơi nhà bạn, hát chào mừng khen cái hay cái tốt của bạn. Ông Lê Văn Hảo đặt tên lối hát này là *Hát giặm thời sự*.²
- *Hát giặm về*, dùng để kể đầu đuôi một câu chuyện hay một sự tích, văn thể gần giống như về.

1 Nguyễn Đồng Chi. - *Hát Giặm Nghệ Tĩnh* I.

2 Lê Văn Hảo - *Vài nét về sinh hoạt của hát giặm và hát ví, dân ca Nghệ Tĩnh*. Đại Học số 34, tháng 8-1963.

HÁT GIẶM ỨNG KHẨU

Trong ba lối hát giặm, lối hát ứng khẩu giữa nam nữ trai gái là lý thú và thịnh hành hơn. Trong cuộc hát giặm này, trai gái có dịp tỏ tài cùng nhau.

Cũng như hát ví, khi đi hát giặm, người ta họp nhau thành đoàn do một người cầm đầu gọi là *tay bẻ chuyện*. Tay bẻ chuyện phải là người hát hay, bất thiệp khéo léo để có thể *noi theo câu hát của phe địch mà đối đáp cho sát nghĩa rồi nhân đó hỏi vặn lại*.¹

Cùng với người bẻ chuyện còn có một hai người *cặp*, người cặp hát lấp theo câu hát của người bẻ chuyện, làm sao cho giọng hát được đồng đều liền với nhau phát ra, có như vậy gọi là *hát cặp* và không phải là một việc dễ dàng. Người cặp phải là người hát khá và có thể trở nên người bẻ chuyện của một đoàn khác. Trong một đoàn cũng có người không biết hát, đi theo đoàn để tập hát.

Người bẻ chuyện phải giỏi giang để trong khi đối đáp có thể ứng khẩu hát lên hàng chục, hàng trăm câu hát trong mỗi canh hát.

Hát giặm có những thủ tục riêng.

Lúc khởi sự hát, bên nam bắt đầu đứng lên xướng trước một vài lời giáo đầu cà kê bông lông. Chờ khi bên nữ có người cất giọng là câu chuyện mới bắt vào đề².

Trong lúc hai bên hát, có thiên hạ đứng nghe bốn phía. Dưới đây là một câu hát giáo đầu:

*Tui cũng ngủ yên rồi,
Cậu cũng ngủ yên rồi.*

1 Nguyễn Đồng Chi. - Sách đã dẫn.

2 Nguyễn Đồng Chi - Sách đã dẫn.

*Nghe đĩa hú sau hồi,
Tui thức chiếc dậy ngồi,
Than với mụ một lời:
Giữ tau thủ phận rồi
Nhưng tính tau hay nhời hay chơi
Giữ hấn kéo hấn lôi
Nhân trăng sáng rạng trời
Theo bầu bạn đi chơi⁽²⁾*

Câu giáo đầu trên là theo lối cổ, nhưng có những câu giáo đầu rất ngộ nghĩnh khiến người nghe lấy làm thú vị. Sau đây là một câu ca tụng thổ sản hải sản của quê hương họ để dân bất sang quang cảnh cuộc hát.

*Ruốc tui ngon lắm bà ơi
Ngon bằng năm ruốc họ
Ngon bằng mười ruốc họ
Nhân trời thanh trắng tỏ*

Sau câu hát giáo đầu là câu *nhập đề*. Phái nam hát câu nhập đề kèm theo những lời hát chào mừng.

*Tui nhóm bước chân ra,
Cậu nhóm bước chân ra,
Càng không phải say đắm nguyệt hoa,
Nhân chuyện vô đây đà,
Trước mừng Ông mừng Bà,
Sau tui trộm phép thưa ra
Từ kẻ lão người già
Đến con nít đàn bà
Cả bàn hạt lân la
Một tiếng chào cao hơn mâm cỗ*

Sau câu hát nhập đề, đôi bên trai gái hát mời trầu, mời cau, mời thuốc, hát hỏi lý lịch, rồi sau hết là đến những câu hát



yêu đương. Yêu đương bao giờ cũng là chủ chốt của những cuộc hát giữa hai bên nam nữ bất cứ lối hát đó là lối gì.

Đôi bên nam nữ hợp nhau. Cuộc hát giặm kéo dài có thể hết đêm này qua đêm khác. Cũng có khi đôi bên chỉ hát một canh, và chấm dứt cuộc hát một cách đột ngột có khi đến tàn nhẫn. Trước những lời ân cần của bên trai, bên gái có thể có cô lên tiếng phá đám cuộc hát:

*Em đã có chồng rồi
Em đã có lúa rồi,
Vung úp đã vừa rồi,
Đũa ghép đã thành đôi,
Bạn đừng có ôm ở với tôi
Tôi lấy chân khóa lại
Tôi lấy bàn khóa lại.*

Hát giặm có vài tục cho là *sái* nhưng người ta vẫn cứ phạm, *sái* là không nói có, có nói không, như gái có chồng trai có vợ vẫn nói là chưa thành gia thất. Họ phải nói dối vậy để còn có thể đi hát được ngõ hầu hưởng cái thú nam nữ gần kề, và để có thể khoe tài, có khi khoe cả sắc đối với nữ giới. Những khi hai tay bẻ chuyện tài ba gặp nhau, đố nhau những chuyện trên trời dưới biển, tìm được những điều hiểm hóc mà đố khiến đối phương không thể đáp được là một điều thích thú vô cùng. Trong những trận tranh tài này, người thắng sẽ tiếng tăm lừng lẫy, được sự ngợi khen của cả vùng. Những câu hát họ đặt ra sẽ được truyền tụng.

HÁT GIẶM THỜI SỰ

Hát giặm thời sự không có trai gái đối đáp, chỉ là những cuộc hát giữa bạn bè để kể những chuyện đã xảy ra. Ở lối

hát này, ý nghĩa và giọng hát cần hơn lời hát, và những câu hát thường hát xong là quên ngay, thẳng hoặc có người nhớ thì cũng không nhớ được hết bài. Hát giặm thời sự còn dùng để chúc mừng ca tụng người chủ nhà mình đến thăm. Dưới đây là một thí dụ:

*Tràng cánh lưu liên,
Anh em vội mừng tràng cánh lưu liên,
Được hai chữ vãng bền,
Được bốn chữ bình yên⁽¹⁾.*

HÁT GIẶM VỀ

Câu hát trong lời hát này đặt thành từng chuyện kể đầu đuôi một việc, một sự tích. Lời văn và ý nghĩa trong câu hát được chú trọng hơn giọng hát. Câu hát có thể đọc lên như một câu vè. Những câu hát giặm về thường được đặt trước, phải có sự suy nghĩ của người đặt, không thể ứng khẩu như hai lời hát trên. Những câu hát giặm về thường dài, có khi đến hàng trăm câu, và thường các tác giả được lưu danh. Cụ Phan Bội Châu có sáng tác bài kể chuyện Năm Châu, dùng cho hát giặm về, dài 150 câu và bắt đầu bằng những câu sau:

*Kể chuyện Năm Châu
Em ngồi kể chuyện năm châu:
Á, Úc với Phi, Âu
Bên Tây cầu châu Mỹ.
Lần xem trong lịch sử,
Thay đổi mấy tang thương.
Kẻ nhược có người cường,
Giống trắng có giống vàng.*

*Giống đen đỏ rõ ràng,
Cõi thế giới treo gương,
Ai đồng tâm soi lại
Ai nhiệt thành soi lại
v.v...*

Qua những câu hát trên, ta thấy những câu hát giặm được sáng tác theo thể ngũ ngôn hoặc ngũ ngôn biến thể với những câu sáu, bảy chữ nhưng rất ít.

Mấy câu đầu bài hát thường hay lấy lại, cốt nhắc lên ý toàn bài,

Những câu lấy lại, hát lên ảnh hưởng đến nội dung lời ca.

Hát giặm rất khó khăn, rất tốn hơi, do đó vùng Nghệ Tĩnh đã có câu:

*Dai nhất là thổi tù và,
Thứ hai hát giặm, thứ ba thả diều.*

HÒ HUẾ

Hò Huế là điệu hò đặc biệt ta hằng được nghe các cô lái dò sông Hương hát lên.

Ở Huế, hò được phân biệt hò mái nhì, hò mái đũa và hò mái đẩy.

Mái chính là chiếc bơi chèo. Một con đò thường có hai bơi chèo, chiếc ở đằng trước gọi là *mái nhất*, chiếc đằng sau gọi là *mái nhì*.

Hò mái nhì là giọng hò khi kẻ trước người sau cùng chèo.

Hò mái đũa là giọng hò lúc thuyền buông tay chèo.

Hò mái đẩy là giọng hò khi người chèo thuyền hai tay cầm hai chèo xây lưng về hướng tiến lên ma chèo, vừa chèo vừa hò. Chèo thuyền như vậy gọi là *đẩy*.

Ba lối hò, tên khác nhau, tùy theo động tác của người hò, nhưng lúc hò, các cô lái đò thường dùng những câu ca dao đã có sẵn, hoặc đôi khi hát lên những điệu hát của cổ đô.

Thường câu hò chỉ nói nhiều về yêu đương như bất cứ lối ca hát nào, nhưng đôi khi cũng bày tỏ những nỗi niềm ngoài phạm vi tình ái, như câu hò để nhớ tiếc ông Trần Cao Vân đã giúp vua Duy Tân chống Pháp, nhưng việc không thành rồi bị xử tử:

*Chiều chiều trước bến Văn Lâu
Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm,
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai mong?
Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Nghe câu mái chèo chạnh lòng nước non!*

Và câu hò sau đây nói lên tình thế ngửa nghiêng của nước nhà vào đời vua Thiệu Trị:

*Bên chợ Đông Ba tiếng gà eo óc,
Bên chùa Thọ Lộc, tiếng trống sang canh.
Giữa sông Hương, gợn sóng khuynh thành
Đêm khuya một chiếc thuyền mảnh giữa nghiêng.*

Theo Thái Văn Kiểm, câu hò này đã nhắc lại một cuộc họp lịch sử vào năm 1847, nhân lễ tứ tuần của vua Thiệu Trị khi đó có cuộc tập hợp của 773 bô lão, tổng cộng là 59.017 tuổi.¹

Quốc sự đang ngửa nghiêng, đảng Văn Thân gieo ra mấy câu hò thống thiết để kêu gọi nghĩa sĩ bốn phương.

Những câu hò đều ý nghĩa bóng bẩy nhưng đã thúc giục lòng yêu nước của mọi người.

1 Thái Văn Kiểm. *Cổ đô Huế* trang 5. Văn hóa bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản 1960



Chợ Đông Ba đem ra ngoài giải,
Cầu Tràng Tiền đúc lại xi mon.
Ồi người lỡ hội chồng con,
Về đây gá nghĩa vương tròn với ta.

*

Tiếng hát Ngư Ông giữa sông Nhật Lệ
Tiếng kêu đàn nhạn trên ánh Hoàn Sơn
Mỗi mình em ngồi giữa sông Hương
Tiếng ca theo khúc đoạn trường ai nghe!

Đôi khi câu hò cũng là những bức tranh linh động tả cảnh
Huế cùng những vùng lân cận:

Tinh Thừa Thiên dân hiền cảnh lịch,
Non xanh nước biếc, điện ngọc đền rồng,
Tháp bảy tầng, Thành Miếu, Chùa Ông
Chuông khua Diệu Đế, trống rung Tam tòa
Cầu Trường Tiền sáu nhịp bắc qua
Tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ đợi khách âu ca thái bình.

Dù sao, những câu hò tả cảnh, nhắc lại lịch sử cũng chỉ là
số ít, đa số câu hò đều là những câu hát yêu đương:

Nước dẫu cầu, khúc sâu khúc cạn.
Chèo qua Ngọc Trản đến Vạn Kim Long.
Sương sa gió thổi lạnh lùng
Sông xao, trăng lặng gọi lòng nhớ thương!

*

Cầu Trường Tiền sáu vai mười hai nhịp,
Anh qua không kịp tôi lăm anh ơi!
Bấy lâu ni chịu tiếng mang lời,
Dẫu có xa nhau đi nữa cũng bởi Ông trời mà xa.

Ngoài những câu ca dao thường được dùng làm câu hò, các thi nhân cũng sáng tác nhiều câu hát cho mỗi loại hò.

Thí dụ:

HÒ MÁI ĐẤY

Biết an phận

An phận, thân vô nhục,

Tri cơ tâm tự nhân:

Đám phù vân chấp chóa bóng giàu sang,

Chớ trông mong cho khôe bụng,

Củ chàng ràng mãi mất công.

Thảo Am Nguyễn Khoa Vy

HO MÁI NHÌ

Biết ở đâu là cầu Ô Thước?

Mênh mông nguyện ước, dưới nước trên trời.

Đêm khuya ngớt lạnh mùa khời

Khúc sông quanh vắng có người sầu riêng

Ứng Bình Thúc Giả

Tâm sự chất chua biết ai mua mà bán,

Rao khắp chợ đời không thấy dạng người mua!

Bán buôn là chuyện bóng đùa.

Đành đem tâm sự chất chua ru về.

Bửu Lộc

HÒ GIÃ GẠO

Thực ra không phải chỉ riêng ở Huế có lời *Hò Giã gạo*, lời hò này khắp Bắc Trung Nam đều có. Đây là những câu hò trai gái với nhau, hoặc hò một mình trong khi giã gạo để quên mệt.

Khi trai gái cùng đối đáp, họ dùng những câu hò để trao tình và cũng để thử tài nhau. Dưới đây là một thí dụ, các câu hò do Cụ Ung Bình Thúc Gia sáng tác:

Nữ:

*Giữa chợ phiên cô điều lạ lạ,
Có dân quê già gạo hò khoan;
Hay đâu có thiếp có chàng,
Thuyền duyên quân từ hai đàng gặp nhau.*

Nam:

*Chợ phiên đây không có dây Bà nguyệt,
Xe duyên, xe nợ chưa biết làm sao.
Thuyền duyên mới gặp anh hào,
Một đôi câu nhún nhĩu hát chào nhau chơi.*

Nữ:

*Điệu hò khoan em nghe anh hát,
Câu mái đẩy em xin hát anh nghe.
Mặc dầu ai có khen chê,
Dở hay tay giữ dạ, chớ hể đơm sai.*

Nam:

*Khen với chê là nghề khán giả,
Dở với hay xin hạ bút trường quan.
Giải thưởng treo có bạc có vàng,
Có anh đây là Tư Mã, lại có nàng là Văn Quân.*

Nữ:

*Nay mô may, gặp người quân tử,
Xin cho tiện nữ hỏi thử vui câu:
Xôn xao kẻ trước người sau,
Giữa chợ phiên qua lại ai sầu ai vui?*

Nam:

Bạn thuyền duyên hỏi chi câu nớ?
Trang hào kiệt nghe đã khó nghe
Buồn là buồn cho qua chẳng có hiền thê,
Vui là vui cho bậu cặp kê đang kén chồng.

Nữ:

Ai có chồng ai không có vợ,
Chừ duyên, chừ nợ, xin chớ nói đề chừng.
Tuổi em đây hãy còn xuân.
Đạo chơi giữa chốn ba quân em kiếm chồng.

Nam:

Mày liễu mặt hoa gọi là sắc gái,
Văn hay võ giỏi mới gọi tài trai;
Chợ phiên này cô đã dạo chơi,
Hỏi thăm cô đã chấm đặng người mô chưa?

Nữ:

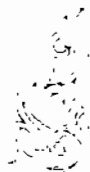
Nói rằng chưa thời tôi chưa muốn nói,
Thưa rằng có thời tôi nọ muốn thưa,
Đầu cho năm lộc bầy lừa,
Duyên Đàng không thuận nẻo, gió đưa biết rằng chừ?

Và dưới đây là hai câu hò đối đáp để thử tài nhau:

Nữ:

Chợ Ngô Thành tiếng tiêu ai thổi?
Chợ Hoài Âm ai lòn lút thiếu niên?
Ngày nay ai đến chợ phiên,
Nhớ xưa danh sĩ, danh hiền là ai?

Nam:



*Chợ Ngổ Thành tiếng tiêu Ông Ngũ Tú,
Chợ Hoài Âm là lịch sử chu Vương Tôn
Hai tay Quốc sĩ tiếng đồn,
Chuyên xưa tích cũ, e cô gái khuê môn đã thuộc lòng.*

CA HUẾ

Ngoài các lối hò, Huế còn có những lối ca đặc biệt được mệnh danh là *Ca Huế*. Những bản ca này cũng thường được các cô lái đò sông Hương hát tới: gọi là ca Huế, nhưng ta có thể được thấy ở khắp miền Trung, nhất là các tỉnh ở giữa Trung Việt, và ngày nay ở cả miền Nam Việt nữa. Dưới đây là mấy lối ca Huế chính:

Cổ Bản

Nguyên là một bản nhạc cổ¹. Bản nhạc này được phổ thành rất nhiều bản ca khác nhau về ý và lời. *Cổ bản* còn được gọi là ca Bắc hoặc ca Lý. Xuất xứ không rõ ở đâu nhưng người Huế hay ca cùng với các điệu ca khác. Bài ca có sáu vắn làm sáu khổ. Đây là một thí dụ:

*Duyên thắm, duyên càng đậm vì giống đa tình,
Thêm nhiều ngày mặn nồng càng xinh.
Bực khuynh thành thực là tài danh.
Song duyên kia đừng phụ, nào trách mình.
Chỉ non thể nguyện cùng trời xanh!
Lòng dạn lòng cho đành
Nối kết tình, kết mình!*

1 Xin xem chương trên về cầm.

Thư nhận đưa tin tháng ngày
Nguồn ân ái dăm đầu vơi đầy
Thương càng bản, làm bận lòng đây
Vấn vương tình tự vì đây
Tơ hồng khéo xe thực là may

Trăng rọi thêm hoa,
Lầu ngọc sáng lò,
Hương thương ngút nhà:
Khấp gần xa,
Tiếng đàn hòa ca.

Ngâm vịnh mấy chén quỳnh,
Say xưa cùng mình.

Sánh tay vai,
Nhân ngài lâu dài,
Thực là vui, dăm nào phai,
Tâm đầu ý hợp như rúa mấy người!
Ngọc Vô Hà, Biện Hòa mới hay!
Một ngày tương tri, tình si ấy là ai
Muôn vạn không ngại mua ngay tiếng cười,
Gọi mười người như người.

Anh hùng có đầu, có là đầu
Thôi thôi đừng, đừng nấn nì suy nghĩ thêm sâu:
Mặc ai dầu,
Lại hầu thương yêu, mặn nồng bao nhiêu!
Đường còn lâu, chút tình sâu!
Vui lòng ưng ý, danh lý¹ chỉ cầu.

1 Chữ lý là tiếng đọc trại của chữ lợi thường thấy trong các câu hát của người quê.

Kim Tiền

Kim tiền cũng nguyên là bản nhạc được phổ thành nhiều bản ca, rất phổ biến ở Huế, điệu nhịp mạnh và nhanh. Kim tiền ca chỉ có hai vắn và hai khổ:

*Bất tay ngồi lại đây,
Không mấy khi ta gặp bên này,
Cho đó rõ niềm Tây,
Lời đắng cay,
Tuy xa đường, không xu mặt,
Chung tình lại càng vui
Càng thêm vui...*

*Ai khéo xui mình gặp,
Một cặp đũa tình,
Thiệt tại trời xui mình,
Hay là lối ba sanh,
Hay đó là lối ba sanh,
Xin cho bền dạ, giữ dạ,
Dầu gặp người quen
Xin cho bền dạ, giữ dạ.*

Lưu Thủy

Đây cũng là một bản nhạc cổ được phổ thành nhiều bài ca. Mỗi bài ca có bốn khổ tạo nên bởi bốn vắn:

*Kể từ ngày gặp nhau,
Trao lời hẹn cho vẹn vàng thau,
Dây tơ mảnh xe chặt lấy nhau.*

*Xe khôngặng đem tình thương nhớ.
Cảm thương người ngấm nghĩ ba thu.*

Xa cách nhau đêm năm vẫn thấy.

*

*Thấy là thấy chiêm bao,
Biết bao vấn vương bên mình,
Minh giật mình dỗi con.¹*

*

*Biết bao lại quan sơn một đường,
Tình thương tơ vương mọi đường,
Xin cho trọn cương thường.*

Hành Vân

Cũng như Lưu thủy, ca Hành vân cũng do một bản nhạc cổ mà ra, và mỗi bản ca cũng có bốn vần tạo thành bốn khổ:

*Một đôi lời
Nhấn bạn tình ơi!
Thẻ non nước giao ước kết đôi,
Trăm năm tạc đá
Dầu xa cách, song tình thương chờ phụ thì thôi.*

*

*Niềm trọn niềm xin đừng xao nhãng,
Trước kia định nợ ba sanh.
Đẹp duyên lành,
Trọn niềm phu phụ, bậc tài danh.*

*

*Đầu tiên có tại non Bồng.
Kết mối tơ hồng,
Ấy thời trông!*

*

1 dỗi con: nhiều phen, nhiều lần.



*Nghĩa sắt cầm,
Hòa hợp trăm năm,
Bởi vì xa cách, nhấn nhẹ cùng bạn tri âm.*

Nam Ai

Nam ai là một bản nhạc buồn nhất được phổ lời ca. lời ca thường cũng buồn. Ca thể có ba vần tạo thành ba khổ:

*Khuyên ai gần bó báo đến công trình thầy mẹ,
Ân nặng nhường sông, nghĩa chất non cao,
Ơn cù dục cù lao
Sinh thành lo sợ biết bao;
Lo cơm bữa nhường nao,
Ấm bóng ra vào.*

*Nâng niu bú mớm đêm ngày xem tây vàng ngọc,
Hay chạy hay đi, lúc nắng lúc mưa.*

*Từ xưa đến giờ
Lúc hãy còn thơ
Đến bây giờ
Chịu nhục như
Biết bao nhiêu mà!
Trong năm tròn, ngày qua
Da mối tóc bạc mây xa.
Khuyên trong cõi người ta
Thảo ngay mới là.*

Nam Thương

Cũng là một bản nhạc buồn, một bản cổ nhạc được phổ lời ca. Phải chăng vì chịu ảnh hưởng nhạc Chiêm Thành, nên

bản nhạc này cũng như nhiều bản nhạc khác được vẽ buồn.
Ca thể cũng có ba vần như Nam ai để tạo thành ba khổ:

*Ôi! Tan hợp tiết bao, tháng ngày đợi chờ non nước,
Ngàn dặm chơi vơi!
Mấy lời nào dễ sai lời.
Ai ơi! Chớ đem dạ dối dối.
Ý ung tình thêm càng u ý
Thiệt là dạng mấy người.
Lại sai lời.*

*

*Tuông tri cho đủ vàng thêm lại yêu vi,
Nhớ khi cuộc rượu câu thi,
Thêm càng thương tiếc, phong lưu ai bì!
Nặng vì tình, tình đôi ta, duyên trao nợ, rằng ai.*

*

*Buộc lại người sinh,
Lời hẹn ba sinh
Vấn vương tơ tình*

Nam Bình

Vốn là một bản cổ nhạc không buồn, không vui, âm thanh nhẹ nhàng đi đều đều, được phổ ra lời ca và thường được ca nhi ư hát. Ca thể có ba vần tạo thành ba khổ:

*Thương nhau vì nợ tri âm,
Mối tình thâm!
Buộc ràng đây đó,
Vầy cuộc ca ngâm,
Dưới trần như đã riêng phần!
Để riêng phần!
Mặc duyên may hay là nợ với nân.*

Chi bằng ưa ý,
Nợ hay duyên, hỏi người thanh khí,
Ai là kẻ xoay vần?
Tuổi xuân xanh, chưa từng cái nợ phong trần,
Vương vào cuộc ân ái,
Càng cay đắng, đắng cay muôn phần.

*

Được như lời ước mong,
Cho thỏa tình tư tưởng,
Tướng rồi trông,
Ngồi tựa bên sông,
Thỏa mùi bông
Vấn vương tơ lòng.

*

Ơi người Việt ơi!
Gặp khi thời lai...
Ngọn đèn kiến thức
Bừng rạng muôn nơi,
Trí tài đua kịp theo người,
Kịp theo thời sánh chung vai...
Cho xứng mặt giống nòi
Sống đời khang thái...
Bước quang vinh ta càng hăng hái,
Thêm vững thêm dài,
Hết chống gai... Tung cánh bằng bay lượn khắp trời.
Nhân dân chờ một tương lai...
Mừng nay đến, đến trong mọi người,
Vững một niềm an vui...
Đô thị cùng thôn đã đang hòa lai,
Rạng ngời ánh mai... cảnh càng tươi
Ý dân là ý trời.

*

Ngoài các ca thể trên, ở Huế còn rất nhiều thể ca khác, phần nhiều là do những bản nhạc cổ, những bản nhạc này, phần lớn đã được trình bày trong chương thứ nhất về *Cẩm*. Dưới đây, soạn giả xin cố gắng, về mỗi ca thể chứng dẫn một bài để bạn đọc cùng hiểu, nếu có thiếu sót hoặc sai lầm rất mong được sự thể tình.

Tứ Đại Cảnh

*Thương trăng tròn, thương trăng khuyết,
Thương tha thiết, trăm mối bên lòng
Thương đóa hoa vừa nở, dập dìu ong bướm ong.
Thương đóa hoa tàn lạt phấn phai hương
Nào ai kẻ buồn trông?*

*

*Thương mây bạc, gió đưa xiêu lạc, không biết về đâu!
Thương nước trôi bèo dạt, bèo dạt trôi nơi nao!
Thương số ba đào, chìm nổi lao đao,
Đời vất vả biết là bao!*

*

*Thương chim nhạn đêm đông kiếm bạn,
Bao quân tuyết sương!
Sương tuyết sương dày dạn, tiếng nhạn kêu thâm thương!
Thương kẻ si tình, theo dõi người thương.*

*

*Trông mòn mỏi ngày xanh,
Dành dành thương trông đình Ngự chiều đông.
Thống reo nào nùng
Mưa gió không ngừng,
Nào bạn tác ngày xuân, ai chịu lạnh cùng không?*

*



Ngồi ngồi thương, ca nhi giữa sông Hương
Véo von gọi tình năm canh,
Đầu dài sương gió sương?
Cái thương sao cứ quanh bên mình,
Thương chi trọn trăm nghìn mối thương,
Thương đâu vẹn trăm nghìn mối tình thương.

Bình Bán

Non nước, nguyên non nước,
Xin ai sánh vai đung ngại,
Quyết lâu dài, sum vầy trúc mai,
Mấy lo phụ người,
Cùng nhau trước sau cho vẹn,
Trăm năm chớ đem tình, tình lại phai,
Đầu lạt vàng phai, dím nẻ sai,
Có đầu đời đổi tình ai!
Nhấn khuyên bạn ăn tình hãy còn lâu,
Lại giục lòng ta, nhớ người xa,
Bóng trắng tà, gió lồng hơn ba.
Cầm ca, ngâm nga tiệc quỳnh,
Trần trọc, xa mỗi vàng đá dựa màn loan,
Giận duyên, buồn riêng.
Chạnh niềm tây, đắng hòa cay,
Châu rơi tương tư càng nặng,
Khéo thay là, những lại qua,
Đêm thanh vắng, tình người ngọc,
Thờ than thêm phiền!
Buồn tui phận, lặn bạn bèo mây,
Trắng gió, trắng gió đau tình,
Vừa gặp mình, thiệt trời khéo dành!

Tàu Mã

Cánh bèo sen, dù hiệp duyên,
 Trống thê một bên, vầy bạn tiên.
 Lúc say tình mảnh trăng tàn,
 Chuyên hiệp tan, màn loan,
 Bấy lâu đợi chờ,
 Chút duyên tình cờ
 Lúc tình cờ, bây giờ thấy đây!
 Một lòng càng xinh,
 Có tình với mình ấy ai?
 Ngâm ngùi lúc hương nguyên
 Rượu nghiêng tiệc quỳnh,
 Mấy nỗi đũa vàng
 Đêm thâu người đâu, người đâu?
 Người đâu đã thấy nhau còn ngờ!
 Người đâu lại thấy bây giờ!
 Ngày xưa, mưa gió thêm nồng,
 Song đà vương vấn, vương vấn tơ mảnh.
 Thê non, thê chờ sai lời!

Điệu ca tàu mã hát dồn dập như ngựa nhẩy. Điệu này nguyên trước đây là một điệu ca nhạc của Tàu cho nên cũng gọi là *ca khách*, và bản nhạc gọi là *nhạc khách*.

Nam Xuân

Nguyên là một bản nhạc Nam, bản nhạc vui nhất trong các bản Nam, được phổ lời ca. Dù là bản nhạc vui hơn các bản khác nhưng vẫn đem nét buồn do đó những bản ca Nam xuân khi hát lên nghe cũng man mác hiu buồn, một cái buồn thướt tha trầm trầm:

Nhấn nhe vườn hạnh, ngồi chờ chim xanh
Khéo đưa tình
Đưa tình đưa lại cho ta, lại cho ta,
Trót đã nặng mà!
Đã gần xin bạn đừng xa,
Sớm đào tới mặt làn la,
Trước còn trăng gió, còn trăng gió,
Sau ra dú vàng!
Loan ôm phụng, phụng ôm loan,
Biết bao giờ cho hiệp mặt mơ màng.
Đã lo toan vầy hiệp nhân doan (duyên),
Mây hồng đưa gửi thơ nhân, gửi thơ nhân,
Đưa sang tình tự thiệp chàng,
Đôi đành thương nhớ,
Thiệp với chàng, đôi đành thương nhớ.
Thương nhau phải băng ngàn!
Trót cuu mang, xin cho toàn.
Chớ đem dạ phụ phàng!
Mảnh trăng thề vầng vặc soi chung,
Dầu thu hết, sang đông, đông xin chờ!
Mối chi hồng, cạy cùng Ông Tơ,
Xe dây Bà Nguyệt.
Cho duyên này hiệp mặt sum vầy.
Đài gương suốt đó dây phi nguyên!

Phú Lục

Nguyên cũng là một bản đàn được phổ lời ca. Phú lục thường bốn vắn, bốn khổ:

Giữ bụi hồng:
Thấy, thấy nghe thấy.
Thấy nghe thêm nức cười.



Khiến cho người dò phen,
Ngồi không xuống, đứng không yên.
Lạ quen đưa chen ngõ ngang.

*

Đời muôn mặt, đời lắm tướng
Say cùng tình, đã chuyện thường,
Bao màu sắc, bấy đau thương,
Ngao ngán trăm đường
Ồi đâu còn đa đoan!

*

Câu danh lợi như giấc mộng vàng,
Càng suy nghĩ... lòng thêm càng,
Trông cây cò ma thẹn thuồng.
Lo quyền quý, sánh thua hơn,
Năm tháng quay cuồng,
Đâu tâm hồn... đâu tâm can.

*

Rằng hay... rằng dở... rằng khéo khôn...
Khôn khéo... dăng diu aiတွံး,
Lờ lờ khắp muôn nẻo đường,
Bụi Hường... chèn chân mãi càng vương.
Luống trông vời non nước,
Khốn lo toan.

Bùi Lộc

Ngoài các bản ca trên rất được phổ biến tại Huế còn nhiều bản khác, nhất là các bản Tàu với mười bản cổ, mệnh danh *Liễn Bộ Thập Chương*, rất được giới ca nhạc xưa sử dụng:

Phẩm tuyết,
Nguyên Tiêu,
Hổ Quảng,



*Tây Mat,
Liên Hoàn,
Xuân Phong,
Long Hồ,
Giao duyên,
Quà phụ,
Ly Từ Vi.*

Cũng còn nhiều bản ca khác nữa, rất tiếc soạn giả không biết rõ hết để trình bày cùng bạn đọc.

HÒ MIỀN NAM

Cũng như ở miền Bắc và miền Trung, miền Nam cũng có những câu hò để trai gái hò cùng nhau, hoặc hò một mình trong khi làm những công việc nặng nhọc. Tuy câu hò không làm tiêu tan được sự mệt mỏi, nhưng cất tiếng hò, người ta cảm như công việc thấy nhẹ nhàng đi phần nào, và sức chịu đựng như tăng hơn lên.

Miền Nam cũng có nhiều lối hát hò khác nhau tùy theo công việc và tùy theo trường hợp của người hò.

Sau đây là mấy loại hò miền Nam, được phổ biến hoặc trên toàn cõi miền Nam, hoặc trên một vài địa phương:

Hò cấy

Phổ biến khắp miền Nam. Lối hò này tương tự như lối hát ví ngoài Bắc khi trai gái làm đồng hò với nhau, tuy giọng hò có khác giọng ví.

Hò chèo thuyền

Phổ biến khắp miền Nam. Trai gái trong lúc chèo thuyền

hò với nhau, hoặc trong khi đi sông nước hò một mình. Miền Bắc và miền Trung có giọng hát đồ đưa, miền Nam có hò chèo thuyền.

Hò Đồng Tháp.

Hò Bến Tre.

Hò Bạc Liêu.

Hò Sa Đéc.

Hò đối Gò Công.

Hò đối Mỹ Tho.

Sáu loại hò này là những loại hò địa phương, mỗi nơi giọng hò có hơi khác nhau, nhưng tựu trung đây đều là những *"loại hò chèo thuyền phổ biến trên các sông lạch miền Nam là những đường giao thông, thông dụng nhất"*.¹

Ngoài các loại hò trên, có lẽ tại miền Nam cũng còn những loại hò khác, nhưng khi hò lên giọng cũng không khác mấy các loại hò trên, và cũng được nam nữ hò đối cùng nhau trong lúc làm việc trên cạn hoặc dưới nước.

Cũng như bất cứ loại ca hát nào, những câu hò thường nói tới sự yêu đương của trai gái, mặc dầu cũng có những câu nhắc tới những vấn đề khác, như tỏ lòng miến phục kính yêu các vị anh hùng cứu quốc, như nhắc tới lòng oán hận của dân chúng đối với cường hào ác bá, như nêu lên những đức tính tốt của phụ nữ:

Chẳng thà em chịu đối chịu rách,

Học theo cách Ba Mạnh, Ba Khương;

Không thêm như Chi Vô Hậu đời Đường,

Lam cho bại hoại cường thường hư danh.

1 Lê Văn Hào - *Vai nét về Hò, dân ca miền Trung và miền Nam* - Đại Học số 35-36, tháng 10 và 12-1963.

Những câu hò nhắc tới những vấn đề ngoài yêu đương tuy vậy không nhiều, chỉ những câu hò nội dung trữ tình là phong phú nhất.

Hò là một loại dân ca, mà đã là dân ca, phần lớn các câu ca dao được sử dụng. Những câu hò miền Nam cũng như các câu hát khác miền Bắc và miền Trung đều thoát ở những câu ca dao ra, nhiều khi chính là những câu ca dao.

Này đây, ta hãy nghe giọng hò của một chàng trai chờ đợi lúc đêm khuya, trước sự lẻ loi của mình:

*Gió đưa cơn buồn ngủ lên bờ,
Mùng ai có rộng cho tôi ngủ nhờ một đêm!*

Nghe câu hò sầm sờ, không hiểu cô lái đò miền Nam có trả lời chăng. Có thể cô dùng một câu ca dao để đáp lại:

*Trời một vùng đêm dài không hạn,
Mượn gió chiều hỏi bạn ngàn sông:
Thân em là gái chưa chồng
Tơ duyên có chắc như dòng nước chảy?*

Có khi cảm vì câu hò có duyên của cô gái, chàng trai đem dạ mến thương:

*Sông sâu sóng bủa láng cô,
Thương em vì bờ câu hò có duyên.
Làm thơ chẳng biết cậy ai đem,
Cây con chim nhận nó đem cho mình.*

Trong những câu hò thường có những câu nam nữ thách đố thử tài nhau:

*Nước dưới sông lững đứng,
Mây đưa gió vật vờ.
Tơ duyên đã buộc sờ sờ,
Qua đây bậu đấy còn chờ đợi ai?*

Thấy em hay chữ,
Anh hỏi thử đôi lời:
Tây giảng dây thép giữa trời làm chi?

Đây là một câu Nam hỏi Nữ. Nam nữ bình dân thường hỏi đố nhau những câu rất tầm thường. Nam hỏi thì nữ đáp, nhưng vừa đáp nữ vừa hỏi lại:

Tây giảng dây thép giữa trời,
Chờ anh có việc trao lời em hay.
Tiếng anh ăn học chữ Tây,
Cho em hỏi thử mặt trời xây phía nao?

Nữ hỏi thì Nam cũng đáp, đáp để tỏ ra mình không kém cỏi:

Mặt trời sáng mọc phương Đông,
Chiều tàn bóng xế xây trong non Đoài.

Cũng có khi câu thách đố cần một sự hiểu biết sách vở cao hơn mới trả lời được. Thường những câu này, cũng như những câu hát *Vì Phương Vài ở Nghệ Tĩnh* là do những người có học thức đặt trước hoặc trong những cuộc hát đối đáp, những người này đã gả nghĩ hộ một bên nào:

Hỏi anh đọc sách Thánh hiền,
Ai người đi tới nòn tiền đúc vàng?
Tiếng anh ăn học nhà trường,
Trả lời em thử trong vườn mấy cây?

Trả lời:

Em nghe anh trả lời đây,
Trong vườn chỉ có hai cây nghĩ là:
Một cây xanh tốt rườm rà,
Một cây xanh tốt nữa là thung huyền.¹

1 Thung huyền là bố mẹ.

*Sách xưa chép chữ còn nguyên
Người cày núi Lỗ non Tiên đúc vàng.
Trời xui anh dặng gập nàng,
Bà Nguyệt cho sơi xích thàng¹ hòm nay!*

Muốn đồ gì thì đồ, bao giờ rút cuộc cũng là những lời hát trao tình yêu đương. Những cuộc hò đối đáp hai bên kéo dài cho đến khi xong công việc; cũng có trường hợp tuy rất hiếm, cuộc hát không được đến đâu đến đũa, vì trong câu hát đôi bên có sự xích mích. Trong trường hợp này, nhiều khi đôi bên hát những câu thật tàn nhẫn, có khi như chữ nhau:

*Vườn có chủ, giữ gìn cây có chạ,
Hoa có rào ngăn đón bướm ong vô.
Hỡi anh chớ khá bỏ thờ,
Đừng có quen đương cũ bước trở gầy chân!*

Sự xích mích rất ít xảy ra, vì đã ưng đôi đáp với nhau, họ chỉ tìm những câu nhẹ nhàng êm ái để trao đổi với nhau, tuy đôi khi người con gái tỏ kiêu kỳ, nhưng kiêu kỳ để chinh phục chàng trai:

*Chết tôi, tôi chịu,
Mình đừng bận bịu.
Bỏ bạn chung tình!
Nhạn bay cao khó bắt,
Cá ở ao quỳnh khó câu.*

Cô gái có ý nói mình không phải là kẻ dễ dàng, không phải bọ đầu vương đầy.

*Cá ở ao quỳnh cá cũng ở lâu,
Mồi ngon thả xuống lâu lâu cũng chìm.*

1 Đọc trại chữ thàng (xích thàng).

*Nhạn bay cao nhạn mỗi nhạn tìm.
 Cuồng cung theo mãi cũng him nhạn sa.
 Sao mình không lo bầy lo ha,
 Lo cau trở muộn lo già hết duyên.*

Tóm lại dù một cuộc hò có bắt đầu bằng những câu hò thế nào đi chăng nữa, thường cũng kết thúc bằng những câu yêu đương đắm thắm.

Trai gái hằng ngày gặp gỡ nhau, sự yêu đương càng nảy nở, và những câu hò càng thêm tình tứ, dù họ hát lại những câu ca dao cũ hay sáng tác ra những câu hò mới trong dịp đối đáp với nhau.

Quang cảnh những buổi hò thật là vui, nhất là những buổi hò đã tụ họp trai gái vì công việc.

Sự gặp gỡ giữa trai gái là một sự thương trực diễn ra hàng ngày hàng đêm, trên đồng, dưới sông, chung quanh cối xay, cối giã, giữa đêm trăng, trong đêm tối, giữa một gái một trai, giữa một đám người có thể gồm cả nam phụ lão ấu, trong hoàn cảnh thiên nhiên, giữa nhịp sống thông thường của dân tộc. Sinh hoạt trong nông thôn, công tác nơi đồng áng đã không phân rẽ trai gái, mà trái lại, luôn luôn đoàn tụ trong một tình thân tương trợ tương thân, trên một thửa đất màu mỡ lành mạnh làm chung cho cuộc gặp gỡ duyên vị nông nân.¹

Cùng làm việc, cùng gặp gỡ, câu hò đã nói thay lời nói yêu đương, và sự yêu đương luôn luôn được giới hạn trong vòng lễ giáo, được sự chấp thuận và giúp đỡ của người lớn. Chính vì vậy mà trải bao nhiêu cuộc biến chuyển của đất nước, những lối hò vẫn tồn tại, và sẽ còn tồn tại mãi mãi và những câu hò sẽ ngày một thêm phong phú về nhạc điệu cũng như về nội dung, nhất là về nội dung.

1 Thuần Phong - Duyên Hối Ngộ, *Bách Khoa* số 7, ngày 15-4-1956.

Đêm khuya thanh vắng cũng như ban ngày giữa đồng ruộng, chúng ta còn được nghe những tiếng hò ơ, bắt đầu một câu hò. Hai tiếng hò ơ có thể kéo dài như vô tận trước khi bước vào câu hò chính thức.

Những tiếng hò ơ tiêu biểu của câu hò miền Nam cũng là những tiếng để nói lên cái tinh thần đoàn kết bất diệt của dân Việt Nam. Người Việt đã đoàn kết để chung vui, đã đoàn kết để khuyến khích nhau trong công việc, đã đoàn kết để khích lệ nhau trên đường chính nghĩa, và sự đoàn kết càng keo sơn bền chặt trước những quốc biến, ấy cũng là nhờ ý nghĩa những câu hò, và ảnh hưởng của những cuộc hò đối đáp, Nam. Bắc cũng như Trung.

Hát Vè

Chính nghĩa vè là một bài văn kể một chuyện đặc biệt xảy ra và ngụ ý khen chê¹. Bài văn này thường làm thành thể thơ bốn chữ, năm chữ, lục bát hay song thất lục bát hoặc các thể thơ trên với biến thể.

Bài vè được đặt ra thường được hát lại và truyền khẩu người này qua người khác.

Thông thường những bài vè bắt đầu bằng mấy chữ vè vè vè.

Vè vè vè
Mây vè lá lốt,
Cô kia thời tốt,
Cậu nọ thời xinh,
Đôi bên rập rình
Muốn lấy nhau chẳng!

Những bài vè theo thể lục bát, song thất lục bát v.v... có khi không có mấy chữ vè vè vè, nhất là những câu vè miền Bắc:

1 Đào Văn Tập. - Tự điển Việt Nam phổ thông.

Làng ta có sự nức cười,
Có ông Nhiều Bút là nguồn rượu say:
Mỗi ngày một lít như bay,
Rượu say ông mới làm bấy giờ trò.
Bà Nhiều sao chẳng biết lo,
Muộn lữ thợ cấy, ông mò một cô.
Nhưng mà hư hỏng cơ đồ,
Bà Nhiều bắt được liền vỏ cà hai.

Hát những câu về người ta thường lấy giọng đọc lên, không có đệm trên, đệm giữa hoặc đệm dưới như các lối hát khác.

Ở miền Nam có những câu về về các loại cây, loại cá, các thứ bánh, về dạy trẻ v.v... ngoài lối về kể chuyện. Và các câu về thường bắt đầu bằng sáu chữ:

Nghe về nghe về
Nghe về...

Thí dụ:

Nghe về nghe về
Nghe về con Cúc
Trâu ăn mấy chút
Bắt mẹ tôi đền¹

Dưới đây xin trích mấy đoạn ở mấy câu về miền Nam:

VỀ TRÁI CÂY

Nghe về, nghe về,
Nghe về trái cây,
Dây ở trên mây,
Là trai đậu rồng,
Cò vợ có chồng,

1 Tiền Giang. - Về Miền Nam, NXB Phạm Văn Tươi, Sài Gòn 1956.



*Là trái đu đủ.
Chặt ra nhiều mủ,
Là trái mít ướt.
Hình tựa gà xước,
Vốn thật trái thơm.*

...

*VỀ CÁC LOẠI CÁ
Nghe vè, nghe vè,
Nghe vè loại cá.
No lòng phi dạ,
Là con cá cơm.
Không ướp mà thơm,
Là con cá ngát.
Liêng bay thoăn thoắt
Là con cá chim.
Hụt cẳng chết chìm,
Là con cá đuối.*

...

Về các loại bánh

Bài vè này đặc biệt không bắt đầu như những bài vè trên, lối hát bắt đầu hơi khác:

*Bà con cô bác,
Lặng lặng mà nghe.
Tôi nói cái vè,
Về các thứ bánh.*

*

*Mấy tay phong tình huê nguyệt.
Thì sẵn có bánh Trung thu.
Mấy gã phật tu,*

*Bông sen thơm ngát.
Ai mà hảo ngọt,
Thì có bánh cam.
Những kẻ nhát gan
Đây là bánh tét,*

...

VỀ DẠY TRẺ

*Nghe vè, nghe vè,
Nghe vè dạy trẻ.
Có công cha mẹ,
Có chữ thánh hiền.
Gần mực thì đen,
Gần đèn thì rạng.
Khuyến rảng học hành,
Làm lành lánh dữ,
Nấu sừ sôi kinh,
Cho mình thế sự.
Cho từ xem coi
Học đòi việc tốt.*

...

Tất cả mấy bài vè trên đều rất dài, mỗi bài bảy tám chục câu hoặc hơn nữa, bài vè nào nói riêng về thứ đó.

Những bài này cũng như những bài vè khác thường được trẻ em người lớn ngâm ngao hát những lúc buồn rỗi một mình.

Hát vè để tiêu thì giờ, hoặc trong khi làm việc người ta hát lên để quên mệt nhọc, cũng như giữ nhịp cho việc làm. Hơn nữa những câu vè kể chuyện xấu tốt thường được nhắc tới để răn người phạm lỗi, để khuyến khích việc hay.

Hát vè không có nhạc, nhưng thực ra, giá có ai đem phổ nhạc những bài vè, có thể những bài vè sẽ là những bản nhạc đáng người đời lưu ý.

Ngoài các bài về thuật chuyện hoặc đặt về các loại cây, cá v.v... có những bài về được tác giả gửi tình ý bên trong, như trong khi vận động phong trào Cần Vương, lối hát về được dùng làm lời khú tuyên truyền. Ý nghĩa trong các bài về này rất giản dị, dễ hiểu.

*Chàng ơi chàng ngồi lại
Thiếp bàn giải đôi lời:
Bảy tám chục năm trời
Đem thân làm nô lệ
Cúi đầu làm nô lệ,*

•

*Nỗi đắng cay xiết kể
Nói ra những thâm sâu
Chữ nhân sĩ sự thù,
Sao mà anh chịu được
Sao mà chàng chịu được?⁽¹⁾*

...

Hát tôn giáo

Hát tôn giáo là những điệu hát lời ca được hát trong những dịp tế tự.

Ở đây tôi không nói tới những bản ca nhạc đã được dùng trong hết mọi lễ nghi, đã thuộc vào nghi thức của tế tự. Tôi chỉ nói tới những loại ca tôn giáo thuộc giới bình dân, mà tiêu biểu nhất như trên đã nói là điệu châu văn.

Các giọng hát tôn giáo có nhiều và sự khác biệt lại rất ít giữa các giọng này. Dưới đây là mấy giọng chính.

Hát châu văn

Đây là lối hát của các người cung văn tại các đền điện khi có các Cô đồng, Bà đồng, Ông đồng lên đồng.



Các ông đồng, cô đồng và bà đồng lên đồng, còn gọi là *hầu bóng* nghĩa là ngồi trước bàn thờ để hồn các ông Hoàng bà Chúa, hoặc các Cô, các Cậu nhập vào. Muốn cho đồng chóng lên, nghĩa là để giới vô hình sớm nhập vào thân xác hữu hình của người ngồi đồng, các cung văn vừa đàn vừa hát những câu xúng tưng công đức, tài nghệ và nhan sắc của những hồn nhập đồng.

Đối với mỗi vị, ông Hoàng, bà Chúa, Thượng ngàn hoặc Thủy Cung v.v... đều có những khúc hát châu văn riêng.

Đàn cung văn là chiếc đàn nguyệt và gảy lên một điệu *phùng phùng phùng phùng phùng phùng phùng*. Những câu hát châu văn được hát bằng một giọng riêng, hết sức tăng bốc đối với các giá đồng nghĩa với các ông Hoàng, bà Chúa, các Cô, các Cậu nhập đồng.

Cô rằng cô đẹp nhất đời

Dáng đi điệu múa miêng cười có duyên!

Tiếng đàn vang lên, tiếng cung văn hát, lại thêm các con hương đệ tử vây quanh người ngồi đồng xuýt xoa khấn vái. Những người ngồi đồng được gọi là *ghế đệm* của các ông Hoàng, bà Chúa, các Cô, các Cậu.

Hát sai bảo, lệnh truyền

Đây cũng là một lối hát tôn giáo, nhưng không phải là của các cung văn, mà là của các *Thầy Tự*, tức là những người thờ các vị thần đạo Lão, người dân quê gọi nôm na là các ông thầy *Cùng*. Tục cho rằng các Thầy Tự rất cao tay có thể khu trừ được ma quỷ và khi cúng khấn có thể ra lệnh sai bảo hoặc truyền khiến các vị thần để trừ tà.

Nếu giọng châu văn của những người cung văn như tăng bốc giới vô hình thì giọng hát sai truyền rất là hách dịch. Cùng với tiếng hát này có tiếng cảnh tiếng tiu.

*Thấy sai Đại Thánh Tể Thiên
Huyền công dung phép dẹp yên loài tà.*

Thường câu nào cũng bắt đầu bằng hai tiếng *Thấy sai*.

Những câu hát thờ

Đây là những câu hát dùng để hát trong những buổi lễ thần, thường là hát theo những điệu múa. Cũng có khi ca nhi đơn ca theo một điệu đàn, lối hát đơn ca theo đàn này gọi là *hát giải*, mà dưới đây là một bài mẫu. Bài này dân hai làng Phú Đa và Trinh Nữ, thuộc phủ Bình Giang tỉnh Hải Dương, thường dùng hát mừng lẫn nhau khi có đám rước giao hảo, làng nọ tới làng kia:¹

*Xinh thay mấy thiên thai cánh lự,
Dưới trần gian một áng non bông,
Suôn non mây kéo ngất trên không,
Của động gà kêu vang dưới nguyệt.
Bích sa động lý càn khôn biệt
Hồng thụ tri biên nhật nguyệt trường²
Nước lao xao điểm rớt khúc sinh hoàng,
Mây lơ lửng mìa mai con diều tước.
Hoa hớn hờ sắc vàng chen sắc biếc,
Nức hai bên như đón rước người.
Lạ lùng thay cảnh thiên thai!*

Thực ra câu hát trên chỉ là một câu hát nói, nhưng hát nói trong trường hợp hát thờ thần được gọi là *hát giải*.

1 Xin xem trong *Làng Xóm Việt Nam*, Nam Chi Tùng Thư Sài Gòn, 1968, trang 367-175.

2 Sắc biếc trong động gần cách với đất trời, cây cổ thụ bên cạnh chứng tỏ sự trường tồn với tháng năm.

Trong những buổi hát thờ, trước khi hát giải, ca nhi phải hát dâng hương. Ca nhi thấp hương dâng lên bàn thờ và hát:

*Một nén hương thơm thấu chín lần,
Kính trời, kính đất, kính linh thần.
Chữ rằng nhất niệm không tam giới,
Mừng vua muôn tuổi trị muôn dân.*

*

*Một nén hương thơm thấu cùu thiên,
Mây lồng năm thức, nguyệt lồng in,
Kính thành những bến duyên hương lửa
Rõ rõ vinh hoa ức vạn niên.*

Dâng hương xong, đôi khi ca nhi ngâm bài *Nhạc nhang*:

*Thông minh chính trực vị chi thần
Biến hóa vô cùng đức đại lân
Mừng vua có sắc phong choi chói
Đệ nhất Vua, đây thượng đẳng thần.*

Ca nhi có thể là những ả đào tới xin hát hoặc có khi là gái làng được dân làng cử ra, trong trường hợp này, họ phải tập trước.

Nếu là ca nhi chuyên nghiệp được mời tới để hát thờ thần, cuộc hát kéo dài suốt đêm, và như vậy, có ca thì có nhạc. Đã có nhạc, bao giờ ca nhi cũng phải hát thêm bài *Thét nhạc*.

Đời nhà Lê, mỗi khi trong cung tế lễ, trước hết quan Thái Thường cho nhạc công bày các đồ nhạc khí cùng hòa lên với tiếng hát của ca công để cho tiếng nhạc và tiếng hát ăn với nhau nên gọi là khúc thiết nhạc, nghĩa là bày những đồ nhạc khí. Đời sau đọc chệch thành Thét nhạc.¹

Dưới đây là bài hát *Thét nhạc*:

1 Đổ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huế. - *Việt Nam Ca Trù biên khảo*, 1962, trang 93.

TIẾNG DƯƠNG TRANH

Đàn ai một tiếng Dương tranh,
Chung thuở ngọc ở đàn nào nùng chiều ai oán.
Nhạc Thiếu tâu,
Xu đưa tiếng nhạc Thiếu tâu,
Vắng nghe chuông gió lâu lâu lại dừng.
Dương, hơi dương đậm ấm...
Nấm thức mây che,
Thức mây che rờ rờ ngát trời.
Nguyệt dải thêm lan,
Thanh, bóng trắng thanh nguyệt dải thêm lan.
Tiếc thay mặt ngọc thương ai,
Vây là đêm là đêm đông trường.
Rạng về mây hồng,
Thiên, Nam thiên rạng về mây hồng, rục rờ nghìn thu.
Nghìn thu ngạt ngào.
Lãng Uyển xa bay,
Luống thâu đêm, đêm nghe phảng phất mối sầu tuôn.
Tuôn khôn nhin ngán ngơ nổi buồn.
Thu, lá thu ngô đồng rụng.
Một lá thu bay, hơi sương lọt mây,
Sương lọt mây, ngồi nghe tiếng đàn.
Sông, sông hồ nước biếc, chín khúc cuốn quanh.
Đầy nước long lanh, dạo ngời chơi, ngời chơi thủy đình
Nguyệt tà tà xê xế, ánh dải chênh chênh.
Trên không hoa cỏ lặng canh dài.
Đỉnh Thần sơn, đỉnh Thần sơn mặt ngọc may ngai,
Thấy khách hồn mai.
Dải tường lâu,
Nguyệt dải tường lâu đồng vọng bóng trắng thâu.
Nặng tiếng, tiếng đỉnh đang,

Tiếng đình dang, xui lòng thiếu nữ.
Nhớ thương ai gửi bước đường trường,
Bước đường trường, chảy ai đã nện, nện tương tư sầu.
Vò vò phòng hương,
Luống chực phòng hương,
Gửi cố nhân tình thư một bức, gọi nỗi ái ân.
Tư, tương tư sầu.

Theo lệ hát thì tại các cửa đình, mấy lối hát dâng hương, thet nhạc ca nhi đều phải đứng mà hát và kếp đàn cũng phải đứng mà đàn. Hát nhạc xong mới được ngồi để bắt đầu hát giải.

Hát giải có những bài vẽ phong cảnh như bài hai xã Phú Đa và Trinh Nữ thường dùng đã nêu trên lại còn những bài về sù, về truyện, những bài này đều là những bài hát nói.

Trong những buổi hát thờ, nhiều khi dân làng yêu cầu ca nhi hát khúc *Đại thạch*.

Đời vua Lê Thần Tông, gặp ngày lễ Vạn Thọ mùa hát khúc Đại thực các quan đều dẫn người nhà vào trong cung xem. Vua thấy đông đúc mới truyền tiểu giám lấy những hòn đá to cho bọn nữ nhạc đứng lên trên hòn đá mà múa hát, chủ ý để cho mọi người cùng trông thấy. Từ đấy khúc Đại thực gọi là Đại thạch.¹

Bài hát *Đại thạch* là một bài thơ lục bát có biến thể ở mấy câu cuối:

Chúa từ nghe hết vãn vi,
Thoát thôi lại nói tí té nỗi lòng.
Ngọn cờ đình núi xa trông:
Nọ sao cung quế, hẹn cùng trúc mai.
Trách thay ô thước nở hoài,
Cớ chi sao bỗng lạc loài cho nên.

1 Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huế. - Sách đã dẫn.

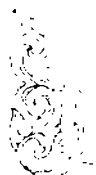
Chốn này là chốn cung tiên,
 Ước gì lại được phi nguyên như mong.
 Boong boong chuông gióng đêm đông,
 Cảm lòng người những luống công đợi chờ.
 Hỡi thăm ai kẻ thân sơ,
 Bóng trắng dài tờ có ầu chẳng là,
 Đêm đêm tương bóng ngân hà,
 Trông sao Bắc đẩu đã ba năm tròn.
 Non mòn nghĩa ấy chẳng mòn,
 Tào Khê nước chảy lòng còn như in
 Tinh thư phong gửi cá chim,
 Chim tìm non thăm, cá tìm vực sâu.
 Duyên ưa có thấu tình nhau,
 Ngày nào Ô thước bắc cầu sông Ngân.
 Màng vui chơi bóng ánh xoay vần
 Lòng càng mong ước hơi lân la, lân la giờ mát chiều
 ai khoan nhạc vũ,
 Lũ thiếp gặp ngày vui.
 Hỡi Long vân thánh thượng khính thọ,
 Tấu nhạc quý dâng, tôi chúc mừng.¹

Ngoài những câu hát theo nhịp đàn nhịp phách, trong những buổi tế lễ còn có những nam nữ vũ sinh, vừa múa vừa hát thờ thần. Những vũ nữ này có thể là những ca nhi chuyên nghiệp hoặc là các trinh nữ trong làng cất cử, như tục lệ làng Trúc Cương phủ Hoàng Hóa tỉnh Thanh Hóa.

Vũ thì có nhiều bài, dưới đây chỉ đề cập tới đôi ba bài chúng tôi biết, hoặc có tài liệu.

Hát bỏ bộ, Hát bỏ bộ là vừa hát vừa làm theo điệu bộ hợp với câu hát. Bài hát bỏ bộ gồm hai phần, phần mở đầu và

1 Theo sách *Việt Nam ca từ biên khảo* của Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huế đã dẫn.



phần chính. Thường bốn cô chia làm hai bên hát múa với nhau. Số người có thể tăng hơn nhưng phải là số chẵn.

Phần mở đầu:

Năm canh ngồi đợi bóng trăng (Các vũ nữ ngồi xuống)

Năm canh ngồi đợi giải cơn buồn,

Ngậm ngùi nhớ thương (Các cô đều đứng lên)

Tay nâng bàn rượu túi thơ (Tay làm hiệu giờ bàn rượu túi thơ)

Một mình đứng đỉnh giải lo giải phiền (Các cô đứng đỉnh đi)

Ngồi buồn xe chỉ chỉ xe (Các cô ngồi xuống lấy hai tay xe như xe sợi chỉ)

Xỏ kim, kim xỏ (Tay phải như cầm sợi chỉ, tay trái như cầm kim để xỏ vào nhau)

Ngồi hè vá may (Tay phải cầm kim như khâu vào vải)

Dương cung ta bắn con cò (Các cô đứng dậy, giơ tay lên như bắn cung)

Con le nó lặn, con le nó lội, con cò nó bay (Hai tay các cô xò ra, nhấc lên nhấc xuống như con le lội và chập chồm như con cò bay).

*

Sau phần mở đầu, các cô hát tới phần chính của bài hát *Bỏ bộ*. Phần chính này thường gồm năm đoạn, dưới đây xin chép một đoạn làm mẫu.

Tinh tang tính (Các cô đều múa)

Em ra kẻ chợ em coi (Vừa đi vừa nhìn)

Thấy quan tập trận,

Ồ kìa chòi bắn cung. (Tay chỉ lên)

Giống con ngựa hồng, (Đi như cưỡi ngựa)

Mao tiền mao hậu (Quay phía trước lại quay phía sau)



Võ thần quan áo nậu vắt vai (Hai tay chống hai bên cạnh sườn)
Cờ vắt vai (Hai tay để lên vai)
Súng anh tọng nạp (Tay làm hiệu nạp đạn vào súng)
Guom tuốt trần (Tuốt guơm ra)
Tay cấp mộc mang (Tay cấp vào nách)
Trường khu đuổi đánh đã vang (Đi nhanh, tay làm ra điệu đánh)

Trên đây chỉ là một đoạn phần chính, còn bốn đoạn nữa cũng tương tự, và khi múa hát các ca vũ nữ phải cùng múa đều nhau. Những ca nhi chuyên nghiệp họ đã thuộc điệu múa và đã hát với nhau nhiều ở cửa đình nên khi múa hát điệu bộ của họ không những ăn với câu hát mà còn ăn cả với điệu đàn, điệu sáo.

Tại những làng, việc múa hát do các trinh nữ đảm nhiệm như ở xã Trúc Lương, nơi có đền thờ ông Lê Phụng Hiệu¹, các cô được dân làng cất cử hát múa thờ thần phải luyện tập trước có khi hàng tháng. Thường tại các xã, việc múa hát do trinh nữ, số các cô được cất cử thường gấp đôi ba hoặc hơn nữa, số các ca nữ tại mỗi buổi hát thờ.

Ca múa bài bông. - Múa bài bông là một lối múa đàn hàng theo điệu nhạc. Bài là bày hàng, bông là hoa, múa bài bông là những bông hoa đẹp dàn bày múa hát.

Các làng, thường những làng lớn, chỉ có múa bài bông trong những dịp vào đám. Múa bài bông, ít nhất phải có tám vũ nữ, trong những buổi đại lễ con số tăng gấp ba bốn lần. Làng xã phải kén các trinh nữ đồng tuổi và suýt soát bằng nhau. Lúc múa các cô ăn mặc áo màu sặc sỡ có giắt kim kính, thêu kim tuyến, thắt dây lưng nhiều xanh đỏ để mũi

1 Xin xem. *Nếp cũ. Hội Hè đình đám* của soạn giả Toàn Ánh, Nxb.Trê, 2004.

rộng, đầu đội mũ kim phượng, tay cầm quạt. Hai bên vai các cô đeo đèn lồng thấp nền. Các cô múa dưới sự chỉ huy của một bậc đàn anh trong làng, vị này cũng được dân làng chỉ định trước để cùng luyện tập với các cô.

Tất cả các cô dự múa bài bông hợp thành một hoa đội, đứng ở ngoài sân đình.

Phường bát âm đi trước, các cô theo phường bát âm đi hàng một vào trước hương án, trong khi vị đàn anh chỉ huy đánh trống cái giữ nhịp. Đứng đầu tất cả các cô có một cô trưởng ban, cô này gõ phách theo điệu nhạc. Bước của các cô nhanh chậm theo nhịp đàn phách.

Tới trước hương án, các cô chia làm hai hàng quỳ trước bàn thờ, hai tay nâng quạt lên khỏi đầu, cô trưởng ban đóng vai Tiên đồng ra khai mạc buổi ca vũ. Cô hát, giọng giống như hát bội:

*Tiêu dao lòng lộng Thiên đình,
Tật tốc giáng dương trần hộ bộ
Khâm thừa Phật tổ
Giáng hạ trần*

Lược nghĩa:

*Nhóm nhơ chơi dạo Thiên đình
Mau mau kíp xuống dương trần xuống mau
Lệnh vàng đức Phật nhiệm mầu
Cời trần giáng hạ ai đâu dám từ.*

Rồi hát tiếp một câu nói lối:

*Như tôi nay, Tiên ông trao chức
Ngô biểu tự Tiên đồng
Truyền ca nhi nam bắc tây đông
Đều múa hát dâng hương Thượng đế*

Tất cả các trình nữ đều đứng lên và bắt đầu vừa múa vừa hát. Múa lấy nhạc làm chuẩn đích, tiến thoái nhanh chậm đều do nhạc điều khiển, lúc quay chỉ quay một nửa người, không bao giờ quay lưng vào hương án.⁽¹⁾

Ngoài mấy điệu ca vũ trên, trong những buổi tế lễ xưa còn nhiều bài ca điệu vũ khúc, thay đổi tùy theo từng buổi tế, từng địa phương hoặc từng vị thần dân chúng phụng thờ.

Các giọng hát tôn giáo khác

Cứ kể trong việc thờ cúng thần linh, ngoài mấy giọng *Chầu văn Sai bảo lệnh truyền* và *Hát thờ* trình bày ở trên còn nhiều giọng khác trong các buổi cúng bái. Cúng cô hồn có những bài văn, bài hát riêng. Cúng mụ, cúng thần cũng có những bài văn bài hát, những bài văn bài hát này thường các thầy cúng chỉ ê a đọc lên mà không hát như *Chầu văn* và *Sai khiến* chư thần.

Có thể kể là những bài hát tôn giáo, những bài hát trong những dịp cúng lễ có múa như múa đèn, bài văn cúng cháo, các bài văn tế v.v...

Những giọng hát về nghề nghiệp

Đây chính là những giọng hát hành nghề, trong số đó có thể kể được cả các lối hát *Chầu văn* và *Sai bảo lệnh truyền* đã trình bày.

Mấy lối hát hành nghề đáng kể là hát Xẩm, hát Tuồng, hát Chèo, hát Cải lương v.v...

Hát xẩm

Hát xẩm còn gọi là *xẩm chợ* là lối hát kiếm ăn của những người thường thường bị mù tật. Họ đi một đôi ba người tới các nơi đông dân cư. Họ ngồi hát bên bờ đường, trước cửa



chợ, trước cửa đình. Họ ngồi chung quanh một chiếc chậu thau. Thường là một cặp vợ chồng, chồng mù vợ sáng, vợ dốt chồng đi kiếm ăn bằng nghề hát. Đi theo hoặc là đứa con, hoặc là một người khác có khi cũng bị mù tật.

Người chồng gảy chiếc đàn bầu mà ta gọi vắn vè là cây độc huyền cầm. Đây là một nhạc khí độc đáo hơn bất cứ một nhạc khí nào của quốc gia nào.

Đây là một cây đàn hoàn toàn Việt Nam, và chế hóa một cách hết sức giản dị. Đàn chỉ có một dây, căng thẳng trên trống đàn, một đầu dây buộc chặt vào trống đàn, còn một đầu buộc cây trụ bằng tre. Cây trụ này dùng để nhấn âm thanh mỗi khi gảy. Đàn không ngựa không phím, và trên mặt trống đàn chỉ có sợi dây đàn. Đàn chỉ có bốn cung, nhưng mỗi cung có thể tạo ra rất nhiều âm thanh, và tiếng đàn nghe thiết tha buồn ảo nào.

Người xắm gảy đàn bầu để đệm cho lời ca của mình. Có khi chính người này, có khi người vợ hoặc người đi theo hát. Có khi họ đồng ca.

Những câu hát của họ rất thay đổi, có khi tả cảnh có khi tả tình. Đây là một câu hát mà đám hát xẩm nào cũng thường hát tới:

*Sáng trăng suông vàng vệt cái đêm hôm rằm,
 Nửa đêm về sáng, trăng bằng cái ngọn cây tre.
 Anh có yêu em cho vẹn một bề,
 Để em thơ thẩn ngồi kẻ bóng trăng.
 Sự tình này ai có thấu cho chăng?
 Để em chi nguyện bóng trăng chịu sầu,
 Tương tư một nhịp đôi ba câu,
 Bắc Nam đôi ba ngã, chịu sầu đôi ba nơi.
 Con chim khôn chết mệt về mối!*



Có khi đám hát xẩm ngoài chiếc đàn bầu, lại có thêm cây nhị, khi nhị, khi đàn bầu, đệm cho lời ca, và cũng có khi hòa tấu cả hai thứ nhạc khí Việt Nam này.

Những người nghe hát xẩm thường thức lời ca, giọng hát cũng như tiếng đàn tiếng nhị, quãng tiền vào chầu thau để thưởng tiền cho bọn xẩm.

Hát tuồng

Hát tuồng do những ban hát trình diễn để lấy thù lao, do vậy ở đây chúng tôi xếp vào loại chuyên nghệ, những đào kép hát lấy tiền thù lao làm kế sinh nhai, tuy rằng vẫn có những tài tử lấy hát tuồng làm một thứ giải trí tao nhã, và thường trong những tích hát chỉ thủ những vai mình ưng ý.

Hát tuồng còn gọi là *hát bộ* hoặc *hát bội* là lối hát diễn lại những sự tích cổ tích trong các truyện, với mục đích rút ra một kết cấu với một ý nghĩa luân lý. Trong khi diễn lại tích cũ, các đào kép vừa hát vừa múa, đi lại trên sân khấu. Lối hát này do người Trung Hoa truyền sang nước ta từ đời nhà Tống, vào khoảng dưới triều Lý nước ta¹. Cũng có sách cho rằng lối hát này mới truyền sang nước ta từ đời nhà Trần, do một tài tử là Lý Nguyên Cát.

Hát tuồng, xưa là một lối hát rất được giới phong lưu trí thức ham chuộng, và giới bình dân cũng ưa thích. Theo Đoàn Nồng, xưa vua Tự Đức cũng soạn tuồng và hát với các danh nho, vua Thành Thái thích xem hát và cũng tự mình sắm vai trong tích hát; cho đến vua Khải Định cũng ưa hát. *ban xiêm giáp rục rờ cho con hát và bắt phải luyện tập hần hoi.*²

Vì do Trung Hoa truyền sang, nên các tích hát thường soạn theo sử Trung Hoa, mãi về sau, từ dưới Pháp thuộc mới có

1 Đoàn Nồng. - *Sự tích và nghệ thuật hát bộ*

2 Trần Văn Khê. - *Hát tuồng*, *Bách Khoa* số 60, XB ngày 15-6-1959.

những vở tuồng soạn theo sách sử Việt Nam như *Tây Nam Đắc Bàng*, *Gia Long Khai Quốc*, *Đông Á Song Phụng* v.v... Các cách hóa trang, bối cảnh, các điệu múa đều chịu ảnh hưởng theo lối diễn tuồng Trung Hoa, cho đến cả những câu nói lối, hát khách cũng vậy. Về sau có thêm nhiều điệu hát Việt như những câu hát Nam hoặc những câu nói lối bằng văn xuôi.

Hát tuồng có những điểm đặc biệt hoàn toàn Á Đông mà trong những điểm này, căn bản là sự tượng trưng. Có thể nói hát tuồng là một nghệ thuật, và tất cả các nghệ thuật Á Đông không bao giờ có ý tả chân mà chỉ dùng tượng trưng để diễn đạt.

Trong hát tuồng, sự tượng trưng đi từ bối cảnh, hóa trang xiêm áo đến điệu bộ và câu hát.

Về bối cảnh vài cái ghế và một cái bàn là cung điện; một canh lá buộc vào ghế biến cung điện thành rừng xanh; hai ghế chồng lên nhau là núi non hiểm trở; một cây chèo là con thuyền; một roi ngựa là con ngựa; miếng vải có vẽ bánh xe đỏ là chiếc xe của nhà vua hoặc của hoàng hậu công chúa v.v...

Về hóa trang thu người *trung mặt đỏ*, râu *năm chòm*, *nịnh mặt mốc*, *mặt xám* hay *mặt đen* và *râu ria*. *Tương Phiên* thì *mặt rần rần* râu *quai nón*. *Yêu* thì *mắt lục lạc*, *tóc màu râu bắp*.¹⁾

Về xiêm áo thì *nịnh* đội mũ *vuông*, *tương Phiên* có *lông trĩ*, *lông công*, *con kếp* núi thì *khăn đen*.

Về điệu bộ, mỗi cử chỉ của *đào kếp* là có ý muốn biểu lộ một cảm giác, một mối cảm tình hoặc một nền luân lý trật tự của người xưa. Khi một *đào kếp* giơ một cánh tay làm bộ lau nước mắt không phải là có ý muốn tả chân cái buồn cho khán giả mà chính là muốn cho khán giả tự do tưởng tượng lấy bao nhiêu nỗi đoạn trường đau đớn. Mỗi điệu bộ tượng trưng một việc; *trung*, *nịnh* điệu bộ khác nhau.

Xây mặt vén râu làm bộ uống rồi đổ căn rượu về phía sau lưng là đang uống rượu. Đưa cánh tay mặt ngang mày rồi kéo nhẹ từ trái qua phải là khóc. Ngồi xuống ôm bụng, lúc đứng lên có ôm thêm “Ông Làng” (Ông Tổ Hát Bội) là nở nhụy khai hoa. Thấy cánh quạt, nghe tiếng cười cũng biết ai trung ai nịnh.

Về câu hát, tướng đang bị thua mà hát câu khách tức là sắp chết. Nghe nhịp “các rục các” biết là thấy rùa tướng núi sắp ra.¹

Sự tượng trưng trong hát tuồng thật là nhiều ý nghĩa, và người dân Việt Nam, sống trong lễ lới Á Đông, qua mỗi màn mỗi cảnh của tuồng, qua xiêm áo cử chỉ của mỗi đào hát đều thấu hiểu, và do đó mới thấy thích thú.

Thích thú về điệu bộ, về xiêm áo, về bối cảnh khán giả lại còn thích thú về ca thể của tuồng. Ca thể này tổng hợp rất nhiều lối hát: nói, dậm, sa mạc, trống quân, quan họ v.v...

Thường mỗi khi diễn tuồng, đều có *câu giáo đầu*. Sau câu giáo đầu mới vào tuồng chính. Đào kép hát tuồng, đóng vai gì lúc bước ra sân khấu, phải xưng danh vị của mình:

*Tê trào Nguyên Lão,
Mỗ hiệu Đình Công,
Son sắt một lòng,
Tuyết da sáu giáp,
Lộc nước Ơn nhà đều khắp.
Một trai một gái cũng dựng hiền...*

Mỗi lối hát được ca lên trong những trường hợp riêng:
Nói *lời tuồng* để xưng danh:

*Quyền Đô Đốc Sài Tang
Ngã tánh Chu Công Cẩn*

¹ Trần Văn Khê. - Tài liệu đã dẫn.

Nói lối *bóp* dùng khi hai tướng địch mới gặp nhau hoặc khi cha mắng con để nói lên sự phẫn nộ:

*Ời hỡi! Chớ khoe khoang thân võ,
Không phủ phục thiên sai!*

Nói lối *ai* được dùng để tả sự buồn rầu.

Hát khách thường do các tay đóng tướng hát trước khi ra trận hay đi tuần thú, vai đóng quan hát trước khi đi nhận chức, hoặc vai người thư nhân đi ngoạn cảnh.

Hát khách phú hay là *hát khách phú lục* là loại hát đối đáp của những người xa cách gặp nhau, hoặc hai tướng địch hỏi lai lịch của nhau trước khi giao tranh.

Hát khách tấu mã là lối hát của những vai đuổi giặc hoặc có việc chi cấp bách.

Hát khách tử do người đóng vai sắp chết: tướng sắp tử trận hoặc người sắp tự tử.

Than và *oán* được hát để tả nỗi buồn.

Ngoài các điệu hát trên còn các điệu *nam xuân* hát lúc sắp lên đường dạo cảnh, *nam thương* hát lúc buồn, *nam bằng* hát lúc vui, *nam dụng* hát lúc nửa vui nửa buồn.

Tại miền Nam có hai lối hát buồn:

Nam đi: Hát lúc buồn nhưng không phải cảnh biền,

Nam chạy: Hát lúc gặp hoạn nạn: bị hổ, bị cướp đuổi.

Hát tuồng còn được gọi là tuồng cổ hiện nay vẫn được nhiều người ưa chuộng, và trong những dịp đình đám ở Việt Nam (miền Nam) bao giờ cũng có vài buổi hát bội. Các vị quan viên, chức sắc, trong những buổi hát thường cầm châu đánh trống để khen chê các diễn viên.

Hát chèo

Theo Dương Quảng Hàm, *hát chèo* dùng để diễn các việc vui cười, những tật hư thói xấu của người đời, trong lời văn có nhiều giọng khôi hài, nhưng lại có tính cách khuyên răn người đời, thiên về luân lý. Có thể nói rằng, hát chèo dùng cái cười để dạy đời.

Trong *Vũ Trung tùy bút*, Phạm Đình Hổ cho biết lối hát chèo xuất hiện từ đời nhà Trần. Đời ấy khi có quốc táng, dân chúng xúm chung quanh quan tài để xem, người đông quá đến chật cả điện đình, đẹp rất khó khăn. Người đẹp đám mới bắt chước lối văn ca đời xưa, đặt ra lối hát song ngâm, sai quân lính đi hát điệu ở quanh đường để dân chúng xúm lại xem cho chỗ điện đình rảnh lối ma lo việc tống táng. Đời sau người ta bắt chước và mỗi năm vào Tết Trung Nguyên, các tang gia mới người đến hát để giúp lễ, và những người này được gọi là *phường chèo*. Đến đời vua Lê Cảnh Hưng, lối hát văn được biến thể và được xen lẫn nhiều giọng hát của tuồng mà thành *hát chèo* ngày nay và đã trở thành lối hát tuồng bình dân, hát tuồng nhưng lại khác hát tuồng, có thời rất thịnh hành tại miền quê Bắc Việt. Tôi còn nhớ khi tôi còn nhỏ, đi xem bất cứ đám hội làng nào buổi tối chúng tôi đều được xem hát chèo, và hai tiếng *xem chèo* đã trở nên đồng nghĩa với đi xem hội quê vào mỗi buổi tối.

Trong khoảng trước thế chiến thứ hai, ở Hà Nội có rạp Sân Nhiên Đài chuyên hát chèo, và ban chèo cổ Nguyễn Đình Nghị đã từng là một ban chèo cổ nổi tiếng ở Thăng Long.

Những tích chèo một phần dựa theo truyện cổ Trung Hoa như hát tuồng, nhưng phần khác được soạn theo các tích cổ Việt Nam, nhất là các loại truyện bình dân.

Chèo Chu Mã Thần dựa tích cổ Trung Hoa, các chèo Lưu

Bình Dương Lễ, Quan Âm Thị Kính, Thúy Kiều Kim Trọng v.v... soạn theo các truyền bình dân Việt Nam.

Chèo có những điệu hát riêng, khác với hát tuồng và phân làm nhiều loại được hát tùy theo tung đoạn của vở chèo: vui tươi, buồn thảm, ý nhị, đánh đá hoặc bông lơn.

Hát chèo có những đoạn đối thoại như ta nói chuyện. Ngoài ra còn có ba cách nói gọi là: *nói lối*, *nói sù* và *nói lừng*.

Nói lối. - Cách nói của các tay đóng học tro thi đồ hoặc khách nhàn du. Thường là bốn câu thơ thất ngôn, hoặc có khi chỉ có ba câu, nhất là trong các vở chèo cổ.

Nói sù. - Đây chính là ngâm thơ, nhưng nhịp điệu thay đổi:

Sù Chúc dùng vào lúc gião đầu, ca ngợi đất nước.

Sù Xuân tính chất vui tươi.

Sù sầu dùng để diễn tả sự buồn thảm lo âu.

Sù vãn dùng để than. Thường là thơ lục bát.

Nói lừng. - Cách nói của những đào kép thủ vai lẳng lơ như Tu Bà trong truyện Kiều, Thị Mầu trong truyện Quan Âm Thị Kính.

*

Chèo cũng như tuồng chịu ảnh hưởng rất nhiều của thời cuộc. Ngày nay, thuần túy chèo rất ít được trình diễn tại các rạp, chỉ thỉnh thoảng xen vào một cảnh nhỏ. Những người lưu tâm tới văn hóa, trước những sự thay đổi của ca hát không khỏi bùi ngùi khi thấy lối hát chèo đang dần đi vào con đường đào thải.

Hát cải lương

Đây là một lối hát mới có từ thời Pháp thuộc, phối hợp cổ kim, sử dụng đủ các bản hát cổ kim, các loại tuồng chèo, các loại ca bình bản, nam bình, nam ai, hò ca, vè, và cả vọng

cổ nữa. Cùng với các bản ca, các nhạc sĩ đệm nhạc bằng đủ loại nhạc cũ, nhạc mới.

Do sự pha trộn này, cải lương có vẻ dồi dào phong phú về ca và nhạc, và thích hợp với đủ mọi loại khán giả nhất là dân chúng vùng quê miền Nam. Ở Bắc Việt cho đến hồi tiền Genève, lối hát cải lương không mấy phổ cập trong thôn dã, không như ngày nay tại miền Nam, mọi người dân đều ưa cải lương, đặt cải lương vào một địa vị quan trọng của nghệ thuật.

Tại khắp các rạp hát miền Nam hiện thời đều có trình diễn cải lương, ở đô thị cũng như ở vùng quê. Và các vở cải lương được soạn ra rất nhiều, phỏng theo dã sử, phỏng theo những tiểu thuyết tình cảm và có khi phỏng theo cả truyện kiếm hiệp truyện thần thoại. Cũng đôi khi có những vở cải lương xã hội nội dung có phần nào đến gần thực tế.

Cải lương đã thắng cả hát tuồng lẫn hát chèo, không hiểu đây có phải là một sự phân hóa của văn hóa chăng?

Ca vọng cổ

Vọng cổ là một bài ca xuất xứ tại miền Nam và rất được phổ biến trong đại chúng. Vọng cổ giọng buồn, náo nùng, tha thiết, dễ cảm, dễ xót xa. Có lẽ chưa bài ca nào được đại chúng miền Nam ưa thích bằng những bài vọng cổ. Thường một bản ca vọng cổ có sáu câu, nhưng trên thực tế một câu, hai câu, ba câu... đều có thể được cả.

Trước sáu câu có một khúc nói lối. Dưới đây là thí dụ:

Nói lối. Em gọi tên người bằng niềm vui vô vọng, rồi buông rơi hai tiếng ấy giữa không gian, nhặt đâu đây vài cánh hoa tàn, em xếp lại để tui buồn cho số kiếp. Kia mấy cánh hoa rụng xuống giữa cô liêu, nó đã tàn úa, không còn dám luyến lưu tình bướm trắng.

Bài ca: *Chị em ơi, khó cho một cuộc đời vô vọng của những đóa*

hoa rơi rụng dưới chân đôi, nó đã tàn phai nhan sắc từ lâu rồi, nó đã xa lìa sự sống của những ngày ử mộng đời xuân sang. Cát bụi sẽ phủ lên mình nó để rồi mưa nắng thời gian không còn biết nó là hoa gì, được mấy tuổi ước mơ mà chôn vùi nguồn mơ ước.

Chị em ơi, em muốn nói đời hoa ấy là em, là Thu Lan đã hơn ba năm nay hầu hạ dưới chân người, nó từng thức thâu đêm để nghe gió lạnh thờ dài, nghe lá rụng, nghe tâm tình thốn thức và để buồn vui theo ánh mắt của người yêu, nhưng em không có quyền thổ lộ, vì em đã lỡ yêu. Hương tình của thuở ban đầu nhạt phai, thì đâu thế nào em lại nói tiếng yêu ai.

- Chị em ơi! Em là kẻ tàn tật, linh hồn trong trắng và mảnh hồng nhan không che kín được vết thương. Nếu em có yêu thì yêu người đồng chung cảnh ngộ, người trong sạch, linh hồn trong trắng mà tàn phế xác thân, người ấy đang cùng lượng tri tâm hồn điên loạn cũng như em. Người ấy, người có quyền điều khiển đám tàn quân, có quyền oán vua hận chúa và người ấy là người đã từng phen hạ lệnh cho em dâng cơm, hầu nước, đốt lửa, giăng màn.¹

Về văn chương những câu hát vọng cổ thường đại để như câu trên, chỉ than van, chỉ thương nhớ, nhưng với điệu ca, vọng cổ đã có *ma lực mãnh liệt* để quyến rũ giới bình dân miền Nam và cả giới trí thức nữa.

Trong các rạp hát, khi ca sĩ hạ đến đoạn *mùi* là tất cả khán giả vỗ tay, và trong lúc ca sĩ hát, nhiều khán giả đánh nhịp chân, gõ nhịp tay theo giọng ca.

Về nguồn gốc giọng ca vọng cổ, có nhiều người đưa ra nhiều luận điệu khác nhau.

Nguyễn Tử Quang trong *Thử tìm xuất xứ bài vọng cổ* đăng trong *Bách Khoa* số 63, xuất bản ngày 15-8-1969, đã viết:

1 Thạc Nhân. - Tài liệu đã dẫn.



“Vào khoảng năm 1920, tại Chùa Làng Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu có một nhà sư, tên họ thật là gì, người làng không biết được mà chỉ biết pháp danh là Nguyệt Chiếu. Vì ở xa lại nên người ta không rõ được tông tích nhà sư.

“Nhưng thấy nhà sư nho học uyên thâm với tư tưởng ẩn dật, người ta đoán chừng là một văn nhân chống Pháp trong thời Cần Vương, nay thất thời nên tạm lánh mình vào cửa Phật.

“Tuy đã đi tu nhưng vẫn mang nặng tình non nước, lòng còn hoài bão chí khí lớn lao với một cuộc đời thay, nên nhà sư mới đem tâm sự mình ký gởi trên bài từ, đề là *Dạ cổ hoài lang*, nghĩa là *Đêm khuya nghe tiếng trống nhớ chồng*. Đại ý của nó cũng tựa như tác phẩm *Chinh phụ ngâm* của Bà Đoàn Thị Điểm.

“Bài thơ này lại được vào tay ông Sáu Lầu, một nhạc sĩ có danh tiếng lúc bấy giờ. Lời thơ tuy tầm thường nhưng có lẽ lúc bấy giờ, giữa đôi bên thông cảm được mối tình *thương nhà nhớ nước* nên ông Sáu Lầu mới lấy bài thơ ấy phổ ra nhạc.

“Đó là bài *Dạ cổ hoài lang* nhịp đơn, âm điệu mượt mà tượng hai bài *Hành vân* và *Xuân nữ*. Bài ấy lời lẽ như thế này:

*“Từ phu tướng,
Bầu kiểng sắc phong lên dăng,
Vào ra luống trông tin chàng.
Thêm đau gan vàng,
Trông tin chàng,
Gan vàng thêm đau!
Chàng dầu say ong bướm,
Xin đó đừng phụ nghĩa tào khang.
Đêm ngóng trông tin bạn,
Ngày mới mòn như đá vọng phu.
Vọng phu, vọng luống trông tin chàng.
Năm canh mơ màng,*

*Chàng hỡi, chàng có hay.
Đêm thiếp nằm hưởng những sâu tây.
Bao thuở đó đây sum vầy,
Duyên sắt cảm tình thương.
Nguyên cho chàng
Đặng chữ bình an
Trở lại gia đàng
Cho ừ nhận hiệp đôi”*

Lúc đầu vọng cổ chỉ có thế, chỉ là bài *Dạ cổ hoài lang*. Bài này được đưa lên sân khấu bởi gánh hát thầy Năm Tú ở Mỹ Tho đầu tiên, rồi lần lượt các gánh khác cùng sử dụng, nhất là trong các tuồng cải lương.

Rồi bài hát chịu sự biến đổi, từ *Dạ cổ hoài lang*, đổi sang *Vọng cổ hoài lang*, để về sau tên gọi được đơn giản hóa hơn với hai tiếng *Vọng cổ*.

Những bài vọng cổ được soạn ra, dài hơn, lâm ly hơn, bi sầu nào nuốt hơn!

(...)

Trong các nhạc sĩ miền Nam có nhiều người tài ba đã soạn ra nhiều câu vọng cổ thật là nào nuốt. Dưới đây chúng tôi xin trích ra một bài của ông Trịnh Thiện Tứ, một nhạc sĩ quán ở Bạc Liêu rút trong cuốn *Củ nhạc cổ điển, điệu Bạc Liêu*, để bạn đọc cùng thưởng thức. Bài này gồm câu nói lối và sau câu vọng cổ.

Vua thoái vị đi tu

Nói lời: *Câu: Phú quý tợ môn nền tuyết: chữ công danh như thảo thượng sương. Cõi trần ai là cõi khổ tang thương, tránh sao khỏi con đường sanh, bệnh, tử. Thà kiên nhẫn để trở về ngôi vị cũ: lo tu tâm giải thoát nẻo sa đà. Mặc dầu ngày mai trăm kế nghiệp Tiên Vương...*

Vọng cổ:

1. Lên ngôi nhất thống sơn hà,
Đại quốc vì vương sống trên nhung lụa ngọc ngà.
Trăm đời vầng nhật nguyệt, đập máy âm dương, cảm đầu
văn võ bá quan;
Giữ gìn xã tắc, thế thiên trị quốc an bang;
Nhưng bao nhiêu chí cả hiên ngang, cũng là tạm thời mộng ảo.

*

2. Có câu ca dao: Vì chưng kiếp trước khéo tu, ngày nay con
cháu vông dù nghênh ngang.
Gieo căn là hưởng quả nên trời trả công phu bằng ấn ngọc
ngai vàng.
Nhưng có lẽ đâu trần duyên tạm niệm, danh lợi tóm thâu khi
kê nghiệp cho tiền hoàng.
Biết đâu màn vô minh kia là tội trọng vật khinh, nó che
nguồn đạo đức.
Thôi kể từ đây thế sự giai huu, trăm xin nhường ngôi thoái vị.
Thiên từng nhân ý, màng bào long cốt cời ra, trăm mặc vào
chiếc áo cà sa.

*

3. Công danh như bào ảnh, phú quý tựa phù vân. Xét ra tu
đại giả tan;
Trên thế gian xác phàm là tượng trưng cho tứ khổ: sanh, lão,
bệnh, tử của con người.
Dẫu ai có trục lợi tham danh, cũng chỉ suốt đời tạm hưởng
bởi sách có câu:
"Sơn trung tự hữu thiên niên thọ, thế thượng nan phòng bá
tuế nhưn"
Nghĩa là: ngàn năm cây vẫn sống, nhưng thế gian trăm tuổi
ít ai còn

Thiên vông khối khối, sơ nhi bất lậu; cao phi viễn tẩu giả nan toàn.

*

4. Đứng giữa thanh thiên, trầm phát tâm lập nguyện siêu thoát nguồn hân,
Xà thân câu đạo, tế chùng độ nhơn đặng mới bòn công phu công quả
Vì nguồn hân là khối chơn linh bất diệt, là bửu pháp vô vi
Vậy trầm còn mền tiếc nữa chi? Cõi đời sanh ký từ qui, cái xác thân phàm hý.
Cứ lo mặc sướng ăn sung, nằm cao và ngủ kỹ, sanh ra lục đục thất tình;
Tham vọng hư thân, đã không tích đức lại thêm nhơn bợn phong trần.

*

5. Nhứt điểm vô minh chi hóa năng thiếu âm đức chi lâm
Có thể đổi rừng đạo hạnh vì chùng dóm lửa mê huyền.
Nhớ câu: Phật pháp thậm thâm vô biệt niệm; đặc kiến Như Lai khi giác ngộ đạo Thiền,
Khuyên ai đừng mê vật chất bản thân, lo tu tâm đặng gieo trồng hậu quả.
Tu tâm vì Phật tại tâm, vậy phải dọn sạch lòng mới mong gần nơi Phật tọa.
Bờ đời đây là đời giả, cố nhiên đạo cả mới vững bền.

*

6. Muốn qua bí ngạn, tìm cánh kỳ viên, ta nên phản tục qui nguyên, sang thuyền bát nhã.
Đỗ chuông cánh tỉnh, giống trống giục mê, trầm gõ mõ tẩy trần và tụng kinh sám hối,



Đặng đem hạnh phúc già phàm đời lẩn nguồn đạo đức chơn như.

Xóa nợ trần ai, tìm chốn Phật Đài, ngày đêm đốt nến trầm hương, dặng xông sạch cõi lòng.

Không mang khổ hạnh, bao nài khảo đảo xác thân, giới cho tuyết sương chang thử thách bá tông.

Vì tâm kiến Như Lai, khỏi đọa luân hồi lục thú.

Nam mô Phật A Di Đà... Tự giác, giác tha.

CÁC LỜI CA HÁT TRÍ THỨC

Nếu các lời ca bình dân được phổ biến trong quần đại quân chúng thì những lời ca hát trí thức chỉ được giới trí thức ưa chuộng. Những lời ca hát trí thức cầu kỳ hơn cần phải có một trình độ văn hóa để hiểu biết lời ca, cũng như cần phải có khả năng tài chính để thù lao cho ca nhi.

Trong các lời ca hát trí thức có hai lời rất thịnh hành trước đây là *Ngâm thơ* và *Ca trù*.

Ngâm thơ

Các tay văn tự thường làm thơ rồi ngâm cho nhau nghe, giọng thơ ngân nga như muốn diễn tả hết tình ý chứa đựng trong lời thơ.

Các cụ nhà nho có thú xướng, họa; một cụ làm một bài thơ, cụ khác họa nguyên văn rồi cùng ngâm để cùng thưởng thức.

Nhiều người không làm được thơ, nhưng rất ưa ngâm thơ. Họ thường ngâm những đoạn trong các truyện Kiều, Tống Trân Cúc Hoa, Lục Vân Tiên, Nhị Độ Mai v.v...

Ngoài ra các nhà văn tự lại ưa làm thơ *tập Kiều* nghĩa là lấy những câu trong Kiều để ngâm vinh cho những đề khác.

Ngâm thơ thường không có nhạc. Ngày nay các tác giả mới cũng ngâm nga thơ của mình, và có đệm nhạc.

Làm thơ xong, hoặc các tác giả cùng bè bạn tự ngâm để thường thức với nhau, hoặc giao cho ca nhi ngâm.

Trong những buổi tối đi mua vui ở xóm cô đầu, nhiều nhà văn, nhà thơ thường soạn sẵn những bài thơ hoặc những bài tập Kiều để cô đầu ngâm.

Đây là cái thú thanh cao của người biết chữ.

Ca trù

Các cụ xưa rất ưa ca trù. *Ca trù* chính là hát *ả đào*, nghĩa là lối hát của cô đầu khi tiếp đãi quan viên.

Sở dĩ gọi là ca trù vì ngày xưa khi có tế lễ thường mời ca nhi tới hát và khi hát có lệ hát thẻ. *Thẻ* gọi là *trù* làm bằng mảnh tre ghi chữ đánh dấu, dùng để thường *ả đào* thay cho tiền mặt.¹

Trong buổi hát thờ, mỗi khi ca nhi hát hay, lại được thưởng một chiếc thẻ, khi buổi hát tan, đoàn ca hát cứ theo số thẻ lĩnh tiền thưởng. Do đó, hát *ả đào* gọi là *Ca trù*, nghĩa là hát thẻ.

Hát *ả đào* còn gọi là hát cô đầu, hát nhả tơ hay hát nhà trò.

Khi *ả đào* hát có kệp dùng đàn để đệm cho câu hát và có quan viên đánh trống cầm châu.

Chính *ả đào* trong lúc hát lại gõ *phách* để giữ nhịp câu hát.

Hát *ả đào* có ba lối chính:

- *Hát chơi* là hát khi tổ chức tại nhà quan viên hay tại nhà *ả đào* để quan viên mua vui. Trong những buổi hát chơi này, cô đầu thường ca những bài phóng khoáng và tình tứ.

- *Hát cửa đình* là hát để thờ thần. Trong những buổi hát này, ca nhi thường hát những bài về sử, về kinh truyện, về sự

1 Đỗ Bằng Đoàn - Đỗ Trọng Huế. - *Việt Nam Ca trù biên khảo*.

tích danh nhân, ngoài những khúc do đào hát còn có những khúc do kép hát và những vũ bộ.

- *Hát thì là lối hát để khảo sát tài năng của đào kép.*

Với ba lối hát, ca trù có tất cả trên 40 thể, nhưng những thể thường được hát nhiều là:

- Bắc phản
- Mưỡu
- Hát nói
- Gửi thư.

Về âm luật ca trù có 5 cung chính (cung ở đây là giọng hát và hơi đàn):

1. Cung Nam, giọng bằng phẳng mà xuống thấp.
2. Cung Bắc, giọng rắn rỏi mà lên cao
3. Cung Huýnh, giọng đọc dính vào nhau mà mau.
4. Cung Pha, hơi ai oán, giọng đọc chệch lờ lờ đi.

5. Cung Nao, hơi chênh chênh, đương ở cung nọ chuyển sang cung kia. Cung nao chen lẫn ở giữa, âm nhạc Tây phương gọi là nửa cung.

Về sau có thêm một cung nữa gọi là cung Phú. Cung Phú hơi như về đọc Phú, cuối câu có hơi ngân bậc cao.⁽¹⁾

Bắc phản

Hát Bắc phản mở đầu cho cuộc hát. Sau khi đào kép dạo phách là hát Bắc phản. Giọng hát thanh tao từ hơi Nam chuyển sang hơi Bắc, do đó có danh từ Bắc phản.

Câu hát là những câu lục bát, giọng hát bằng phẳng đều đều. Dưới đây là một câu hát Bắc phản cổ:

*Nỗi xa cách nhớ thương
Trên người chi mấy trắng già
Xe dây cho hẳn một nhà với nao.*



*Bấy lâu duyên nhằng ước ao,
Giấc hòa mộng tưởng, chiêm bao mơ màng.
Sơn lâm mấy cõi tương vàng
Cây bao nhiêu lá thương chàng bấy nhiêu.*

Hát mưỡu

Sau Bắc Phản thường là Hát Mưỡu. Điều phách khoan thai. Câu hát là một hoặc hai câu lục bát tùy theo từng trường hợp. Hát Mưỡu tuy câu hát cũng là lục bát như Bắc Phản, nhưng giọng Nam, giọng Bắc phân minh, lời hát réo rắt khác với sự bằng phẳng của Bắc phản. Mưỡu mở đầu cho bài hát nói. Mưỡu một câu lục bát là *mưỡu đơn*, hai câu lục bát là *mưỡu kép*. Mưỡu tóm tắt ý tưởng trong bài hát nói:

ĐÊM THU THẮNG LONG

*Gió đưa cánh trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.
Mịt mù khói tỏa ngàn sương,
Nhịp cầu An Thái, mặt gương Tây Hồ.*

Trên đây là một câu mưỡu kép cổ, không rõ ai là tác giả.
Dưới đây là một câu mưỡu kép của Tản Đà:

HỒI GIÓ

*Cát đâu ai bốc tung trời?
Sóng sóng ai vỗ? Cây đôi ai rung?
Phải rằng đi gió hay không?
Phong tình đem thổi lạ lòng trên ai?*

Hát nói

Sau hát mưỡu là *Hát nói*, nhưng trước bài *Hát nói* có năm khổ đàn. Với *Hát nói* tác giả gói ghém ý mình muốn nói vào câu hát.

- *Hát nói đủ khổ có 11 câu.*
- *Hát nói đôi khổ có trên 11 câu.*
- *Hát nói gổ hạc là bài có nhiều câu, vừa đôi phách lại vừa cách đặt khúc khuỷu.*
- *Hát nói muơu hậu là bài hát nói có câu lục bát trước khổ kết.*

Bài *Hỏi gió của Tân Đà* là một bài đủ khổ:

*Khoài tai phong dã!
 Gióng vô tình cây đã cũng mê tôi.
 Gặp gió đây hỏi một đôi lời.
 Tu hỏi gió quen ai mà phăng phất?
 Thử thị Đà Giang phi Xích Bích
 Đã vô Gia Cát dữ Chu Lung.
 Ai cầu phong? Mà gió tự đâu sang?
 Hay mãi khách vân chương tìm kết bạn?
 Gió hỏi gió, phong trần ta đã chán,
 Cánh chim bằng chín vạn những chờ mong.
 Nên chăng gió cũng chiều lòng.*

Một bài hát *Gổ hạc* và *Đôi khổ*.

NHÂN NHẬT TÂM PHƯƠNG

*Xuân bất lão nhân hà lão,
 Lúc thanh nhân đùng đình đạo nm hoa.
 Nao Lan, Đào, Mai, Lý, Cúc, Trà,
 So hương sắc, mỗi hoa tươi một vẻ,
 Chẳng trách bướm ong ham đáo ế.
 Nhẽ nào quân tử lại vô tâm?
 Đã chơi hoa ngắm nghía ôm cầm
 Vậy thường thức có tình thân thời mới thích.
 Xuân khứ xuân hồi thi mãn bích,
 Hoa hàm hoa tiếu tuyền khinh tòn.*

Rượu pha hương say tư cần khôn.
Hoa đượm tuyết lại càng tôn vẻ quý
Vườn ngư uyển chị Hằng lai ý
Khách tâm phương thường để trí vâng lai
Còn xuân hoa nguyệt còn dài.

CHIẾU DƯƠNG (Sơn Nhân nhân bút)

Một bài hát mười hậu:

NỢ PHONG LƯU

Cời trần thế nhân sinh là khách cả,
Nợ phong lưu kẻ trả có người vay.
Trong trần ai, ai biết ai hay,
Làm ra đừng phí thường cho rõ mặt.
Quân tử dụng tâm vô đồ tặc,
Trượng phu xử thế hữu kinh quyền.
Bất vụ nhân bất oán thiên,
Ba vạn sáu nghìn ngày thích chí.
Năm ba chén trà nhân rượu trí.
Một vài câu thơ thánh phú thân
Nhờn nhờ trong cội hồng trần
Gặp ngay chung đỉnh đại cân cũng vừa
Thành thời bầu rượu túi thơ.

NGUYỄN CÔNG TRU

Hát gửi thư

Đây là giọng hát để người hát diễn đạt tình ý dưới hình thức một bức thư. Bài hát thường là những bài văn song thất lục bát, đôi khi có biến thể thêm một vài chữ cho rõ nghĩa.

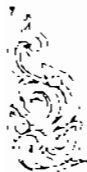
Những bài thư *Gửi Người Tình Nhân không quen biết* của Tán Đa thường được dùng để hát *Gửi Thư*.

THƯ ĐƯA NGƯỜI TÌNH NHÂN KHÔNG QUEN BIẾT

Ngồi buồn lấy giấy viết thư chơi,
Viết bức thư này gửi đến ai.
Non nước xa khơi tình bơ ngỡ,
Ai tri âm đó nhận mà coi.

*

Ngàn mây biếc long lanh đáy nước,
Bóng tà dương ngả gác non đồi.
Tranh kia ai vẽ cho trời?
Ngoài sơn thủy lại một người đứng chờ.
Hồn kiếp trước ngăn ngơ chưa tình,
Mối duyên tình vợ vẫn càng thêm
Tuyệt mù tâm cá hơi chìm,
Nào người nhớ hồi thăm tìm là đâu?
Kể từ độ lọt đầu se tóc,
Cùng cùng mang tiếng khóc mà ra.
Cõi sầu ta lại với ta,
Lọ quen biết mới gọi là tương tri.
Con gió thắm có khi cùng khóc,
Bóng trắng thanh lắm lúc cùng chơi:
Gương vui cùng một nét cười,
Nguyệt hoa cùng trải cuộc đời như nhau.
Bể trần hải chẳng sâu mà sóng,
Cầu hành tinh đã rộng thêm tròn:
Tài tình một gánh con con,
Đông, Tây, Nam, Bắc ai còn gặp ai.
Nổi bèo nước đã trôi thời thế,
Tình cô sương khôn dễ mà khuây.
Phòng vẫn trở lại gót giày.
Chén nương tư rót cho đầy lệ với.
Tác sơn giải mấy lời huê bút,



*Tờ giấy bay theo ngọn gió đông.
Lòng kia hồi có tin lòng.
Nước non khơi cách ngàn trùng chưa xa.*

TẢN ĐÀ

Nếu trên là mấy lối hát ca trù thường được các ca nhi hát tới và được quan viên ưa thưởng thức. Ngoài ra còn trên bốn chục lối hát khác nữa, đáng kể là *Kể truyện, Hăm, Tì bà, Xẩm cô đầu...*

HÁT TRẺ EM

Từ trên, chúng tôi đã trình bày phần lớn các lối ca hát Việt Nam từ những lối ca bình dân đến những lối được hạng trí thức ca hát hoặc ưa thưởng thức. Đây mới là những lối ca hát của người lớn, nhưng các trẻ em trong những trò chơi chúng nó cũng có những lối hát riêng. Dưới đây là một số những câu hát đi theo với trò chơi.

Chi chi chành chành

Đây là lối chơi đi tìm. Một em chìa bàn tay ra, các em khác để ngón tay trở trên bàn tay của em này, rồi em này cũng lấy ngón tay trở của mình đặt lên bàn tay vừa đi vừa hát:

*Chi chi chành chành
Cái đánh thối lừa
Con ngựa chết chương
Ba vương Thượng Đế...
Ừ.. ừ... ập!*

Sau tiếng ập, em nắm tay lại, em nào có ngón tay bị nắm trong bàn tay của em kia, sẽ nhắm mắt lại để các em khác đi ẩn, rồi em đi tìm.



Thả đĩa ba ba

Trò chơi này cần một em làm đĩa, còn các em khác là những người lội qua sông. Các em thường cùng nhau chơi ở sân đình, sân chùa, hoặc lúc đi chăn trâu thì chơi ở trên một thửa ruộng đã dỡ mầu rồi. Hai bên bờ ruộng, hai bên mé sân được coi là bờ sông. Em làm đĩa đứng ở giữa sân hoặc giữa ruộng, còn các em kia chạy qua chạy lại. Đĩa phải đuổi bắt người lội sông. Em nào bị đĩa bắt phải làm đĩa thay cho em cũ được trở thành người lội sông trong trò chơi.

Lúc đầu tiên cần phải có một em làm đĩa. Tất cả các em đứng vây quanh thành vòng tròn, một em hát bài *thả đĩa ba ba* mỗi tiếng chỉ vào một em, em nào trúng tiếng sau cùng em đó làm đĩa. Bài hát như sau:

*Thả đĩa ba ba
Chơi bắt đàn bà,
Phải tội đàn ông,
Cơm trắng như bóng,
Gạo thuyền như nước,
Đổ mắm đổ muối,
Đổ tưới hạt tiêu,
Đổ niêu phân gà,
Đổ phải nhà nào,
Nhà nấy phải chịu.*

Em nào trúng tiếng *chịu* em ấy phải làm đĩa.

Đại khác, chúng tôi kể ra vai trò chơi với các câu hát liên hệ của trẻ em để bạn đọc có một ý niệm về lối hát này. Thực ra các trẻ em nhiều trò chơi lắm, và với các trò chơi thường đều có các câu hát, chúng tôi rất tiếc không kể được hết ra đây.¹

¹ Xin xem cuốn *Trẻ con hát, trẻ con chơi* của Nguyễn Văn Vĩnh và cuốn *Nếp cũ - Trẻ em chơi*, Toàn Án, Nxb. Trẻ 2010.

HÁT TÂN NHẠC

Đây là thời kỳ tiền chiến của ca hát Việt Nam.

Tại các thành thị, người ta hầu như xao lãng hết những điệu hát cổ truyền. Chiều bóng, âm nhạc Tây phương, phong trào thể thao và hướng đạo đã ảnh hưởng rất lớn tới nền ca hát Việt Nam với những câu hát vui tươi, với những bài hát sáng tác bởi các nhạc sĩ phái mới.

Kể từ những cuộc vui chơi của trẻ em nhắc lại những tích cổ cũng có những câu hát theo điệu mới, như câu hát sau đây nhắc lại sự tích vua Đinh Tiên Hoàng.

*Anh hùng xưa nhớ thời là thời niên thiếu.
Dấy binh lấy lau làm cờ,
Quên mình la mình giúp nước,
Hết sức giữ gìn cho nước,
Dấn thân trước nơi nguy nan...*

Những cuộc lửa trại hướng đạo được tổ chức thay thế những trò chơi tập thể của trẻ em vùng quê, và trong những cuộc lửa trại này những câu hát Pháp được chuyển sang tiếng Việt Nam. Như bài hát *Con voi* dưới đây:

*Trông kìa con voi
Nó đứng rung rinh
Nghiêng mình trong đám.
Nhện chăng vò tơ.
Anh chàng voi ta,
Thích chí mê tơi,
Bèn mời anh khác,
Đang xa vào chơi.*

Trên lãnh vực ca hát của người lớn, người thành thị miền Bắc hồi đó, - chúng tôi muốn nói vào khoảng từ năm 1932 trở lại - như muốn say mê những điệu hát lai Tây. Có thể vì âm nhạc mới lạ, nhưng cũng lại vì những lời ca nồng cháy của những mối tình đầy xác thịt. Những bài hát Âu Tây này khác hẳn những bài hát Việt Nam cũng ca ngợi tình ái, nhưng ở đây là mối tình êm đềm kín đáo mà thẩm thiết.

Chính vì quá say mê cái mới Tây phương mà lớp người mới ở thành thị thường ca hát những bài tiếng Pháp.

Và nhiều bài hát Pháp được chuyển sang Việt ngữ, trai gái thị thành thích thú những bài hát này, chúng đề cao cá nhân. Dưới đây là một trong những bài hát của lũ người mất gốc hồi đó, bản tiếng Việt của bài *Créola*:

PHÚT MƠ MÀNG

*Ngồi bên em tựa bên thiên đường,
Và ngàn hương sắc huy hoàng chim hót ca lòng vang
Chào xuân đi, nàng tiên, trời tươi thắm, một mẫu tươi sáng.
Ta cố quên ngày tháng, sung sướng đi nàng tiên!
Kìa hồ xưa xa xăm man mác êm đềm.
Ồ người tiên, mắt em mơ màng,
Cười cùng anh chớ nên ưu phiền.
Ca hát đi nàng tiên,
Vang ca khúc tình duyên.*

Bài hát trên có thể tượng trưng cho tất cả những bài hát ngoại quốc được chuyển sang lời Việt hồi đó. Những bài hát này chỉ ca tụng một cách vụng về tình ái lộ liễu của trai gái.

Nhưng dù con người thành thị có ưa những bài hát này đi mấy, chúng cũng chỉ có một thời.

Chỉ ít lâu sau, một phong trào mới về ca hát xuất hiện nhờ ảnh hưởng của phong trào hương đạo. Nam nữ thanh niên đua



nhau hát những bài hát Miên, Lào, cả giọng hát Thượng mặc dầu họ không hiểu gì về ý nghĩa của bài hát. Chúng tôi có thể kể lại đây những bài *Hời màn Phổ, Nùng Păng Cà lô ti* v.v...

Sau đó, vào khoảng 1941-1942, những bài hát Trung Hoa cũng được đồng bào thành thị miền Bắc hát tới và được chuyển sang Việt ngữ. Một bài danh tiếng của thời đó là bài *Hà nhật quân tái lai*, nghĩa là *Khi nào chàng trở lại* được hầu hết các thanh niên nam nữ thuộc lòng, và một số người ở đồng quê cũng hát. Có lẽ nó có tính chất phương Đông nên dễ phổ biến chăng?

HÀ NHẬT QUÂN TÁI LAI?

*Đi có để hình bóng,
Cùng mối thương anh để bên lòng.
Em nhẩn như thời gian,
Mang đến trà tình quân.
Nhué đóa hoa thơm như sương,
Mau cứu hoa khô héo tàn...
Vương vấn âu sầu làm chi,
Nếu sau ngày biệt ly
Còn mong sẽ có một trùng lai tự nhi
Giữ duyên khỏi phai,
Dù bước phong trần lối kéo dơi.
Em cũng như tình quân
Yêu lo một kỳ tái xuân.*

Bài hát trên là lời than của một xuân nữ, cầu khẩn cho người yêu trở lại và mong mỗi ngày tái ngộ.

Ngoài bài trên, còn bài *Nhớ rừng* cũng chuyển từ Hoa ngữ sang rất được thanh niên nam nữ học sinh ưa thích.

Thời kỳ sáng tác

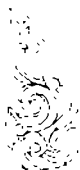
Chịu ảnh hưởng của nền âm nhạc Tây phương, không lẽ người Việt Nam cứ chuyển mãi những bài ngoại quốc sang Việt ngữ, do đó, cùng với sự chuyển dịch trên, các nhạc sĩ Việt Nam cũng sáng tác được nhiều bản nhạc đã lọt được tinh thần của nhạc sĩ và đã trở nên rất có giá trị, nó hợp với tâm hồn người Việt Nam hơn. Có những bài như bài *Bên sườn núi* của Phạm Đăng Hinh, bài *Việt Nam bất diệt* của Hoàng Gia Linh, bài *Khỏe vì nước* của Hùng Lân v.v.. rất phổ biến. Vào năm 1942, những bản nhạc do nhạc sĩ Thẩm Oánh sáng tác cũng rất được hoan nghênh, và được đám quần chúng say mê, trong đó đáng kể là các bài *Hồ xưa* và *Tâm hồn anh tìm em*.

Ngoài ra, một hướng đạo sinh, ông Phạm Văn Xung có soạn được bài *Đi đi ta cùng đi* cũng được giới bạn trẻ luôn luôn hát tới.

Để tượng trưng cho các bài hát được sáng tác trong thời kỳ tiền chiến này, chúng tôi xin ghi lại đây bài *Tâm hồn anh tìm em* đã từng làm cho giới thanh niên thích thú.

*Tâm hồn anh tìm em,
Theo làn sang vườn Thúy,
Dưới trăng mờ sao huyền,
Lòng anh già băng,
Dưới bóng trăng mờ,
Tìm hình người mơ,
Gió lay trong trời thanh,
Anh mến xin hương trầm tóc xanh.
Ánh trăng hằng sáng,
Như mắt nhung mờ màng,
Và tóc em là làn liễu xanh rờn.*

*



*Tâm hồn anh tìm em,
Theo làn sang vườn vắng,
Nhớ nhung căng tràn tim,
Trong bóng điệu trắng mờ sao huyền,
Một mình bên sông mờ với em.*

Bản hát trên thật là êm ái, lời lẽ thật là thanh nhã, hợp với tâm hồn bạn trẻ và cũng không đi ngược lại hướng đạo đức của phương Đông như những bài quá nồng cháy dịch ở các bài Tây phương sang tiếng Việt.

Tương cũng nên nói thêm là nếu tất cả lời ca hát cổ truyền Việt Nam có thể ca không nhạc ngoại trừ *Hát chèo*, *Hát xẩm*, *Ca trù* và *Hát tôn giáo*, thì những lối hát *Cải lương* và hát *Tân nhạc* đều có nhạc đệm.

KẾT LUẬN

Chúng tôi đã sơ lược trình bày các lối ca hát tại Việt Nam qua các giai đoạn từ cổ truyền tới tân nhạc. Đã đành rằng sơ sài quá và còn nhiều thiếu sót, nhưng khuôn khổ tập sách này và sự hiểu biết nông cạn bắt buộc chúng tôi phải thu hẹp nhiều điều chúng tôi muốn nói rộng hơn.

(...)



Tài liệu đọc thêm

TỤC HÁT TRỐNG QUÂN GIỮA GIAI XUÂN CẦU, GÁI KHÚC LỘN



Nếu bạn đi ô tô theo con đường thuộc địa số 5, tức đường Hà Nội - Hải Phòng, bạn sẽ qua một phố con con cách Hà Nội chừng ngoài hai mươi cây số, đó là chợ Đường cái.

Xuống xe, đi lần vào làng Nhạc Lộc độ nửa cây, bạn sẽ thấy một con sông con có cầu bắc qua mà bên kia ẩn hiện một làng khá đẹp, tên là Xuân Cầu thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Xuân Cầu vẫn có tiếng là một làng văn vật.

Với bộ óc mộc mạc, dân Xuân Cầu vẫn giữ được nề nếp cũ trong xóm, ngoài làng.

Quanh năm chăm chỉ làm ăn, trai làng chỉ có dịp chơi bời ngao du trong cảnh thu đẹp đẽ. Những đêm gió thu êm, trăng thu sáng, với một tấm lòng hả hê sau trận phấn đấu với công việc nặng nhọc, giai làng thường thường tìm vui trong thú hát trống quân.

*

Hát trống quân một lối chơi rất thanh nhã mà họ vẫn giữ từ trước đến nay. Hằng năm, cứ đến tháng tám, họ rủ nhau

tự năm tự bảy để ca hát. Có một điều lạ là không bao giờ họ hát với gái làng, vì gái làng hát không hay và rất kém về môn chơi đó, nên họ phải tìm những bạn “đồng thanh, đồng điệu”.

Khúc Lộng, một làng hẻo lánh cách Xuân Cầu độ ba cây số, sản xuất rất nhiều “chìm họa mĩ” vừa hát hay, lại ví khéo.

Cứ mùa hát tới, giai Xuân Cầu, gái Khúc Lộng lại cùng nhau ca xướng dưới những tơ trăng mười mười mìn mìn, mặc dầu đã nhiều lần làm cho giai các nơi khác đem tâm ghen tị.

Cứ tối đến, lúc trăng thu đã lên, gió mát đã thổi, họ đã xong công việc nhà, thì đôi bên gặp nhau trong “thư mộng”: chia làm hai đám, lên giọng ca hát véo von... Họ chào nhau một cách rất thân mật, rồi tha hồ tình tự trong phạm vi câu hát:

*Lạ lòng anh mới tới đây
Thấy hoa thì hái, biết cây ai trồng!*

Và cứ như thế, bên nọ giả lời bên kia rất thú vị...

Đó là mấy câu hát chơi trước khi vào cuộc cũng như thanh niên ta chơi mấy quả “ken cờ” trước khi vào bàn ping-pong.

Đùa cợt một lúc, bấy giờ họ mới bắt đầu hát đứng đắn.

Cẩn thận lắm, họ xưng danh với nhau trong câu:

*Anh là con giai thôn Tam,
Làng anh nhất xã chia làm ba thôn
Văn minh đã nức tiếng đồn v.v...*

Bên gái:

*Em là con gái thôn quê,
Làng em, Khúc Lộng, huyện thì Văn Giang...*

Và còn dài nữa... Họ kể tất cả các việc trong làng họ. Họ tả cảnh rất đúng bằng những câu văn mộc mạc nhưng lưu loát.

Thế rồi đến tình tự. Họ tự tình giữa công chúng, không một e thẹn, bằng câu hát mà người ngồi nghe tưởng tượng

như họ lấy nhau đến nơi rồi. Mà thật thế, họ tự nhiên lắm, họ khuyên bảo nhau như là một cặp vợ chồng thật.

Ví dụ lúc mới tự tình:

*Đường xa thì thật là xa,
Muốn mình làm mối cho ta một người.
Một người mười tám, đôi mươi
Một người vừa đẹp, vừa tươi như mình...*

Lúc mới tình đã kết chặt:

*Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo
Thất bát sông cũng lội, cầu thập đèo cũng qua.
Yêu nhau chẳng quản gần xa,
Một ngày chẳng đến thì ba bốn ngày.*

Ái tình đã đậm thắm như vậy, thì lòng nhớ thương lại lảng bội phần:

*Nhớ ai em cũng khóc thầm
Năm thân áo vài uớt đầm như mưa!
Nhớ ai ra ngẩn, vào ngơ,
Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai?*

Và họ đã quyết khi ái tình lên cực điểm:

*Lòng em đã quyết thì hành,
Đã cứa thì gặt với anh một mùa.*

...

*Chắc như thoi ấy chớ sai
Tháng giêng dẫn gối, tháng hai làm nhà.
Tháng ba ăn cưới đôi ta...*

Rồi khi đến chỗ họ lấy nhau thì:

*Có con, lo liệu cho con;
Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng...*

Họ rất chung tình:

*Tay mang khăn gói qua sông,
Mẹ kêu, lạy mẹ, thương chồng phải theo...*

Cứ thế, họ trao đổi với nhau bằng một giọng rất thân mật.
Có lúc tưởng tượng như chàng đi học xa xôi, bên nữ hát rằng:

*Hết gạo thì thiếp gánh đi,
Hỏi thăm chàng học ở thì nơi nao?
Hỏi thăm đến ngõ thì vào
Tay cất gánh gạo, miệng chào “bông soa”...*

Giờ này sang giờ khác bằng những câu hát ứng khẩu, bắt
vẫn rất khéo, họ ngồi đối diện nhau có khi tới sáng, không
một chút nhọc mệt.

Hát như thế phần nhiều là họ hát chơi. Nhưng cũng một
đôi khi có người ưa nghe, gọi vào trong sân nhà mình, treo
giải để khích lệ họ hát. Trong trường hợp ấy, đôi bên nam
nữ tranh nhau trở tài, hát đến đêm này qua đêm khác cho
đến chừng nào một bên không đối đáp được, thì phải thắng
sẽ giết giải, bấy giờ mới là “chung kết”.

Giọng trầm bổng còn dư âm... Trăng đã lặn và bình minh
đã ló. Họ đứng dậy cáo từ nhau với mien tiếc nhớ thương.
Lúc ấy, nếu bạn hỏi xem họ có mệt không, thì họ sẽ vui vẻ
trả lời: “Không, chúng tôi chẳng những không thấy mệt mà
lại còn khoan khoái là khác nữa...”

Hát ánh trăng: một dịp giúp cho văn chương bình dân
được phát triển!

Ca đêm vàng: một cuộc bày tỏ tâm tư, trao đổi tình ý của
nam nữ ở sau lũy tre xanh!

ANH NGẪU

Tri Tân số 19 - Thứ Sáu, 17.10.1941



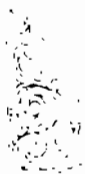
HÁT PHƯỜNG VẢI

Trước hết, chúng tôi xin nói qua về nghề kéo sợi dệt vải ở Nghệ Tĩnh.

Ngày xưa, chưa có vải tau,¹ các khung cửi phải dùng vải ta. Vải ta là vải kéo bằng tay. Kéo bằng tay thời nhất định phải thô kệch, không được trơn trắng mịn màng như vải Tàu. so với popeline suisse và nylfrance bây giờ thì thật là một trời một vực. Nhưng đối với dân “cá gỗ” thích ăn chắc mặc bền, vải đó đã là thứ vải che thân hoàn hảo rồi.

Thường thì người ta không mặc đồ trắng, vì dễ bẩn và mau rách. Phải nhuộm nâu mới được. Có hai thứ vải nâu: nu non và nu bầm. Nu non là chỉ dùng cũ non không thời. Các cô các bà thường thêm vỏ già cho màu thêm tươi thắm. Còn nu bầm là thứ vải nhuộm nâu rồi, còn đem trấn bùn. Phái là thứ bùn lấy dưới ao sâu, đen lạnh lạnh và hăng sảng sặc. Phải chăng trong bùn đen ấy có chất moóc đắng (mordant) moóc điếc gì mà khi nhuộm bùn xong thì vải cứng lên một cách lạ lùng và dày gấp bội. Thứ đó dùng may áo dài bền lắm, khéo mặc có thể dùng suốt đời nên các cụ thường gọi là *áo chung thân*. Nó không ấm không đẹp bằng ba đờ xuy của Tây, nhưng tiện lợi hơn nhiều. Khi đã mặc cũ và nhục rồi, thì mặt vải gầy như hình tổ ong.

1 Vải Tau do nhà máy sợi Nam Định sản xuất với bông mua của Trung Quốc. Chính nhà máy sợi Nam Định đã giết chết nghề kéo vải. Nhưng đến năm 1937, lúc Trung Nhật chiến tranh bắt đầu thì nhà máy thiếu bông, nên vải sợi trở nên khan hiếm. Cái xa kéo vải lại xuất hiện ở vùng Hoan Châu suốt cả thời kỳ đại chiến cho đến mãi bây giờ. Nhưng sau này, thì tục hát phường vải không còn nữa.



Trong Hàn Nho phong vị phú, cụ Nguyễn Công Trứ ca tụng thứ vải đó.

*Áo vải thân nặng trịch: lạnh làm mền, nực làm gối,
hồn mùa thay đổi bấy nhiêu.
Khăn lau giặt đồ lòm, trải làm chiếu, vận làm quần,
một bộ ăn chơi quá thú.*

Đàn bà có thể dùng vải nâu bầm để may "thọ nhất bức". Thứ vải đó không đẹp bằng vải lụa nhưng tiện lợi, kín đáo hơn và nhất là đi ngoài đồng áng không bị cỏ may bám vào. Vì thế nên có câu đố sau đây để so sánh hai thứ vải:

*Xấu xa như tui, dằm năm bảy cây
Đẹp tốt như chị, dằm mấy thì dằm.*

Muốn có vải ta, việc trước hết là phải trồng bông. Tháng giêng trồng, tháng sáu lấy quả. Quả bông chín vàng, nở xòe như đóa hoa hồng bạch. Bông lấy về phải đem cán hết hột rồi bứt tung ra từng sợi và se thành cú để kéo. Người ta bứt bông bằng cung và kéo sợi bằng xa. Không biết cái xa của Thánh Cam Địa thế nào, chứ cái xa của dân Nghệ Tĩnh thì giản dị lắm. Một người thợ mộc lành nghề chỉ làm trong một ngày là xong một cái. Nhà nào cũng có xa. Xa mẹ, xa con, xa chị, xa em, xa bà, xa cháu, có nhà đến năm bảy cái. Người đàn bà nào cũng biết kéo vải cả. Con gái từ bảy tám tuổi đã biết rồi. Năm sáu tuổi đã biết giã. Giã nghĩa là cuốn chỉ thành từng lọn để sau nay đánh thành sót mà dệt. Trước khi đánh sót người ta phải ngâm hồ để sợi chỉ được bền và trắng hơn. Vì quê ở Quỳnh Lưu, nữ sĩ Hồ Xuân Hương không lạ gì công việc đó nên đã khuyên chị em bạn gái rằng: "Chị nào muốn tốt ngâm cho kỹ" ngâm không kỹ là không tốt!

Xem thế thì từ lúc trồng bông cho đến lúc có vải nâu mặc, người dân quê Nghệ Tĩnh đã phải làm biết bao nhiêu việc: lật



bông, cán bông, bứt bông, xe cúi, kéo sợi, giần hồ, sót, đánh ống, mắc vải, dệt nhuộm rồi cuối cùng mới may áo quần. Có thể nói kéo sợi là công việc quanh năm của đàn bà con gái. Vì công việc kéo dài thế nên mới sinh ra tục *hát phường vải* mà chúng tôi xin đề cập đến sau đây:

Kéo vải là một công việc rất dễ dàng, nên thường làm về ban đêm. Những người kéo thào rồi thì không cần đèn nữa. Những đêm trăng sáng người ta đem ra sân. Để cho vui về họ rủ nhau đến nhà nào có sân rộng và sáng. Có khi vài ba chục xa quay đều theo tiếng hát nhịp nhàng của các cô, các bà làm thành một âm điệu dịu dàng dễ chịu hơn tiếng các xưởng dệt ở Đồ thành nhiều lắm. Trong khi đó ở nhà bên cạnh hoặc sân bên kia các chàng thanh niên trong làng cũng nhóm họp để hút thuốc Lào, uống “nác chè sen” và nghe hát rồi hát đáp lại Thành ra hai bên đối đáp nhau như lối hát quan họ ngoài Bắc vậy. Phần nhiều là những câu tình tứ gợi cảm nổi lòng, những lời thăm dò ý kiến trao đổi một cách kín đáo, đôi khi nhờ đó có thể nên vợ nên chồng. Có khi là lời trách móc thiết tha sau nhiều năm chờ, tháng đợi, hoặc tệ hơn nữa là những câu nặng nề nghịch ngợm để tẩy chay nhau một cách cay đắng.

Không phải người nào cũng có thể sáng tác được thứ văn chương hợp tình hợp cảnh ấy. Những câu thông thường là những câu vô giá trị. Phải là những tác phẩm *i-nê-di* mới được. Thế cho nên chúng tôi có thể nói rằng phường vải là người văn chương bình dân dồi dào nhất của xứ Nghệ. Nói là bình dân, nhưng không phải chỉ các chị cu, o hét, anh xã, ả hoe đi hát, mà cả những cậu ấm cô chiêu nữa. Nếu cậu ấm Văn nhà ta mà sinh trưởng ở đất Hồng Lam thì cậu cũng đã nổi danh rồi. Các bậc khoa bảng cũng không từ chối lối chơi tao nhã ấy. Các cụ không hát thì đến đó để gà cho nam nữ



thanh niên. Danh từ chuyên môn gọi là thông sự, giống như đánh cờ tướng thì phải có đại thú vậy, có nơi gọi là ngoại tử. Có một thời cụ Phan Bội Châu đã nổi danh về khoa đó. Tiếc rằng các tác phẩm của cụ cũng như của những nhà nho khác chưa được ai ghi chép, và bây giờ một nhóm người xa quê hương như chúng ta đây khó lòng mà nhớ hết. Chúng tôi con nhớ dăm ba câu, xin chép lại sau đây để các bạn thưởng thức.

Đây là một đôi trai gái mới gặp nhau lần đầu. Họ tìm hiểu nhau, thử thách nhau bằng câu ca tiếng hát. Họ hỏi vặn nhau như Hạng Thác hỏi Khổng Tử. Người con gái có quyền chất vấn trước:

*Đồn rằng chàng thông thạo sử kinh
Em đố chàng biết được con cá kinh mấy xương?*

Hỏi thế thì đến ai cũng bí. Bí nhưng không lẽ lại chịu thua, chịu tịt mà về, bên con trai liền vặn lại để tìm lối thoát, một lối thoát không về vang gì nhưng hơi trơ trên:

*Em về đếm mạ mấy nương
Anh đây đếm được mấy xương con cá kinh.*

Bây giờ người con trai lại muốn tỏ tình:

*Thấy người thực nữ mỹ miều
Anh đây muốn hỏi người yêu tên gì?*

Cô kia trả lời một cách câu kỳ:

*Đem ra hai cổ ích xì,
Lựa ra bốn chục ấy thì tên em.*

Tuy vậy, anh chàng thông minh kia hiểu liền. Trong bộ ích xì (tức bài cào) có bốn con J hay V, mà ở Nghệ An gọi là Chúc hay Bồi. Mỗi bộ bốn con, hai bộ tám con, nên anh chàng biết ngay tên cô kia là à Tám Bồi và đáp:



*Phải chăng là à Tám Bồi?
Chờm mớ về thăm mẹ, cho tôi theo cùng.*

Nhưng cô à không bằng lòng lối trao duyên sỗ sàng ấy:

*Nghe lời anh nói, em đoán chắc anh khùng,
Đôi bên chưa biết tên, biết mặt đã dùng dùng xin theo.*

Bị mắng là khùng, anh chàng chọc tức cho bỏ ghét:

*Muốn biết em thì có khó chi mô,
Anh kiếm coi trù¹, be rượu, sang phở với mẹ thầy.*

Hỏi vợ mà chỉ mất một coi trù và một be rượu thì thật quá dễ dàng, người con gái bị rề rúng quá chừng. Bị trêu ghẹo và bị khinh bỉ, cô ta chửi lại ngay:

*Thầy mẹ em con chọn đá để gửi vàng
Không dư con gái, để gả cho chàng ngu si.*

Thế là anh chàng thất bại ra về.

Một chàng khác cũng bị tẩy chay một cách quyết liệt nhưng ở đây lời lẽ bóng bẩy hơn. Ý chừng anh chàng này ve vãn cô kia đã lâu mà không được xơ mủi gì nhân lúc đêm khuya anh cất tiếng hát một cách chán nản:

*Trăng lên đến đó rồi tề!
Hát dăm ba chuyện mà về kéo khuya.*

Và đây là câu tống biệt của nàng:

*Anh về đi ngủ kéo khuya
Xấu chuôm, cá nỏ vô đũa cho mô!*

Sau đây là lối dùng câu hát để trêu chọc nhau.

Một thanh niên ở Đức Thọ sang Nam Kim chơi. Anh cùng

1 coi trầu.

đi với một số bạn bè và gà cho họ hát. Vì anh chột mắt nên bị các cô chế nhạo:

*Anh đi Hà Nội nắng chù,
Con mắt anh bít bạc, cần xa cù một bên!*

Quá tức tối vì lối châm biếm độc địa của đối phương anh ta chửi lại và lẽ tất nhiên, chửi xong thì chạy ngay:

*Anh đây bên Hạ mới sang
Thằng cha cả họ, cả làng Nam Kim*

Bây giờ đến chuyện chàng thư sinh đất Đông Thành Huyện Đông Thành, sau này gọi là Yên Thành, có tiếng là hay chữ. Chàng thư sinh kia sang một huyện khác chơi. Đi đâu, anh cũng tự phụ là học giỏi nên có hôm bị một cô chất vấn:

*Đất Đông Thành đồn rằng chàng: "Hay chữ"¹
Vậy thiếp hỏi chàng: "Thầy Mạnh Tử con ai"?*

Hỏi thế thì thật khó. Sách Nho thường nói rằng Thầy Mạnh Kha là con Bà Mạnh Mẫu, người đã có công dạy con thành một bậc Á Thánh, còn ông Cha thì mất sớm, không công trạng gì nên không mấy ai để ý đến tên. Thế mà bây giờ có người hỏi mới nguy chứ! Không biết xoay sở thế nào, anh chàng bèn dùng chính sách độc tài để đàn áp cho xong chuyện:

*Em là phận gái thuyền quyền
Sao không chăm lo bếp núc, bàn chuyện thánh hiền
mần chi?*

Tuy trả lời được, nhưng biết là mình đuối lý, mà bên kia thì chắc chắn có người bày, chàng bèn đâm khùng, tiếp thêm một câu rồi bỏ chạy:

¹ đọc trại chữ "hay chữ".



*Thấy Mạnh là do Cụ Mạnh sanh ra
Tổ mẹ đũa hát, tổ cha đũa bày!*

Đũa bày tức là các vị thông sự. Thông sự thường là những người lớn tuổi hơn, tài hoa hơn, nhưng giọng hát kém, chỉ ngồi bày vẽ cho đàn em. Thông sự đàn ông cũng có, mà thông sự đàn bà cũng có. Họ là những người ngồi trong bóng tối để chiến tranh tâm lý với nhau qua giọng hát của các em út. Thông sự có khi là bậc khoa bảng, tú tài, cử nhân hoặc tiến sĩ nữa. Họ thường chơi chữ với nhau như câu đối vậy. Chính cụ Phan Bội Châu hay làm thông sự cho các thanh niên ở Nam Đàn. Có lần đám học trò Cụ đi hát bị các cô tẩy chay một cách kịch liệt.

*Biểu anh một mẻ ngô rang,
Đút mô cho mọc, đôi nhang ăn thề.*

Ngô rang mà bảo đút cho mọc, thì trời cũng chịu. Ngày xưa, Ngô Phù Sai bị mưu lúa lược của Việt Vương Câu Tiễn thì bây giờ chàng trai xứ Nghệ lại bị mẻ ngô rang của cô con gái (thọ nhất bức). Nhưng cụ Phan gỡ rối cho chàng một cách vừa tài tình vừa độc ác:

*Chỗ mô mà nắng không khô?
Mà mưa không ướt, đút vô mọc liền!*

Lẽ tất nhiên là lúc hát xong, thầy trò cuốn gói đông tuốt, không cần ân nghĩa, không thêm nhang khói ăn thề gì nữa. Một lần khác, bên gái hát:

*Vua Nghiêu có chín người con
Đan Chu là một, hỏi còn những ai?*

Sử Tào nói rằng vua Nghiêu có năm bảy người con trai gì đó và chỉ có hai người con gái thôi. Vua Nghiêu không truyền ngôi cho con mà lại truyền cho Ông Thuấn, vì ông

là người hiếu thảo nhất trong thiên hạ, Vua lại gả luôn hai công chúa Nga Hoàng và Nữ Anh cho. Đại khái sử Tàu nói như vậy. Người ta thường chỉ nhớ tên hai công chúa thôi, vì sử cũng nói rằng lúc vua Thuấn mất, hai bà ngồi khóc chồng bên bờ sông Tương, nước mắt biến thành ngọc và rơi xuống đất mọc thành những cây trúc đẹp như ngà. Người nào tò mò thì có thể nhớ thêm tên Đan Chu là vị hoàng tử có đức hạnh và lớn tuổi nhất còn các vị khác thì không ai để ý làm gì. Vì thế dầu có đậu Đại Khoa cũng không thể biết được một chuyện quá chi tiết trong lịch sử rườm rà của Trung Quốc. Cụ Phan bèn gà rằng:

*Em là phân gái nữ nhi
Đan Chu cũng đủ, hỏi chi chín người!*

Thật là tài tình! Con gái thì chỉ nên biết một người con trai thôi, biết làm chi đến chín người cho hồng chuyện. Định lấy một lần chín chồng hay sao mà hỏi vớ vẩn thế?

Đó là những chuyện cụ Phan làm thông sự cho bọn con trai. Nhiều hôm cụ lại làm cho bọn con gái. Sau đây là những câu đã làm cho đối phương phải bí và xưa nay cũng chưa ai đáp được.

*Xe cò ai đó rửa hề?
Phải người Sáo, Vạc thu về với Loạn*

Xe cò là cái xe đạp, và cũng là tên một con chim sáo, vạc cũng là tên con chim và cũng là tên hai cái chợ lớn ở Nam Đàn, còn Loạn là con chim loan và cũng là tên người con gái đang hát. Tên người tên đất, tên chim lẫn lộn nhau, bạn nào tài giỏi thử đối coi!

*Quế, Hòe, Tùng, Bá, Liễu, Mai
Sum sum lục mộc anh tài đối chi?*

Mấy chữ Hán Quế, Hòe, Tùng, Bá, Liễu, Mai đều thuộc bộ mộc. Còn chữ sum viết bằng ba chữ mộc chồng nhau. Sum Sum cũng là sáu mộc. Như vậy câu trên có sáu chữ mộc, câu dưới cũng sáu chữ mộc, ai làm sao đối nổi?

*Cha con thầy thuốc về làng
Hồi hương phụ tử, vịn chàng đối đi!*

Đây là câu đối sửa đối lại theo thể lục bát để có thể hát được. Chính câu đó là: Cha con thầy thuốc về quê gánh một gánh hồi hương phụ tử.

Hồi hương là về làng tức là quê hương, phụ tử là cha con, Hồi hương và Phụ tử lại là hai tên vị thuốc Bắc. Bốn chữ ấy chàng chịt nhau. Xưa nay đã được bay nhiều, và tác giả chính không phải là cụ Phan. Cụ chỉ có công sửa lại theo điệu hát thôi.

Trên đây là những câu hát trêu chọc đùa giỡn xỏ chua, xỏ ngọt để thử tài nhau. Nhưng phần nhiều hát phường vải là những câu trữ tình, thường đem đến kết quả tốt đẹp, không nên vợ nên chồng thì cũng thành đôi bạn tâm giao, xa nhau không đặng.

*Nửa về nửa muốn ở đây
Về thì nhớ bạn ở đây nhớ nhà!
Mình về để võng ai nằm?
Để chăn ai đắp, để trằm ai đeo?
Ai về Đức Thọ chợ Cầu,
Để thương, để nhớ, để sầu cho ai!*

Cái buồn của đêm tàn phường vải cũng (lưu luyến bao tình) không khác chi “Đêm tàn bến Ngự” cũng ngao ngán chán chường như ngày tàn của mùa gặt.

*Rồi mùa thóc rũ rơm khó
Bạn về quê bạn, biết lộ mô mà tìm!*

Cảnh sầu ly biệt đó, thiết tưởng cũng không kém gì cảnh “*duang hoa sầu sát độ giang nhân*” của Trịnh Cốc đời Đường. hay cảnh giọt ngắn giọt dài của chàng Kim phải xa cô Kiều sau một đêm trăng thề quạt ước, để về đất “*Liêu Dương cách trở sơn khê*”.

*Ngai ngừng một bước một xa,
Một lời trân trọng châu sa mấy hàng.
Buộc yên quấy gánh vội vàng,
Mỗi sầu sẽ nửa bước đường chia đôi.
Buồn trông phong cảnh quê người
Đầu cảnh yên nhất, cuối trời nhận thua.
Nào người cũ gió từng mưa,
Một ngày nặng gánh tương tư một ngày.*

Vì thế mà đôi trai gái thường phải qua nhiều trở ngại để được gần nhau, trở ngại lớn nhất hồi đó thường là cha mẹ:

*Muốn ăn kẹo lạc với đường
Dú cha, dú mẹ ngược Lường với anh*

Chợ Lường tức là chợ Đồ Lương có nơi gọi là Chợ Lạng. Chợ Lường sản xuất một thứ bánh dày đặc biệt gọi là bánh Di Lạng. Bánh Di Lạng ngọt như bánh tổ ở Quảng Nam, Quảng Ngãi nhưng dẻo như bánh dày của người Bắc và lại bùi vì ở trong còn có lạc (đậu phụng) nữa. Ở Vinh gọi là bánh bìa.

Kẹo lạc chợ Lường cũng đặc biệt ngon, vì làm bằng đường chứ không phải bằng mật như mấy chợ khác. Ăn kẹo lạc chợ Lường rồi nhấm nhấm đôi nắc chè Giăng thì thú thật, nhất lại được đi với anh nữa không gì bằng nhưng phải giấu cha giấu mẹ thì khó lắm anh ơi!

Các trở ngại ấy thường phát nguyên từ môn đăng hộ đối, hoặc vì tôn giáo gây nên. Ở vùng Đức Thọ những làng như Nghĩa Yên, Yên Phú, Thọ Ninh, Thọ Tường phần đông dân

theo Thiên Chúa Giáo. Theo tục lệ thì người bên giáo không được phép dựng vợ gả chồng với người bên lương. Hối cụ Đình Nguyên Phan Đình Phùng khởi nghĩa Văn thân, dân mấy làng ấy với dân kẻ lạ vùng Đông Thái, nơi quê cụ xô xát nhau dữ dội, cụ Đình chống Pháp mà các cố đạo hồi đó lại là người Pháp, và thường làm gián điệp nên nhiều cố bị giết, rồi con chiến cũng bị vạ lây. Sau khi cụ Phan Đình Phùng mệnh chung, quân Cần Vương tan rã, việc xung đột giữa lương giáo không còn nữa, nhưng việc hôn phối giữa đôi bên vẫn không thể được. Vì thế một anh chàng đã hát:

*Chợ em anh cũng muốn thương
Ngất vì bên giao bên lương khó lòng!*

Thì được cô ả trả lời một cách tình tứ, dịu dàng:

*Quý hồ anh có lòng thương
A men mặc thiệp, khói hương mặc chàng*

Trả lời như thế là trả lời ầu, vì thương quá mà nói liều. Các vị giám mục đâu có chịu sự lộn xộn đó.

Trong một trường hợp khác cũng có cô trả lời một cách rất dễ thương:

*Quý hồ anh có lòng thương
Em có lòng đợi như rương khóa rồi!*

Ở nhà quê, rương khóa rồi thì không ai có thể mở được, nghĩa là một khi đã hối, dầu chưa cưới xin, chưa chung chăn gối, vẫn như đã là nghĩa vợ chồng. Nói chi bây giờ thời đại “văn miêng” nhất là ở Đô thành thiếu gì “passepartout” rương có khóa rồi dầu có khóa chứ đi nữa, họ cũng dám mở như thường.

Hoặc giả đã yêu thương nhau, mà anh chàng lo sợ về cảnh nghèo của mình, thậm chí không sắm nổi một cái giường gỗ.

một cái chông tre để cưới vợ, thì cô ả cũng bất chấp, liền năn nỉ:

Quý hồ anh có lòng thương

*Trái chiếu nằm trên đất cũng được, phải chong giường
màn chi!*

Thưa các bạn, trên đây là mấy câu hát ân tình của quê hương yêu dấu chúng ta, mà ba anh em chúng tôi đã cùng nhau chấp nối lại để cống hiến quý bạn. Mong rằng các bạn sẽ tiếp đón nó như tiếp đón một người bạn chung tình đã theo dõi chúng ta từ lúc tấm mền cho đến khi khôn lớn và mãi đến lúc về già. Nó không dài các nghiêm trang như thơ Bà Huyện Thanh Quan, không chải chuốt công phu như mấy bài Sonnet của Malherbe hay Arvers, nó cũng không nỉ non thánh thót như tiếng đàn tỳ ba nơi “*bến Tầm dương canh khuya đưa khách*” để Giang Châu Tư Mã mà cũng phải mượn mùi áo xanh. Nhưng nó thật thà giản dị tả đúng tâm trạng thật thà. Nếu ai có hỏi, thì xin các bạn cứ hiên ngang mà trả lời rằng: chúng ta có *Đoạn trường tân thanh*, có hát nói của Nguyễn Công Trứ, chúng ta có *Tỳ Bà Hành*, có *truyện Hoa Tiên*, có *Mai Đình Mộng Kỳ*, có thơ Hồ Xuân Hương, có phú Nguyễn Hữu Chỉnh... đã đành; chúng ta còn có cả hát dặm và hát phường vải nữa. Nhất là hát phường vải, một lối văn chương đặc biệt của xứ Nghệ đã bị văn minh cơ khí đào thải gần nửa thế kỷ nay.

Nguyễn Đình Khuê - Trần Xuân Tuy

Võ Tư Nương - Trường Vinh

Nội san của Hội Ái hữu cựu học sinh trường Vinh.

Xuân GIÁP THÌN. 1964

Phần 2

Kỳ

- KỶ, MỘT THỨ
TIÊU KHIỂN CỦA TA - 216
- PHỤ LỤC (PHẦN KỶ) - 266

KỠ, MỘT THỨ TIÊU KHIỂN CỦA TA



Trong tứ thú phong lưu thì kỳ xếp thứ hai. Kỳ là chơi cờ. Chơi cờ là thú thanh cao tao nhã, đòi hỏi sự suy nghĩ của người chơi, tuy chơi nhưng chính là một cuộc đấu trí, và qua những cuộc đấu trí này sách vở còn lưu lại nhiều nước cờ thật là tuyệt diệu.

“Đánh cờ cũng là một lối chơi cao thượng, khiến trí ta phải suy nghĩ nhiều. Cờ hay nhất là cờ tướng chia làm hai phe như hai quân đội chiến đấu với nhau.”¹

Các bậc trí thức ta xưa đều lấy chơi cờ làm thú vui giải trí. Phan Kế Bính trong *Việt Nam phong tục* đã viết:

“Đánh cờ cũng vui thú, mà càng nghĩ càng cao vô cùng. Đánh cờ được hai người đối thủ thì nghĩ ngợi có khi hàng nửa giờ mới được một nước, có người mê mẩn đến nỗi quên ăn quên ngủ.”

Thực vậy, đã bắt đầu vào một ván cờ, hai đấu thủ đều để hết tâm trí, tìm đi những nước cờ cho cao, cho hiểm hóc để lấn át đối phương.

1 Đào Duy Anh – *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Bốn Phương.

Xưa nay trong các môn cờ bạc phải có chuyện ăn thua. người chơi bạc không bao giờ chơi không, và cờ bạc không có tiền không bao giờ thành, nhưng riêng chơi cờ thì không thế, cờ chơi không ăn tiền các đấu viên chơi cũng thấy hứng, và sự ganh đua vẫn hăng say như khi đánh bạc chơi những canh bạc lớn vậy.

Không phải riêng chỉ người chơi cờ say mê, người dự xem đấu cờ cũng say mê. Sách cổ kể lại câu chuyện người tiểu phu vào rừng đốn củi gặp hai tiên ông đánh cờ, đứng chân xem cờ, mãi mê với ván cờ, đến khi ván cờ tan, cán chiếc rìu bằng gỗ đã mục. Và để ghi nhớ sự tích này, một ngọn núi đã mang tên Lạn Kha Sơn hiện nay ở huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh.

Ham mê cờ không phải riêng chỉ có hạng người trí thức, mà trong dân chúng, đám bình dân cũng rất say mê đánh cờ. Ta có thể nói, ở chỗ nào ta cũng gặp có bàn cờ, ở giới nào cũng có người ham đánh cờ, kể sang người hèn cũng vậy.

Cờ có nhiều lối chơi, nhưng thông dụng nhất ở Việt Nam là cờ tướng với bàn cờ vuông, với quân cờ tròn.

CỜ TƯỚNG

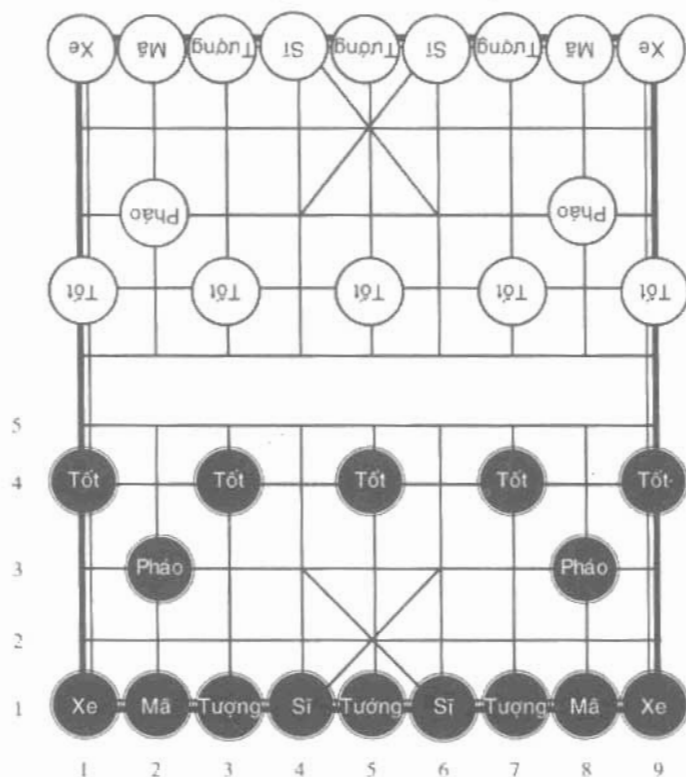
Giải trí bằng cờ tướng là tiêu khiển một cách lành mạnh, qua một thú vui thuần túy Á Đông.

Có thể nói được rằng chơi cờ tướng là điều khiển một chiến tranh giả cuộc chiến giữa hai quốc gia, tượng trưng có tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã và tốt. Người đánh cờ là một vị tổng tham mưu chỉ huy ba quân, dàn mặt trận, công thủ tiến thoái tùy theo cơ mưu của mình, dùng trăm phương nghìn kế để tạo nên những thế cờ hiểm hóc, khiến cho đối phương đi vào nước bí, không phản công được, không giải cứu được. Phục kích có, truy kích có, pháo kích cũng có. Khi

và các đường ngang mỗi bên được đánh số từ 1 đến 5 cho tới đại hà, thì các quân cờ sẽ bày như sau:

- Tướng ở số 5 đường ngang 1;
- Hai bên tướng ở số 4 và 6 là sĩ;
- Hai bên hai sĩ ở số 3 và 7 là tượng;
- Hai bên hai tượng ở số 2 và 8 là mã;
- Hai bên hai mã ở số 1 và 9 là xe;
- Pháo ở số 2 và 8 đường ngang 3;
- Tốt ở số 1, 3, 5, 7 và 9 đường ngang 4.

Bàn cờ và quân cờ mới dàn quân



Hình 1



Hai bên đều phải bày quân cờ như trên, và lúc bắt đầu ván cờ, mỗi bên đi theo nước cao thấp của mình.

Các quân cờ đi theo những nước khác nhau, không phải muốn đi ra sao cũng được. Đã có luật lệ nhất định:

Xe liên: Nghĩa là xe có thể đi ngang hoặc dọc suốt bàn cờ nếu không vướng quân khác chặn, của mình hoặc của bên địch, nhưng chỉ đi theo đường thẳng, và cũng theo đường thẳng mà ăn quân của địch, ngang hay dọc cũng đều ăn được cả chiếu tướng địch thì cũng chiếu thẳng.

Pháo cách: Pháo cũng có thể đi ngang đi dọc như xe, suốt bàn cờ theo đường thẳng, nhưng khi ăn quân phải cách một quân ở giữa, quân ở giữa này là ngòi pháo, có thể là quân của mình hoặc quân của địch. Khi chiếu tướng cũng vậy, cũng phải có ngòi ở giữa quân pháo và tướng địch.

Mã nhậ: Mã đi theo nước chéo chữ nhậ, chữ nhậ hợp bởi hai ô vuông liền nhau của bàn cờ, bất cứ chỗ nào. Mã đứng ở góc chữ nhậ này, khi đi phải đi chéo sang góc đối diện. Lúc ăn quân, chỉ ăn được những quân nào ở chéo góc một chữ nhậ. Thí dụ: quân mã đứng ở số 2 đường ngang 1 thì có thể ăn những quân của bên địch đứng ở số 4 đường ngang 2, hoặc ở số 3 đường ngang 3, hoặc ở số một đường ngang 3.

Khi chiếu tướng cũng vậy, cũng phải tính theo góc chữ nhậ. Thí dụ: tướng bên địch ở số 5 đường ngang 1, muốn chiếu tướng mã phải đứng ở số 3 hoặc số 7 đường ngang 2 và ở số 4 hoặc số 6 đường ngang 3.

Mã có nước bị cản. Khi có quân đứng ngang bên cạnh, mã không thể đi được sang góc chéo ở góc đối diện với ô vuông của quân bên cạnh. Thí dụ: mã đứng ở số 3 đường ngang 3,

bên cạnh ngay số 2 đường ngang 3 có một quân khác, quân mình hoặc bên địch, mà bị cản không đi tới các góc chéo số 1 đường ngang 2 và số 1 đường ngang 4 được. Lúc chiếu tướng cũng vậy, có quân cản thì mã không chiếu được tướng.

Tượng điển: Tượng đi theo đường chéo của 4 ô vuông như chữ điền. Tượng chỉ có thể đi được mấy nước và không qua được đại hà. Lúc dàn quân tượng ở số 3 và 7 đường ngang 1, khi động quân chỉ có thể đi được từ số 3 lên số 1 hoặc số 5 đường ngang 3, và từ số 7 lên số 9 hoặc số 5 đường ngang 3. Từ những vị trí mới này, tượng có thể đi lên số 3 hoặc số 7 đường ngang 5, hoặc lại lùi trở về chỗ cũ.

Sĩ: Sĩ chỉ có thể đi theo đường chéo trong *cung tướng*. Cung tướng gồm 4 ô vuông hợp thành bởi các đường ngang 1, 2 và 3 và các đường dọc 4, 5 và 6. Trong cung tướng có hai đường chéo góc gặp nhau ở chính giữa cung. Sĩ chỉ có thể đi theo các đường chéo này mà không đi theo hai chiều ngang dọc được. Lúc mới dàn quân sĩ ở hai bên tướng tạo các số 4 và 6 đường ngang một. Khi chuyển quân sĩ có thể đi lên số 5 đường ngang hai. Khi đi sĩ như vậy, làng cờ gọi là *ghénh sĩ*. Từ vị trí mới này, sĩ có thể đi lên số 4 hoặc số 6 đường ngang 3 hay lùi về chỗ cũ. Sĩ chỉ có mấy nước đi trên, không bao giờ được ra khỏi cung tướng.

Tướng: Tướng chỉ có thể đi trong cung ngang dọc một nước một, nghĩa chỉ đi từ 5 sang 4 hoặc 6, hay đi từ số 5 đường ngang 1 lên số 5 đường ngang 2, rồi từ số 5 đường ngang 2 lên số 5 đường ngang 3, theo từng ô một, không thể đi hai ô một lúc, từ 4 không đi ngang tới 6 được. Không bao giờ tướng được đi ra khỏi cung.





Quân cờ người



Xe chém pháo

Tốt: Tốt cũng chỉ đi nước một như tướng, không đi vượt hai ô một lúc được. Chưa qua đại hà chốt không được đi ngang, chỉ được tiến. Vượt đại hà rồi, tốt có thể đi ngay hoặc tiến tùy theo nước cờ, nhưng cũng chỉ được đi từng ô một.

Tất cả nước cờ đi từ tướng đến tốt, bao giờ cũng phải đi theo như trên, nhưng đối với các tay danh kỳ, thật là thiên biến vạn hóa, họ đã tạo nên những nước cờ tuyệt diệu, và các đã lập thành những thế cờ lưu truyền hậu thế với những sách cờ như Quyết - Trung - Bí, Mai - Hoa - Phổ, Tượng - Kỳ đại toàn v.v... Gần đây ở Trung Hoa cũng như ở nước ta lại có những sách báo, tạp chí riêng về cờ.

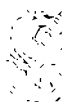
Ở nước ta, nhiều tạp chí có mở mục cờ tướng như tuần báo chọn lọc trước đây. Lại có những sách cờ được soạn riêng: các ông Nguyễn Thành Hội và Thái Sanh Danh có cho xuất bản cuốn *Cờ Tướng Việt Nam*; giáo sư Phạm Văn Khánh cũng đã soạn bộ sách cờ *Bí quyết kỳ mã*; hai ông Lê Bình¹ và Phạm Quang Chương đã cho phát hành bộ *Tướng Kỳ Tranh Hùng* vào năm 1958. Gần đây, đầu năm nay, nhà xuất bản Khai Trí cũng xuất bản cuốn *Cờ Tướng* của Lý Cảnh Mậu.

Thường khi hai đấu thủ đối cuộc, những nước cờ của họ chơi có thể ghi chép lại được trọn nguyên bản.

Những cách chơi cờ tướng

Lối chơi cờ tướng bao giờ cũng chơi theo những điều đã trình bày ở trên với bàn cờ có 90 vị trí, và 32 quân cờ.

1 Ông Lê Bình là bạn cũ thiết của tôi, đã cho phép tôi dùng tác phẩm này (*Tướng Kỳ Tranh Hùng*) làm tài liệu tham khảo trong những sáng tác của tôi có liên quan đến cờ tướng.



Luật lệ chơi cờ chỉ là một, nhưng cách chơi cờ không có thể khác nhau, và được phân biệt *cờ bàn*, *cờ bỏi*, *cờ người*, và *cờ tướng*.

• **Cờ bàn**

Cờ bàn chơi trên bàn cờ như trên đã trình bày. Hai đối thủ, mỗi người một bên khi giao đấu những nước cờ đi ngang, dọc trên bàn, mỗi bên đi một nước rồi đến bên kia.

• **Cờ bỏi**

Cờ bỏi tức là cờ tướng chơi trên sân cờ. Sân cờ vạch theo bàn cờ với 9 hàng dọc, 10 hàng ngang, cùng chia làm hai bên với 32 ô vuông mỗi bên, và ở giữa cũng có đại hà. Ở những chỗ các đường ngang dọc gặp nhau có lỗ để cắm các biển cờ. Biển cờ gồm một chiếc chân biển bằng gỗ hoặc tre trên đầu có mang một tấm biển hai mặt có tên quân cờ. Biển gỗ, thường tên quân cờ được khắc sẵn, khắc nổi hoặc khắc chìm ở cả hai mặt. Có khi thay vì biển gỗ có khắc sẵn tên quân cờ là một tấm gỗ hoặc một tấm phen bằng tre đan, ở hai mặt có viết tên quân cờ, viết thẳng vào biển hoặc viết vào giấy màu dán vào biển.

Sân cờ giống bàn cờ, biển cờ thay cho quân cờ và mỗi bên có 16 biển từ tướng đến tốt.

Cờ bỏi thường được chơi ở các làng quê trong những dịp hội hè đình đám hàng năm. Làng quê nào xưa kia cũng có một bộ biển cờ bằng gỗ sơn son thiếp vàng, ngày hội là đem ra dùng. Tỉnh thoảng mới có làng phải dùng những bộ biển cờ tạm, hoặc vì trong làng có tổ chức hai đám cờ bỏi hoặc vì hội tổ chức ở một thôn, thôn không có bộ biển cờ.

Mỗi khi dân làng mở hội, một góc sân đình được biến thành sân cờ, hoặc nếu sân đình quá chật thì một khu ruộng gần đình được dân làng chọn làm sân cờ.

Sân cờ lập nên, những biển cờ được mang cắm vào vị trí của mỗi quân cờ, chờ các tay danh thủ vào dự cuộc.

• *Tam thắng*

Không phải ai cũng có thể xin dự đánh cờ bỏi ngay được. Cờ bỏi chỉ dành cho những người cao cờ, vì đánh cờ trên sân mặc dầu vẫn có 90 vị trí như ở bàn cờ, nhưng nếu không phải là người cao cờ, nhìn trên sân không dễ dàng như nhìn trên bàn cờ.

Ngoại trừ những kỳ thủ danh tiếng, mọi người trong vùng đều biết, tại các làng quê có tục khảo các đấu thủ trước khi chấp nhận cho vào chơi cờ bỏi.

Dân làng cử một hoặc hai ba tay cao cờ. Ai muốn vào chơi cờ bỏi, phải khảo qua cờ bàn với những người này và phải thắng liền ba ván gọi là *tam thắng* mới được ghi tên để dự cuộc đấu cờ trên sân.

Mỗi làng khi lập nên sân cờ thường có một tay danh thủ tới giữ giải, tay danh thủ đã có tiếng cao cờ dân làng đều biết, không phải qua cuộc khảo tam thắng.

Tay danh thủ giữ giải, các người khác vào phá giải. Thường ra, người giữ giải cũng như phá giải, thua một ván cờ là rút lui, nhưng nhiều làng có lệ muốn thắng đôi bên phải đánh ba ván, bên nào thắng hai ván là được. Người được không phải là được giải ngay mà chỉ được giữ giải để chờ người tới phá giải. Giữ giải cho đến ngày hết hội giã đám, không có ai phá giải hoặc không có ai thắng nổi mới được giải.

• *Cờ người*

Những làng to, sung túc, gặp năm được mùa, vào đám long trọng thường có tổ chức cờ người thay cờ bỏi.

Cờ người cũng chơi trên sân cờ như cờ bỏi, chỉ khác quân cờ không phải là những biển cờ mà chính là những thanh niên

và thanh nữ trong làng được dân làng cử ra để đóng những vai quân cờ. Những nam nữ thanh niên này mặc những chiếc áo có khâu vào những chữ mang tên quân cờ ở đằng trước ngực và sau lưng. Thanh niên thường mặc quần là ống sớ, áo dài lương hoặc áo dài sa đen bên ngoài, bên trong là áo trắng dài, thắt lưng giải điều ở ngoài áo có buộc mùi hoa bên cạnh sườn, đầu đội khăn lượt và chân đi giày Gia Định bóng loáng. Cũng có khi thắt lưng điều không thắt ra áo ngoài.

Các thiếu nữ đóng quân cờ thường được hiện trong những cô xinh đẹp duyên dáng ăn mặc chải chuốt.

Các quân cờ người ngồi vào những chỗ đáng lẽ phải cầm biển cờ. Mỗi quân cờ thường được ban tổ chức sắm cho một chiếc ghế nhỏ, khi di chuyển trên bàn cờ mang theo chiếc ghế.

Cũng có nơi, những quân cờ người không mặc quần áo có thêu chữ mang tên quân cờ, nhưng mỗi người mang một chiếc biển có đề tên quân cờ.

Muốn vào dự đấu cờ người cũng phải qua tam thắng như cờ bỏi, chỉ trừ những tay danh kỳ đã có tiếng tăm được mọi người biết đến.

Lúc có cuộc giao đấu, những quân cờ người di chuyển theo lệnh của người chơi cờ, những người này trong tay có chiếc cờ lệnh, họ phát lên mỗi khi cần ra lệnh cho quân cờ đi một nước.

Tại các đám hội, trong cuộc đấu cờ bỏi hoặc cờ người, thường có một người tuân đình vác một chiếc trống khẩu đánh bên tai các đấu thủ để thúc giục họ đi mỗi nước cờ. Các đấu thủ càng suy nghĩ trống thúc càng liên hồi.

Ngoài ra trong khi ở trên sân có đấu cờ bỏi hoặc cờ người, ban tổ chức trong làng cũng có một bàn cờ với đủ quân để theo dõi những nước cờ của hai bên di trên sân. Trên sân di

một nước, trong bàn cờ cũng nhích một nước đúng với quân cờ đã được dùng ở trên sân.

Cùng với bàn cờ theo dõi này lại có *một quyển sổ* ghi các nước cờ hai bên đã đi để phòng khi dùng đến nếu có sự khiếu nại của một đấu thủ nào.

• Cờ tướng

Đây là cách chơi cờ của những tay chơi mà nghệ thuật đã đạt tới mức cao siêu kỳ thú. Họ chơi cờ nhưng không dùng đến bàn cờ, quân cờ, cũng không dùng đến sân cờ hoặc biển cờ. Họ chỉ dùng trí nhớ mà đánh cờ. Họ tưởng tượng phong phú trước mặt có một bàn cờ với quân cờ. Họ trao đổi nước cờ với nhau bằng lời nói.

Phải chịu họ là tài. Trên bàn cờ có tất cả 90 vị trí cho 32 quân cờ của hai bên, quân cờ và nước cờ luôn luôn biến chuyển, vậy mà các đấu thủ không sai lầm nước nào! Thật là một cuộc thử thách ghê gớm về trí nhớ, nhất là khi thời gian đấu một ván cờ tướng không phải là năm, ba phút mà có khi là cả nửa ngày.

Có những đôi bạn đồng hành vừa đi đường vừa đánh cờ, lại có những đấu thủ ở nhà quê vừa làm việc, thí dụ như đan rổ rá, vừa đánh cờ tướng, vậy mà nước cờ không bao giờ nhầm cũng như công việc không bao giờ hỏng! Thử hỏi đã đáng phục chưa?

Cờ tướng lại còn được gọi là *cờ mù*, vì không ai trông thấy bàn cờ và quân cờ. Muốn chơi được cờ tướng, ngoài trí nhớ, người chơi phải có một căn bản vững chãi về cờ, lại phải có rất nhiều kinh nghiệm về những trận đấu cờ.

Và ta cũng đừng lấy làm lạ, có nhiều người bị mục tịt lại chơi cờ rất cao.

NHỮNG GIAI ĐOẠN CỦA MỘT VÁN CỜ

Nhập cuộc một ván cờ, hai đấu thủ như hai vị tướng đối đầu nhau trong một cuộc hành quân. Nếu cuộc hành quân có lúc ra quân, lúc tiến quân, lúc thu quân thì trong ván cờ cũng có những giai đoạn *khai cuộc*, giai đoạn *tiến cờ* và giai đoạn *tàn cuộc*. Từ lúc khai cuộc cho đến khi tàn cuộc, người chơi cờ phải luôn luôn chú ý tới những nước đi của đối phương để mà tiên quân của mình, hoặc ăn quân, hoặc giữ quân, hoặc chiếu tướng hoặc gỡ nước chiếu. Những nước cờ lúc khai cuộc quân còn rậm không giống nước cờ khi tàn cuộc quân đã thưa, nhưng dù lúc nào, những tay cao cờ trong đấu óc cũng có hàng năm bảy nước đi trước, có khi hơn nữa, và do sự tính trước này mà có thể dẫn được địch vào nước bí.

Khai cuộc. Những nước cờ đầu tiên trong một ván cờ cần phải thận trọng, vì sẽ ảnh hưởng tới những nước cờ sau. Người cao cờ không bao giờ coi thường những nước cờ đầu. Kết quả tốt thường do sự bắt đầu tốt mà ra.

Ngồi xem hai người đối cuộc, có thể qua vài chục nước cờ đầu là người ta đã đoán được bên nào thua được. Những nước cờ đầu tiên nhiều khi thường nói lên được tính tình của con người. *Người hào hùng đánh cờ bao giờ cũng vào ngay pháo đầu. Đánh cờ tức là người đấy... Mười kẻ tám thường nhút nhát không khoáng đạt là có đến chín người ghênh tợng ở nước đầu.*¹

1 Nguyễn Tuân – *Vang bóng một thời*, Ngòi mài cũ, trang 88, Trường Sơn, 1968.

Qua những nước cờ đầu tiên, có thể biết được trình độ của một đấu thủ. Nhiều bậc danh kỳ tiếng tăm cũng luôn luôn học hỏi về cách ra quân lúc khai cuộc. Họ tìm trong sách cờ, họ tham dự những cuộc đấu cờ của các tay danh tiếng. Rồi qua những điều đọc được, trông thấy, họ lại tìm ra những cách đi riêng của họ. Trong các sách cờ, nhất là sách của người Trung Hoa, các tác giả thường trình bày những nước cờ khai cuộc. Tập đánh cờ, nhiều người học nước hay ở sách cờ. Sách cờ nào cũng vậy, mục đích cốt chỉ dẫn cho người chơi cờ đi làm sao để khỏi bị kẹt quân. Quân không bị kẹt nước cờ không bị bí. Thực ra, không phải cứ căn cứ vào sách cờ mà trở nên cao cờ, muồn cao cờ, ngoài sự luyện tập công phu, còn cần đến sự sáng nước riêng của từng người.

Ra quân, mỗi người mỗi lối, cũng như lúc hành quân, mỗi vị chỉ huy có một lối tiến quân, tùy theo chiến thuật và chiến lược của mỗi người.

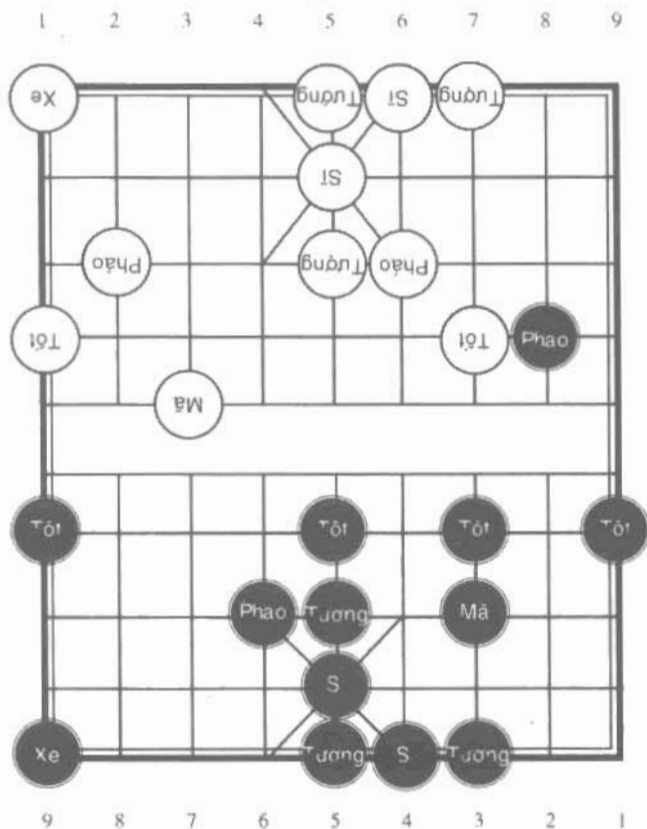
Dưới đây, chúng tôi xin chép lại một cách ra quân của ông Châu Đức Dũ, cố vô địch cờ tướng của 7 tỉnh Trung Hoa, đã mất năm 1950, có để lại mấy tập sách cờ và 46 thế cờ ra quân.

Ở trong bài này xin hiểu *tiến* là *tiến quân*, *thoái* là *lui quân*, còn *bình* là *đi ngang*, và những con số tính theo từ trái sang phải mỗi phía chơi cờ. Bên đi trước gọi là bên *Tiên*, bên đi sau gọi là bên *Hậu*.

Ván cờ này được đặt tên: *Pháo đầu trực xu đối đom dề mã hoành xa cuộc*.



Pháo đầu trực xạ đối đơn đề mã hoành xạ cuộc
KHAİ CUỘC THÀNH
Bên Hậu



Bên Tiên

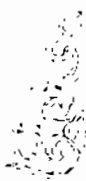
Hinh 2

Tiền

Pháo 2 bình 5
Mã 2 tiến 3
Tốt 7 tiến 1
Mã 8 tiến 7
Xe 1 bình 2
Mã 7 tiến 6
Mã 6 tiến 5
Pháo 5 tiến 4
Sĩ 6 tiến 5
Pháo 5 bình 1
Xe 2 tiến 4
Pháo 1 bình 2
Xe 2 tiến 1
Tốt 7 tiến 1
Tượng 7 tiến 5
Pháo 8 bình 6

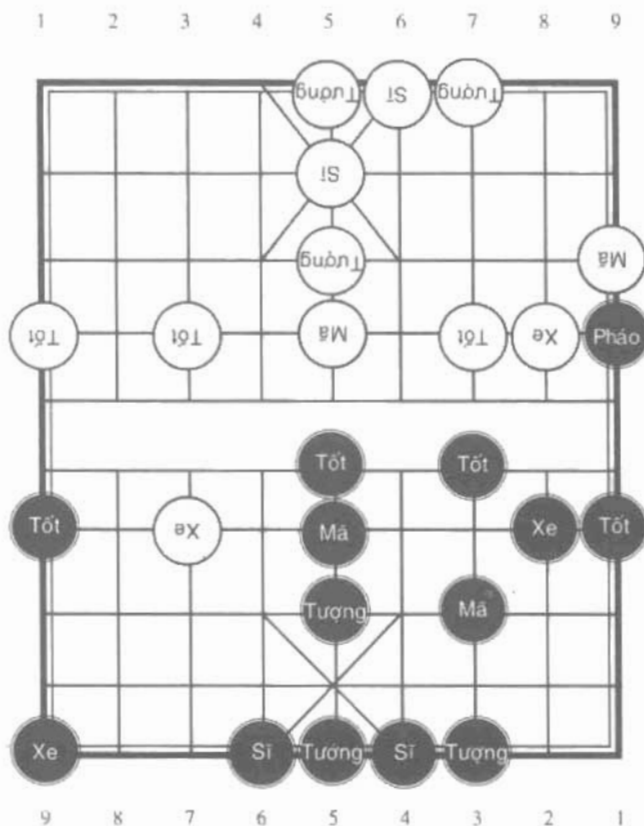
Hậu

Mã 2 tiến 3
Mã 8 tiến 9
Tượng 3 tiến 5
Xe 9 tiến 1
Pháo 8 bình 6
Xe 9 bình 4
Mã 3 tiến 5
Sĩ 4 tiến 5
Xe 4 tiến 3
Tốt 3 tiến 1
Xe 4 bình 9
Xe 9 bình 8
Mã 9 tiến 8
Mã 8 tiến 6
Mã 6 tiến 4
Mã 4 thoái 3



Và dưới đây cũng là một cách ra quân nữa của ông Châu Đức Dũ, và ván cờ được đặt tên là **NGỊCH PHÁO ĐỐI CUỘC** (hình 3).

*Nghịch pháo đối cuộc
KHAI CUỘC THÀNH
Bên Hậu*



Bên Tiên

Hình 3



Tiền

Pháo 2 bình 5
 Mã 2 tiến 3
 Pháo 5 tiến 4 (*)
 Pháo 8 bình 5
 Xe 1 bình 2
 Mã 8 tiến 7
 Pháo 5 bình 1
 Tốt 5 tiến 1
 Pháo 5 tiến 5
 Mã 7 tiến 5
 Tốt 3 tiến 1
 Tượng 7 tiến 5
 Xe 2 tiến 3

Hậu

Pháo 2 bình 5
 Mã 8 tiến 9
 Sĩ 4 tiến 5
 Mã 2 tiến 3
 Xe 9 bình 8
 Xe 1 bình 2
 Xe 2 tiến 6
 Xe 2 bình 3
 Tượng 3 tiến 5
 Pháo 8 tiến 4
 Xe 8 tiến 3
 Mã 3 tiến 5

(*) Dưới đây là lời bình phẩm của các ông Lê Bình và Phạm Quang Chương, tác giả bộ *Tượng kỳ tranh hùng* về nước cờ này:

Pháo 5 tiến 4 tuy được tốt đầu nhưng sức công giảm đi như mất hết $\frac{1}{2}$ nước tiên vậy.

Nên thay Pháo 5 tiến 4 bằng Mã 8 tiến 7.



Cờ tàn. Nếu những nước cờ khai cuộc giúp cho các đầu thủ thắng lợi ngay từ lúc đầu, nhiều đầu thủ đã chờ đến lúc cờ gần tàn cuộc mới phản công lại.

Cờ lúc tàn cuộc, cũng như chiến trận lúc sắp kết liễu. Nhiều cuộc hành quân đến lúc kết liễu mới hết tướng tài: vị chỉ huy lúc này phải làm sao để tinh thần quân sĩ được vững, chịu đựng được mọi sự thử thách của chiến trận. Chúng ta chắc còn nhớ trong hồi Nga - Nhật chiến tranh, 15 phút sau cùng đã khiến Nại - Mộc thắng trận và với trận thắng này, Nại - Mộc đã đem chiến thắng về cho đất nước.

Trong một ván cờ cũng vậy, nhiều khi cờ tàn đã làm cho các đầu thủ lúng túng. Cờ tuy trông như thua, nhưng nếu đi đúng nước thì có thể thắng hoặc thủ hòa được, trái lại, sai một nước, ván cờ sẽ không sao gỡ lại được.

Dưới đây là 2 bàn cờ tàn, mà cả đôi bên đầu thủ đều bên sĩ tượng, chúng tôi xin trích trong *Tượng kỳ tranh hùng* để bạn đọc cùng thấy cái quan trọng của những nước cờ khi ván cờ đã tàn.

• *Bàn cờ tàn thứ nhất* được đặt tên là: XA PHÁO CÔNG ĐƠN XA (hình 4)

Tiền

Tướng 5 bình 6

Xe 6 thoái 1

Tượng 5 tiến 7

Pháo 5 thoái 4

Tượng 7 tiến 9

Xe 6 bình 1

Xe 1 bình 3

Pháo 5 tiến 2

Xe 3 tiến 2

Hậu

Xe 2 thoái 1

Tượng 7 tiến 9

Xe 2 bình 1

Xe 1 bình 3

Xe 3 bình 2

Tượng 9 thoái 7

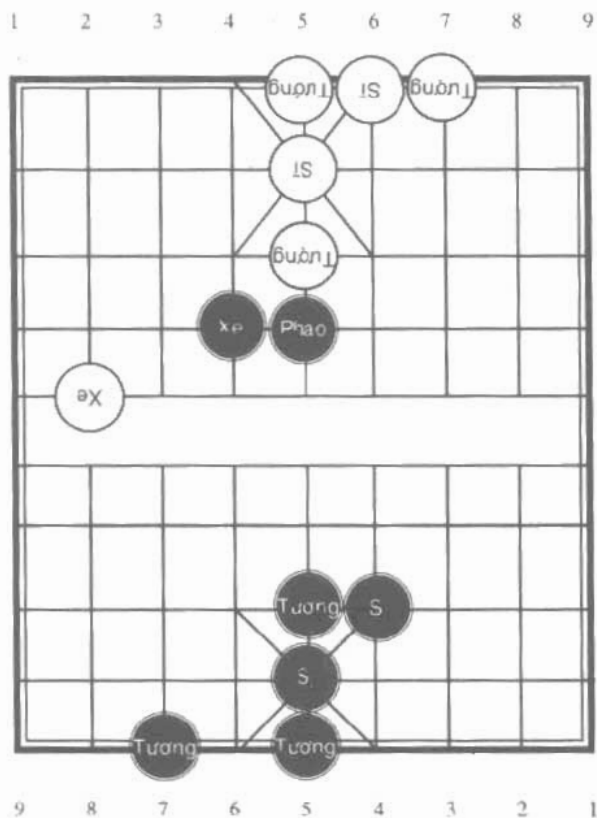
Xe 2 tiến 7

Tượng 7 tiến 9

Tiền thắng



XA PHÁO CÔNG ĐƠN XA
Bên Sĩ Tượng
Bên Hậu



Bên Tiên

Hình 4

Các tác giả *Tượng kỳ tranh hùng* đã chú thích:

1. Sau khi bên Hậu khuyết tượng thì không thể thủ hòa được.
Cuối cùng không tránh khỏi bị tiên đánh bại.
2. Nếu bên xe bên sĩ tượng đi tiên thì hòa (xe rượt pháo để thí).



*
* *

• *Bàn cờ tàn thứ 2* được đặt tên: SONG MÃ CÔNG ĐƠN MÃ (hình 5)

Đệ nhất cuộc

Tiên

Mã 7 thoái 6
Mã 6 thoái 4
Mã 5 thoái 3
Mã 3 thoái 1
Mã 4 thoái 3
Mã 1 thoái 3
Tượng 5 thoái 3
Tượng 3 tiến 1
Mã hậu tiến 5
Mã 5 tiến 4
Mã 3 thoái 2

Hậu

Tướng 5 bình 6
Mã 5 tiến 7
Mã 7 tiến 9
Mã 9 thoái 7
Mã 7 thoái 9
Mã 9 tiến 7
Sĩ 4 tiến 5
Tướng 6 thoái 1
Tướng 6 bình 5
Mã 7 thoái 9

Tiên thắng. Hai mã tất nhiên thắng tướng sĩ tượng toàn.

Đệ nhị cuộc

Tiên

Mã 7 thoái 6
Mã 6 thoái 4
Mã 5 thoái 7
Sĩ 5 tiến 6
Mã 4 thoái 6
Tượng 7 tiến 9
Mã 7 thoái 8

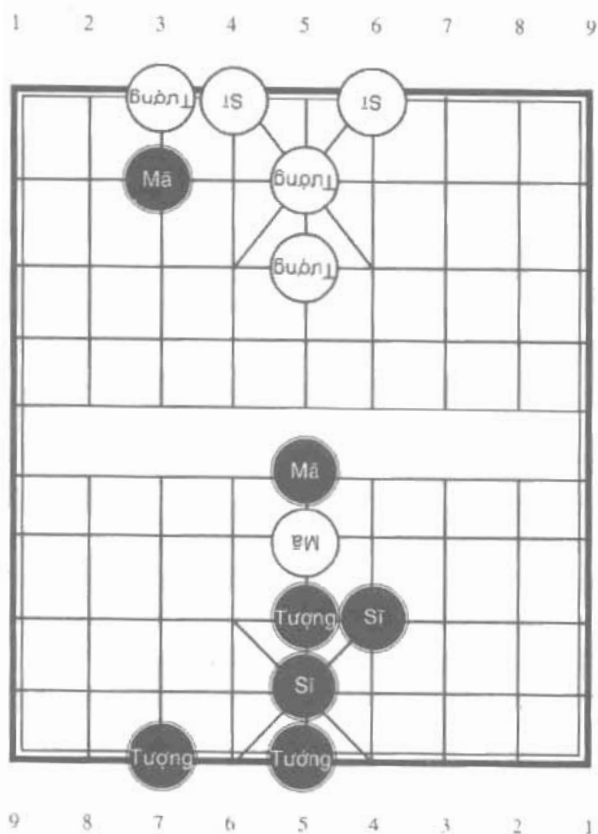
Hậu

Tướng 5 bình 6
Mã 5 tiến 3
Sĩ 4 tiến 5
Tướng 6 thoái 1
Mã 3 thoái 1
Tướng 6 bình 5

Tiên thắng



Cùng bên Sĩ Tượng
SONG MÃ CÔNG ĐƠN MÃ
Bên Hậu



Bên Tiên

Hình 5



Cờ thế. Tại các nẻo đường thành phố Sài Gòn ngày nay, và Hà Nội trước đây, bạn đọc thường bắt gặp những đám đánh cờ giữa hai đối thủ, nhưng chung quanh bao nhiêu người xúm đông vào để xem nước cờ. Những cuộc cờ ở các nẻo đường như vậy, cũng có khi là những ván cờ khai cuộc từ lúc bắt đầu, nhưng thường là những ván *cờ thế*.

Cờ thế là những ván cờ như đang đánh giữa chừng, mỗi bên còn một số quân, nhưng đã tạo nên những thế cờ mà phải những tay danh kỳ mới phá nổi. Mỗi thế cờ được các kỳ thủ đặt cho một tên thật hay như *Tuyệt Ứng Nam Quan* (tuyệt lấp cửa Nam quân), *Xạ mã sát chương* (bắn ngựa được con chương) v.v... Mỗi tên thế cờ có thể được dựa vào một điển tích cũ, như *Xạ mã sát chương* dựa vào tích Khổng Minh định giết Tư Mã Ý mà chỉ giết được Trương Cáp, hoặc *Phật pháp vô biên*, phép Phật vô cùng, đức Phật đã thắng được hết ma quỷ.

Mỗi thế cờ có nhiều lối biến hóa, những tay cao cờ thường phá các thế cờ bằng ba bốn biến hóa. Trong sách *Quất Trung Bì* cũng như trong *Bách Cuộc Phổ* có rất nhiều thế cờ. Dưới đây, chúng tôi xin trình bày thế cờ *Tuyệt Ứng Nam Quan* trích trong *Bách Cuộc Phổ* để bạn đọc cùng suy ngẫm.

Sau đây là một lối chơi thế cờ trên của đôi bên:

Thế cờ *Tuyệt ứng nam quan* trong *Bách cuộc phổ*:

Tiên

Tốt 8 bình 7

Pháo 3 tiến 2

Xe 2 bình 8

Sĩ 4 tiến 5

Sĩ 5 tiến 4

Tốt 7 tiến 1

Tốt 5 bình 4

Hậu

Xe 3 bình 2

Tượng 5 thoái 7

Pháo 7 tiến 1

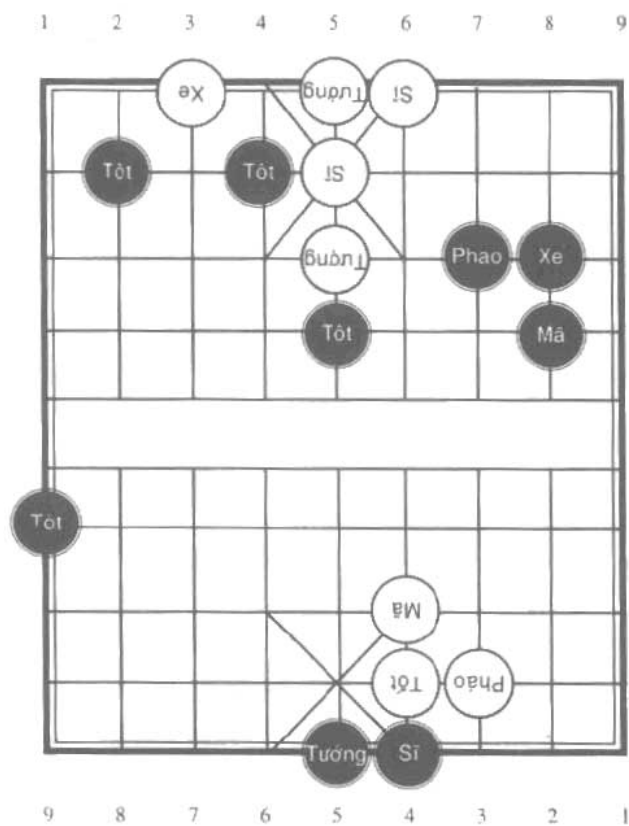
Tốt 6 bình 7

Xe 2 tiến 2

Xe 2 bình 8

Tượng 7 tiến 5

Tuyệt ứng Nam quan
"BÁCH CUỘC PHỐ"
Bên Hậu



Bên Tiên

Hình 6



Mã 2 tiến 4
 Tốt 4 tiến 1
 Tốt 4 bình 5
 Tốt 5 tiến 1
 Tốt 6 bình 5
 Tốt 7 bình 6
 Tốt 6 bình 5
 Tốt 5 tiến 1
 Tượng 5 bình 6
 Tốt 5 bình 4
 Tượng 6 tiến 1
 Tốt 4 bình 3
 Tốt 3 bình 2
 Sĩ 4 thoái 5

Xe 8 bình 6
 Tốt 7 bình 6
 Pháo 7 thoái 5
 Sĩ 6 tiến 5
 Tượng 5 bình 6
 Pháo 7 thoái 4
 Pháo 7 bình 5
 Tượng 6 tiến 1
 Tượng 6 bình 5
 Tốt 1 bình 2
 Tốt 2 bình 3
 Tốt 3 bình 4
 Tượng 5 bình 4

Cờ hòa

Như trên đã nói, cờ thế thường biến hóa, với thế cờ trên, bên hậu sẽ thủ thắng, nếu cờ được đi theo các nước sau đây:

Tiên

Tốt 8 bình 7
 Pháo 3 tiến 2
 Xe 2 bình 8
 Sĩ 4 tiến 5
 Sĩ 5 tiến 4
 Tốt 7 tiến 1
 Tốt 5 bình 4
 Tượng 5 bình 6
 Mã 2 tiến 4
 Tốt 4 tiến 1
 Tượng 6 bình 5

Hậu

Xe 3 bình 2
 Tượng 5 thoái 7
 Pháo 7 tiến 1
 Tốt 6 bình 7
 Xe 2 tiến 2
 Tốt 1 bình 2
 Xe 2 bình 5
 Tốt 2 bình 3
 Xe 5 bình 6
 Tượng 7 tiến 5
 Tốt 7 bình 6

Tốt 4 bình 5
Tốt 5 bình 4
Tướng 5 bình 6
Tốt 4 tiến 1
Tướng 6 bình 5
Tốt 4 bình 3
Tướng 5 bình 6
Tốt 3 bình 4
Tướng 6 bình 5

Tốt 3 bình 4
Tốt 4 bình 5
Pháo 7 thoái 5
Pháo 7 bình 4
Tốt 5 tiến 1
Pháo 4 bình 5
Tốt 5 bình 6
Pháo 5 bình 4
Tốt hậu bình 5

Cờ bên hậu thắng

Chính ra thế cờ Tuyệt Ứng Nam Quan này còn có nhiều biến hóa với các lối đi khác, nhưng để bạn đọc chưa hiểu cờ tướng, có đôi chút ý niệm về *cờ thế*, chúng tôi tự hạn chế chỉ trình bày hai lối đi trên, mặc dầu chính mỗi lối đi lại có thể có sự biến hóa ở giữa cuộc.

Trong lúc đánh cờ, bắt đầu khai cuộc, khi cờ tàn hoặc chơi cờ thế, những nước cờ thường biểu lộ tâm tính con người. Nếu những bậc hào hùng lúc khai cuộc thường vào pháo đầu thì những người tâm tính đường hoàng trong lúc đánh cờ không rình chiếu bí, mà đi nhiều nước bắt bóng chiếu đủ rất tài tử để đưa đối phương vào thế hiểm.

Người Phương Tây nói *Văn tức là người* (le style, c'est l'homme), người Phương Đông chúng ta có thể nói: *Nước cờ là tâm tính con người*.



LÀNG CỜ VIỆT NAM

Việt Nam giáp giới với Trung Hoa, chơi cờ theo người Trung Hoa, và trong làng cờ Việt Nam cũng đã từng có nhiều tay danh thủ, và những ván cờ của họ hằng được ghi chép lại trọn nguyên bản để lưu kinh nghiệm cho kỳ giới, nhất là gần đây trong những giải vô địch cờ tướng tại Sài Gòn, những ván cờ này thường được đăng báo kèm theo lời phê bình để các độc giả ưa cờ tướng, tuy ngồi nhà mà cũng như được dự cuộc đấu cờ tại chỗ.

Nhiều người Việt Nam cũng đã dày công nghiên cứu học thuật tượng kỳ và đã có những thế bí truyền hiểm hóc khiến những hảo kỳ thủ ngoại quốc cũng phải ngợi khen.

Xin nhắc lại ở đây kỳ thủ Việt Nam Phạm Thanh Mai năm 1959 đã thắng kỳ vương Hương Cảng là Lý Chí Hải với tỷ số hòa ba thắng một đã gây nên dư luận sôi nổi trong kỳ giới quốc tế. Năm 1963, Lý Chí Hải lại sang Việt Nam với ý chí phục thù, nhưng trong năm trận đấu thì ba hòa, một được và một thua.

Nói về Phạm Thanh Mai, tưởng cần nhắc lại đây là một tay danh kỳ Việt Nam, sinh quán ở Bắc - Việt, đã là kỳ thủ vô địch miền Bắc và khi vào Nam cũng đã dự nhiều trận cờ, khi thắng khi hòa, rất ít khi thua. Đáng kể hơn cả là ngày 9 tháng 4 năm 1958, ông đã thắng Nguyễn Đình Lạc một danh thủ miền Nam đã từng chiếm giải vô địch trong một cuộc đấu. Ván cờ Phạm Thanh Mai thắng Nguyễn Đình Lạc đã được các kỳ gia ghi chép lại, dưới đây xin sao nguyên bản để các bạn yêu cờ thưởng thức.

Trong trận đấu này cả hai đấu thủ dùng chiến lược:

Thuận pháo trực xa đối xa ngang

Nguyễn Đình Lạc (Tiên)

Pháo 2 bình 5

Mã 2 tiến 3

Xe 1 bình 2

Sĩ 4 tiến 5

Xe 2 tiến 6

Xe 2 bình 3

Tốt 3 tiến 1

Mã 8 tiến 9

Xe 3 bình 4

Xe 4 thoái 3

Pháo 8 bình 6

Pháo 6 tiến 5

Xe 9 bình 8

Xe 8 tiến 4

Xe 8 bình 7

Pháo 5 bình 6

Tốt 1 tiến 1

Xe 7 tiến 3

Tốt 7 tiến 1

Tượng 7 tiến 5

Xe 4 bình 1

Xe 1 thoái 3

Tốt 1 tiến 1

Xe 1 tiến 5

Tốt 7 tiến 1

Pháo 6 tiến 4

Tốt 7 tiến 1

Mã 3 tiến 4

Tốt 7 bình 8

Phạm Thanh Mai (Hậu thắng)

Pháo 8 bình 5

Mã 8 tiến 7

Xe 9 tiến 1

Xe 9 bình 4

Mã 2 tiến 3

Pháo 5 thoái 1

Tốt 3 tiến 1

Pháo 5 bình 7

Mã 3 tiến 4

Sĩ 4 tiến 5

Pháo 2 bình 4

Xe 4 tiến 1

Pháo 7 tiến 4

Tốt 3 tiến 1

Pháo 7 tiến 4

Xe 4 bình 3

Xe 1 bình 2

Mã 4 thoái 3

Tượng 3 tiến 5

Pháo 7 bình 9

Xe 2 tiến 7

Xe 2 bình 1

Tốt 9 tiến 1

Xe 1 thoái 1

Xe 1 thoái 2

Xe 1 tiến 3

Mã 3 thoái 4

Xe 1 bình 3

Xe 3 bình 2



Mã 4 tiến 6
 Mã 6 tiến 4
 Tốt 8 bình 9
 Xe 1 bình 3
 Xe 3 bình 9
 Mã 4 tiến 2
 Xe 9 tiến 2
 Pháo 6 thoái 4
 Xe 9 bình 6
 Tướng 5 bình 4
 Mã 2 tiến 1
 Tướng 4 bình 5
 Xe 6 thoái 3
 Tướng 5 bình 4
 Sĩ 5 tiến 4
 Sĩ 6 tiến 5
 Tướng 4 tiến 1
 Xe 6 bình 4
 Tốt 5 tiến 1
 Pháo 6 thoái 2
 Xe 4 tiến 1
 Tướng 4 thoái 1
 Mã 1 thoái 3
 Mã 3 thoái 2
 Tướng 4 bình 5
 Tướng 5 bình 4
 Mã 2 thoái 3
 Tướng 4 bình 5
 Pháo 6 tiến 1
 Sĩ 5 thoái 4
 Tướng 5 tiến 1
 Tướng 5 tiến 1
 Tướng 5 bình 6

Mã 4 tiến 2
 Sĩ 5 tiến 6
 Mã 2 tiến 1
 Mã 7 tiến 9
 Mã 1 thoái 3
 Mã 9 tiến 8
 Mã 3 thoái 4
 Mã 8 tiến 6
 Mã 6 tiến 7
 Xe 2 thoái 3
 Mã 7 thoái 5
 Sĩ 6 tiến 5
 Mã 5 tiến 7
 Xe 2 bình 7
 Mã 7 thoái 8
 Xe 7 tiến 5
 Mã 8 thoái 9
 Mã 4 tiến 3
 Xe 7 thoái 3
 Mã 3 tiến 4
 Mã 4 tiến 5
 Mã 9 tiến 8
 Tướng 5 bình 6
 Mã 5 tiến 7
 Mã 8 tiến 7
 Xe 7 bình 8
 Mã 7 thoái 5
 Mã 5 tiến 3
 Xe 8 tiến 3
 Xe 8 bình 6
 Mã 3 thoái 4
 Mã 7 thoái 6
 Mã 4 tiến 6



Mã 4 tiến 6
Mã 6 tiến 4
Tốt 8 bình 9
Xe 1 bình 3
Xe 3 bình 9
Mã 4 tiến 2
Xe 9 tiến 2
Pháo 6 thoái 4
Xe 9 bình 6
Tướng 5 bình 4
Mã 2 tiến 1
Tướng 4 bình 5
Xe 6 thoái 3
Tướng 5 bình 4
Sĩ 5 tiến 4
Sĩ 6 tiến 5
Tướng 4 tiến 1
Xe 6 bình 4
Tốt 5 tiến 1
Pháo 6 thoái 2
Xe 4 tiến 1
Tướng 4 thoái 1
Mã 1 thoái 3
Mã 3 thoái 2
Tướng 4 bình 5
Tướng 5 bình 4
Mã 2 thoái 3
Tướng 4 bình 5
Pháo 6 tiến 1
Sĩ 5 thoái 4
Tướng 5 tiến 1
Tướng 5 tiến 1
Tướng 5 bình 6

Mã 4 tiến 2
Sĩ 5 tiến 6
Mã 2 tiến 1
Mã 7 tiến 9
Mã 1 thoái 3
Mã 9 tiến 8
Mã 3 thoái 4
Mã 8 tiến 6
Mã 6 tiến 7
Xe 2 thoái 3
Mã 7 thoái 5
Sĩ 6 tiến 5
Mã 5 tiến 7
Xe 2 bình 7
Mã 7 thoái 8
Xe 7 tiến 5
Mã 8 thoái 9
Mã 4 tiến 3
Xe 7 thoái 3
Mã 3 tiến 4
Mã 4 tiến 5
Mã 9 tiến 8
Tướng 5 bình 6
Mã 5 tiến 7
Mã 8 tiến 7
Xe 7 bình 8
Mã 7 thoái 5
Mã 5 tiến 3
Xe 8 tiến 3
Xe 8 bình 6
Mã 3 thoái 4
Mã 7 thoái 6
Mã 4 tiến 6



Ván cờ trên đã được đăng trên một vài tờ báo và sau đã được ghi vào các sách cờ với lời bình phẩm của các kỳ gia.

Trận cờ này Phạm Thanh Mai thắng Nguyễn Đình Lạc, nhưng ngay sau đó Lạc đã phục thù được Mai, và ván cờ phục thù này cũng đã được đăng trên báo và ghi chép vào các sách cờ với nhiều lời bình phẩm. Ở đây, chúng tôi rất tiếc vì khuôn khổ tập sách không thể trích in lại được ván cờ phục thù này.

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ CỜ TƯỚNG

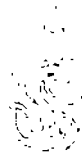
Cờ tướng tuy không bắt nguồn ngay ở Việt Nam nhưng đã ăn sâu vào phong tục Việt Nam, và đã là một trong tứ thú phong lưu của người Việt Nam, thì dù sao ta cũng nên hiểu sơ lược nguồn gốc của cờ tướng.

Cờ tướng bắt đầu ở Trung Quốc và đã có trước thời vua Nghiêu vua Thuấn. “Đến thời Chiến quốc (2250 trước Kỷ nguyên Tây lịch) bói khoa thịnh hành nên cờ tướng chịu ảnh hưởng và có hình thức ý nghĩa phân minh; quân có chủ: Tinh (sao), Thời (giờ), Nhật (mặt trời), Nguyệt (mặt trăng) và Thân (ngày)”¹.

Cờ tướng được chuyển qua Ấn Độ, và ở nơi đây, những quân cờ đã thay đổi và mang các tên: Vương, Hậu, Mã, Tượng, Thuyền vì chịu ảnh hưởng của đạo giáo và vương quyền, và chính do những quân cờ mang tên mới này mà cờ được gọi là CỜ TƯỚNG từ đó. Đến đời Tây Hán mang tên là DIỆP KỲ: nguyên khi Hàn Tín đánh Triệu, vì nhớ nhà Tín bèn bày ra đánh cờ, viết chữ lên cây làm quân cờ.

Trong thời Hán Sở giao tranh hai vua trong bàn cờ là Sở

1 Hoàng Khánh - Một trong bốn môn giải trí tao nhã (Thế giới tự do).



Vương và Hán vương, do đó mới có giang hà gọi là Sở hà và Hán giới để ngăn cách hai bên ở giữa bàn cờ. “Lúc đó Sở Bá Vương có tám ngàn đệ tử lắm le đòi sang sông để đánh Hán Cao Tổ do đó bàn cờ có thêm tám quân Bình hoặc Tốt để cho cuộc chơi này nung chí đấu tranh của quân lính.

Đến đời Đường, Thừa tướng Ngưu Lăng Nhu đổi hai quân Vương Tướng thành hai quân Tượng, Tượng có nghĩa là Thừa tướng. Trong thời đó bắt đầu có xe cộ và có Pháo, nên trong bàn cờ trong có thêm xe và pháo, và hình thức cờ tướng từ đó được lưu truyền tới nay.

Vì nước cờ trước đây các quân cờ có đi khác ngày nay mãi tới đời Nam Tống, xe, pháo mới đi thẳng hàng ngang dọc, lúc đó việc lưu thông cải tiến, xe chạy được thẳng dễ dàng và cũng từ đó quân cờ không đi ở trong ô mà chỉ tới lui được trên những đường ngang dọc gặp nhau. Vua Tống Cao Tôn muốn cho bàn cờ có một quy pháp như một triều đình, mới vẽ ra cửu cung, trên bàn cờ là chín nước nhờ hai gạch chéo ở giữa cung. Bàn cờ giờ chính là bàn cờ lưu truyền từ hồi đó.

MỘT CHUYỆN LỊCH SỬ VỀ CỜ TƯỚNG TẠI VIỆT NAM

Nhân đây, chúng tôi xin nhắc lại một câu chuyện lịch sử về cờ tướng Việt Nam với trạng cờ là Vũ Huyền quê làng Mộ Trạch, sau thuộc phủ Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Bấy giờ dưới đời vua Trần Dụ Tôn (1314-1369), nước ta đang ở trong thời kỳ bị nước Tàu nhòm ngó muốn xâm lăng. Vua Tàu sai sứ giả sang nước ta để thách đố đánh cờ với vua Dụ Tôn. Vua Dụ Tôn không dám từ chối, nhưng thật tình rất lo ngại. Nhà vua sai đi tìm người tài giỏi để đấu cờ với sứ Tàu. Khi ấy ở làng Mộ Trạch, huyện Đường An, sau này

là phủ Bình Giang, có ông Vũ Huyền là một tay rất cao cờ. Ông Vũ Huyền vào yết kiến nhà vua, cam đoan giúp nhà vua thắng sứ Tàu, nhưng cuộc cờ phải bắt đầu vào đúng Ngọ và xin nhà vua cho ông được đứng hầu cận trong lúc đánh cờ.

Cờ chơi ở ngoài trời, kẻ hầu cận phải che lọng cho vua và sứ giả Trung Hoa. Lọng Vũ Huyền che cho nhà vua đã được dùi thủng một lỗ để ánh sáng mặt trời lọt qua. Vua cứ theo tia nắng ở lỗ lọng chiếu xuống mà đi cờ nên đã thắng sứ giả Trung Hoa.

Nhờ sự thắng cờ này, Trung Hoa cho nhà vua Trần Du Tôn là người tài và không dám gây cuộc binh đao.

NHỮNG CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ CỜ TƯỚNG

Cờ tướng là một món tiêu khiển đã ăn vào nếp sống của dân ta, do đó trong dân chúng có nhiều câu chuyện cổ tích với các nhân vật cổ tích về cờ tướng mà nhắc tới không mấy người Việt không biết.

Hồn Trương Ba, da anh Hàng Thịt

Trương Ba quê làng Liên Xá, tỉnh Hưng Yên xưa là một người cao cờ có tiếng, đánh cờ chưa từng thua ai kể cả các tay danh thủ Trung Hoa nghe tiếng ông cao cờ tìm đến thử một đôi keo.

Một ngày kia Trương Ba mang bệnh chết... vào hầu vua Diêm Vương. Nhà vua tra sổ thấy Trương Ba sổ chưa đến ngày chết, liền truyền cho quỷ sứ đưa hồn Trương Ba về dương thế. Kể từ ngày Trương Ba chết đi, đến hôm đó đã là bốn ngày người nhà đã đem chôn, và thịt da Trương Ba đã bắt đầu rữa. Hồn Trương Ba không thể nhập vào xác mình được nữa, lữ quỷ sứ lại dẫn hồn chàng về âm phủ vào trình



Diêm Vương. Trước hoàn cảnh ấy Diêm Vương không biết tính sao. Nhà vua liền tra sổ sinh tử thì thấy ở làng Liên Xá có anh hàng thịt vừa đến ngày tận số, và mới chết buổi sáng.

Ở nhà anh hàng thịt, anh này mới chết buổi sáng, vợ con đang xúm xít chung quanh xác khóc lóc. Vừa lúc ấy, hồn Trương Ba nhập vào xác này và sau mấy cái cựa khê, anh hàng thịt sống lại. Vợ con anh này mừng rỡ lắm, nhưng lạ thay, vừa sống lại, anh hàng thịt vội ngồi lên, khỏe mạnh, bước xuống khỏi giường, đi thẳng ra ngõ rồi tiến thẳng về nhà Trương Ba. Vợ con anh hàng thịt vội vàng đi theo.

Ở nhà Trương Ba, vợ con chàng ma chay vừa xong, còn đang buồn rầu, bỗng thấy anh hàng thịt đi vào. Anh này tự nhận là Trương Ba và gọi vợ con. Vợ Trương Ba cũng ngỡ ngàng ngơ ngác nhìn vợ anh hàng thịt.

Lạ lùng nhất là giọng nói không phải của anh hàng thịt mà chính giọng nói của Trương Ba, và dáng điệu cũng là dáng điệu hàng ngày của Trương Ba, phong lưu và lịch sự, chứ không tục tằn thô lỗ như dáng điệu của anh đồ tể.

Chỉ vợ anh hàng thịt báo chồng về nhà, nhưng chồng không chịu, trái lại cứ nhận nhà Trương Ba là nhà mình và vợ con Trương Ba là vợ con mình. Và anh chàng lại ở thăm khắp mọi nơi trong nhà, chỗ nào có vật gì anh đều biết và nhớ rõ.

Vợ Trương Ba không biết nói năng ra sao, anh hàng thịt mà hồn của Trương Ba liền nói rõ cái chết của mình và sự thể tại sao hồn Trương Ba lại ở trong xác anh hàng thịt. Vợ Trương Ba nghe rõ mừng lắm, nhưng vợ anh hàng thịt lại không chịu, nhất định đòi chồng về, nhưng Trương Ba không về.

Vợ anh hàng thịt liền lên kêu quan. Quan cho gọi Trương Ba và hai người đàn bà lên, Trương Ba trình rõ đầu đuôi cho quan nghe. Nghe xong câu chuyện quan liền hỏi:

- Nếu quả là hồn Trương Ba thì có gì làm bằng chứng.

Trương Ba thừa chàng là tay kỳ thủ, xin mời những tay cờ đến thử sẽ rõ.

Quan liền cho mời mấy người cao cờ trong hạt tới; đấu cờ với Trương Ba, những người này đều bị thua.

Quan lại hỏi vợ anh hàng thịt:

- Nếu là chồng chị thì cố gì làm bằng chứng. Vợ anh hàng thịt thưa:

- Chồng con làm nghề hàng thịt, mổ lợn rất giỏi.

Quan liền truyền cho mang một con lợn tới để Trương Ba mổ thịt. Trương Ba lúng túng không biết làm gì để giết thịt con lợn.

Trước những sự kiện trên, quan liền truyền:

- Hồn là hồn của Trương Ba, nhưng da là da anh hàng thịt. Vậy Trương Ba có quyền ở với vợ con, nhưng cũng nên nhớ xác mình là xác anh hàng thịt, phải đối với vợ con anh hàng thịt như anh hàng thịt còn sống vậy.

Câu chuyện *Hồn Trương Ba da anh hàng thịt* từ đó được truyền nhắc lại.

Vua Đế Thích

Ta có câu:

Muốn sống lâu thì cầu vua Đế Thích, bởi vậy trước đây hồi tiền chiến, mỗi năm đến ngày mồng chín tháng giêng âm lịch, dân chúng Hà Nội cùng các vùng lân cận kéo nhau tới chùa VUA ở làng Thịnh Yên, đại lý Hoàn Long, nơi thờ vua Đế Thích để dâng hương lễ bái. Tiếng là thuộc làng Thịnh Hào, nhưng chùa ở ngay cuối phố Huế, phía Nam thành phố Hà Nội.

Hàng năm, ngày đó, chùa VUA có mở hội để kỷ niệm vua Đế Thích.

Vua Đế Thích là ai?



Nguyên thủy Ngài là một vị thần Bà La Môn được tôn sùng trong Phật giáo, rất có tài về cờ tướng, ngự trị 33 cõi trời, *Tam thập tam thiên*.

Sự tích thuật lại rằng: Ngày xưa, Trương Ba ở làng Liên Xá, Hưng Yên là một tay giàu có phong lưu lại cao cờ có tiếng, rất ít ai sánh kịp. Trương Ba thường tự hào mình là tay vô địch, có ý thách thức bất cứ ai so tài với mình.

Trương Ba sống trong làng có nhà ngói, cây mít, có vườn hoa, hòn non bộ. Ông lại có một chiếc sập đá hàng ngày ít khi ông rời khỏi. Thường thường ông ngồi đó đánh cờ với một người Tàu cũng là một tay kỳ thủ.

Một hôm trong cuộc đấu cờ, người Tàu bị thua luôn mấy ván. Trương Ba lấy làm kiêu hãnh nhăm nháp ly rượu và bảo:

- Tôi chỉ tiếc chưa được gặp vua Đế Thích! Tôi tin rằng vị tất nhà vua đã thắng nổi tôi!

Nói rồi Trương Ba rung đùi khoái chí.

Vừa lúc ấy có một cụ già đầu tóc bạc phơ, chống gậy thủng thỉnh từ đầu đường đi lại.

Trương Ba hỏi cụ:

- Thưa cụ, cụ định đi đâu?

Cụ già đáp:

- Tôi đi dạo cho giãn xương cốt! Mà kìa các ông đang đánh cờ! Ông có thể cho tôi hầu tiếp được một ván không?

Tin chắc ở sự đắc thắng của mình, Trương Ba cùng cụ già đấu cờ.

Ván cờ bày ra, mới đi được ba nước Trương Ba đã thua. Bàn cờ bày lại ba bốn lần, lần nào Trương Ba cũng bại hết. Trương Ba vã mồ hôi trán trước những ván cờ của cụ già!

Cụ già liền đứng lên cảm tạ Trương Ba, chống gậy đi vài bước rồi biến mất.

Cả Trương Ba và người Tàu lúc đó thấy vậy đều hiểu rằng cụ già chính là vua Đế Thích.

Cuộc đấu cờ giữa Trương Ba và vua Đế Thích đã xảy ra vào ngày mồng chín tháng giêng âm lịch.

Để kỷ niệm sự giáng hiện của vua Đế Thích, một ngôi chùa được lập lên ngay tại chỗ nhà vua và Trương Ba đấu cờ ở làng Liên Xá, tỉnh Hưng Yên, Bắc Việt. Hàng năm ở đây có mở hội vào ngày mồng chín tháng giêng và trong đám hội bao giờ cũng có cuộc đấu cờ.

Làng Thịnh Yên cũng thờ ngài và cũng có mở hội vào ngày trên.

Muốn sống lâu thì cầu vua Đế Thích. Nhà vua đã xuất hiện dưới hình thức một cụ già, cầu sẽ được sống lâu như nhà vua.

*
* *

Hai câu chuyện kể trên là hai câu chuyện cổ tích về môn cờ tướng được truyền khẩu trong dân gian, mà những người dân quê thường ai cũng được nghe một đôi lần.

TỨC NƯỚC CỜ

Đánh cờ là một lối tiêu khiển thú vị như đã nói, và trong cuộc đấu giải trí đôi bên thường không cần ăn thua tiền bạc. Người thắng cuộc chỉ lấy nước cờ cao làm thỏa mãn, và người thua cuộc tuy không mất tiền nông gì, nhưng nghĩ mình cờ không kém, trong con người ai chẳng có ít nhiều tự phụ, lại bị thua chỉ vì hơi hênh một vài nước, hoặc chỉ vì bên địch đánh lừa chiếu nó để mình đi lỡ nước mà bị bại, nên thường lấy làm bực mình hơn phải giam tiền của trong các lối đánh bạc, và sự bực mình này, ta gọi là *tức nước cờ*. Khái Hưng trong một câu chuyện về tức nước cờ đã thuật lại có một cụ thua cờ một cụ khác ra về, lúc bấy giờ đã quá nửa đêm.



Trong lúc đi đường cụ soát lại ván cờ, cụ thấy mình không thua. Về nhà cụ đi nằm không ngủ được, cụ phải ngồi dậy, và đứng lên đi trở lại nhà cụ kia, mặc dầu đường xa. Đến nhà bạn, lúc đó vào khoảng hai ba giờ sáng, cụ gọi cổng nhà cụ kia. Xin nói thêm là đêm hôm ở nhà quê việc gọi cửa không dễ dàng và chó cắn ầm ỹ. Cụ bạn lúc đó đã ngủ được một giấc, nghe tiếng gọi cửa, cụ thức giấc ra mở cửa. Cụ kia phân trần nước cờ và nói vậy mình không thua. Cụ bạn đang ngái ngủ, chẳng nhớ lại nước cờ như thế nào, đành ừ hừ cho xong. Thấy cụ bạn chịu, cụ kia quay về và lúc đó về nhà cụ mới hết tức nước cờ và yên tâm đi ngủ.

Trong giới bình dân ở thôn quê, nhất là trong bọn người tuổi chưa cao bao nhiêu, còn nhiều hiếu thắng, khi thắng một ván cờ, thường có lệ là được bên thua châm điếu thuốc lao mời hút. Người bên thua khi mời bên được hút phải nói:

Cao cờ là ông, thấp cờ là tôi, điếu đóm xong rồi, mời ông xơi thuốc.

MẤY LỐI CỜ BÌNH DÂN

Từ trên tôi mới trình bày về cờ tướng. Tuy cờ tướng vừa là môn giải trí thú vị, vừa là môn đấu trí ghê gớm, dân ta rất ưa, nhưng muốn chơi cờ tướng ít nhất phải có bàn cờ và quân cờ, nếu không phải là sân cờ với biển cờ hoặc các nam nữ thanh niên đóng vai quân cờ ở các hội làng, ngoại trừ trường hợp *cờ mù* chỉ những cao thủ sành sỏi mới đủ tài năng và trí nhớ mới chơi nổi.

Bên môn cờ tướng ta có những lối chơi cờ bình dân, tuy cũng đấu trí cao thấp nhưng không phải nhất thiết có bàn cờ và quân cờ mới chơi được. Những lối cờ bình dân, các anh em lao động thợ thuyền, các anh em nông phu, trong những

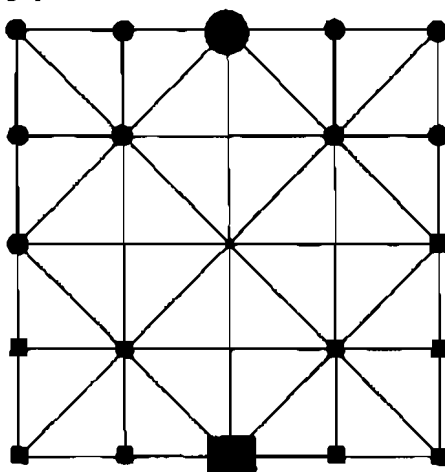
phút rảnh rỗi không tiện chơi cờ tướng, đều có thể chơi được bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào. Và một ván cờ cũng không lâu như một ván cờ tướng.

Những lối chơi cờ bình dân thường được nhiều người ưa chơi gồm cờ chiếu tướng, cờ gánh, cờ ngũ hành, cờ chân chó, cờ cộp .v.v...

Cờ chiếu tướng. Cờ chia làm hai bên, mỗi bên có một tướng và chín quân bày trên một bàn cờ theo hình vẽ (hình 1). Bàn cờ này có thể vẽ ngay xuống đất hoặc vẽ vào bất cứ nơi nào là đôi bên có thể cùng nhau chơi được.

Quân cờ có thể cắt bằng giấy, bẻ bằng que hay dùng bất cứ thứ gì cũng được, miễn làm sao phân biệt được quân hai bên khác nhau, và tướng của mỗi bên cũng khác tướng bên kia.

Về lối chơi thì cờ đi nước một theo các đường gạch trong bàn cờ, muốn đi ngang, đi dọc, đi chéo góc, đi tiến, đi lùi đều được cả. Mỗi lần chỉ được đi một nước, đi tướng hay đi giữa cũng thế, đi từ chỗ các đường gạch gặp nhau này tới chỗ các đường gạch gặp nhau khác ở gần nhất. Mỗi chỗ các đường gạch gặp nhau là một nước.



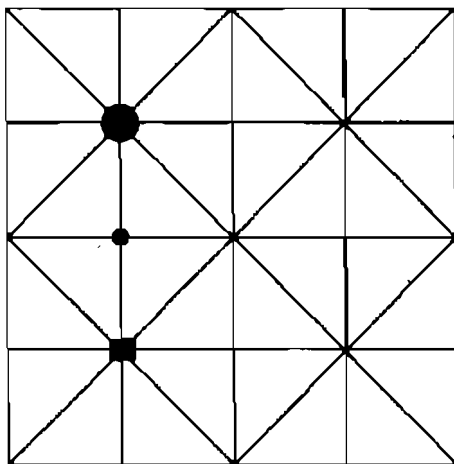
Hình 1. CỜ CHIẾU TƯỚNG



Bên nọ có thể ăn quân của bên kia. Muốn ăn quân phải dùng tướng, và chỉ có tướng mới được ăn quân bên địch. Tướng chỉ ăn được quân, khi trước mặt tướng có một quân của mình gọi là quân độn và quân địch ăn phải đứng liền ngang quân của mình theo đường thẳng, tướng, quân độn và quân địch đứng theo một hàng. Khi ăn, tướng nhảy vượt qua quân độn để ăn quân của bên địch (hình 2).

Bên nào bị ăn hết quân thì thua.

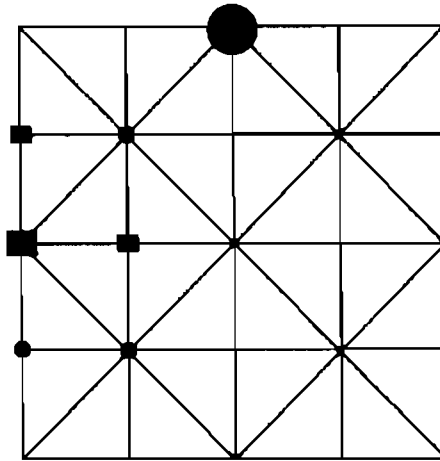
Ngoài lối ăn quân, còn có lối chiếu tướng, do đó cờ mang tên là *Cờ chiếu tướng*. Muốn được chiếu tướng, chỉ có tướng mới được chiếu tướng bên địch, cũng như chỉ có tướng mới ăn được quân bên địch. Tướng nọ muốn chiếu tướng bên kia phải có trước mặt mình một quân độn (hình 3). Tướng bị chiếu không còn lối thoát thì thua.



Hình 2. ĂN QUÂN

Tướng tròn ăn tướng vuông vì trước mặt có quân độn thuộc bên tròn

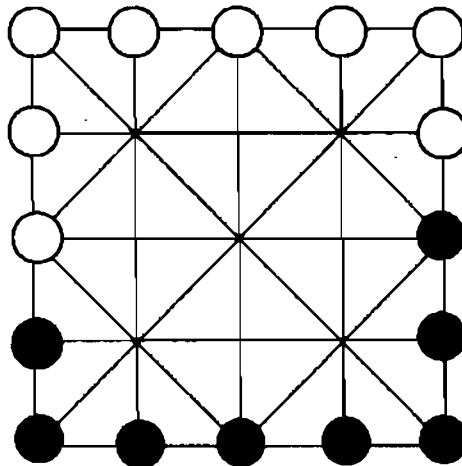




Hình 3. CHIẾU TƯỚNG

Tướng tròn chiếu tướng vuông nhờ quân đơn của mình.
Tướng vuông hết nước đi bị thua.

Cờ gánh. Chơi *cờ gánh* cũng dùng bàn cờ của bàn cờ chiếu tướng trên, nhưng số quân cờ 2 bên đều ít hơn, mỗi bên chỉ có 8 quân và không có tướng. Quân hai bên dàn theo hình vẽ (hình 4).



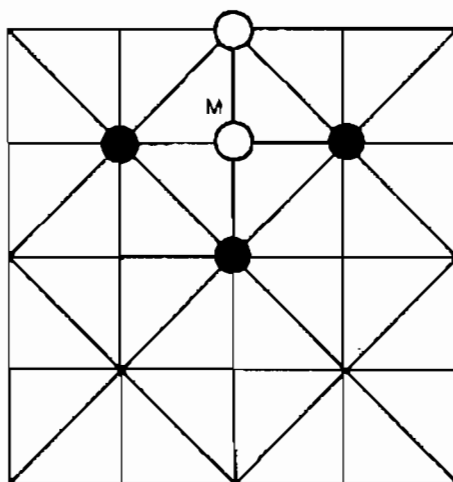
Hình 4. CỜ GÁNH. Hai bên dàn quân bên trắng và bên đen



Về lối đi, quân cờ chỉ được đi nước một như cờ chiếu tường và đi ngang, dọc, đi chéo góc, tiến hoặc lùi đều được cả, nhưng cấm không được mãi một quân ở một nước giữa năm lần.

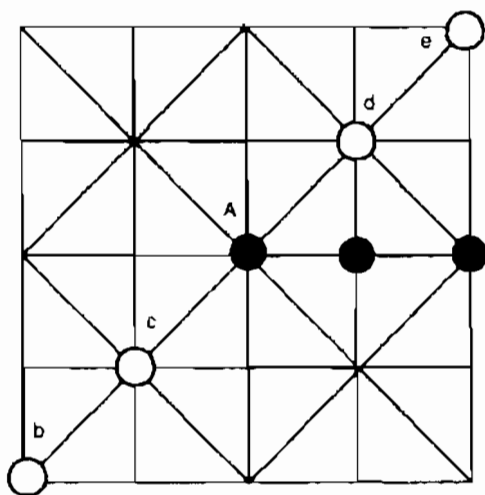
Chơi cờ gánh có hai lối: một lối *ăn quân* và một lối *gánh lật*.

Ăn quân. Bắt đầu ván cờ bên nào đi trước cũng được, và đi lựa làm sao, một quân của bên mình đứng vào giữa hai quân của bên địch theo đường thẳng thì được. Gánh cả hai quân này, nghĩa là ăn hai quân đó. Lúc ăn, người chơi cờ thường nói: "*Tôi gánh hai quân này!*" (hình 5). Bên nào bị ăn hết quân thì thua. Trong khi đánh cờ có thể *gánh đơn* hoặc *gánh kép*.



Hình 5. CỜ GÁNH

Quân M bên trắng đứng giữa hai quân P, Q bên đen được ăn hai quân này.
Đây là trường hợp gánh đơn.



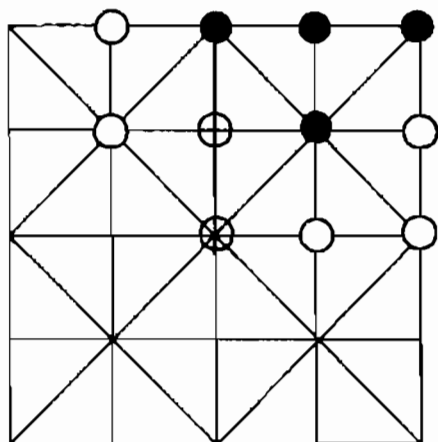
Hình 6. CỜ GÁNH

Quân A bên đen đứng giữa các quân b, c, d, e, bên đen có thể ăn bốn quân trắng này. Đây là trường hợp gánh kép.

Gánh đơn nghĩa là ăn hai quân. *gánh kép* có thể ăn được bốn quân, nếu lựa đi được quân của mình vào giữa bốn quân của địch theo đường thẳng, mỗi bên hai quân (hình 6).

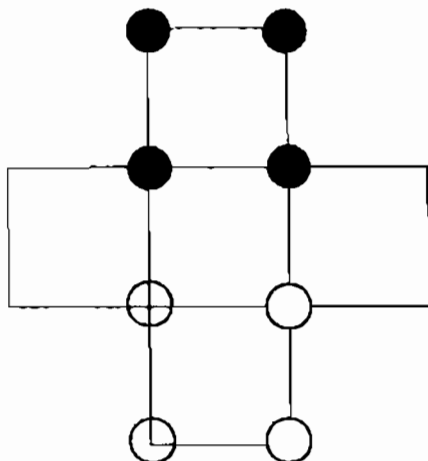
Gánh lật. Cờ gánh chơi theo lối gánh lật thì không ăn quân. Cờ vẫn đi như lối ăn quân, nhưng khi được gánh thì không những ăn quân mà còn được quyền thay thế hai quân địch bằng hai quân của mình; thường trong khi chơi cờ theo lối gánh lật, quân cơ có hai mặt, mỗi mặt một quân, thí dụ bên trắng bên đen. Khi bên nào được gánh, bên đó *lật mặt quân cờ* lên, quân cờ theo màu của bên mình, và từ đây là quân của mình. Chính vì sự lật mặt quân cờ mà lối chơi cơ gọi là gánh lật.

Bên nào bị lật hết quân là bên ấy thua.

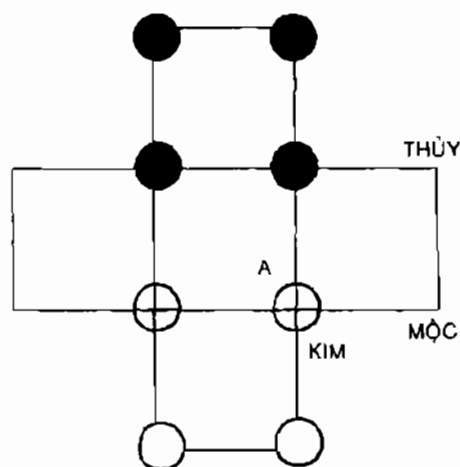


Hình 7: CỜ GÁNH
Bên đen bị bên trắng vây hết lối đi bị thua

Vây quân. Cả hai lối cờ gánh, *ăn quân* và *gánh lật*, các địch thù, ngoài lối ăn quân hoặc lật quân cờ có lối vây quân bên địch, dồn bên địch vào thế hết lối đi. Bên nào bị vây quân hết lối đi cũng bị thua (hình 7).



Hình 8 BÀN CỜ NGŨ HÀNH và quân của hai bên



Hình 9. CỜ NGŨ HÀNH
Đi quân, quân A bên trắng đi được 3 bước từ Kim đến Thủy

Cờ ngũ hành

Cờ cũng chia làm hai bên, mỗi bên có 4 quân, bày trên một bàn cờ.

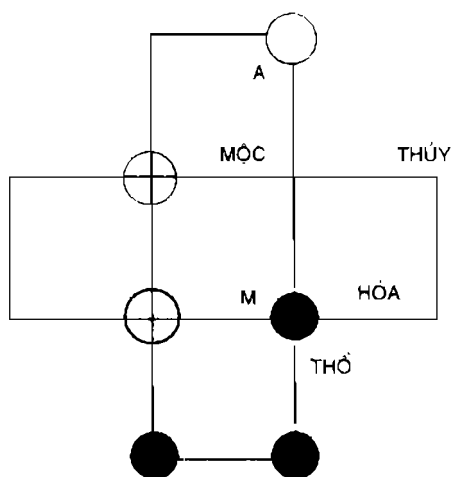
Bàn cờ hoặc vẽ ngay xuống đất hoặc vẽ lên một tờ giấy, hoặc vẽ vào bất cứ nơi đâu, cốt thuận tiện cho cuộc chơi cờ là được.

Bàn cờ hình chữ nhật dài gấp nhau ở giữa (hình 8).

Quân cũng như quân cờ chiếu tướng muốn dùng bằng gì cũng được.

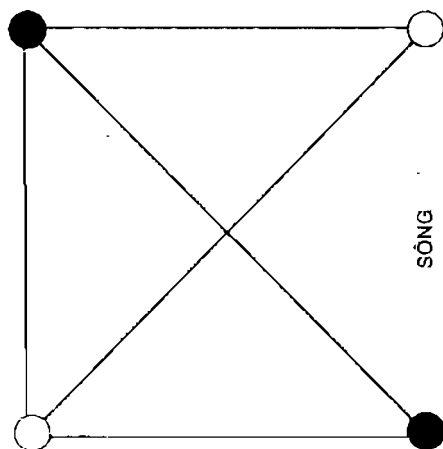
Cờ có thể đi từ một đến năm bước tính theo ngũ hành là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa và Thổ.

Quân đi phải ngừng khi nào đến một bước đã có quân khác rồi, dù đó là quân của mình hay của bên kia. (hình 9)

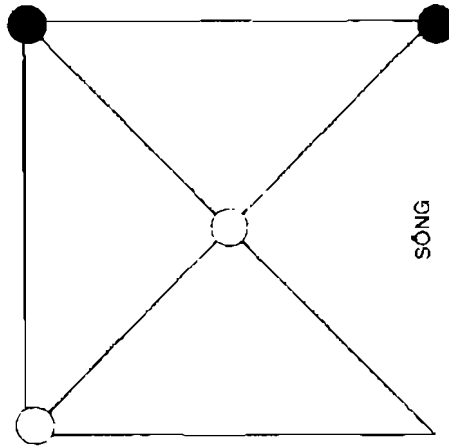


Hình 10. Quân trắng A đi từ Kim đến Thổ ăn được quân M bên đen

Hai bên có thể ăn lẫn quân của nhau. Bên nào bị ăn hết quân là bên ấy thua. Muốn ăn quân, bên nọ phải đi từ Kim đến Thổ và quân bên kia phải đứng ở bực Thổ mới ăn được (hình 10).



Hình 11. CỜ CHÂN CHÓ
Bàn cờ và cách dàn quân của hai bên



Hình 12. CỜ CHÂN CHÓ
Bên đen thua vì hết nước đi, không đi qua sông được

Cờ chân chó

Cờ cũng chia làm hai bên, mỗi bên chỉ có hai quân bày trên bàn cờ theo hình vẽ (hình 12).

Quân cờ cũng giống như quân các loại cờ trên, bằng bất cứ gì cũng được.

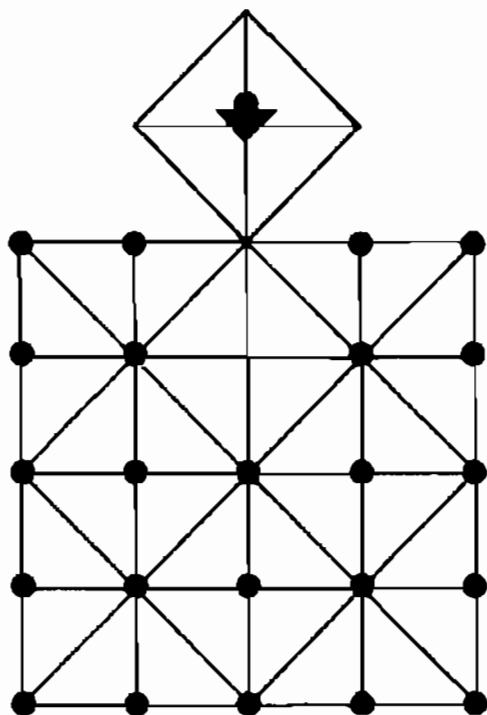
Cờ chân chó không có lối ăn quân.

Nước cờ có thể đi ngang, đi dọc hoặc theo đường góc. Mỗi nước đi một bước, và cấm không được qua sông.

Hai bên phải tìm cách dồn nhau vào lối bí hết nước đi. Bên nào hết nước đi thì thua.

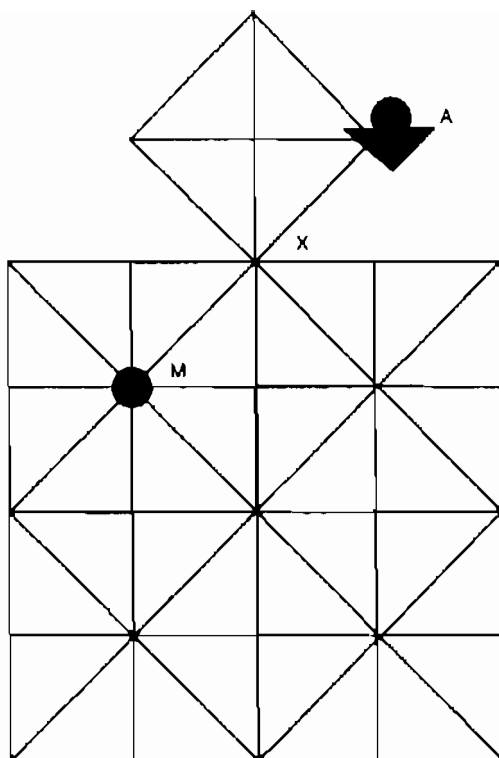
Cờ cọp

Bàn cờ cọp giống bàn cờ chiếu tướng, nhưng ở giữa một cạnh có một hình thoi với các đường chéo góc. (hình 13)



Hình 13. CỜ CỜ
Bàn cờ và cách dàn quân.

Cờ cờ cũng phân chia hai bên, một bên chỉ có một quân là CỜ, còn bên kia là những người thợ săn. Trước khi ra quân, cờ ngồi ở giữa hình thoi nơi hai đường chéo góc gặp nhau, còn những người thợ săn bày ở bàn cờ, được coi như một khu rừng. Lúc bắt đầu ván cờ, bên giữ phần cờ được đi trước. Cờ được ăn quân, nghĩa là vô những người thợ săn, còn những người thợ săn được vây cờ làm sao cho cờ hết lối đi là được, còn bên cờ khi nào vô hết những người thợ săn thì thắng.



Hình 14. CỜ CỘP

Cọc ở điểm A có thể vồ quân ở điểm M, vì ở X không có quân.

Muốn vồ một người thợ săn, cọc phải đứng cách người đó một nước theo đường thẳng, bất kể ở vị trí nào trong bàn cờ, có thể cọc ở một vị trí nào trên hình thoi cũng được, nhưng nước cách phải không có quân, nghĩa là cọc phải nhảy một nước trống mới vồ được người thợ săn (hình 14).

Về bên người thợ săn, người chơi cờ phải dồn quân để vây lấy cọc, tránh hết sức để một nước trống cho cọc vồ quân. Bị vây là cọc thua.



Những lối cờ bình dân còn nhiều, và bao giờ lối chơi cũng giản dị và rất lý thú. Tuy mỗi lối cờ chỉ có mấy nước đi, nhưng người chơi cờ luôn luôn phải suy tính cao thấp mới mong thắng được ván cờ. Anh chị em bình dân muốn chơi cờ lúc nào và ở đâu cũng được. Hai bác nông phu nghỉ trưa, hai công nhân đợt giờ vào sở, hai em bé chặn trâu chờ trâu ăn cỏ, hai cậu học sinh nhỏ chờ giờ vào học đều có thể vẽ một bàn cờ xuống đất, nhặt mấy hòn sỏi hòn sành làm quân cờ để cùng nhau giải trí. Thật là thú vị.

Và cuộc chơi cờ này cũng là những cuộc đấu trí, tuy không có tiền đặt cược, nhưng các đấu thủ, cũng như các đấu thủ chơi cờ tướng bao giờ cũng say mê từng nước cờ, suy nghĩ để thắng cho được đối phương!



Ngoài các lối chơi cờ trên của Việt Nam sau này kể từ ngày giao tiếp với phương Tây chúng ta có du nhập thêm một số môn cờ như: cờ carô, cờ tam giác, cờ cá ngựa, cờ domino, cờ vua (còn gọi là cờ dame hay cờ quốc tế) và một số cờ người mình đặt thêm ra như: cờ chuồng vịt, cờ triệu phú, cờ vinh quy bái tổ mà bàn cờ có bán ở các cửa hàng cùng với chú thích cách chơi đơn giản nên chúng tôi không nói thêm về cách chơi các cờ này.

Các môn cờ được mọi người ưa thích nhất là cờ carô và cờ tam giác vì bất cứ lúc nào cũng có thể chơi được, chỉ cần có cái bút và tờ giấy. Ngoài ra, các môn cờ cá ngựa, cờ domino và cờ vua không những chỉ trẻ em chơi mà người lớn cũng thường chơi, nổi trội nhất là cờ quốc tế hay cờ vua.

Hiện nay Việt Nam đã có nhiều kiện tướng cờ vua (cả trẻ em lẫn người lớn) đoạt được nhiều giải cao tại các đấu trường cờ quốc tế.

Về chi tiết lối chơi cờ này xin quý độc giả xem thêm trong phần phụ lục - tài liệu đọc thêm: “Các loại cờ và bài bạc các em được phép chơi trong mấy ngày Tết” của T.A Nguyễn Từ trong *Nếp cũ - Tiêu khiển Việt Nam - Trẻ em chơi* - Phần III “Các trò chơi trong dịp đặc biệt” của cùng soạn giả Toàn Ánh.

Lời cảm ơn

*Chúng tôi trân trọng cảm ơn các ông Lê Bình
(một người bạn rất thân của tác giả) và đồng soạn
giả Tượng Kỳ Tranh Hùng Phạm Quang Chương
đã giúp tài liệu để chúng tôi hoàn chỉnh cuốn sách
(Kỳ) này.*

PHỤ LỤC

(Phần Kỳ)

Tài liệu đọc thêm

1. Danh thủ đối cuộc

Dưới đây là mấy cuộc tranh tài giữa một số danh thủ nổi tiếng trong nước và ngoại quốc với lời bình của hai tác giả Lê Bình và Phạm Quang Chương (Trích trong *Tượng kỳ Tranh Hùng* của Lê Bình và Phạm Quang Chương).

CUỘC THỨ BA

Lê Văn Mậu – Trong trận bán kết giải Martelle 1951 còn 4 danh thủ mà ông Lê Văn Mậu đoạt giải nhì.

Lương Kiện Hùng – Vô địch cờ tướng tại Đại Thế Giới được lãnh thưởng một huy chương bằng vàng năm 1951.

Đây là ván cờ giữa Lê Văn Mậu và Lương Kiện Hùng với chiến lược:

**NGŨ – THẤT – PHÁO TẤN CHỐT 7 đối BÌNH
– PHONG – MÃ PHÁO TRÁI TUẦN HẠ**

Pháo	2	bình	5	–	Mã	8	tấn	7
Mã	2	tấn	3	–	Xa	9	bình	8
Chốt	7	tấn	1	–	chốt	7	tấn	1

Xa	1	bình	2	—	Mã	2	tấn	3
Pháo	8	bình	7	—	Sĩ	4	tấn	5 ⁽¹⁾
Mã	8	tấn	9	—	Xa	1	bình	2
Xa	2	tấn	4 ⁽²⁾	—	Pháo	8	tấn	2
Chốt	9	tấn	1	—	Pháo	2	bình	1
Xa	9	bình	8	—	Xa	2	tấn	9
Mã	9	thối	8	—	Tượng	7	tấn	5
Mã	8	tấn	9	—	Pháo	8	bình	9 ⁽³⁾
Xa	2	tấn	5	—	Mã	7	thối	8
Mã	9	tấn	8	—	Mã	8	tấn	7
Mã	8	tấn	7	—	Pháo	1	tấn	3
Mã	7	tấn	5	—	Tượng	3	tấn	5
Pháo	7	tấn	5	—	Tượng	5	thối	7
Pháo	7	thối	2	—	Tượng	7	tấn	5
Pháo	7	tấn	2	—	Tượng	5	thối	7
Mã	3	thối	5	—	Pháo	9	bình	8 ⁽⁴⁾
Mã	5	tấn	7	—	Chốt	1	tấn	1
Pháo	7	bình	8	—	Chốt	9	tấn	1
Pháo	5	bình	3	—	Mã	7	tấn	6
Pháo	3	tấn	3	—	Mã	6	thối	4 ⁽⁵⁾
Pháo	8	bình	3	—	Tượng	7	tấn	9
Tượng	3	tấn	5	—	Pháo	1	tấn	4
Mã	7	tấn	6	—	Chốt	5	tấn	1
Mã	6	tấn	5	—	Chốt	5	tấn	1 ⁽⁶⁾
Pháo	hậu	tấn	1	—	Mã	4	tấn	2
Pháo	tiền	bình	5	—	Tướng	5	bình	4
Pháo	5	thối	3	—	Pháo	8	bình	5
Pháo	5	bình	2	—	Mã	2	tấn	4
Mã	5	tấn	7	—	Tướng	4	bình	5
Pháo	2	bình	5	—	Tượng	9	thối	7
Sĩ	4	tấn	5	—	Tượng	7	tấn	5

Tướng	5	bình	4	–	Sĩ	5	tấn	4
Mã	7	thối	6	–	Sĩ	6	tấn	5
Pháo	5	tấn	3	–	Sĩ	5	tấn	6
Pháo	3	bình	5	–	Tướng	5	bình	6
Pháo	5	thối	2					

(Mậu thắng)

Bình phẩm

- (1) Pháo 8 tấn 2 thượng sách hơn Sĩ 4 tấn 5
- (2) Xa 2 tấn 4 không mạnh bằng tấn 6
- (3) Pháo 8 bình 9 không vững bằng Chốt 1 tấn 1
- (4) Để yên Pháo 9 nên đi Pháo 1 tấn 1 bắt Chốt hay hơn.
- (5) Để Mã 6 đứng yên, tấn Chốt 9 để cầu hòa.
- (6) Phải đi Sĩ 5 tấn 6 vẫn còn đánh được:

A.	–	Sĩ	5	tấn	6			
Pháo	hậu	tấn	1	–	Mã	4	tấn	2
Pháo	Tiền	bình	2	–	Mã	2	tấn	4
Pháo	2	tấn	2	–	Tướng	5	tấn	1
Mã	5	tấn	7	–	Tướng	5	bình	4

(Thế cuộc Mậu dễ đi hơn một ít, song hai bên vẫn đối nước công với nhau)

B.	—	—	Sĩ	5	tấn	6	
Pháo	hậu	bình	1	—	Chốt	5	tấn	1
Pháo	3	thối	1	—	Pháo	8	bình	5
Pháo	3	bình	6	—	Pháo	5	tấn	2
Sĩ	4	tấn	5	—	Pháo	5	thối	3
Pháo	1	bình	5	—	Sĩ	6	tấn	5
Chốt	7	tấn	1	—	Chốt	1	tấn	1
Chốt	7	tấn	1	—	Tướng	5	bình	6

(Bên Mậu hơi dễ đi hơn)

CUỘC THỬ TU

(*Hồng Kông ngày 18-6-1953*)

Cuộc tranh hùng giữa hai đấu thủ Trung Hoa:

- Một **Hà Tinh Vô** ở Hồng Kông là một thần đồng cờ tướng Trung Hoa với thành tích:

- Năm 1953 hạng ba Kỳ Bá tranh hùng.
- Năm 1954 hạng nhì toàn Hồng Kông.
- Năm 1954 hạng nhì cúp Công Phổ

Đại diện cho Hương Cảng trong trận Đài Cảng

- Và một **Trần Dũ Thâm** ở Việt Nam với thành tích:
- 18 tuổi lãnh cúp Hạ Môn
- 1951 đoạt cúp Song Thập

Năm 1957 đại diện Hoa Kiều đánh cờ người tại sân Tao Đàn và lúc này đang làm biên tập viên mục kỳ đàn cho báo *Viễn Đông* tại Chợ Lớn.

PHÁO - ĐẤU XA TUẦN HÀ ĐỐI BÌNH - PHONG - MÃ PHÁO TRÁI TUẦN HÀ

Hà Tinh Vô (Tiền)				Trần Dũ Thâm (Hậu thắng)				
Pháo	2	bình	5	—	Mã	8	tấn	7
Mã	2	tấn	3	—	Mã	2	tấn	3
Chốt	7	tấn	1	—	Chốt	7	tấn	1
Xa	1	bình	2	—	Pháo	8	tấn	2
Mã	8	tấn	7	—	Tượng	3	tấn	5
Pháo	8	tấn	2	—	Chốt	3	tấn	1
Xa	2	tấn	4	—	Chốt	3	tấn	1
Xa	2	bình	7	—	Mã	3	tấn	1
Chốt	3	tấn	1	—	Pháo	2	bình	3
Pháo	8	bình	9 ⁽¹⁾	—	Xa	1	bình	3
Mã	7	thối	5	—	Chốt	1	tấn	1
Pháo	9	bình	8	—	Mã	4	tấn	2

Xa	7	bình	8	—	Xa	9	bình	8
Chốt	3	tấn	1	—	Tượng	5	tấn	7
Mã	3	tấn	4	—	Tượng	7	thối	5
Mã	4	tấn	6	—	Xa	8	tấn	3
Xa	8	bình	4	—	Pháo	3	bình	4
Xa	4	tấn	4 ⁽¹⁾	—	Sĩ	6	tấn	5
Xa	9	bình	8	—	Xa	3	tấn	4
Pháo	5	bình	8	—	Xa	3	bình	4
Pháo	8	tấn	7	—	Tượng	5	thối	3
Pháo	8	bình	9	—	Pháo	8	bình	6
Xa	8	tấn	9	—	Xa	4	bình	3
Xa	8	thối	1	—	Xa	3	thối	2
Mã	5	tấn	3	—	Xa	3	bình	1
Pháo	9	bình	8	—	Xa	1	thối	2
Pháo	8	bình	6	—	Tượng	5	bình	4
Xa	4	bình	3	—	Pháo	6	bình	7
Xa	3	bình	4	—	Pháo	7	tấn	5
Sĩ	4	tấn	5	—	Pháo	7	bình	9
Sĩ	5	tấn	6	—	Tượng	3	tấn	5
Mã	3	tấn	4	—	Pháo	4	thối	1

(Thám thắng)

Bình phẩm

⁽¹⁾ Như vậy là mất nước tiên, thay thế pháo 8 bình 9 bằng chốt 3 tấn 1 vẫn còn công:

A.	—							
Chốt	3	tấn	1	—	Tượng	5	tấn	7
Mã	3	tấn	4	—	Mã	4	tấn	6
Xa	7	tấn	3	—	Mã	6	tấn	5
Tượng	7	tấn	5	—	Tượng	7	thối	5

Xa	9	bình	8	—	Pháo	8	bình	2 (*)
Pháo	8	bình	5	—	Pháo	2	bình	5
Xa	8	tấn	6	—	Sĩ	4	tấn	5
Pháo	5	tấn	2	—				

(Tiên thắng Chốt đầu và chiếm thế)

(*) Thâm không dám xa 1 bình 2 vì nếu đi thế thì bên Vô có nước Pháo 8 bình 1 thì Xa và kết quả Thâm bị mất Tượng.

B.- Chốt 3	tấn	1	—	Tượng	5	tấn	7	
Mã	3	tấn	4	—	Pháo	3	tấn	5
Mã	4	tấn	2	—	Mã	7	tấn	8
Xa	7	thối	2	—	Mã	4	tấn	2
Xa	7	tấn	2	—	Mã	8	thối	7
Xa	7	bình	8	—	Xa	1	bình	3
Xa	8	tấn	2	—				

(Tiên thắng Chốt, hậu có thể thủ hòa)

C.- Chốt 3	tấn	1	—	Pháo	3	tấn	5	
Xa	7	tấn	2	—	Mã	4	tấn	2
Xa	7	thối	2	—	Tượng	5	tấn	7
Mã	3	tấn	4	—	Tượng	7	thối	5
Mã	4	tấn	2	—	Mã	7	tấn	8
Pháo	5	tấn	4	—	Sĩ	6	tấn	5
Xa	7	bình	8					

(Tiên thắng Chốt đầu)

(*) Xa 4 tấn 4 gấp quá nên đi Xa 9 bình 8 chắc chắn hơn.

CUỘC THỦ NĂM

(Sài Gòn ngày 21-2-1956)

Cuộc thi tài tại Chùa Chà Sài Gòn giữa:

Cờ vương Bắc Việt: **Đặng Đình Yến**

Và

Cờ vương Nam Vang: **Bàng Châu** (tự Chí)

Hai đấu thủ dùng chiến lược:

THUẬN - PHÁO XA NGANG đối TRỰC XA

Đặng Đình Yến (Tiên)					Bàng Châu (Hậu hòa)			
Pháo	2	bình	5	—	Pháo	8	bình	5
Xa	1	tấn	1	—	Mã	8	tấn	7
Xa	1	bình	6	—	Sĩ	6	tấn	5
Mã	2	tấn	3	—	Xa	9	bình	8
Xa	6	tấn	7	—	Mã	2	tấn	1
Chốt	9	tấn	1	—	Xa	8	tấn	4
Xa	6	bình	8	—	Pháo	2	tấn	2
Chốt	7	tấn	1	—	Pháo	5	bình	4
Mã	8	tấn	7	—	Tượng	7	tấn	5
Chốt	5	tấn	1 ⁽¹⁾	—	Pháo	2	bình	6
Sĩ	6	tấn	5	—	Pháo	6	thối	3
Xa	8	thối	5	—	Chốt	3	tấn	1
Mã	7	tấn	5	—	Pháo	6	tấn	5 ⁽²⁾
Mã	5	thối	7	—	Pháo	6	tấn	2
Mã	7	tấn	5	—	Pháo	6	bình	7
Chốt	3	tấn	1	—	Chốt	3	tấn	1
Mã	5	tấn	7	—	Pháo	7	thối	3
Mã	3	tấn	5	—	Pháo	7	bình	3
Mã	5	tấn	7	—	Xa	8	bình	3
Mã	7	thối	5	—	Chốt	7	tấn	1

Tượng	7	tấn	9	–	Mã	7	tấn	6
Xa	9	bình	7	–	Xa	3	tấn	5
Tượng	9	thối	7	–	Mã	6	tấn	5
Xa	8	bình	5	–	Xa	1	bình	2
Pháo	8	tấn	1	–	Xa	2	tấn	5
Xa	5	bình	2	–	Xa	2	bình	5
Pháo	8	bình	5	–	Xa	5	bình	6
Pháo	Hậu	tấn	4 ^(*)	–	Mã	1	tấn	3
Xa	2	tấn	6	–	Xa	8	thối	5
Xa	2	thối	3	–	Mã	3	tấn	4
Pháo	5	bình	1	–	Mã	4	tấn	6
Sĩ	5	tấn	1	–	Chốt	7	tấn	1
Sĩ	4	tấn	5	–	Pháo	4	tấn	2
Tượng	7	tấn	5	–	Chốt	7	bình	6
Xa	2	thối	1	–	Pháo	4	tấn	1
Pháo	1	thối	2	–	Pháo	4	tấn	1
Xa	2	bình	6	–	Pháo	4	tấn	1
Xa	6	thối	2	–	Pháo	1	bình	5
Xa	6	bình	5	(Hòa)				

Bình phẩm

(¹) Tiên không đi Chốt 5 tấn 1 mà Chốt 7 tấn 1 thì:

Chốt	7	tấn	1	–	Xa	8	bình	3
Mã	7	tấn	6	–	Xa	3	tấn	1
Mã	6	tấn	4	–	Xa	3	thối	1 ^(*)
Mã	4	tấn	2	–	Xa	3	bình	6
Chốt	5	tấn	1	–	Pháo	2	bình	3
Xa	9	tấn	3	(Bên Hậu bị buộc khó đi)				

(*) Nếu Bàn Châu không đi Xa 3 thối 1 mà thay bằng Pháo 2 bình 5 thì Yến sẽ đi Pháo 8 tấn 5

(2) Ý muốn buộc Xa rời khỏi hàng Chốt, Yến thối Mã về là muốn giữ quân cờ, có thể Xa 8 tấn 4 để công lại.

(3) Pháo hậu tấn 4 là muốn đánh tới tan cuộc để khỏi bị thua Chốt.

Nếu dùng tiến pháo tấn 4 để một Pháo đổi hai tượng và một ngựa thì kết quả lời được hai tượng mà thất hai Chốt. Không có nước công tiếp theo sẽ bị làm thua.

CUỘC THỨ SÁU

(Sài Gòn, ngày 23-10-1957)

- **Lý Anh Mô** – Cờ vương Biên Hòa, Đài chủ Đại thế giới Đài chủ tại Hội chợ Mỹ Tho 1957 - Anh thủ rất dẻo công hơi mạnh.

- **Trần Mỹ** – Đài chủ Đại thế giới Đài chủ Hội chợ Mỹ Tho 1957.

Đoạt chức vô địch cờ tướng tại Tỉnh Võ (1955) và cũng năm này vô địch tại Tây Ninh.

Hai danh thủ dùng chiến lược:

OA - TÂM - PHÁO đổi BÌNH - PHONG - MÃ

TẤN PHÁO

Lý Anh Mô (Tiên)					Trần Mỹ (Hậu hòa)			
Pháo	2	bình	8	—	Mã	8	tấn	7
Pháo	5	thối	1	—	Xa	9	bình	8
Pháo	8	bình	5	—	Mã	2	tấn	3
Chốt	5	tấn	1	—	Sĩ	4	tấn	5
Mã	2	tấn	3	—	Pháo	8	tấn	4 ⁽¹⁾
Mã	8	tấn	7	—	Xa	8	tấn	4 ⁽²⁾
Xa	9	bình	8	—	Xa	1	bình	2
Xa	1	bình	2	—	Tượng	3	tấn	5

Mã	7	tấn	5 ⁽³⁾	–	Pháo	2	tấn	5
Mã	3	thối	1	–	Pháo	8	tấn	2
Chốt	5	tấn	1	–	Chốt	5	tấn	1
Mã	5	tấn	6	–	Mã	3	tấn	5
Pháo	Hậu	bình	9 ⁽⁴⁾	–	Chốt	5	tấn	1 ⁽⁵⁾
Mã	6	tấn	4	–	Mã	5	tấn	6
Xa	8	tấn	1 ⁽⁶⁾	–	Mã	6	tấn	5
Mã	4	tấn	3	–	Tướng	5	bình	4
Xa	8	bình	2	–	Xa	8	tấn	4
Xa	2	tấn	1	–	Pháo	2	thối	6
Tướng	3	tấn	5	–	Pháo	2	bình	7
Pháo	9	tấn	5	–	Xa	2	tấn	3
Xa	2	tấn	7	–	Xa	2	bình	1
Xa	2	bình	3	–	Mã	7	tấn	5
Xa	3	thối	2	–	Mã	5	tấn	6
Xa	3	bình	1	–	Mã	6	thối	8
Chốt	3	tấn	1	–	Xa	1	tấn	3
Xa	1	bình	7	–	Mã	8	tấn	9

(Hòa)

Bình phẩm

(1) Thay Pháo 8 tấn 4 bằng Pháo 2 tấn 6 đề ngựa, linh hoạt hơn.

(2) Đi tượng 3 tấn 5 vững hơn Xa 8 tấn 4

(3) Nên đi Mã 3 tấn 5 hay hơn.

(4) Không đi Pháo tiền tấn 4 được vì

Pháo	Tiền tấn	4	–	Pháo	2	bình	5	
Pháo	5	bình	8	–	Pháo	5	thối	4
Tượng	3	tấn	5	–	Xa	2	tấn	7

(Thế cuộc bên Tiên bị kiểm)

(5) Phải đi Chốt 7 tấn 1 được thế hơn Chốt 5 tấn 1

⁽⁶⁾ Nếu đi Mã 4 tấn 3 (chiếu Tượng) thì thế cuộc sẽ diễn biến như sau:

Mã	4	tấn	3	–	Tượng	5	bình	4
Pháo	5	bình	6	–	Pháo	8	bình	4
Xa	2	tấn	1	–	Xa	8	tấn	4
Pháo	9	bình	2	–	Mã	6	thối	8 ^(*)
Xa	8	tấn	1	–	Mã	8	thối	6
Mã	3	thối	5	–	Tượng	7	tấn	5
Xa	8	bình	6	–	Pháo	2	thối	3
Pháo	6	bình	5	–	Pháo	2	bình	4

(*Bên Hậu tuy thất tượng nhưng thắng 1 Chốt qua hà vẫn còn đánh đồng sức với đối phương*)

^(*) Nếu không đi Mã 6 thối 8 mà đi Pháo 2	thối	3
thì.....	–	Pháo 2 thối 3
Xa 8 tấn 4	–	Pháo 2 bình 5
Sĩ 4 tấn 5	(Tiên thắng)	

CUỘC THỨ BẢY

Trận chung kết giải vô địch cờ tướng Cộng chức CMQG tại Nha Khố Tượng Sài Gòn ngày 5.2.1958 giữa hai ông giáo:

Huỳnh Thi Biện tức giáo Biện – một tay cờ lão luyện

Trần Văn Kỳ tức giáo Kỳ – danh thủ đã đoạt giải hai tại Đại thế giới Chợ Lớn 1943.

Trận này: giáo Biện thắng giáo Kỳ và lãnh được một chiếc xe “VESPA”.

Trần Văn Kỳ (Tiên)					Huỳnh Thi Biện (Hậu thắng)			
Pháo	2	bình	5	–	Pháo	2	bình	5
Mã	2	tấn	3	–	Mã	8	tấn	9

Xa	1	bình	2	-	Xa	9	bình	8
Xa	2	tấn	4	-	Mã	2	tấn	3
Mã	8	tấn	9	-	Xa	1	bình	2
Xa	9	bình	8	-	Pháo	8	bình	7
Xa	2	bình	6	-	Xa	2	tấn	4 ⁽¹⁾
Chốt	9	tấn	1	-	Xa	8	tấn	8
Mã	9	tấn	8	-	Xa	2	bình	6
Mã	8	tấn	6	-	Sĩ	6	tấn	5
Pháo	5	bình	7	-	Pháo	7	tấn	4
Tương	3	tấn	5	-	Mã	3	thối	2
Pháo	7	tấn	4	-	Tướng	5	bình	6
Sĩ	6	tấn	5	-	Mã	2	tấn	1
Pháo	7	thối	1	-	Xa	6	tấn	2
Mã	6	tấn	7	-	Mã	1	tấn	3
Pháo	8	tấn	7	-	Tướng	6	tấn	1
Mã	7	tấn	6 ⁽²⁾	-	Sĩ	5	thối	3
Xa	6	tấn	5	-	Xa	8	bình	6
Xa	8	tấn	6 ⁽³⁾	-	Pháo	5	bình	8
Pháo	7	bình	2 ⁽⁴⁾	-	Pháo	7	bình	8
Tướng	5	bình	6	-	Pháo	8	tấn	3
Mã	3	thối	2 ⁽⁵⁾	-	Pháo	8	tấn	7
Tướng	6	tấn	1	-	Pháo	8	thối	1
Xa	8	bình	7 ⁽⁶⁾	-	Xa	Tiền	bình	5
Tướng	6	bình	5	-	Xa	6	tấn	2
Tướng	5	thối	1	-	Pháo	8	tấn	1
Sĩ	4	tấn	5	-	Xa	6	tấn	1

(Biên thắng)

Bình phẩm⁽¹⁾ Xa 2 không tấn 4 mà tấn 6 hay hơn.⁽²⁾ Vô cơ hy sinh con Mã, nên thay Mã 7 tấn 6 bằng Xa 8 tấn 8:

Xa	8	tấn	8	–	Tướng	6	tấn	1
Pháo	8	bình	6	–	Xa	8	bình	6
Pháo	6	bình	4	–	Sĩ	5	thối	6
Xa	6	tấn	5	–	Pháo	5	tấn	4
Xa	6	bình	4	–	Tướng	6	bình	5
Xa	8	bình	5	–	Tướng	5	bình	4
Xa	4	bình	6	<i>(Kỳ thắng)</i>				

⁽³⁾ Xa 8 tấn 7 hơi được tiên hơn tấn 6.

⁽⁴⁾ Mất thế công, nên thay Pháo 7 bình 2 bằng Tướng 5 bình 6 để thủ thắng.

⁽⁵⁾ Mã 3 không thối 2 mà Tướng 6 tấn 1, Kỳ vẫn còn thắng như sau:

A.....				–	Pháo	8	tấn	3
Tướng	6	tấn	1	–	Pháo	tiền	thối	1
Xa	8	bình	7	–	Xa	6	bình	5
Tướng	6	tấn	1	(Kỳ thắng)				

B.....				–	Pháo	8	tấn	3
Tướng	6	tấn	1	–	Mã	3	thối	5
Xa	8	tấn	2	–	Tướng	6	tàn	1
Xa	8	bình	5	–	Pháo	8	thối	2
Pháo	8	thối	2	<i>(Kỳ thắng)</i>				

⁽⁶⁾ Đến đây, cuộc cờ đưa hai đấu thủ đến 2 con đường mà họ phải chọn một là muốn hòa hay muốn cho hơn thua như sau:

a. Nếu đôi bên đều muốn hòa:

Kỳ không ăn Mã, nên Tướng 6 thối 1. Bên vẫn đi Pháo 8 tấn 1 rồi thối 1, Kỳ lại đi Tướng 6 tấn 1 rồi thối 1.

(Hòa)

b. Nếu Kỳ muốn cho hơn thua:

Nên thay Xa 8 binh 7 bằng Pháo 2 thời 3 để may ra có thể thắng được chăng? Bên Kỳ cho Pháo 2 thời 3 tuy Bên có nhiều nước đi nhưng chung quy không có nước cờ nào đem lại sự chiến thắng được. Sự thất bại luôn luôn chờ ông. Trong các thế biến, ở đây chúng tôi chỉ ung một và xin trình quý bạn xem:

Kỳ (Tiên)					Biện (Hậu)		
Pháo	2	thời	3	–	Xa	Hậu	binh 5
Xa	8	binh	7	–	Xa	5	binh 4
Xa	6	thời	6	–	Xa	6	thời 2
Sĩ	5	tấn	6	–	Xa	6	binh 4
Pháo	2	tấn	6	–	(Kỳ còn nước tiên)		

2. Các loại cờ và bài bạc các em được phép chơi trong mấy ngày Tết

(Trích Phụ lục Trẻ em chơi

- Phần III trong những dịp đặc biệt - T. A Nguyễn Từ)

1. CÁC LOẠI CỜ

Các em có thể chơi để mua vui các loại cờ bàn, khi thắng sẽ được thưởng bằng bánh kẹo, kéo tai, kéo mũi hoặc đốt đóm mời xơi thuốc (đối với các em tráng nhi lớn) và đọc câu hát:

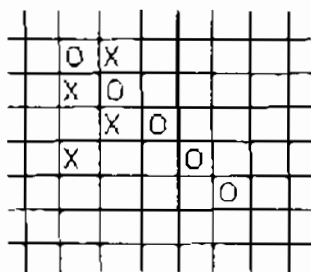
*Cao cờ là ông, thấp cờ là tôi
Điêu đóm đây rồi, mời ông xơi thuốc...*

(hát thể để cho các em thắng được vinh dự có thể vênh mặt lên là cao cờ, chứ thật các em cũng không hút thật, chỉ bập miệng chơi...).

a. *Ngày xưa đó là các loại cờ trẻ con* (ấu nhi, tráng nhi) như: Cờ ngũ hành, cờ gánh, cờ chiếu tướng, cờ chân chó, cờ cọp, cờ trâu v.v...¹ Các em tráng nhi lớn có thể chơi cờ tướng như người lớn. Và tại các hội hè đình đám, các em tráng nhi lớn và có năng khiếu còn có thể chơi cả “cờ người”.

b. Sau này, kể từ khi Việt Nam giao tiếp với Tây phương, có du nhập thêm một số môn cờ như:

• **Cờ carô:** Hai em chơi trên một tờ giấy kẻ ô vuông nhỏ (carô), mỗi em đánh dấu của mình vào một ô. Thí dụ: một em đánh dấu O, một em đánh dấu X, em nào ghi được năm dấu liên tiếp thẳng hàng hoặc chéo hàng trước thì em đó thắng (*hình 1*). Ở đây O thắng.



Hình 1 O thắng vì có dấu liên tiếp chéo hàng trước X.

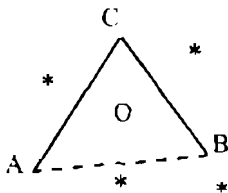
Trò chơi này cần sự tinh mắt, nhanh trí và thông minh. Mới đây (2004) tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đã có tổ chức tranh giải cờ carô cho các học sinh cấp 1, 2, 3 với

¹ Xin xem *Nếp cũ – Tiêu khiển Việt Nam – Kỵ phẩm dành cho trẻ em* (cờ binh dân), cùng tác giả. Và phần I của *Trẻ em chơi* (cờ dành cho trẻ em). Các loại cờ này cùng cách chơi đã được trình bày kỹ trong các sách đã dẫn.

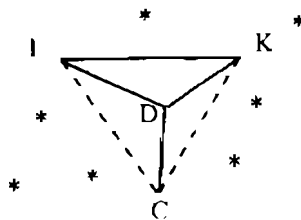
bàn cờ (bằng gỗ, plastic hay carton dày) kẻ ô vuông, quân cờ hình tròn, hai màu khác nhau cho hai bên đấu thủ.

• **Cờ tam giác:** Các em chấm sẵn một số điểm tùy hứng trên một tờ giấy mỗi em lần lượt nối từng hai điểm khác nhau bằng một vạch (khi tới lượt mình) để tạo thành một hình tam giác. Em nào tạo được nhiều hình tam giác hơn thì em ấy thắng. Số tam giác của mỗi em sẽ được tổng kết vào cuối ván (nghĩa là sau khi đã nối hết các điểm chấm sẵn vào với nhau).

Khi tạo được một tam giác thì mỗi em lại ghi dấu hiệu riêng của mình (thí dụ M, N, X, O) vào tam giác đó. Mỗi lượt đi có thể tạo được một hoặc nhiều tam giác với điều kiện tam giác do em mới tạo thành chỉ được dùng một vạch để nối hai đầu còn trống lại (thí dụ các lần đi trước các em đã tạo sẵn hai cạnh liền nhau CA và CB, tới lượt đi này chỉ cần nối hai điểm A và B là có một tam giác mới ABC (hình 2), nếu sau khi một em đã tạo được một tam giác mới mà vẫn còn chỗ để chỉ bằng một vạch nối hai đầu trống là lại tạo thêm được một tam giác mới nữa thì em này trong một lần đi đã tạo được hai tam giác (thí dụ đã nối được tam giác IED (nối hai điểm E và D với IE và ID có sẵn) mà còn nối thêm được K và D để có tam giác KED) (với DE và DK có sẵn) (hình 3).



Hình 2



Hình 3

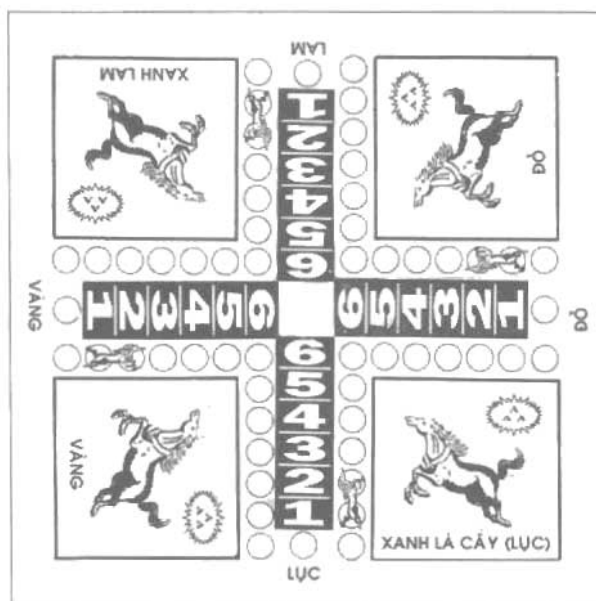
Trò chơi này trên giấy, hai em cùng chơi. Trò chơi cần sự tinh mắt, nhanh trí và tính toán khéo.

• **Cờ cá ngựa:** Có thể chơi từ hai đến bốn em. Chơi bằng những quân cờ hình đầu ngựa bằng nhựa hay bằng gỗ. Có bốn màu xanh lá cây, xanh dương, đỏ, vàng, mỗi màu 4 con ngựa. Chơi trên giấy vẽ bàn cờ (hình 1 ở trang sau) hoặc trên những hộp cờ bằng gỗ (có 4 ô gỗ đóng thành cao làm chỗ để ngựa trước khi ra quân).

Cách chơi: chơi tối đa bốn em, mỗi em nhận một loại ngựa, màu khác nhau. Dùng một chiếc ly, cho một quân xúc xắc sáu mặt (1, 2, 3, 4, 5, 6) vào lắc đổ ra bàn cờ hoặc đổ vào một bát to (để quân xúc xắc khỏi lăn mất). Ai được số to nhất thì đi đầu tiên, kế đó lần lượt theo thứ tự các màu ngựa trên bàn cờ, theo chiều kim đồng hồ đến các em khác có số đồ thấp hơn.

Khi chơi nếu đổ ra số 1 hoặc số 6 thì được ra quân, để quân ngựa của mình vào ô tròn to thứ nhất cùng màu và được đồ tiếp để đi. Nếu đồ liên tiếp nhiều số một hoặc số 6 thì được đi nhiều lần hoặc ra thêm quân. Chỉ khi đồ ra các số khác thì chỉ được đi nếu có ngựa đã ra chuồng, và cũng chỉ được đồ một lần, mỗi số đồ ra tương ứng với ngần ấy bước đi. Thí dụ đồ ra số 4, thì người có con ngựa đã ra chuồng được đi 4 bước. Khi một con ngựa (thí dụ màu vàng) đang đứng ở một điểm thì có con ngựa khác (thí dụ màu xanh) đi sau, cách con ngựa vàng 5 bước mà chủ ngựa xanh lại đồ ra số 5, thì con xanh được đi 5 bước sẽ đến đúng chỗ con vàng đang đứng, con vàng sẽ bị đá và bị chủ con xanh bắt đem về, muốn chuộc, chủ con vàng phải đồ được số 1 hoặc số 6 mới đem ngựa về, rồi phải đồ thêm được số 1 hoặc số 6 mới cho ngựa ra chuồng lại được. Nếu có hai con ngựa (đồng màu hoặc khác màu) đứng trên đường đi mà chủ ngựa đứng sau

đổ ra một số lớn hơn số điểm chấm (số bước) cách giữa hai con (thí dụ con trước cách con sau 3 điểm chấm (kể cả điểm chấm con trước đứng), nếu chủ con sau đổ ra số 3, con sau được đi ba bước, sẽ tới đúng chỗ con trước đứng và đá con trước như đã nói ở trên, nhưng nếu chủ con sau đổ ra số 4 hoặc 5, nghĩa là lớn hơn số bước cách giữa hai con, thì con ngựa sau sẽ không được đi, chủ ngựa phải nhường lượt chơi cho người tiếp theo (điều này có nghĩa là kể cả ngoài lần trong chuồng, chỉ được đi khi đường trống, không được trèo qua đầu ngựa mà đi (kể cả là hai con đồng màu).



Nếu chẳng may có con ngựa nào (thí dụ một con đỏ) lại đang đứng ở ô tròn to đầu tiên màu xanh, vừa lúc đó chủ con xanh lại đổ ra số 6 hay ra số 1; nếu ra quân xanh, quân đỏ đứng đỏ sẽ bị đá và bị chủ quân xanh lấy về. Trên bàn



cờ có bốn ô chữ nhật, mỗi ô sơn một màu khác nhau ghi từ số 1 đến 6 gọi là chuồng ngựa, xung quanh chuồng ngựa có những chấm tròn để ngựa bước đi theo, mỗi khi ngựa ra chuồng phải chạy hết vòng bàn cờ cho đến khi trở về trước chuồng của mình (ô chữ nhật cùng màu), đứng đó và đợi chủ đổ được số 1 mới được bước vào điểm số 1 trong ô chữ nhật (chuồng) và chỉ được tiến lên từ từ trong chuồng, khi chủ đổ được các số tương ứng đúng theo thứ tự từ 1 lên 2 rồi 2 lên 3, 3 lên 4... tới 6. Nếu đứng trước chuồng của mình mà chủ không đổ được số 1 thì con này không vào chuồng được và những con sau cũng vậy và có thể bị những con màu khác đi tới đá. Có nơi chơi dễ thì chỉ cần vào được chuồng (vào số 1) thì sau đó, chủ đổ ra số nào, ngựa có thể lên thẳng số đó, nếu nơi đó không có sẵn một con ngựa.

Muốn thắng, một chủ ngựa phải có 4 con ngựa đã vào được chuồng và ở các vị trí 3, 4, 5, 6 trong chuồng. Người thắng đầu tiên coi như thắng cả làng, nhưng những em còn lại vẫn tiếp tục chơi để phân ngôi thứ. Rồi sau đó mới được thưởng, tùy qui định của các em, nếu là véo mũi thì em thắng đầu véo mũi cả làng, và em thua chót bị cả làng véo mũi.

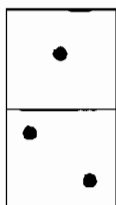
Chơi cờ cá ngựa vừa rất vui, vừa có khi rất tức mình vì ngựa của mình bị đá liên tiếp trước cổng chuồng.

Nếu chơi cờ bằng bàn cờ gỗ thì càng vui hơn vì khi đi các quân cờ đập vào bàn gỗ kêu lóc cóc như ngựa phi.

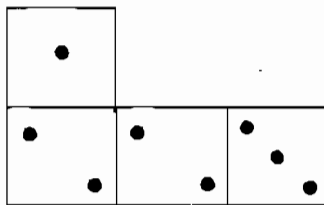
- *Các loại cờ khác* mà người ta đặt thêm ra như cờ tỷ phú, cờ chuồng vịt, cờ vinh qui hái tổ, cờ vây v.v... Trên thị trường có bán các loại cờ này với sự hướng dẫn cách chơi kèm bàn cờ, nên không đề cập ở đây.

- *Cờ Domino*: có thể chơi từ hai tới 4 em, với các quân cờ bằng nhựa có hai đầu (hình 1), có 28 quân. Đợt đầu chia

mỗi người 7 quân, nếu chơi ít hơn 4 em thì số quân còn dư sẽ dùng để rút khi cần. Để phân đi thứ tự trước sau có thể đánh tay hoặc dùng một quân xúc xắc. Người được đi đầu bỏ xuống một quân (thí dụ quân (1-2), người thứ hai phải có một quân có một đầu giống với một đầu của người đi thứ nhất (thí dụ 2-3) ráp hai đầu hai (hình 2) vào với nhau), rồi cũng một cách như vậy, người thứ ba ráp tiếp một quân của mình, rồi trở lại người thứ nhất (trường hợp chỉ có ba người chơi). Nếu người này không có quân bài nào có một đầu giống với một trong hai đầu của đoạn bài ráp sẵn, người đó sẽ phải rút một quân trong số quân còn dư, nếu quân rút ra vẫn không ráp được, thì sẽ được tiếp tục rút cho đến khi nào có quân ráp được thì thôi. Nếu đã rút hết cả số quân còn dư mà vẫn không có quân nào ráp được thì em đó sẽ phải ngưng để em kế tiếp chơi, đợi tới lượt em mà một hoặc cả hai đầu của đoạn bài mới ráp giống với một đầu của một quân em có trong tay thì em lại được tiếp tục chơi ráp, trường hợp này cũng giống như chơi bốn em mà một em không có quân ráp khớp một trong hai đầu của đoạn bài đang có, em sẽ phải tạm ngưng để nhường em khác chơi gọi là *pass*.



Hình 1



Hình 2

Cứ chơi như thế cho đến khi có một em tới trước, nghĩa là hết quân bài trong tay trước các em khác, thì em đó thắng, những em còn lại, đếm tổng số điểm của các quân còn

lại trong tay, là số điểm thua rồi ghi lại để cộng vào số điểm của bàn sau nếu thua tiếp hoặc trừ bớt đi nếu thắng. Rồi lại tiếp tục chơi ván khác cho đến khi người chơi thua nhiều nhất đạt tới mức *đỉnh điểm* thua các em đã ước định trước. Thí dụ 100 điểm, lúc đó các em thua sẽ cứ theo số điểm thua mà chung tiền cho em thắng hoặc chỉ cho em thắng cú đầu, tùy theo ước định (thí dụ 100 điểm thua phải chống một đồng hoặc chịu một cái cú đầu v.v...). Cách tính điểm thua như sau: căn cứ vào con bài mà tính mỗi số 1 điểm, thí dụ con 2-4 giá trị bằng 2 điểm + 4 điểm = 6 điểm.

Những điều cần ghi nhớ:

1. Muốn được trừ điểm vào số điểm nợ khi thắng (tức là khi tới hoặc hết bài trước), hoặc cũng có khi là đóng bài, có nghĩa là khi người chơi gắn quân bài cuối của mình vào một đầu của dây bài đang chơi thì không người chơi nào khác còn có quân bài thích hợp để có thể chơi tiếp), thì phải thắng với hai đầu giống nhau, như thế mới được trừ 5 hoặc 10 điểm (tùy theo giao hẹn lúc trước khi chơi), nếu không thắng với hai đầu giống nhau thì không được trừ gì hết.

2. Nếu đóng bài bằng một quân Bò mà trên tay còn bài và tổng số điểm của những quân bài còn trên tay, người đóng bài bằng Bò chỉ cần nhiều hơn số điểm của những quân bài còn trên tay của một trong số những người cùng chơi, thì người đóng bài bằng Bò sẽ phải đền cả làng: Lấy tổng số điểm của tất cả những con bài còn lại trên tay các bạn cùng chơi làm số điểm nợ của người đóng bài bằng Bò và cộng vào tổng số điểm nợ đang có của người này.

3. Mỗi quân cò mang một phối hợp hai số, từ 0 đến 6.

Thí dụ: 0-1, 1-2, 3-4, 5-5, v.v...

– Những quân cò mang phối hợp hai số giống nhau gọi là Bò

Thí dụ:

(0-0) gọi là *Bò không*, (1-1) gọi là *Bò nhất* hay *Bò 1*,

(2-2) là *Bò nhị* hay *Bò 2*,

(3-3) là *Bò tam* hay *Bò 3*,

(4-4) là *Bò tứ* hay *Bò bốn*, (5-5) *Bò ngũ* hay *Bò 5*,

(6-6) là *Bò lục* hay *Bò sáu*.

- Và mỗi loại quân cờ mang cùng một đầu số giống nhau (chẳng hạn đầu số 1 tượng trưng bằng chữ A).

Thí dụ: (1-0), (1-1), (1-2), (1-3), v.v.

thì gồm tổng cộng tất cả bảy quân cờ mang phối hợp của số đó (A) với lần lượt 6 số khác. Từ 0 đến 6 (0, 1, 2, 3, 4, 5, 6) kể cả chính số đó và gồm 7 quân (A-X) như sau:

Thí dụ:

• 7 quân cùng đầu số 1 là:

1-0, **1-1**, 1-2, 1-3, 1-4, 1-5, 1-6

Bò nhất

• 7 quân cùng đầu số 2 là:

2-0, **2-1**, 2-2, 2-3, 2-4, 2-5, 2-6

Bò nhị

- Lấy thí dụ về đầu số 2, có 7 quân cờ (2-x). Nếu có 6 quân (2-x) đã ra rồi và trên tay người sắp đi còn lại một quân (2-X) cuối cùng (Thí dụ: 2-3), và trên dãy bài đang chơi lúc đó một đầu là số 2 và một đầu là số 3 thì người ấy lấy quân (2-3) ráp vào đầu có số 3, như vậy là đóng bài vì 2 đầu của dãy bài lúc này đều là quân 2, sẽ không còn ai đi tiếp được nữa vì đã hết loại quân (2-x).

4. Sau khi chia bài, có một người chơi nhận được nhiều quân có cùng một đầu số, thí dụ (5-x), thì người đó phải tìm



cách để mọi người khác đánh bài sao cho mình có thể ra hết quân (5-x) đó, chỉ để lại một quân (5-x) để sau này có thể dùng để đóng bài, trái lại các bạn cùng chơi khác lại tìm cách ra bài thế nào để người có nhiều quân (5-x) không ra được nhiều loại quân này, phải giữ lại thì sẽ bị thua.

• **Cờ Vua còn gọi là cờ Dame hay cờ Quốc tế**

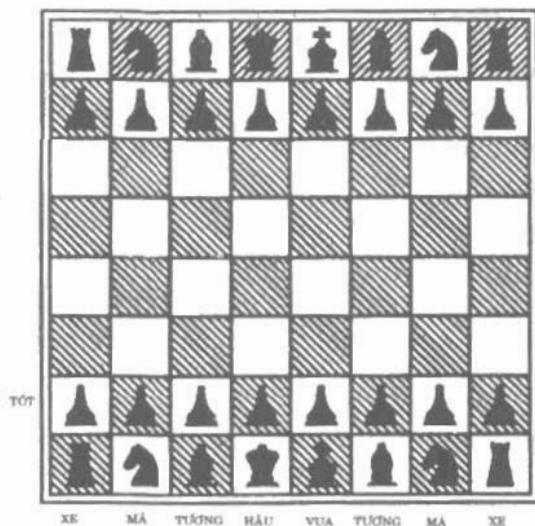
Trong số các môn cờ của người Tây phương du nhập vào Việt Nam, nổi trội nhất là môn cờ Vua hay cờ Quốc tế. Hiện nay Việt Nam đã có nhiều kiện tướng cờ Vua đoạt được nhiều giải cao tại các đấu trường cờ Quốc tế.

Bàn cờ Vua có tất cả 64 ô sơn đen trắng, bàn cờ chia hai bên, bằng nhựa, giấy hoặc gỗ, các quân cờ mang hình khác nhau, bằng nhựa hoặc bằng gỗ và đứng trên bàn cờ, chia làm hai mẫu phân biệt dùng cho hai bên đấu thủ và gồm: 2 Vua, 2 Hậu, 4 Tượng, 4 Mã, 4 Xe, 16 Tốt, các quân cờ được xếp vào hai hàng ô cuối của bàn cờ theo thứ tự mỗi bên như sau: từ trái sang phải phía trước mặt người đánh cờ (Kỳ thủ). (hình 1 trang bên).

Hàng ô cuối cùng là các quân: Xe, Mã, Tượng, Hậu, Vua, Tượng, Mã, Xe. Hậu luôn luôn phải ở bên trái của Vua tính theo hướng trước mặt của kỳ thủ (người đánh cờ).

Bên đối phương, các quân cờ cũng xếp theo như vậy trên hàng ô cuối cùng, nhưng ngược lại và đối phương ngồi đối diện với đấu thủ bên này.

Hàng ô sát hàng ô cuối cùng là 8 quân Tốt mỗi bên, che chắn cho toàn bộ các quân kia.



Hình 1

Trong bàn cờ vai trò của hai quân Tốt và Hậu là mạnh nhất và Tốt khi còn (không bị ăn) và đi đến hàng ô cuối cùng của đối phương thì có thể biến thành những con khác (bất cứ con nào) nhưng thường biến thành Hậu vì Hậu có thể đi ngang, chéo, lên, xuống, chỉ không được đi chữ L (hai lên, một ngang) nên rất mạnh đối với việc tấn công.

Cờ Vua chơi đơn giản hơn cờ Tướng Việt Nam. Cách đi của các quân cờ như sau:

- Đường trống mới được đi, không được đi nhảy qua đầu các quân khác.
- Tốt nước đầu được đi hai bước, các nước sau đi một bước, Tốt ăn chéo.
- Mã đi lên hai ô, không đi thẳng, trước mặt có quân chắn không được đi.
- Xe đi lên, xuống, ngang (qua lại) không giới hạn. Cấm đi chéo.

- Hậu đi ngang, chéo, lên, xuống, không được đi chữ L.
- Vua đi chéo, ngang, dọc và đi mỗi lần một ô.

Các quân khác trong bàn cờ phải làm sao bảo vệ Vua, không cho đối phương chiếu Vua, nếu Vua bị ăn hoặc bị chiếu bí thì kể là thua.

Chơi các loại cờ là một cách luyện tập sự nhạy bén, linh hoạt của đầu óc, là những môn chơi thông tuệ, thanh cao; tuy nhiên, để giải trí trong các dịp lễ Tết thì rất tốt, chứ nếu để các em quá đam mê thì sẽ hại cho sự học hành, sức khỏe và công việc sau này.

c. Ngoài các môn cờ, các em còn chơi các ô chữ, cũng là một môn chơi có tác dụng tương tự như chơi đố chữ nho hay chữ Pháp trước đây, có tác dụng làm phong phú vốn Việt ngữ của các em và tăng thêm sự hiểu biết.

2. CÁC MÔN CỜ BẠC TRẺ EM ĐƯỢC PHÉP CHƠI TRONG DỊP TẾT (chỉ trẻ em trong nhà chơi với gia đình, con hàng xóm muốn được chơi phải có cha mẹ dẫn tới)

Đó là các bài tam cúc, bầu cua cá cọp, lô tô, rút bắt, bài cào, sắp ngựa 6 quân.

a. Tam cúc

*Tết về nhớ bánh chưng xanh
Nhớ tràng pháo chuột, nhớ tranh lợn gà
Nhớ ngũ vị nhớ chè lam
Nhớ cây nêu nhớ khánh vang tiếng sành
Nhớ tam cúc tết nhớ mình
Nhớ cân mứt lạc nhớ khoanh giò bì*

(Bàng Bá Lân)

Cổ bài tam cục gồm 32 quân, chia làm hai vế: bên đen và bên đỏ. Mỗi bên gồm 1 tướng (tướng ông bên đỏ và tướng bà bên đen), 2 sĩ, 2 tượng, 2 xe, 2 pháo, 2 mã và 5 tốt (có nơi gọi tượng là tịnh, tượng đỏ là tịnh vàng).

• *Cách chơi:*

Có thể chơi hai người, ba người hoặc bốn người tối đa. Nếu chơi ba người thì cờ bài phải bớt đi 5 quân: hai tốt đỏ, ba tốt đen (bỏ ra ngoài, không dùng đến).

Trước khi chơi phải bắt cái, cổ bài để trên một chiếc đĩa, một người tách ngược một phần cổ bài ra, xem là quân gì, rồi tính theo thứ tự quân bài: tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã, tốt, theo phía tay phải của người bốc cái.

Thí dụ: người bốc cái bốc được quân tượng thì đọc: tướng là người bốc, sĩ là người thứ hai bên phải người bốc, tượng là người thứ ba bên phải. Người thứ ba này sẽ là cái.

Trước khi chơi phải chia bài đều cho mọi người tham dự. Khi chơi người cái gọi đầu tiên, các người con ra theo (gọi một, gọi đôi và gọi ba). Quân bài gọi là *cây*. Thí dụ gọi ra hai quân nói là *gọi ra đôi cây*.

Các loại bộ đôi: tất cả mọi bộ đôi quân đều phải cùng màu (thí dụ đôi sĩ đỏ, đôi sĩ đen v.v...). Các bộ đôi gồm:

- đôi sĩ (không được ăn kết)
- đôi tượng (không được ăn kết)
- đôi xe (những đôi này đều được ăn kết)
- đôi pháo (được ăn kết)
- đôi mã (được ăn kết)
- đôi tốt (được ăn kết)

Các loại bộ ba: tất cả mọi bộ ba quân phải đồng màu (thí dụ tướng sĩ tượng phải gồm tướng đen, sĩ đen, tượng đen v.v...). Các bộ ba gồm:

- Bộ ba tướng, sĩ, tượng (không được ăn kết, chỉ được tính ăn thua).

- Bộ ba xe, pháo, mã: được ăn kết (cả bộ đen lẫn bộ đỏ). Tuy nhiên, cũng có nơi không cho ăn kết xe, pháo, mã đỏ, chỉ cho tính ăn quân.

Ghi nhớ:

- Tốt:

- không được ra 3
- chỉ được ra 1, ra 2 (nếu đôi ra cuối cùng bài thì được ăn kết).
- ra 4 (tứ tử): được ăn kết
- lưu ý có nơi tứ tử được trình làng.

- Ăn kết: là những bộ quân bài theo qui định, phải ra cuối cùng ván và cả làng phải chui. Đó là những bộ (xe, pháo, mã đen hoặc đỏ, có nơi chỉ bộ đen mới được ăn kết), các bộ đôi xe, pháo, mã, tốt (đen hoặc đỏ), tứ tử (4 quân tốt đồng màu), ngũ tử (5 quân tốt đồng màu).

- Nếu xe, pháo, mã đen ăn kết nhưng lại bị kẹt xe, pháo, mã đỏ của người khác, cũng ra sau cùng ván bài. *dề thì người ăn kết đen phải đền* nghĩa là phải giam (tiền) thay cho cả làng cho người có xe, pháo, mã đỏ.

- Tứ tử được ăn kết, nhưng nếu *tứ tử đen ăn kết bị tứ tử đỏ đền*, thì người có quân đen *phải đền* tức là phải giam thay cho cả làng cho người có quân đỏ.

- *Tứ tử trình làng*: khi chia bài ra mà có 4 quân tốt đồng màu (đen hoặc đỏ) thì không đợi cái gọi, có quyền trình ra cho cả làng thấy và cả làng phải chui mỗi người 4 quân. Cũng có nơi không có tứ tử trình làng.

- *Ngũ tử cướp cái*: khi chia bài mà có ngay 5 quân tốt đồng màu thì trình làng, cả làng phải chui 5 quân mỗi người, đồng thời người đó lại được cướp quyền làm cái.

- Luật chơi cũng cấm 5 nước đầu không được ra tướng đỏ, hoặc đôi sĩ, đôi tượng màu đỏ. Nếu ra quân phạm luật này mà không ăn được quân cuối cùng ván bài, và làng có kết thì phải đền nghĩa là thay cả làng giam cho người kết (ăn sao đền vậy).

- Có nơi chỉ cho ăn kết bộ đôi (hai xe đồng màu, hai pháo đồng màu, hai mã đồng màu) còn hai sĩ và tượng không được ăn kết. Các trường hợp kết đôi bị dè (xe đỏ dè xe đen, pháo đỏ dè pháo đen, mã đỏ dè mã đen; xe dè pháo, mã; pháo dè mã) người bị dè phải đền cả làng.

Tuy nhiên nếu đôi sĩ, đôi tượng dè đôi pháo hoặc đôi xe, hoặc đôi mã thì người có quân kết chỉ bị chui quân không bị đền cả làng và đôi sĩ, đôi tượng không được ăn kết, chỉ được ăn quân.

Xe đôi và pháo cũng đôi

Bài này ai kết hơn tôi, tôi đền

Bàng Bá Lân - Tiếng võng đưa

- Nếu kết được đôi đen (hai quân) thì được làng giam gấp đôi (nhất bộ nhị), nhưng nếu bị tốt đỏ dè thì sẽ phải đền nặng và ăn sao đền vậy, nghĩa là phải thay cả làng giam gấp đôi cho bên kết tốt đỏ.

- Nếu nhà cái gọi mà nhà con ăn, thì nhà con trở thành cái lẫn ra bài kế tiếp có nghĩa là được gọi ra quân (1, 2 hoặc 3).

Chơi tam cúc trong gia đình, nhất là vào dịp Tết tạo nên một không khí rất vui vẻ, đầm ấm, với những tràng tiếng cười rộn tan, trong trẻo, ngày thơ của các em vào mỗi cuối ván bài. Bài này chơi có cao thấp, đòi hỏi sự tính toán mau lẹ, nhìn xa để tính nước đi, nên gia đình cũng không cấm đoán trừ phi mê chơi quá, mà xao nhãng công việc cùng sự học hành. Trẻ em xưa chơi tam cúc ăn thua chỉ là được hoặc

bị tẹt tai, tẹt mũi theo số quân thua, nên tam cúc còn gọi là tam cúc tẹt.¹

Nhưng tam cúc cũng còn được gọi là Tam tức vì quân bài được chia cho không như ý mình, cầu mong có tướng để được ăn kết, tướng lại không đến, cầu mong có xe, pháo, mã để ăn kết cũng lại không có nốt, hoặc đã có kết mà lại bị đề, nên có người bực mình mà than:

*Tướng đâu tướng chẳng theo thầy
Tướng đi ăn trộm có ngày mang gông.*

Khác với người lớn, trẻ em chơi tam cúc không ăn tiền, nên tâm hồn luôn thư thái hân hoan nhân dịp xuân về, tận hưởng được cái vui hồn nhiên do những ván tam cúc tẹt mang tới.

• *Cách tính thua được trong tam cúc:*

Thua, được kết cuộc mỗi ván bài mới tính căn cứ theo số quân ngựa còn lại (trên chiếu hoặc bàn bài) của mỗi người.

- Phản chơi về trước và phản kết tính riêng.

- Có nơi chỉ tính phản kết, còn phản chơi về trước khi kết thì bỏ không tính.

- Trước khi chơi, ngoài các điều đã trình bày ở trên còn giao hẹn một quân bai thắng (bài ngựa không bị chui) được mấy đồng, trình hoặc xu hoặc mấy tẹt mũi v.v... Ván kết ăn bao nhiêu ngoại trừ kết tốt đen được ăn hoặc bị đền gấp đôi.

Tính tiền hoặc tẹt mũi, tẹt tay ăn thua về ván trước, nếu có người ăn kết:

- Ăn kết bất cứ loại nào (trừ kết đôi tốt đen) đều tính như sau:

Thí dụ hai hào một ván kết, thì cả làng sẽ phải góp cho người ăn kết mỗi người hai hào nếu là ván kết thường.

Nếu kết đôi tốt đen, cả làng mỗi người sẽ phải góp trả

1 Xem thêm *Hương nước hồn quê* (phần Tết và Xuân), cùng tác giả.

gấp đôi cho người ăn kết, nghĩa là mỗi người sẽ phải góp 2 hào $\times 2 = 4$ hào.

- Trường hợp ăn kết bị đề, người bị đề sẽ phải thay cả làng giam cho người thắng (đề bài mình) trong trường hợp kết thường. Thí dụ có 4 người chơi, người bị đề phải giam cho người thắng 2 hào $\times 3$ (người) = 6 hào.

Nếu là kết đôi tốt đen thì phải giam gấp đôi là 6 hào $\times 2 = 12$ hào hoặc chịu 12 tét.

- Nếu không có ai ăn kết hoặc tính kết rồi vẫn im lặng phần chơi về trước, được thua sẽ tính như sau:

Người nào có hai quân ngựa thì hòa (bình căng) không phải giam tiền hoặc chịu tét.

Người nào có dưới hai quân ngựa (thí dụ 1, 0 quân ngựa) sẽ phải giam tiền cho những người có trên 2 quân ngựa (thí dụ 3 hoặc 4), không tính phần ăn kết vì đã tính trước rồi.

Thí dụ mỗi quân trên 2 được 1 hào hoặc một tét. thì người thua (thí dụ chỉ có một quân ngựa) sẽ phải trả cho người có 3 quân ngựa 1 hào ($3 \text{ quân} - 2 \text{ quân} = 1 \text{ quân}$) và phải trả cho người có 4 quân ngựa 1 hào $\times 2 = 2$ hào ($4 \text{ quân} - 2 \text{ quân} = 2 \text{ quân}$).

Người không có quân ngựa nào cả sẽ phải trả cho người có 3 quân ngựa 2 hào, cho người có 4 quân ngựa 3 hào hoặc được chịu 2 tét (trường hợp trước) và 3 tét (trường hợp sau).

Nhưng cũng có nơi, cứ có dưới hai quân ngựa kể là thua (thí dụ 1, 0 quân ngựa) thì cũng chỉ phải đóng cho người thắng có trên 2 quân ngựa (thí dụ 3, 4 quân ngựa) một phần giống nhau. Thí dụ chịu đóng 1 hào hoặc chịu một tét (nếu người thắng có 4 quân ngựa) dù người thua có một hoặc không quân ngựa nào.

b. Bầu cua cá cọp

Chơi cần một nhà cái và bao nhiêu nhà con cũng được.

Bầu cua là một tờ giấy có sáu vòng tròn mang sáu hình: bầu, cua, cá, gà, tôm, hươu nhiều màu sắc. Nhà cái lấy một cái đĩa trên úp chiếc bát trong có một quân xúc xắc sáu mặt, mỗi mặt một hình: bầu, cua, cá, gà, tôm, hươu (nai).

Các tay con sẽ đặt tiền vào các cửa, nhà cái lắc quân xúc xắc rồi mở ra, trúng vào cửa nào, cửa ấy được ăn, nhà cái phải chung bằng số tiền nhà con đóng vào cửa đó, còn đối với các cửa thua thì nhà cái vợ hết.

Trò chơi này hoàn toàn có tính đỏ đen, trừ phi nhà cái ăn gian tìm cách lắc để có cửa mình muốn, vì vậy chỉ được phép chơi trong mấy ngày Tết và chơi trong gia đình để mua vui, nhà cái thường là người lớn (bố, mẹ, cô, dì v.v...)

c. Lô tô

Lô tô chơi cũng có người làm cái. Có 99 quân có khắc số từ 1 đến 99 để vào một túi vải và có một số bảng giấy có in sẵn trên đó một ít số. Những số này ở trong vòng từ 1 đến 99.

Ai chơi thì lấy một bảng.

Nhà cái thò tay vào túi bốc ra được quân nào thì xướng số lên. Trên bảng của ai có số đó thì đặt một hạt dưa vào, vì ngày Tết nhà nào cũng có hạt dưa, nhà cái cũng đặt hạt dưa hoặc chính quân ra lên bảng của mình nếu có số đó. Cứ lần lượt bốc quân như thế cho đến khi có người “tới” nghĩa là đặt được hạt dưa lên trên hết tất cả các số của bảng mình thì người đó thắng.

Nếu người thắng là nhà cái thì được vợ hết tiền hoặc kẹo các nhà con đã đặt cửa.

Nếu người thắng là nhà con thì nhà cái sẽ phải chung thêm cho người đó bằng với số tiền hoặc số kẹo đã được đặt cửa

và nhà con đó sẽ thu về tiền đặt cửa cộng với tiền chung. Các nhà con khác cũng thu về tiền đặt cửa của họ.

Chơi lô tô trong gia đình ngày Tết cũng rất vui và luôn kèm theo những tiếng cười ngất nghẻo, những tiếng reo hò náo nhiệt của các em.

Trò chơi này cũng hoàn toàn có tính cách may rủi, trẻ em thường chơi lấy kẹo, cũng có khi đặt cửa hàng bằng tiền mừng tuổi và nhà cái thường là người lớn trong nhà (mới có tiền chung cho nhà con nếu thua) và các em chỉ được chơi trong nhà ngày Tết. Tuy nhiên, đôi khi đi chợ phiên ngày Tết cũng có chơi lô tô lấy quà và nhà cái đọc kèm số rút ra là bài về về số đó.

d. Rút bài

Cổ bài để rút bài gồm 38 quân bài giống như quân bài của tổ tôm hay chẵn nhưng ít hơn (tổ tôm hay chẵn gồm 120 quân mỗi cổ bài).

Có 4 loại quân trong cổ bài gọi là hàng, sừng, vạ, sách, vắn (Tổ tôm cũng như chẵn chỉ có 3 loại quân (3 hàng): vạ, sách, vắn); mỗi hàng có 9 quân đánh số từ nhất (1) đến cửu (9), tổng cộng 4 hàng là $9 \times 4 = 36$ quân. Cộng thêm 2 quân thang thang và chỉ chỉ làm Yêu (lưng), Yêu tương đương 1 điểm. Như vậy cổ bài gồm tất cả là 38 quân, và số quân ít nên trẻ con mới nhớ được và chơi được.

Cách chơi:

Phải có một người làm cái, số các nhà con có thể lên đến 9 hoặc 10 người.

Ai cũng có thể nhận làm cái được hoặc có thể xoay tua thay nhau làm cái được. Nhà cái phải là người có tiền (để chung khi thua), thường là người lớn. Trước khi chơi nhà con phải đặt cửa, tùy ý bao nhiêu cũng được.

Cổ bài để trong đĩa, nhà cái và nhà con lần lượt rút, mỗi lần chỉ được rút một quân, nhưng có thể tiếp tục rút mỗi khi tới lượt mình, nếu tổng giá trị các quân đã rút của mình chưa quá 10 điểm.

Theo luật chơi muốn ăn được nhà cái, số thấp nhất mà nhà con phải có là 5 và cao nhất là mười (10) điểm, quá 10 là *bương* hoặc *toe* (tức là không được rút thêm nữa và không được ăn tiền (nếu nhà cái cũng *toe* và như vậy là hòa) hoặc thua luôn rồi nếu nhà cái có điểm (không bị *toe*). Tuy nhiên, có bị *bương* hay không chỉ mình biết, không công bố ra vì sợ đối phương (là nhà cái nếu mình là nhà con hoặc là nhà con nếu mình là nhà cái) ăn non, đợi rút hết bài rồi người bị *toe* mới ngửa bài ra cùng các người khác.

- Cuối cùng so sánh số điểm giữa nhà cái và các nhà con, ai cao điểm hơn người ấy thắng.
- Nhà cái thắng thì lấy tiền đặt cửa của những nhà con thua. Nếu nhà cái thua thì phải chung (giam) cho nhà con bằng với số tiền đặt cửa.
- Nếu điểm bằng nhau thì tính theo thứ tự thắng để phân ăn thua.

Thí dụ: 8 sừng hơn 8 vạn, 8 vạn hơn 8 sách, 8 sách hơn 8 văn, chỉ chỉ tính theo nhất văn, thang thang tương đương nhất sách.

Nếu trong tay người có quân thuộc các hàng khác nhau thì lấy quân thuộc hàng cao nhất làm hàng của mình. Thí dụ trong tay nhà con có tam văn, thất sách ($3+7 = 10$) thì kể là 10 sách.

- Nếu nhà cái có tam vạn, thất văn lại là 10 vạn, thì thắng 10 sách ở trên.
- Nếu nhà con có nhị sừng, tam vạn, ngũ văn ($2 + 3 + 5$) kể là 10 sừng thì lại thắng 10 sách của nhà cái ở trên v.v...

Chơi rút bất thú vị ở chỗ rất hồi hộp vì lý do:

- Nếu số điểm bằng nhau thắng hay thua không chỉ tùy ở số điểm, mà còn tùy vào hàng như trên đã trình bày.
- Nhà cái (hoặc nhà con) bị bương rồi (tổng số giá trị các quân quá 10) nhưng vì giữ kín nên có thể làm nhà con (hoặc nhà cái) bị bương theo vì ham rút thêm để được điểm cao hơn, mà không ngờ rút thêm lại bị cao quá 10 điểm, thí dụ tổng số quân trên tay đã có giá trị là 6 rồi, lại muốn rút thêm để có tổng số là 9 hoặc 10 điểm, ai đề rút phải quân số 5, 6 hoặc 7 làm thành tổng số lúc này thành $6 + 5 = 11$ là lớn hơn 10 (bị bương).
- Cùng điểm với nhau, nhưng chỉ cần có quân nhất cùng trong bài là thắng.
- Trường hợp nhà cái thua nhiều không có tiền chung nên thôi không chơi nữa gọi là *chạy làng*.
- Trường hợp các em tự chơi, tự làm cái với nhau, thay vì đánh bằng tiền, thì đặt cửa bằng kẹo, mứt... không có nữa thì giao hẹn ai thắng thì búng tai hoặc tẹt mũi người thua mấy cái.
- Chơi Rút bất ngày Tết trong gia đình hoặc với bạn bè tới nhà chúc Tết thường tạo nên không khí vui vẻ và náo nhiệt mỗi cuối ván và sự hồi hộp trong lúc chơi vì phải canh rút sao cho khỏi bương hoặc toe. thú vị vì mình đã "bương" rồi mà còn khiến người khác "toe". Dù chơi bằng tiền thì tiền đặt cửa cũng không bao nhiêu vui chơi là chính. Nhưng nói chung, nếu ham chơi lâu các món bài bạc thì gặp lúc "đen" thua hoài, cũng có khi cháy túi tiền lì xì, lúc đó thì mặt lại tẻ hê đi xin người lớn cho bớt lại tiền lì xì đã thua!

e. Bài tây còn gọi là bài cào

Có nhiều cách chơi, ở đây chỉ đề cập tới hai cách mà trẻ em thường chơi.

• ***Bài cào*** gồm 52 quân: 4 già K (cơ, rô, chuồn, bích), 4 đằm Q, 4 bồi J, 4 ách A còn gọi là xì, 4 quân 2, 4 quân 3, 4 quân 4...

Cách chơi:

Phát mỗi người 3 quân, so tổng số điểm các quân cộng lại, ai hơn thì ăn.

Tính điểm: từ 1 đến 9, tính theo điểm số in trên quân bài. Thí dụ quân 1 (ách) là 1 điểm, 2 là 2 điểm... 9 là 9 điểm.

- Quân 10 là (0). Cơ, rô, chuồn, bích đều giống nhau.
- Đứng một mình, hoặc hai lá thì các quân già, đằm, bồi, đều là 0 điểm.
- Nếu có 3 quân này cùng trong bài, thí dụ có 3 quân là già, đằm, bồi, hoặc 3 đằm, hoặc 3 già hoặc 2 đằm, 1 già, hoặc 2 già + 1 bồi v.v... thì sẽ là *cao điểm nhất*, trên cả 9 nút. Nếu hai người cùng có loại 3 quân này thì đồng điểm và hòa nhau, thí dụ bồi, đằm, già = 2 bồi + 1 đằm.

Còn thông thường, cộng điểm 3 quân, nếu tổng số từ 9 trở xuống thì được bao nhiêu tính bằng ấy điểm. Tổng cộng 9 điểm là cao nhất.

Thí dụ có:

1 quân ách = 1 điểm

1 quân 3 = 3 điểm

1 quân 5 = 5 điểm

Tổng cộng 9 điểm cao nhất chỉ thua bộ 3 bồi, đằm, già như nói ở trên. Thí dụ 1 đằm, 2 già hoặc bồi, đằm, già hoặc 1 già, 2 bồi v.v...

+ Nếu tổng số trên 10, thì trừ đi 10, còn bao nhiêu tính là điểm

Thí dụ có:

1 quân 9 = 9 điểm

1 quân 4 = 4 điểm

1 quân 3 = 3 điểm

Tổng cộng là 15 điểm – 10 = 5 điểm, 5 điểm là điểm cuối cùng để tính ăn thua.

Nếu tổng số bằng 10, kể là 0 điểm.

Trong bài có 1 hoặc 2 quân trong bộ 3 già, đâm, bồi thì những quân này bằng 0 điểm.

Thí dụ có:

1 già = 0 điểm

1 bồi = 0 điểm

1 quân 6 = 6 điểm

Tổng số điểm là 6 điểm

Thí dụ có:

2 đâm = 0 điểm

1 quân 3 = 3 điểm

Tổng số điểm là 3 điểm

Có một em làm cái, và các nhà con. Trước khi chơi phải đặt cửa bao nhiêu tùy ý. Hơ thua so với cái, cái hơ ai thì vợ tiền của em đó, cái thua ai thì phải chung tiền cho em đó bằng số tiền em ấy đặt cửa.

• **Tiến lên** chơi từ 2 em đến 4 em, xào bài và chia đều mỗi người 13 quân, không có cái. Nếu bài có quân 3 bích thì được đi trước, sau đó lần lượt đi theo ngược chiều kim đồng hồ kể từ người đi đầu tiên.

Cách chơi:

Tính điểm theo thứ tự cơ, rô, chuồn, bích (cơ cao điểm nhất, bích thấp nhất nếu là quân cùng một số, thí dụ 5 cơ cao hơn 5 rô, 3 chuồn cao hơn 3 bích...), điểm tính theo thứ

tự số quân bài (thí dụ 4 lớn hơn 3) 2 cơ là cao điểm nhất trong bài (gọi là Heo).

Tính theo một quân bài: 2 cơ cao hơn xì, xì hơn già, già hơn đâm, đâm hơn bỏi, bỏi hơn 10, từ 10 trở xuống tính hơn thua theo thứ tự số trên quân bài, ngoại trừ quân 2 (là lớn nhất và hai cơ hơn hai rô, hai rô hơn hai chuồn, 2 chuồn hơn 2 bích) thí dụ 10 hơn 9, 9 hơn 8 v.v..., quân 3 nhỏ nhất. Có thể gọi một, đôi, ba, bốn. Gọi đôi thì phải có hai quân giống nhau, thí dụ đôi 2, đôi 3, đôi 4, đôi già, đôi xì... đôi 2 là cao điểm nhất. Gọi ba, gọi bốn cũng vậy, phải có ba hoặc bốn quân giống nhau. Thứ tự điểm cao thấp cũng giống trường hợp đôi.

Ngoài những loại đôi, ba, bốn nói trên, còn những kết hợp như ba cây thông, bốn cây thông, năm cây thông v.v... nếu trên bài có ba, bốn hoặc năm *cặp đôi liên tiếp*. Thí dụ *ba cây thông* là có ba đôi 3, 4, 5 hoặc ba đôi 4, 5, 6 liên tiếp ra cùng một lúc hoặc ba đôi 6, 7, 8 liên tiếp, đôi 2 (heo) không được ghép vào ba cây thông.

Ba cây thông có thể chặt được (tức là hơn điểm) một con heo (tức là một đôi 2) 5 cây thông chặt được 2 con heo (tức là hai đôi 2).

- Tứ quý là bốn quân bài giống nhau, thí dụ bốn quân 3 (3 cơ, 3 rô, 3 chuồn, 3 bích).

Tứ quý đề lẫn nhau, thí dụ tứ quý 4 hơn tứ quý 3, tứ quý 5 hơn tứ quý 4.

Tứ quý chặt được đôi heo, chặt ba cây thông, bằng năm cây thông hơn bốn cây thông.

- Xanh là ba, bốn hoặc năm, sáu... con bài liên tiếp nhau.

Thí dụ:

- Xanh các quân 3, 4, 5 liên tiếp

- Xanh 6, 7, 8, 9 v.v...

Xanh đánh theo số quân bài, con cuối cùng quan trọng để

tính hơn thua, *xanh chỉ đánh với xanh, không tham gia với những kết hợp hai khác*. Xanh phải cùng một số quân bài. Thí dụ muốn đề xanh 3 quân, thì cũng phải có một xanh ba quân, nếu không có đủ ba quân liên tiếp thì *bỏ lượt* không ra. Xanh 4, 5, 6 hơn xanh 3, 4, 5.

- *Tới trắng*

Mới chia bài ra, trong bài đã có bốn con heo, hoặc xanh từ 3 tới xì (gồm các quân 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, bỏi, đằm, già, xì) hoặc năm cây thông hoặc sáu đôi bình thường.

Những em chơi bài có một trong những kết hợp này thì *thắng tuyệt đối* cả làng gọi là Tới trắng và mọi em khác phải chung cho em này.

- *Thúi heo*

Khi một em tới trắng bằng sáu đôi, có quyền xét bài (lật ngửa các quân bài mới chia) các em khác, nếu em nào có trên tay đôi heo chưa kịp ra đã bị chui, thì em sẽ phải đền, nghĩa là phải chung cho em thắng gấp đôi hay gấp ba tùy theo heo đen hay heo đỏ.

- *Kết thúc ván bài*

Khi có em thắng tuyệt đối (tới trắng) thì ván bài kết thúc. Em thắng có quyền xét bài các em khác, nếu thấy bài ai có ba cây thông, bốn cây thông, tứ quý, xanh, đôi heo thì em đó phải đền: ba cây thông, đôi heo đen đền gấp đôi; xanh, tứ quý, đôi heo đỏ đền gấp ba.

Ngoài trường hợp trên, ai hết bài trước em ấy thắng, những em khác tiếp tục chơi, cho tới khi mọi em cùng hết bài hoặc chỉ một em còn bài. Ván bài lúc đó mới kết thúc, hai em chót cùng hết bài, nhưng em nào phải chui thì em ấy thua.

Cách tính thắng thua:

Nếu chơi bằng tiền hoặc bằng kẹo, mứt v.v... thì trước khi chơi mỗi em phải đặt cửa một số tiền hoặc kẹo tùy cả làng

quy định, không chơi bằng tiền, khi thua phải chịu nhéo tai và em về chót phải chịu quỳ gối chia bài.

- Em thắng đầu sẽ thắng em về chót. Em này sẽ phải giam cho em thắng một số tiền hay kẹo bằng số đặt cửa. Thí dụ đặt cửa mỗi người một đồng, thì em thua phải giam một đồng cho em thắng, em thắng thu tiền hay kẹo đặt cửa của mình về. Hoặc em chịu thua cho em thắng véo tai.

- Em về thứ hai sẽ thắng em thứ ba. Em sẽ chỉ phải giam cho em thứ hai một số tiền hoặc kẹo bằng nửa phần giam của em về chót cho em thứ nhất, hoặc chịu cho em thứ hai véo tai bằng nửa số của em về chót.

Ngoài ra em thắng đầu có quyền khám bài em về chót, nếu thấy có những kết hợp bài như: đôi heo, ba cây thông, tứ quý hay xanh... bị thú, thì em về chót lại phải đền cho em về thứ nhất một phần bằng một hoặc hai phần đặt cửa. Tùy theo bài bị thú là đôi heo, ba cây thông hay tứ quý, xanh, đôi heo đỏ hoặc chịu véo tai thêm.

Em về chót, nếu chơi bài bằng tiền, kẹo hay đồ chơi (đồ chơi thí dụ quay, bị ve...) phải chia bài, không chơi bằng tiền thì phải quỳ gối chia bài.

Khác với lối chơi *Bài cào* chỉ là đỏ đen, bài *Tiến lên* có kèm thêm đôi chút tính toán, nên cũng cần vận dụng trí thông minh, kèm với đỏ đen, hên xui. Tuy nhiên trông dịp vui xuân, đây cũng là những phút giải trí vui vẻ náo nhiệt trong gia đình và bạn bè, nhất là sau mỗi ván, với những cái búng tai, hình phạt quỳ gối chia bài của các em chơi thấp bị thua và những trận cười nắc nẻ lại vang lên. Sau Tết các em sẽ bị cấm không cho chơi các môn bài bạc này, vì sợ các em đam mê sẽ tập tính ham mê bài bạc, có hại cho tương lai.

Ngày nay với sự xuất hiện của máy vi tính, các em có dịp chơi bài trên máy, không có tính ăn thua, và chơi một mình,

cùng một số trò chơi điện tử khác, có ích lợi cho sự luyện tập trí óc nhạy bén, thông minh. Tuy nhiên nếu để các em quá đam mê sẽ hại sức khỏe (hại mắt, hại gan, hại thần kinh, có thể gây bệnh tiểu đường v.v... nếu chơi liên tục quá hai tiếng), mất cả giờ học hành. Nên cha mẹ cũng cần theo dõi các em, nghiêm khắc ngăn chặn khi thấy các em chơi quá mức.

Nhất là sau này có trò chơi “game online” khiến các em mê man, bỏ ăn bỏ ngủ, bỏ cả học hành, trốn nhà ở lại tại các phòng Internet cả mấy tháng khiến cha mẹ lo lắng không hiểu có gì nguy hiểm xảy ra cho con, cũng không biết đâu mà tìm con, rồi để có tiền chơi lại làm bậy (ăn cắp của cha mẹ, người thân, thậm chí giết người cướp của để có phương tiện chơi, có em còn giết cả bạn đồng chơi để độc chiếm kết quả chơi đạt được hầu đem bán lấy tiền. Việc này đã từng xảy ra tại Việt Nam và ngoại quốc). Các em đã tự biến mình thành tội phạm, đánh mất cả tương lai mà có khi còn nguy hiểm đến tính mạng. Để xảy đến tình trạng này, thì không những gia đình mà cả chính phủ, quốc hội, các cơ quan khác có trách nhiệm về pháp luật, giáo dục và an ninh cổ nghĩa vụ phối hợp để tìm biện pháp ngăn chặn và răn đe các em và trừng phạt những người vì lợi nhuận đã tạo điều kiện và thúc đẩy các em chơi quá đà đi đến phạm pháp.

Bài tây là một môn du nhập Việt Nam từ khi ta giao lưu với phương Tây, tuy nhiên lối chơi đã được cải biên khác với lối chơi của người phương Tây.

f. Sắp ngửa 6 quân

Đây cũng là một trò chơi có tính cách may rủi. Khi có sẵn tiền lì xì, các em lại năn nỉ người lớn, thường là các anh trai hoặc cha, chú. Trò này chỉ chơi với con cháu trong nhà, trẻ con hàng xóm muốn tham dự phải có người lớn (cha, mẹ,

cô, chú...) dẫn sang. Trò chơi thật vui vẻ, ồn ào, sau mỗi ván đều có vỗ tay, reo hò ầm ĩ.

Cách chơi: Một người lớn làm cái, nhà con bao nhiêu cũng được, các em ấu nhi lẫn trắng nhi (khi có rùng rềng xu, hào người lớn mừng tuổi cho).

Nhà cái lấy một chiếc đĩa và một chiếc bát và 6 đồng tiền bằng kim loại có hai mặt sấp ngựa khác nhau (đồng xu, đồng trình, đồng hào v.v...) Nhà cái cho các đồng tiền vào bát đập đĩa xóc lên rồi đổ ra bàn hoặc ra chiếu, có khi nhà cái không cần bát, đĩa, chỉ cho đồng tiền vào lòng bàn tay úp lấy nhau xóc xóc, rồi thả xuống chiếu.

Các nhà con thì nhau đặt vào hai cửa chắn, lẻ.

Luật chơi qui định nếu thấy ra:

- 4 ngựa, 2 sấp là chắn
- 2 ngựa, 4 sấp là chắn
- 1 ngựa, 5 sấp là lẻ
- 1 sấp, 4 ngựa là lẻ
- 3 sấp, 3 ngựa là lẻ

Tùy theo chắn, lẻ mà ăn hay thua (ăn 1, giam 1)

Thí dụ nhà con đặt chắn – nhà cái xóc ra lẻ, nhà cái ăn các phần đặt cửa chắn – và nhà cái phải giam cho các nhà con đặt cửa lẻ.

Có người còn chơi ngoài chắn lẻ, cược chắn 4 ngựa – nếu quân ra đúng 4 ngựa thì cái phải giam gấp 4, nhà con 1 ăn 5, gọi là ăn 1 giam 4.

g. Đáo đĩa

Trò chơi này cũng được các em ưa chơi vào dịp Tết khi có nhiều tiền lì xì. Cách chơi xin xem *Trẻ em chơi - Trò chơi ngoài trời* (cùng tác giả) có mô tả rõ.



Tất cả những môn cờ và bài bạc trên đây giúp cho các em và gia đình có những phút giải trí vui vẻ và náo nhiệt trong mấy ngày xuân. Đó cũng là một điều tốt để mọi người vui đón năm mới.

Tuy nhiên kể từ sau mừng ba Tết và chậm lằm là sau mừng 10 Tết, các môn chơi trên phải được gác lại để mọi người và các em trở về với nếp sống bình thường hàng ngày, với công việc làm ăn và học hành. Cố gắng nỗ lực hết mình lo tròn nhiệm vụ để đạt nhiều tiến bộ trong năm, cho mỗi năm đều tốt hơn năm trước. Có như vậy mới mong có một tương lai sáng lạn cho mỗi em nói riêng và cho cộng đồng dân tộc nói chung. Và điều này các em phải luôn được nhắc nhở - đó là bổn phận của người lớn: cha mẹ, thầy cô và tất cả những ai có trách nhiệm đối với nền giáo dục nước nhà.

Phần 3

Thi

- *THI LÀ THƠ - 310*
- *THI CA BIÊN THÈ - 391*

THI LÀ THƠ



Đây là cái thú thứ ba trong tư thú phong lưu. Một mình buồn bã, trông thấy cảnh tượng gì xúc động tình tứ, hoặc đi chơi đâu có thấy cảnh thì mượn ngòi bút mà tả tình tình. Có khi một vài anh em xướng họa hay là liên ngâm với nhau, cũng là một thú vui rất thanh nhã.¹

Thi là một cái thú của người văn nhả. Tuy rằng thi nghĩa là thơ, nhưng chơi thơ không phải là làm thơ và ngâm thơ mà trong thơ còn bao nhiêu thú khác như thả thơ, đánh thơ, khai bút. Nói rộng ra, phải nói thêm đến văn gồm tất cả những cái thú dùng đến chữ nghĩa như làm câu đối, làm phú, tả văn... Và như vậy, chơi thơ tức là chơi văn chương.

Trước cảnh đẹp, lòng người thông cảm với thiên nhiên, trước một bầu trời buồn bã hợp với nỗi buồn riêng của mình, trước một hoàn cảnh éo le, trước một nỗi uất ức, một vài vần thơ ngâm lên, hợp người hợp cảnh, nếu không làm cho nỗi buồn tiêu tán thì cũng khiến cho người buồn thấy tâm tư lắng dịu, và con người qua vần thơ như muốn cùng thiên nhiên, cùng hoàn cảnh hòa hợp.

1 Hồng Nhân – Thơ là gì? *Nam Phong* số 48, 6.1921, trang 437.

Hoặc trước một niềm vui tràn trề trước một cảnh nức cười, một vài vần thơ tả niềm vui sướng hay nói lên sự nức cười đáng mai mỉa, niềm vui càng trở hứng và sự nức cười càng giễu cợt những cái rởm của cuộc đời.

Thi là một tiêu khiển rất thanh tao, chỉ những người có tâm hồn mới biết hưởng. Khi ngâm lúc vịnh, gửi nỗi lòng trong vần thơ, hoặc mượn thơ người khác để tiêu giải nỗi u hoài riêng, con người chơi thơ thật tự tạo cho mình biết bao thú vị, biết bao hứng khởi, và với vần thơ nỗi sầu riêng càng man mác thì con người sầu lại cảm thấy mối sầu như thiêng liêng quý báu.

Làm thơ gửi người tình, làm thơ đề tập sách, làm thơ ca ngợi cái đẹp thiên nhiên, làm thơ nói lên nỗi tâm tư. Thi thật đáng quý vậy.

Vui anh vui em, thơ có kẻ xướng người họa, lại có lúc một đề, mỗi người làm một câu, mấy người chung lại thành một bài thơ, chơi thơ sao mà tao nhã!

Chơi thơ và nói rộng hơn chơi văn chương có nhiều lối và mỗi lối có một thú vị đặc biệt riêng.

A. VỊNH

Theo Đào Văn Tập trong *Từ Điển Việt Nam Phổ Thông*, vịnh là nhân cảnh vật gì mà làm thơ.

Nhưng thơ là gì?

“Mở đầu vấn đề” *Thơ là gì?* Chắc nhiều người nghĩ ngay rằng thơ là những câu có vần có điệu, hợp lại thành từng bài hoặc vắn hoặc dài, mà nói những chuyện bóng bẩy xa xôi. Cứ hình thức mà xét thì Thơ là thế thật, nhưng ngoài các hình thức ấy, hay là ở trong cái hình thức ấy lại còn có một cái tinh thần nữa, muốn giải cho rõ thật không phải là dễ... Theo cái

lý tưởng của văn học Tàu thời Thơ là một nghệ phong nhã, chủ diễn những tình ý cao thượng ra lời đẹp, có âm hưởng, có tiết tấu, khiến cho người nghe được vui tai mà khoái chí.

Thơ phải có vần và có điệu về hình thức, nhưng lại phải có lời đẹp ý hay để người đọc có thể thấy cảm khoái mà thưởng thức. Thơ là một thú tiêu khiển, nếu thơ không đem sự thích thú lại cho người đọc, người ngâm, người thưởng thức, thơ đâu còn là thơ nữa. Dù thơ ngâm hoa, vịnh nguyệt hay thơ mô tả khí khái cao thượng, giải lòng hoài vọng xa xôi, bày tỏ những nỗi bất bình, tình oan uổng của tác giả hoặc của người khác hoặc thơ khôi hài trào phúng, thơ cũng phải cần làm sao nói lên nỗi ý của tác giả để người thưởng thức thấu hiểu được hết lời thơ với ý qua lời hoặc ý tại ngôn ngoại, thơ mới kể là hay vậy.

Đạt được đến mức hay của bài thơ, diễn tả đủ ý nghĩa của mỗi chữ, thực không phải là dễ. Làm thơ là một cách chơi chữ và chơi chữ không phải bất cứ ai cũng đủ kiến thức để thưởng thức lối chơi tao nhã này, nhất là đối với người xưa.

"Chơi chữ, đối với người xưa cần phải có những yếu tố mà không phải ai cũng gom được đủ: có học đã đành, nhưng lại phải có tài."

*Học có hàm xúc, mới biết dùng chữ cho rành rẽ, dùng điển cho đích đáng, khiến câu văn ít lời mà nhiều ý; tài có mẫn tiệp mới linh hội được mau lẹ những nét trội trong một cảnh huống, và diễn xuất một cách nhanh chóng hỏ như là tự nhiên."*¹

Làm thơ, qua những điểm trên ta thấy không phải dễ, không phải chỉ thông luật bằng trắc, biết cách ghép vần là làm được thơ. Cùng một đề, cùng một cảnh, không phải ai cũng làm nổi một bài thơ hay, và những bài thơ hay không phải bài nào cũng có một ý như bài nào. Cùng một cảnh Chùa Non Nước

1 Lãng nhân. *Chơi chữ Nam chi tùng thư*, in lần 2, Sài Gòn 1963, trang 9.

chẳng hạn, các thi nhân khi ngâm vịnh mỗi người nêu ra một vẻ đẹp mỗi người đưa ra một ý hay, và mỗi người nhận xét phong cảnh một khác. Dưới đây, xin chép lại mấy bài thơ về Chùa Non Nước của mấy thi nhân khác nhau.

CẢNH CHÙA NON NƯỚC

*Bày đặt công trình mấy hóa công,
Chénh vênh mồm núi ngập làn sóng.
Gió lùa cửa động âm hồi trống,
Sóng vỗ chân chùa vắng tiếng chuông.
In vết tang thương thêm đá nhẵn,
Nhuộm màu mưa gió nóc rêu phong.
Trải bao thay đổi từng lăng cốt,
Còn giữ giang san dấu Lạc Hồng.*

Song An Hoàng Ngọc Phách
Nam Phong số 43, tháng giêng 1921, trang 78

* *

CHƠI CHUA NON NƯỚC

*Cuộc thế tang thương núi chẳng già,
Trơ trơ đứng giữa lớp đời hạ.
Chỗ người đi lời cây cần lại,
Khi nước lui rồi đá nẩy ra.
Mấy dò sương pha chổi cúc lão,
Ba phần rêu phủ nét rêu nhòa.
Tìm đâu cho thấy Trương - Thăng - Phủ?
Văng vẳng bên trời tiếng hạc qua.
Nóng sơm Nguyễn Can Mộng¹*

1 Phan Phong Linh – *Thấy cảnh Núi Nam qua thi ca*, trang 87.

TÚY-SƠN HOÀI CỔ

*Cảnh chùa non nước tiếng xa đón,
Chùa ấy là hang núi một hòn.
Núi chĩa ra sông lồng đáy nước,
Sông ôm lấy núi lộn đầu non.
Cờ tiên vết cũ rêu phong kín.
Tháp Phật từ xưa chữ chầu mòn.
Đám hỏi rằng ai lên đây trước,
Giống vườn kim cúc dựng bia non?*

Chiêu Dương Nguyễn Các Phụng

Nếu ra ba bài thơ trên, chúng tôi không có ý muốn so sánh bài nào hay hơn bài nào, nhưng chúng tôi chỉ muốn chứng tỏ rằng, cùng một cảnh, mỗi thi nhân nhìn một khác và thấy lòng mình rung cảm một khác. Tả nổi sự rung cảm đó, đem hòa hợp với cảnh trí, truyền lòng mình vào lời thơ để ai đọc cũng thấy những điều mình thấy, cũng rung cảm như mình rung cảm đó là cái tài của thi nhân.

Dưới đây, chúng tôi xin đan cử thêm một thí dụ, cùng một đề, nhưng lời thơ và ý thơ thật khác nhau.

VỊNH CÁI QUẠT

*Mười bảy hay là mười tám đây,
Cho anh yêu dấu chẳng rời tay.
Mông dầy chinh chện chành ba góc
Rộng hẹp nhường nào cấm một cây.
Càng nóng bao nhiêu càng muốn mát,
Yêu đêm chẳng phi lại yêu ngày.
Hồng hồng má phấn duyên vì cây,
Chúa dẫu yêu nên một cái này!*

Hồ Xuân Hương

VINH CẢI QUẠT

Ẩn hình kín tiếng những thu đông,
 Khép mở tùy thời đoạt hóa công.
 Cần đến tạm xoay làm vũ khí,
 Che lên có thể rợp vùng hồng.
 Giương hình bán nguyệt vung thành gió.
 Mất mặt nhân gian giải được nông.
 Mềm mỏng ra tay ruồi muỗi lạnh,
 Tré già đều chuộng chẳng đầu không.

Chiêu Dương Nguyễn Các Phụng
 Sơn nhân nhân bút

Thi nhân trước mọi hoàn cảnh đều có thể làm được thơ,
 và thơ có thể làm theo thể này hoặc thể khác. Như ông Tú
 Xương khi thấy cô hàng xóm rửa quả dưa trong chậu đồng,
 cô hàng xóm lại có nhan sắc, đã tức cảnh làm thơ:

Ước gì ta hóa ra dưa,
 Để cho nàng tắm nước mưa chậu đồng!
 Ước gì ta hóa ra hồng,
 Để cho người bế người hồng trên tay!

Có người dùng thơ để ngạo mạn người khác, như ông
 Nguyễn Văn Giai, lúc còn đi học khi thấy ông Nguyễn Đăng
 Giai kinh lược Hà Nội xây chùa, đã làm bài thơ trào phúng
 để chế giễu:

Phúc đức gì mà y bố đi Giai,
 Làm cho lốn Bắc lại hao Đoài.
 Kìa Lương Vũ Đế gương còn đó¹
 Chết đói Đài Thành, Phật cứu ai?

1 Lương Vũ Đế mộ đạo Phật, sau bị giặc bắt giam ở Đài Thành, chết đói.

Bài thơ được viết ngay trên tường và quan Thượng Giai đã được lính báo cho biết. Quan Thượng đã nổi giận mắng Nguyễn Văn Giai là vô lễ thì Giai đã thưa là ông nói bố ông ở nhà, cũng tên là Giai.

Nguyễn Đăng Giai tuy bực nhưng không nói sao được đành bảo:

- Bố mày không có ở đây, chỉ có tao thôi, thì mày phải sửa lại cho hợp lễ, nếu không sẽ bị đòn.

Nguyễn Văn Giai đã sửa lại:

*Phúc đức ai bằng cụ thượng Giai,
Lam chùa bên Bắc lại bên Đoài.
Nam mô tế độ nhờ ơn Phật,
Lộc thọ song toàn chẳng kém ai.*

Cụ thượng Giai đã bằng lòng mỉm cười¹

Thời cuộc cũng thường làm đầu đề cho các thi nhân. Khoảng cuối năm 1945, đầu năm 1946, khi quân Pháp trở lại Việt Nam, việc kháng Pháp chưa được tổ chức chu đáo và quân Pháp đã gây nên nhiều điều xâm phạm vào lãnh thổ, chủ quyền và dân chúng Việt Nam. Trước tình trạng ấy lại có một thi sĩ vô danh sáng tác và cho truyền tụng trong dân chúng bài thơ sau đây:

*Con cháu Rồng Tiên đến nỗi này,
Chính quyền thôi lại trả thẳng Tây.
Lời thề độc lập như đang sống,
Câu chuyện liên bang tỏ nịnh thầy.
Nuôi phường hại nước có ai hay!
Nào vàng nào bạc đi đâu cả,
Còn lại trơ ra một lũ bay.*

¹ Theo Lăng Nhãn trong *Giai thoại làng Nho*.

Trong bài thơ, tác giả đã nhắc tới *Lời thề độc lập* của chính quyền hồi đó trước nhân dân, và việc Pháp đặt Việt Nam trong Liên Bang Đông Dương thuộc khối Liên Hiệp Pháp. Bài thơ đã được phổ biến rất mau và rất rộng.

Cả những nhân vật chính quyền cũng thường là đầu đề cho nhiều bài thơ khi những người này không nghĩ đến đồng bào, chỉ lấy tư lợi, bè đảng làm cốt yếu. Trước đây có một ông Thủ Hiến, ông này nguyên xuất thân quan lại, về sau chế độ quân chủ không còn, để giữ lấy địa vị, ông đã đi theo một đảng chính trị, và chính nhờ đảng này mà ông được đề cử lên chức Thủ Hiến. Không hiểu vì người ta ghét ông hay đó là sự thật, người ta bảo ông là con một nhân viên thương chính có quốc tịch Pháp nhưng gốc Ấn Độ. Trong lúc ông làm Thủ Hiến Bắc Việt, chắc ông có nhiều hành động, gây nhiều thù oán, nên thời đó đã có một bài thơ lưu truyền về ông. Bài thơ này không rõ ai là tác giả, chỉ biết rằng bài thơ đã được gửi tới hầu hết các nhà báo ở Hà Nội:

*Thế sự xem ra lắm chuyện cười,
Lai đen bánh chợ cũng như ai!
Tây đoan Ấn Độ dài hơi sức,
Họ Nguyễn Việt Nam chuốc giống nòi.
Vợ bạn nặng lòng đem tặng nhẫn,
Dân đen thương xót bóp cho lời.
Đầu gà dít vệt người ta chán,
Hời chú lai ời, nhục lắm rồi.*

Tác giả nhắc tới câu chuyện đương sự nặng lòng yêu vợ một người bạn cùng hàng quan lại như mình lúc trước, và đã tặng bà này chiếc nhẫn kim cương, mua mai nhất là chiếc nhẫn này đương sự đã lột chính của vợ mình để kỷ niệm cho nhân tình!

Bốn chữ *đầu gà dít vịt* ám chỉ đảng của ông ta, hồi đó thường được gọi giễu là *dít vịt*.

Cũng vào thời ông này làm Thủ Hiến ở Hà Nội có một ông thị trưởng cũng là một đầu đề cho một bài thơ, và bài thơ này cũng được gửi tới các nhà báo ở Hà Nội như bài thơ trên. Lẽ tất nhiên không báo nào đăng! Có lẽ tác giả các bài thơ cũng biết vậy, nhưng họ cứ gửi tới cho các báo, cốt nhờ nhân viên tòa báo xem rồi đọc lại cho người khác nghe. Bài thơ về ông thị trưởng như sau:

*Hà Nội quản cư đến nỗi này,
Có ông thị trưởng lắm tài thay!
Bột mì giả nhò viên thành thuốc,
Con ừ đưa lên phễn với thầy.
Tiền thuế dân đen thu chặt két,
Đồng lương chính phủ ních đầy tay.
Con người kỳ lạ là ai đó,
Chính bác song hôn mặt rõ dày!*

Nguyên ông Thị Trưởng này trước đây làm nghề bán thuốc tây, gặp hồi chiến tranh thuốc Dagénan khan, ông đã tán nhò bột mì rồi đóng viên giả làm Dagénan bán cho dân chúng. Việc này đã bị phát giác và phòng nhì của Pháp hồi đó đã lập hồ sơ. Tính hào ngọt của ông Thị Trưởng cũng được nhắc tới với cái số *đào hoa cư nô bặc* của ngài. Ngoài ra ngài lại bị vợ cả đưa ra tòa vì tội song hôn, vợ cả có Pháp tịch, và cũng nhờ vợ, ngài đã được nhập Pháp tịch, nhưng ngài lại muốn theo lễ lối Việt Nam, *cá sông dòng chợ, lắm vợ nhiều con*, ngài cưới thêm bà vợ lẻ.

Hai bài thơ trên chúng tôi nêu ra để chứng tỏ là các nhân viên chính quyền nếu bê bối, rất dễ làm đầu đề cho những bài thơ, chúng tôi không căn cứ vào giá trị đó là những bài thơ hay hoặc dở. Chúng tôi không phải là nhà phê bình và

chúng tôi cũng không dám phê bình các bài thơ đã được truyền tụng, cũng như thi tài các bậc tiền bối.

Các danh nhân liệt sĩ trong lịch sử cũng thường được các thi nhân làm thơ. Cung vịnh Hoàng Thái Xuyên có cả một tập thơ vịnh Nam sử mà ở đây chúng tôi xin trích bài *Trung Vương*.

TRUNG VƯƠNG

Tượng đá trời Nam dài tuyết sương,
 Nghìn năm công đức nhớ Trung Vương.
 Tham tàn trách bởi quân gây biến,
 Oanh liệt khen cho gái dị thường.
 Liễu với non sông hai má phấn,
 Giành nhau loài giống một du vàng.
 Cột đông Đông Hán tìm đâu thấy,
 Chỉ thấy Tây Hồ ảnh nước gương.

Trước đây trong tạp chí *Nam Phong*, luôn luôn có đăng các bài thơ *Vịnh sử* của các bậc túc nho:

VỊNH ĐỨC TRẦN HUNG ĐẠO¹

Trên vì nhà nước dưới vì dân,
 Công đức ai hơn đức thánh Trần?
 Gươm báu trao tay năm bảy thứ,
 Quân Nguyên mất vía mấy mươi lần.
 Sóng Đằng một dãy còn hơi máu.
 Núi Kiếp ngàn năm rụng về xuân.
 Sự tích sử xanh ghi chép lại,
 Sống làm danh tướng thác danh thần.

Vũ Tích Công

Tóm lại, thi nhân có thể ngâm vịnh với bất cứ đề tài gì khi thấy lòng rung cảm, vì cảnh đẹp, vì người đẹp, vì hoàn

1 *Nam Phong* số 44 tháng 2, năm 1921, trang 157.

cảnh éo le, vì cảm phục các vị anh hùng, vì muốn đề cao các võ công, vì trò đời thay đổi, vì hưng phế tang thương...

Ngâm vịnh có thể làm thơ, nhưng cũng có người dùng các thể văn khác, nhất là phú. Phú là một thể văn có vần không hạn định số câu, số chữ¹. Phú có thể có một vần, có khi có nhiều vần. Phú làm theo vần tự do, hoặc theo vần hạn định. Làm phú cũng như làm thơ, phải có hứng và đặt tâm hồn vào câu văn bài phú mới có giá trị. Dưới đây là một bài phú nói về huyện Hưng Nhân của tỉnh Thái Bình Bắc Việt với hạn bốn vần Thái Bình Cảnh Sắc của Ngạc Đình Phạm Quang Sán đăng trong tạp chí *Nam Phong* số 47 tháng 5 năm 1921.

BÀI PHÚ HUYỆN HUNG NHÂN

Hạn bốn vần: Thái Bình Cảnh Sắc

Thái.

*Bên tả Nhị Hà, phía trên Bồ Hải,
Có huyện Hưng Nhân, thuộc về tỉnh Thái.
Trước cai trị theo về Hưng Yên. Mới phân cấp từ năm
Thành Thái.
Nam Lý Nhân, Tây Tiền Hi, đôi ngạn hai bên,
Đông Thư Trì, Bắc Dương Hà, tiếp liền một dải,
Kể từ lúc Hoàng Lê khai sáng, tên cũ vốn gọi Ngự Thiên,
Sau đến năm Giáp Ngọ phân ra, huyện mới đem về
Mỹ Đại,
Phong cảnh đẹp như tranh vẽ, bốn mặt bình dương,
Địa hình trông giống quả tim, ba kỳ giáp giới*

Bình:

*Người nhiều đất rộng, nước biếc non xanh.
Gần sông, gần chợ, có thủy có thành
Hai dãy phố cửa nhà san sát,*

1 Đào Văn Tập – Tự điển Việt Nam phổ thông.

Một con đường đi lại thênh thênh.
 Bộ hành thẳng Diên Hà, Tiên Hưng, xe đi một mạch.
 Tàu thủy đáp Hải Phòng. Hà Nội còi rút thâu canh.
 Diền thổ hai vạn mẫu linh, cấy hai vụ qua thu sang hạ.
 Đê bồi ba mươi nghìn thước, vòng ba mặt từ bản đến kênh.
 Thai sư chảy suốt một dòng, gió đưa thuyền trả.
 Cửa Luộc chia ra ba ngã, sông lặng sóng ghenh.
 Tính số đình một vạn hơn hai nghìn người, cây cấy
 chuyên cần thực nghiệp!
 Khắp trong hạt bảy tổng tám mươi ba xã, làm ăn vui
 vẻ thái bình.

Cánh.

Một cõi danh khu, nghìn thu thẳng cánh.
 Danh lam nức tiếng mọi nơi, cổ tích nhiều hơn các tỉnh,
 Mộ thái sư ở làng Chi cấp, danh thắng lạ lùng;
 Đền Trạng Nguyên ở xã Hải Triều, phụng thờ tôn kính.
 Thái dương huyết kết mộ nhà Trần thái trước tình sau,
 Mỹ Đại rừng xanh, lăng vua Lê mây hóa cò tỉnh.
 Chức Quận công sáu bảy ông phong tước, sự tích vẫn còn
 Bìa Tiến sĩ mười tám vạn người đăng khoa, văn vật
 cũng thịnh

Sắc.

Hưởng chi: Cảnh vật cũng nhiều, công nghệ rất mực.
 Nghề vồng Cầu Lẻ, thợ mộc Mỹ Giặc,
 Đáy Thánh Triều, mía Hà Lão, đất trồng đủ thứ hoa màu.
 Lựa Phương La, chiếu Hải Triều, hàng bán khắp miền
 Nam, Bắc.
 Nếu biết: thông hiến theo thời, kinh doanh hết sức.
 Học hành mở rộng trí khôn, luân lý giữ gìn đạo đức,
 Cờ bạc kiện cáo, bỏ thói điều ngoa,
 Thương mại công nông, chuyên nghề sinh thực.

*Sẽ có ngày: tấn tới văn minh, mở mang trí thức.
Người đông của đủ, tô thành cầm tú giang sơn.
Thối tới dân thuần, riêng chiếm Thái Bình cảnh sắc,*
Ngạc Đình Phan Quang Sán

Lối phú trước đây rất được các nhà nho dùng để vịnh, cũng như làm thơ vậy. Phú tuy có cầu kỳ hơn thơ, nhưng càng công phu, người chơi thơ lại càng thích thú.

Phú làm theo thể biến ngẫu, từng hai vế một đối nhau, hoặc đối liền hoặc đối cách, cách một câu, hai câu hoặc ba câu.

VĂN TẾ

Cũng làm theo lối biến ngẫu, người xưa còn làm văn tế để tế, để khóc những người không còn nữa. Trong văn tế, những đức tính tài năng của người chết cũng như sự nhớ thương luyến tiếc của người sống được nêu ra. Văn tế hoặc cũng hạn vắn, hoặc vắn không hạn định, chỉ cốt sao cho câu văn được đối nhau. Dưới đây là một mẫu câu văn tế:

VĂN TẾ

Hỡi ơi!

Mây buồn che phủ

Gió thảm thảm reo.

*Cuộc trăm năm dâu bể đã nhiều, núi Kinh Bắc¹ hiện càng
chưa xót,*

*Đời một kiếp nắng mưa cũng lắm, mây Phong Châu² bỗng
chuyển sầu ưu!*

Nhớ em xưa:

1 Kinh Bắc: Bắc Ninh (núi Thiêm Sơn) - quê của người chồng

2 Phong Châu, quê của người vợ.

Về người thanh lịch,
 Đáng điệu yếu kiều.
 Tinh hiền thảo, dưới nuông trên kính,
 Nết ôn hòa, chồng mến con yêu;
 Trách trời già độc địa, đau đớn nhà Thung, thân hiếu nữ
 sớm cuộc đời từ già,
 Cầm đất rộng nghiệt cay, quạnh hiu con đỏ, phận mẹ hiền
 mau côi chết phiêu diêu!
 Cha già thương xót
 Chồng góa phiền đau.
 Nào đâu lúc thăm cha vui vẻ, sẵn sóc giờ ăn giấc ngủ
 Còn đâu khi dăm thăm chiều chồng, hỏi han mọi việc đủ điều.
 Trách Nam Tào Bắc Đẩu chưa từ ghi sinh, lúc biên chép
 chẳng nương tay thư bút
 Buồn Ngọc Đế, Như Lai quyền cao đức cả, phép nhiệm
 màu không ân từ khuê lưu
 Khiến ngày nay:
 Cửa nhà vắng vẻ,
 Con cháu gieo neo;
 Vườn trước sân sau lạnh lùng quạnh quẽ,
 Bữa ăn giấc ngủ ngao ngán đau hiu.
 Đàn con dưới cánh, mong mẹ hiền tuổi hạc càng cao, đợi
 ngày chúc dâng Khai tửu.²
 Lũ cháu bên mình, tưởng bà ngoại sức loan còn mạnh, vui
 mừng hưởng sự nâng niu!
 Nào ngờ đâu:
 Hai ngày trọng bệnh.
 Một buổi u sầu
 Em ra đi bỏ chồng con thêm cháu ngoại, với hận lòng tê tái,

1 Người chết (mất năm 46 tuổi) còn cha già.

2 Khai tửu = mừng thọ



Anh ở lại nhìn cửa nhà cùng vườn ngõ, nặng niềm nhớ
thương đau.

Vắng nụ cười ưu ái sân Lai, từ sớm đến chiều, trai gái thấy
bâng khuâng ngơ ngác;

Đặc áng mây mịt mù núi Dĩ, hết ngày lại tháng, lớn bé đều
ủ rũ buồn rầu!

Ba mươi năm ân ái, tình vợ chồng khăng khít hôm mai,
thêm tuổi thọ càng thêm bền chặt

Bốn mươi sáu hương dương, nghĩa sinh tử chia phôi giây
phút, sầu ly biệt sầu mãi dài lâu!

Thời từ đây:

Âm dương đôi ngả

Kẻ khuất người còn,

Giã hạc vãn du, em về nơi vĩnh cửu

Trần ai tục lụy, anh ở trấn Phiên An;¹

Nỗi đau xót, con thương cháu nhớ, nén hương trầm nhắc
nhở sớm hôm, đau lòng trẻ dại,

Cánh bùi ngùi, chị khóc em buồn, lúc thắm viếng thêm nào
nùng châu lệ, khổ hận người thân!

Than ôi!

Tình chung chẵn gối,

Đầu ấp má kề

Trọn nghĩa phu thê,

Tưởng cùng tuế nguyệt,

Vui chữ xương tuyền,

Nào ngờ đôi ngả,

Vĩnh biệt chia ly!

Thương thay!²

1 Trấn Phiên An = Sài Gòn.

2 Bài này của soạn giả làm khi vợ là Nguyễn Thị Uẩn từ trần ngày 12 tháng 11
Kỷ Dậu (20-12-1969).

Mấy lối đề vịnh công phu

Nghề chơi nào cũng lắm công phu, riêng lối chơi thơ lại càng công phu hơn nữa. Trong *Giai thoại làng Nho* Lăng Nhân có nhắc tới mấy lối thơ rất cầu kỳ của các thi nhân, và những bài thơ sáng tác ra cũng được lưu truyền.

Ông Vũ Thanh Duy, người làng Kim Bồng, huyện Yên Khánh, Ninh Bình là một người có tài, văn thơ rất giỏi. Năm Tự Đức thứ 8, khi ông phụng mệnh nhà vua vào Bình Định làm khảo quan đi qua đèo Hải Vân vất vả, ông có làm một bài thơ dùng toàn những câu thơ cổ chép lại:

Ván khơi cao dài nhật vị trầm (Liễu Tôn Nguyên)

Đạm yên sơ khánh tản không liêm (Lưu Sương)

Tam xuân nguyệt chiếu thiên sơn lộ (Ôn Đình Quân)

Lục mạc thiên không vạn lý tâm (Hố Túc)

Từ đàn thượng thiên hoàng chi án (Ngô Dung)

Ngọc thư ung niệm tổ trần xâm (Lý Quán Ngọc)

Nhất danh sở hệ vô cùng sự (Tiệt Phùng)

Nhất mộ liêu vi Lương phủ ngâm (Đỗ Phủ)

Bài thơ này lấy tám câu trong tám bài thơ cổ của tám thi sĩ khác nhau, hợp lại thành một bài thơ có ý nghĩa đúng với hoàn cảnh lúc qua đèo. Thật là giỏi vậy. Không những tác giả phải có sự hiểu biết uyên bác về cổ thi, mà lại phải có tài để lựa từng câu cho đúng với đề.

Bài thơ trên, ông Vũ Duy Thanh đã tự dịch ra thơ Nôm:

Mây phủ dài cao bóng ác tà,

Khánh dân rừng vắng vắng nghe qua.

Ba xuân trăng tỏ nghìn non quanh,

Sáu cõi trời cao vạn dặm xa.

Án nặng bao phen từ du xuống,

Tinh riêng những ngại bụi đời thơ.

*Cái danh ràng buộc thêm nhiều việc,
Khúc cũ ngâm tràn luống ngẩn ngơ*

Trong lối chơi thơ, nhiều người có tài thường làm những bài thơ *thuận nghịch đọc* nghĩa là đọc xuôi cũng được đọc ngược cũng được. Ông Vũ Duy Thanh đã từng có bài thơ thuận nghịch đọc, bài *Phong hoa tuyết nguyệt*:

*Thi đàn tế liễu lộng hoa hài
Khách bộ tùy sương, ấn bích đài.
Kỳ cục đa phong thanh áp trận,
Tiêu biểu nghinh tuyết bạch hòa bôi.
Sơ liễu thấm nguyệt hương ty cúc
Yến tịch lắng hoa vị át mai
Phi phát linh đầu chiêm tinh điểm
Thi đàn tế liễu lộng hoa hài.*

Lời dịch của Lăng Nhân:

*Đi giày thêu đến đài thơ, qua rặng liễu nhỏ,
Lối giày khách đi sớm, in trên rêu biếc
Nhân lúc gió mát đánh cuộc cờ
Có tuyết xuống, nghiêng bầu rượu uống
Vườn cúc bóng trăng soi qua rèm thưa.
Mùi hương hoa mai đưa vào tiệc yến,
Phát phơ gió thổi qua điểm vắng trên đỉnh núi
Đi giày thêu đến đài thơ qua rặng liễu nhỏ*

Trên đọc xuôi, bài thơ có thể đọc ngược lại. Ở bài thơ này có chỗ làm tài tình: đọc xuôi là thơ chữ Hán, đọc ngược lại là thơ Nôm:

*Giày hoa lông lều tới đàn thơ
Điểm tạnh xem đầu núi phát phơ*

1 Lăng Nhân – *Giai thoại làng nho toàn tập*. Nam chí tùng thư Sài Gòn 1966, trang 337-338

*Mai át mùi hoa lừng tiệc yến
 Cúc lia hương nguyệt thấu rèm thưa
 Chén hòa bạch tuyết nghiêng bầu rượu
 Trận áp thanh phong đánh cuộc cờ
 Rêu biếc in sương theo bước khách
 Giây hoa lông lẻo tới đàn thơ.*

Là một bài thơ *thuận nghịch độc*, bài thơ trên còn là một bài thơ thủ vĩ ngâm, nghĩa là câu đầu câu cuối là một câu. Bài thơ bắt đầu bằng câu *Giây hoa lông lẻo tới đàn thơ*, và tận cùng cũng bằng câu đó.

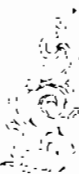
Thơ thủ vĩ ngâm cũng là một lối thơ cầu kỳ vì thi nhân phải lựa sao cho câu thơ vừa đầu vừa cuối này hợp với cả đầu và lẫn cuối bài, mà không gượng ép.

Xin chép thêm dưới đây một bài thơ thủ vĩ ngâm khác. Bài thơ này của ông Trần Cao Văn dùng làm hiệu lệnh của một cuộc cách mạng của ông đã thất bại năm 1916:

*Hóa xa Huế Hàn
 Một mối xa thư đã biết chưa?
 Bắc Nam hai ngả gặp nhau vừa.
 Đường “rầy” đã sẵn thang mây bước,
 Ống khói càng cao ngọn gió đưa.
 Sấm dậy tứ bề trăm mây chuyển,
 Phút thâu muôn dặm nửa giờ trưa.
 Trời sai ra dọn xong từ đây,
 Một mối xa thư đã biết chưa?¹*

Vốn là một hiệu lệnh cách mạng, bài thơ chứa rất nhiều ý kín ngoài lời. Nhiều thi nhân cầu kỳ làm thơ, mỗi câu chỉ có bảy chữ, mà ba chữ cuối câu lại ghép cùng vần với nhau. Lối thơ này là thể *vĩ tam thanh*:

1 Lãng Nhân – *Giai thoại lãng nhơ toàn tập*



*Sáng ngủ dậy muộn
 Tiếng gà bèn gỏi tè tè te,
 Bóng ác trông ra hé hé hè.
 Núi một hòn cao chon chót vot,
 Hoa năm thức nở tõe tõe loe.
 Chim tình bầu ban kia kìa kìa,
 Ôn nghĩa vua tôi nhè nhè nhe.
 Danh lợi chẳng màng tí tí tí,
 Trưa trưa trưa dậy khỏe khỏe khỏe.*

Bài thơ trên của ông Nguyễn Tư Mẫn, cử nhân đời vua Thiệu Trị, đã được Lăng Nhân ghi chép trong giai thoại làng nho.

Thơ có lối tám câu bảy chữ, gọi là thất ngôn bát cú, có lối chỉ có bốn câu gọi là tứ tuyệt. Thơ tứ tuyệt mỗi câu cũng bảy chữ, nhưng có bài thơ cao hứng câu kỳ, tuy làm thơ tứ tuyệt nhưng câu thứ tư lại có một chữ gọi là thơ yết hậu.

*Sống ở nhân gian đánh chén nhè
 Chết về âm phủ cặp kè kè...
 Diêm Vương phán hỏi rằng chi đó?
 Be!*

Phạm Thái

Trong các lối thơ câu kỳ phải kể đến những bài thơ trong đó tám câu, bắt buộc phải nói đến tám thứ thuộc cùng một loại, thí dụ như trong bài thơ *Rắn đầu biếng học* của Lê Quý Đôn, mỗi câu đều nhắc đến tên một loại rắn.

RẮN ĐẦU BIẾNG HỌC

*Chẳng phải liu điu vẫn giống nhà
Rắn đầu biếng học quyết không tha!
 Thẹn dèn hổ lửa đau lòng mẹ
 Nay Thét mại gầm rất cổ xưa
Ráo mép chi quen tướng lếu lảo*

Lần lưng cam chịu vết năm ba
Tì nay Cháu Lỗ xin chăm học
Kèo hố mang danh tiếng thế gia!

Và bài thơ sau đây của ông Nghè Tân làm gửi cụ Nguyễn Công Trứ, mỗi câu đều có tên một con vật:

Có nghề mà lại cạy chỉ nghề
Nghề thế ai ngờ lại hóa nghe!
Vạn sự bất như, thân cũng hổ.
Nhút vắn vô hữu, nợ còn bê.
Công danh chỉ tổ đồ khoe mã.
Cờ biển còn hùm của ước sẻ.
Bôn tẩu làm chi cho rách giấu.
Thù rằng ngồi đó vuốt râu đẻ.

Cụ Nguyễn Công Trứ đã họa bài thơ này, trong mỗi câu thơ cũng có tên một con vật:¹

Tám vạn nghìn tư thứ ngỗng nghề
Thứ nghề áo mũ, thứ nghề nghe.
Mày râu ngấm lại lòng thêm hổ.
Thư kiếm sao đành dụ bỏ bê.
Xanh đỏ rẻ cui khoe tốt mã.
Phong lưu khí gió hốt đầy sẻ.
Xin đừng dờ đôi vãn chương nừa.
Bán chó sao ngoài lại thủ đẻ.

Lối thơ hạn trên này tuy khó khăn nhưng rất được nhiều thi nhân sử dụng. Ông Bùi Khánh Đản, một nhà thơ cận đại, trong bài THỦ TỬU đã dùng tên loài cây của mỗi câu:

1 Về câu chuyện họa thơ của ông Nghè Tân và ông Nguyễn Công Trứ xin đọc *Giải thoại làng Nho toàn tập* của Lăng Nhân.

*Bàng hoàng nghe tiếng gọi đầu dây,
Chợt tỉnh, cạm lòng chịu tiếng say.
Bạn nằng giang hồ, mơ ánh nguyệt,
Ta buồn hồng phấn, lòng hơi may.
Đèo bồng đã ngại duyên ngày trước,
Vất vá còn e phận buổi nay.
Thanh nhân chắc chi đời gió bụi,
Cờ lân nước bị hên bao ngày¹*

Trên đây là mấy lời thơ câu kỳ, phải công phu gò bó để mặc dầu dùng chữ thế nào, lời thơ cũng vẫn còn ý nghĩa và không phản lại nghệ thuật thơ. Kể ra còn nhiều lời làm thơ câu kỳ khác như lời *khoán thủ* phải dùng đề mục làm những chữ đầu câu thơ, hoặc *khoán vận* phải dùng những chữ đề mục làm vần thơ. Tôi còn nhớ tôi đã được đọc bài thơ nhan đề *Chim Uyên Ương*, mà tác giả dùng mấy chữ đầu câu là một lời yêu đương một nữ sinh tên là Mạo.

CHIM UYÊN ƯƠNG

*Yêu nhau vỗ cánh cất tung trời,
Mạo hiểm qua rừng vượt bể khơi.
Lòng vững bền gan cơn gió cá,
Riêng tình âu yếm bóng trăng soi.*

Về thơ khoán vận, tôi không nhớ rõ bài thơ, nhưng trước đây trên một tờ báo đã có đăng một bài thơ với những vần KHÔNG CHÔNG TRÔNG LÔNG BÔNG, và bài thơ này được nhiều thi nhân làm thơ họa.

Nói đến những lời làm thơ câu kỳ tôi không thể không nhắc tới thi sĩ *Thần Liên Lê Văn Tất* của miền Nam đã sáng tác những bài thơ hết sức đặc biệt, như các bài thơ *Mối tình*

¹ Theo Lăng Nhân trong *Chơi chữ*, trang 111.



riêng (Điều chữ thập), *Tơ lòng* (Điều tam giác) và *Tình non nước* (Điều vòng tròn) sau đây:

MỐI TÌNH RIÊNG (Điều chữ thập)

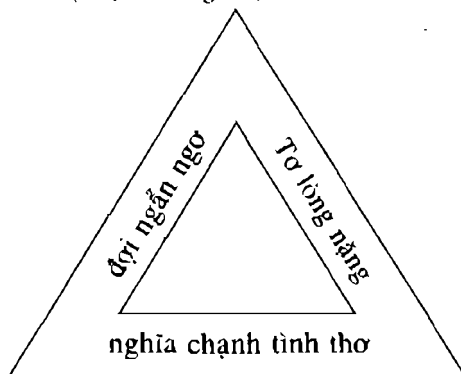


Cách đọc:

*Đau đớn cảnh: Tình nặng nghĩa cao,
Cao nghĩa nặng tình thâm biết bao
Biết bao thâm tình sông với núi,
Núi với sông tình cảnh đớn đau.*

Bài thơ thất niêm, chính tác giả cũng hiểu nên đã có lời chú thích: *Làm điệu này bài thi phải thất niêm.*

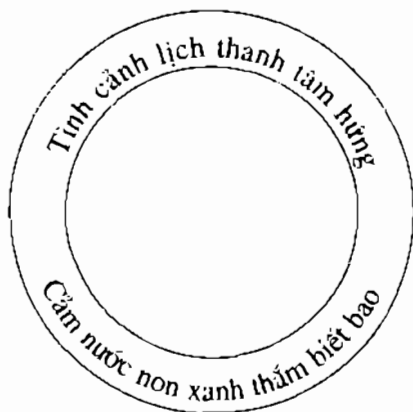
TƠ LÒNG (Điều tam giác)



Cách đọc:

*Tơ lòng nằng nghĩa chạnh tình thơ,
Nghĩa chạnh tình thơ đợi ngấn ngơ.
Ngơ ngấn đợi thơ tình chạnh nghĩa,
Thơ tình chạnh nghĩa, nằng lòng tơ.*

TÌNH NON NƯỚC (Điệu vòng tròn)



Cách đọc:

*Nước non xanh thấm biết bao tình,
Thấm biết bao tình cảnh lịch thanh.
Tình cảnh lịch thanh, tâm hứng cầm,
Thanh tâm hứng cầm nước non xanh.*

Tất cả ba bài thơ trên đều trích trong *Thần liên thi tập* của thi đàn Sơn Hải Nguyệt Phong vân, Châu Đốc xuất bản năm 1960.

Chúng tôi không dám nói đến sự hay dở của những bài thơ trên, chúng tôi chỉ trích ra, vì đây là những lối làm thơ rất công phu.

*
* *

Trong khi làm thơ nhiều nhà thơ thường muốn nói nhiều điều ngoài những hàng chữ của bài thơ. Đây là kiểu ý thơ ngoài lời. Chẳng hạn như bài thơ cái Giếng sau đây của Hồ Xuân Hương tuy tả cái giếng nhưng người đọc có thể hiểu thêm nghĩa khác:

*Đường xa thăm thẳm tới nhà ông,
Cổ giếng thanh tân, giếng lạ lùng.
Cầu trắng phau phau đôi ván ép,
Nước trong leo lẻo một giòng sông.
Cỏ gà lún phún leo quanh mếp,
Cá diếc thung thẵng lách giữa dòng.
Thấy giếng thanh tân ai là chẳng,
Thư sinh xin thử nọ giòng giòng.*

Cũng như bài thơ sau đây của một tác giả vô danh, vinh một ông tướng hăm thành quân địch, nhưng người đọc, dù không muốn đến đâu cũng phải hiểu thêm một nghĩa khác.

*Nguyên soái đêm qua cỡi chiến bào,
Mình trần cười ngựa lập công lao!
Giáo dài một mũi xuyên qua ải,
Đạn lớn hai viên phá vỡ hào.
Khẩu súng hăm thành phun sát khí,
Cờ quan nghênh chiến phất cờ mao.
Địch quân từng thế xin hàng phục,
Hứa nộp con tin một chuyến nào.*

Hai bài thơ trên là những bài thơ thuộc loại lời thanh ý tục, cái tục không được nhắc nhở tới qua một chữ trong bài thơ, nhưng đọc bài thơ ta có thể thấy được.

Lối ý thơ ngoài lời xưa thường được các cụ dùng nhất là dưới thời Pháp thuộc để trút nỗi uất hận của mình. Sở dĩ như vậy vì hồi đó kiểm duyệt chặt chẽ, không công phu làm sao

cho thơ được ý ngoài lời, thơ khó mà được in lên sách báo. Tuy vậy, rất nhiều trường hợp dù thơ ý ngoài lời vẫn bị kiểm duyệt như bài sau đây:

MẮNG MUỐI

*Chúng bay loài bọ gậy,
Ở nước chi hay quấy.
Xuống dưới đã ăn càn,
Lên trên lại làm bậy.
Sợ những kẻ làm màn,
Khinh các người mặc váy
Thế cũng gọi là "Văn"
Thật là một lũ xoáy¹*

Và bài thơ sau đây cũng ngoài lời. Tác giả bài này, cụ Song Nam, đã dùng những phương ngôn nói về chó để mắng chó:

MẮNG CHÓ

*Ai đại như mày hời chó ơi,
Lăm le bàn độc nhảy lên ngời
Thức đêm đầu có công vì chủ
Ăn bẩn cho nên tiếng để đời...
Thấy kẻ ăn mày còn nghiêng lợi,
Theo người áo rách sủa vang trời.
Này này bà đã mua riêng sẵn,
Chỉ đợi cho mày béo đấy thôi!*

Cũng dùng ý ngoài lời, một nhà nho đã mượn cảnh vườn bách thú để mắng bọn tay sai xu nịnh Pháp, không biết dân chúng đang neho nhóc đói,

1 Theo Lăng Nhân trong *Chơi chữ* – tài liệu đã dẫn.

VỊNH VƯỜN BÁCH THỦ

Dưới rừng cây xanh một rặng chuông,
 Mỗi chuông nuôi một giống chim muông.
 Khù khi vua cộp no nằm ngủ,
 Nhao nhác dân hươu đói chạy cuồng.
 Lũ khỉ nhe răng bày lăm chuyện,
 Đàn chim châu mò hót ra tuồng
 Lại thêm cây cáo dăm ba chủ
 Hục hặc tranh nhau một nắm xương¹

Thơ là một thú tiêu khiển, cách chơi thơ tìm thấy trong các lối vịnh thơ nhiều thú khác nhau, qua ý qua lời và qua những công phu cấu tạo nên một bài thơ. Càng công phu, càng mất công suy nghĩ, càng mất công suy nghĩ khi đạt được ý muốn, thì nhân càng thêm thú vị.

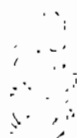
Gửi tờ nổi lòng

Chơi văn chương, người ta thường gửi nổi lòng vào văn chương, như ở đầu chương đã trình bày. Người xưa, gửi xong tâm sự mình vào một bài thơ, thường ngâm nga, và chuyển giao cho các bạn thi văn khác.

Từ khi có báo chương, làm xong thơ, người ta gửi đăng báo, và người ta mong rằng nổi lòng ẩn kín trong bài thơ sẽ có người hiểu biết. Có người gặp cảnh oan trái, làm thơ rồi đăng báo, lời thơ có khi là lời oán hận, có khi chỉ cốt nói lên sự chua xót của mình.

Tôi còn nhớ, năm 1934 tôi được đọc trên Báo Trung Bắc Tân Văn, một bài thơ của một thiếu phụ oán hận người cũ với nhan đề TRĂNG THÈ CÒN ĐÓ.

1 Theo Lăng Nhân, tài liệu đã dẫn.



Trăng thê còn đó trơ trơ,
 Người xưa cảnh cũ bây giờ là đâu?
 Thiếp canh khuya hên lầu lè bóng,
 Mắt mỗi mòn vì ngóng chờ ai!
 Chờ ai đắm đuối quê người,
 Cùng ai vui thú phụ người tình chung!
 Vì sớm biết nhân tâm là thê!
 Nhưng thôi đành! Càng kẻ càng thương!
 Thương cho thân gái canh trường.
 Gió lùa hiu hắt lòng vương tơ sầu.
 Đã cùng giao kết với nhau,
 Lúc vui, vui cả, lúc sầu, sầu chung!
 Mà ai nỡ thay lòng đổi dạ.
 Để giàu sang cám dỗ hồn ai
 Yêu người hờn giết trăm才子,
 Xa người ủa rách phụ người kém duyên.
 Ngắm nhân thế đảo điên mà ngán,
 Biết tìm ai là hạn tri âm?
 Nước non thôi cũng âm thầm,
 Trông non nước vắng khôn cảm giọt châu.
 Non nước hơi thấu nhau chẳng tá,
 Thấu chẳng ai tác dạ lạnh lùng?
 Ngán ngao cái kiếp má hồng
 Tuổi xuân đi mất có hòng lại ư?
 Trông phong cảnh sao mờ mây phủ
 Cảnh vì người ủa rữ hay chăng?
 Cấn rằng muốn nên nỗi lòng,
 Nhún vai cho khỏi lạnh lùng trái tim!
 Tình bỗng bột khôn quên nỗi nhớ,
 Muốn ôm ghi vũ trụ vào tay.
 Đêm đông gió lạnh canh chầy
 Hỏi ai, ai thấu cảnh này nào ai?

Bài thơ này dưới ký tên là Thị Thìn, Bắc Ninh, nhưng về sau chúng tôi được biết thì chính tác giả bài thơ này là thi sĩ Nhật Xuyên ở Sông Thương, thi sĩ đã được thiếu phụ đương sự nhờ làm giúp bài thơ trên để oán trách người đã phụ bạc mình, và cũng nhờ thi sĩ đăng báo giúp.

Với thể thơ song thất lục bát, thi sĩ đã khéo tả được nỗi lòng của thiếu phụ và sự đau đớn của nàng.

Bài thơ trên đăng trên Trung Bắc Tân Văn, chỉ độ hai tuần lễ sau, trên mục Thi văn của báo này có bài trả lời bài thơ trên với nhan đề TRĂNG THẺ LẠNH NHẬT, cũng dùng thể song thất lục bát:

TRĂNG THẺ LẠNH NHẬT

*Làn mây phủ trăng thẻ lạnh nhạt
Sóng thời gian dào dạt buông trôi
Người xưa cánh cù đôi nơi,
Sao mờ khôn tỏa khắp nơi chấp trùng,
Gương tư mã soi chung tường trợn
Nay tan tành nên hận vì đâu?
Trách ai sao chẳng nghĩ sâu
Lỗi mình quên xét, xét đâu lỗi người,
Bát nước đã đổ rồi khôn vớt,
Giòng sông kia đã đục khôn trong,
Giang tay ai cắt chỉ hồng
Chỉ tôi bờ đứt ai mong nối gì.
Nào có phải rằng chê áo rách.
Mà yêu người lược giắt điểm trang.
Phải đâu say chỗ giàu sang
Thay lòng đổi dạ bẽ bàng người xưa!
Nào có phải không ưa duyên kém,
Sợ tơ tình đem hiến người hoa
Trách ai sao chẳng nghĩ ra,*

Khuyên ai chớ đợi người xa làm gì,
 Đợi người ngẩn xuẩn đi đi mãi,
 Ánh trăng tàn nhạt đôi người hiền.
 Khuyên ai tìm lấy bạn hiền,
 Trăm năm chấp nối tơ duyên kèo mà!
 Ôm vũ trụ ché là lạnh lẽo,
 Nhún vai nhiều gầy héo tim non.
 Duyên đã lỡ nghĩa không còn,
 Mịt mù trời thăm mây buồn quanh hiu.
 Con sông Thương đôi chiều nước chảy
 Mà đường đời đầy rẫy lối đi,
 Tâm hồn tương phản mong chi,
 Cùng nhau cùng bước cùng về tương lai.

Hai bài thơ trên của đôi bên cũng tỏ nỗi riêng, tại anh hay tại ả. Ở đây chúng tôi không xét đến, chúng tôi nhắc lại hai bài thơ này, vì đây là những bài thơ các tác giả đã ghi tỏ nỗi lòng, đã dùng lời thơ để nói lên tâm trạng của mình, một trong những khía cạnh của thú chơi văn chương.

Thời gian từ năm 1930 trở đi, cho đến mười năm sau là thời kỳ văn thơ lãng mạn đang phát triển. Nhiều những bài thơ khóc mây, thương gió, tả nỗi buồn vơ vẩn được đăng trên báo chí, từ nhật báo đến tuần báo, và cả trong các tạp chí nguyệt san nữa. nhất là những bài thơ trai gái nói lên tâm trạng của mình, bị người yêu phụ bạc, bỏ đi v.v... Lúc đó phong trào thơ mới vừa bắt đầu, nhiều người làm thơ mới, nhưng nhiều người vẫn dùng những thể thơ cũ. Dưới đây là một thí dụ, một bài thơ tả tâm trạng một thiếu nữ oán trách người yêu đã bỏ nàng, đi theo đuổi bà công danh.

ANH ĐI TỪ ĐÂY

Anh đi từ đây em buồn tẻ,
 Tiếc tuổi xuân lặng lẽ dần trôi!



Ba năm khô héo tim rồi,
 Lệ non tưới mãi chỗ ngồi năm xưa!
 Nơi chúng ta chỉ ưu đón gió,
 Đón trăng vàng lấp lò đầu non.
 Mùa nay trăng gió vẫn còn,
 Bên hồ kẻ vắng người mòn mắt trông!
 Tháng lại tháng sống trong quăng vắng,
 Năm lại năm buồn ngắm sen tàn.
 Trông hoa tui phận hồng nhan,
 Chịu riêng cái kiếp sầu oan mau già.
 Mà than ôi! Vinh hoa phú quý,
 Dứt thiếu niên bỏ phí đời tình,
 Để anh mãi miệt công danh,
 Bỏ trơ hai chữ chung tình riêng mừng!
 Trên nhà nay, nhện giăng đầy mái,
 Trước hiên giờ, rêu mãi xanh um.
 Tình say một tấm mộng hồn.
 Canh khuya phàng phất chồn vờn buồn tênh.
 Ba năm giữ mối u tình,
 Ba năm dằng dẳng trong thành sầu bi.
 Mà mong anh, anh đi, đi mãi.
 Ôi những ngày ân ái giờ đâu?
 Trông trăng lặn tỏa bóng sầu,
 Mơ hồ lại tưởng cùng nhau những ngày!
 Những ngày ấy như mây trước gió,
 Lạnh lùng đi nào có chờ ai!
 Vết đau lẳng đãng còn dài,
 Thời gian khôn xóa hết đời quạnh hiu.
 Những ngày ấy chất chiu ôm giữ,
 Rồi còn đây lần nữa lại qua.
 Ôi! Đời thế vui chi mà,
 Đợi mong hết kiếp đời hoa còn gì?



Ân ái cũ bỏ đi từ đây,
Mối tình xưa đoạn tuyệt từ đây.
Thoát ly cái cảnh đọa đầy,
Còn hơn sống mãi những ngày buồn tênh.
Đập tan chữ chung tình cho mất,
Hôn mê đà tỉnh giấc êm đêm.
Tình duyên thôi thế là yên,
Tao phùng thời cũng chẳng nên mong gì,
Đa mang mãi làm chi nghĩa cũ
Cầm lụy đầu khóc lủ vô tình,
Giận thay là lủ đầu xanh,
Khéo đem hai chữ chung tình cợt nhau.

B. NGÂM

Vịnh thơ là một thú, nhưng vịnh thơ song phải ngâm thơ, có khi tự tác giả ngâm lấy và độc ngâm, có khi cùng các bạn hữu cùng ngâm.

Ngâm thơ là gì?

Ngâm thơ là đọc thơ thông thả và lấy giọng lên xuống, tùy theo từng đoạn câu thơ và tùy theo lời thơ. Khi y thơ hay, lời thơ chọn lọc, khách ngâm thơ có thể nhấn mạnh tới những đoạn mà mình thích thú hoặc bằng cách ngâm cao giọng hơn hoặc bằng cách kéo dài giọng ra cho lời thơ thật ngân nga.

Làm xong bài thơ, để hưởng cái thú sáng tác, thi sĩ thường bao giờ cũng tự ngâm bài thơ, rồi nhân lúc trà dư tửu hậu cùng bạn bè thi nhân lại đem bài thơ ra ngâm để bạn bè cùng thưởng thức và phê bình, cân nhắc nặng nhẹ những chữ đã dùng. Thường thi nhân, gặp nhau nói chuyện thơ chuyện phú, nhà thơ này ngâm bài thơ của mình cho các nhà thơ kia nghe.

những nhà thơ tỏ bày ý kiến, rồi cùng lần lượt ngâm những thơ của mình cho các bạn khác nghe, rồi cùng thưởng thức bằng những chén chè ngon hoặc những ly rượu nồng.

Xưa và nay vẫn còn, các cụ thường họp thành những hội thơ, cùng nhau gặp gỡ hàng ngày hoặc một tháng đôi ba lần. Trong những buổi gặp gỡ này, hoặc dùng trà, hoặc dùng rượu để cùng bình thơ mà thưởng thức. Dùng rượu thường có lệ phạt, hoặc vì thơ đụng chạm những điều phạm, phạt vì thơ có chữ hoặc câu nào kém từ hoặc ý. Một cụ đọc lên, ba bốn cụ cùng nghe, thơ hay, tác giả được thưởng một ly rượu, còn thơ dở, tác giả có thể bị mỗi người phạt một chén rượu to. Hội thơ để ngâm thơ và nhất là để để vịnh.

Cũng có khi một cụ làm được bài văn hay, phú, kinh nghĩa hay văn sách, các cụ cũng nhân những buổi họp của hội thơ đem ra bình, hoặc cụ nào đọc được, nghe được của các bạn hữu xa xôi những bài thơ hay các cụ cũng đem bình trong những buổi họp này. Dưới thời Pháp thuộc, các cụ thường làm thơ để mỉa mai chế giễu những bọn tay sai của Pháp, lời thơ thường kín đáo, các cụ bình với nhau, gắp bài thơ xúng ý, dù không phải mình là tác giả, các cụ cũng thấy thống khoái như chính mình đã sáng tác ra.

Trong những cuộc vui như khao vọng, cưới xin, các cụ thường dùng thơ mừng nhau, và những bài thơ này bao giờ cũng được bình lên, nhất là những bài thơ mừng trong dịp khao tuổi thọ. Thơ hoặc do chính tác giả bình, hoặc do các ca nhi được gọi tới ngâm lên.

Cũng có khi có cụ xuất khẩu thành chương, vừa làm thơ tại chỗ vừa ngâm.

C. LIÊN NGÂM

Làm thơ xuất khẩu thành chương đã có, nhưng một mình làm một bài, ý tứ riêng của thi nhân, thi nhân tự lựa ý lựa vần, dù có khó cũng dễ vượt qua. Khó hơn là làm thơ liên ngâm, nghĩa là có một đề, đúng với thể thơ, đúng với vần đã được gieo.

Dưới đây là một thí dụ, một bài thơ sáng tác do sự liên ngâm của Phạm Đình Trọng và phu nhân.

Phạm Đình Trọng:

Năm chờ tháng đợi trái bao niên

Phu nhân:

Kim côi đôi ta có túc duyên

Sơn Hải xui nên liền mối nghĩa¹

Phạm:

Đình chung nay được vẹn lời nguyên

Lý đào cảnh tốt phố ngoài cửa

Phu nhân:

Lan quế chồi tươi nảy khắp hiên

Lộc nước ơn vua nhuận thấm vậy.

Phạm:

Vùng cầm then khóa chốn thanh thiên²

Liên ngâm là một lối chơi thơ của những bậc có thi tài, không phải ai cũng làm nổi được cho thật chỉnh. Ngày xưa,

1 Túc duyên: duyên hên từ kiếp trước. Sơn hải: Sơn Tây quê của phu nhân. Hải Dương, quê của Phạm. Chú thích của Lăng Nhân.

2 Theo Lăng Nhân trong *Giải thoại Lăng Nho*

các văn nhân thường lấy lối liên ngâm thử tài thi phú của nhau. Trong chốn triều đình các quan văn cũng thường họp thơ và thường cùng nhau liên ngâm.

Một câu chuyện vui về thơ liên ngâm

Câu chuyện này không biết xảy ra từ đời nào, chỉ biết đây là một câu chuyện vui thường được khách làng thơ nhắc lại, và trong câu chuyện có một bài thơ liên ngâm. Nay nhân nói tới lối thơ này, chúng tôi xin chép lại ra đây. Câu chuyện được mang nhan đề là **QUAN VỖ LÀM THƠ**. Xưa, khác hẳn ngày nay, dân ta thường trọng văn khinh võ, và quan văn đối với quan võ thường có một thái độ không mấy kính trọng. Ngay trong các ca dao thường cũng nhắc tới sự trọng văn khinh võ này.

*Văn thời cưỡi phẩm đã sang,
Võ thời thất phẩm còn mang guơm hầu.*

•
•

*Quan văn mất một đồng tiền,
Làm cho quan võ mất quyền quận công.*

•
•

*Trâu cật thì ghét trâu ăn,
Quan võ thì ghét quan văn dài quần!*

Trong triều đình các quan văn sau những buổi chầu thường họp nhau uống rượu ngâm thơ, và thường có những thái độ dè bĩu các quan võ không biết làm thơ. Thái độ dè bĩu này, các quan võ không khỏi không nhận thấy. Một hôm bốn ông quan võ gặp nhau. Một ông bảo:

- Bọn quan văn chúng có khinh bọn mình không biết làm thơ, tối mai mời tam huynh tới nhà đệ, chúng ta uống

rượu rồi cùng nhau ngâm thơ cho bọn quan văn chúng nó sáng mắt ra.

Ba ông quan võ kia đồng ý, và buổi tối hôm sau cùng kéo nhau tới nhà vị quan võ thứ nhất.

Vị này sai quân hầu dọn rượu ở dưới gốc một cây tùng ở ngay trước cửa nhà. Bốn người ngồi vào bàn rượu, có một tên lính đứng hầu. Sau một tuần rượu, vị quan võ chủ nhân bảo ba người kia:

- Hôm nay chúng ta uống rượu ngâm thơ cho lũ quan văn chúng nó sáng mắt ra. Chúng nó tưởng chỉ chúng nó làm được thơ, còn bọn quan võ chúng mình không biết làm thơ sao.

Ba ông quan kia gật gù khen phải. Một ông nói:

- Chúng ta sẽ làm một bài thơ, mỗi người một câu liền ngâm. Vậy xin chủ nhân ra đầu đề.

Vị quan võ chủ nhân bảo:

- Chúng ta uống rượu dưới cây tùng, chúng ta lấy ngay đó làm đầu đề.

- Vậy xin chủ nhân bắt đầu.

Vị quan võ này hơi nghĩ ngợi một chút và ông ngâm:

Hạnh ngộ tri âm, hạnh ngộ tùng.

- Hay! Hay! - Ông vừa ngâm xong ba ông kia đều khen. Rồi đến vị quan võ thứ hai, ông này ra vẻ suy tư, nhắm nháp hớp rượu, ông nhớ tới hôm đó là ngày mồng bốn đầu tháng ông ngâm:

Sơ tam sơ tứ nguyệt mồng lung

Lại những tiếng khen hay vì lời thơ đã đẹp, vẫn lại gieo rất đúng.

Đến lượt ông thứ ba, ông này xưa nay chữ nghĩa kém, ông nghĩ mãi, uống hết hai chén rượu mới thốt ra:

Mã đề dương cước anh hùng tặn.

Ba ông kia lại khen. Rồi đến ông thứ tư, ông cũng như ông thứ ba, vốn xưa nay người vai u thịt bắp thuộc loại rằng đen mã tấu, thơ thần đối với ông thật là xa lạ, nhưng chẳng lẽ ba ông quan võ kia đã có ba câu thơ mình lại chịu. Ông vừa uống rượu vừa lục lợi trong trí nhớ thật lâu. Ông gặp khó khăn hơn ông thứ ba vì câu thơ của ông lại cần có vần với hai câu nhất nhì. Mãi ông mới phụng được ra:

Quan công đại chiến Uất Trì Cung

Thật là nhẹ gánh. Ba ông quan võ lại khen hay và đều thở nhẹ ra vì đã hoàn thành được bài thơ.

Ông quan võ thứ nhất gặt gù ngâm lại bài thơ đủ cả bốn câu:

Hạnh ngộ tri âm, hạnh ngộ tưng,

Sơ tam sơ tứ nguyệt móng lung.

Mã đề dương cước anh hùng tặn,

Quan công đại chiến Uất Trì Cung.

Rồi ông nói:

- Hay! Hay thật! Đấy chúng mình chẳng làm được thơ hay sao! Lũ quan văn xưa nay lão đảm khinh bọn mình.

Bốn ông đều tự khen hay, cùng ngấm vang cả sân rồi lại tự thưởng mỗi ông mấy chén rượu.

Anh lính hầu vốn nguyên là con nhà văn học, con một nhà nho, vì nhà nghèo không có tiền đứt lót hương lý nên khi triều đình bắt lính anh phải xung quân ngũ như ngày nay đi quân dịch. Nhờ sự gửi gắm của người thân thuộc anh được chỉ định làm lính hầu tại nhà ông quan võ nơi đây. Thấy bốn ông dốt làm thơ, dùng toàn những câu thơ cổ còn nhớ lóm được, anh không khỏi mỉm cười. Sau anh thấy bốn ông quan võ tự khen thơ là hay, anh thấy ngứa ngáy và anh đánh liều góp lời:

- Bẩm các quan thơ hay thật! Lý Bạch, Đỗ Phủ cũng chỉ đến thế là cùng.

Một vị quan vô hồi:

- May cũng biết thơ à.

- Bẩm quan lớn, lúc nhỏ con cũng đã được theo đòi năm ba chữ. Thơ các quan lớn hay lắm. Nếu các quan lớn cho phép con xin dịch nôm.

Bốn ông quan vô đồng ý. Anh lính hầu liền dịch bài thơ:

*May gặp tri âm may gặp tùng,
Mông ba mông bốn trắng mông lung.
Chân dê vó ngựa anh hùng hết.
Quan công đánh lớn Uất Trì Cung.*

Vừa dịch anh vừa lấy giọng ngâm. Dịch xong anh lại khen.

- Thật là tuyệt cú! Tuyệt cú!

Bốn ông quan vô cười ha hả thưởng cho tên lính hầu chén rượu. Nhưng bỗng viên quan thứ nhất trừng mắt nhìn tên lính bảo:

- Thằng này hỗn! Nói láo! Thơ thế mà hay à! Quan công đòi Tam Quốc sao lại đánh nhau với Uất Trì Cung đòi Đường. Tên lính đứng im. Viên quan vô nói tiếp.

- Chúng ông vô biên thơ chỉ có thế, thằng nào chịu được thì chịu, không chịu được cố mà chịu, hay muốn đấu tranh biểu tình tùy ý.

^
* *

Câu chuyện vui trên chứng tỏ làm thơ liên ngâm là khó, và những kẻ học hành kém, văn hóa nông cạn, không phải là những người có thể làm được lối thơ này.

D. HỌA VẦN

Họa vần một bài thơ tức là làm một bài thơ khác theo đúng vần của bài thơ cũ. Đây là một thí dụ:

MỜI BẠN

Đưa đến thi gia mảnh giấy phong,
Giấy còn trắng xóa tỏ màu trong.
Cảnh bày tứ mỹ thơ vui tả,
Chén đợi cao nhân rượu nhấp chung.
Phép lạ Trương Phòng mong rút đất,
Con thuyền từ chỉ cấm bên sông.
Tứ du hà tất xin đừng nhớ,
Mong đến cùng nhau tả chữ đồng.

Trúc Phong

BÀI HỌA

Cửa ngoài tiếp được bức thư phong,
Nửa mở xem qua biết ý trong.
Chén rượu đương chờ hâm đã nóng,
Câu văn hãy đợi vịnh cùng chung.
Cảnh tiên ước được mà hay gió,
Đường bộ mau hơn khỏi vượt sông.
Đã nghĩa giao du đâu dám chối,
Giữ lời về trước chú gia đồng.

Chiêu Dương¹

Họa thơ có thể trong hộc mặt, kè xướng người họa, nhưng cũng có khi một bài thơ đăng trên một tạp chí hoặc một tờ

1 Hai bài thơ này trích trong tập *Sơn Nhân Nhân Bút* của Chiêu Dương, xuất bản năm 1960 ở Sài Gòn, trang 31.

báo, một vài kỳ sau có người họa lại, như trong *Nam Phong Tạp Chí* số 45 xuất bản tháng 3 năm 1921, có bài thơ Chơi chùa Tây Phương hoài cổ của Nghĩa Viên Hoàng Văn Đào:

Cát Tiên tu luyện những bao giờ,
Nhớ cảnh Tây phương dạ ngẩn ngơ.
Nhuộm vẽ tang thương màu tượng cũ,
Phủ rêu phong vũ nét bia mờ.
Thương xuân khách lắng chuông kim cổ,
Tĩnh mộng người nghe mõ sớm trưa.
Chót vót trên non chùa với Phật,
Càng trông càng nhớ Trịnh Vương xưa.

Chùa Tây Phương ở huyện Thạch Thất tỉnh Sơn Tây, ở trên đỉnh núi Câu Lậu, do Chúa Trịnh làm ra, tương truyền ngày xưa có ông Cát Hồng tu tiên ở đó.

Bài thơ đăng trên báo, hai tháng sau, trong *Nam Phong* số 47 tháng 5-1921, ông Ngạc Đình Phạm Quang Sán có bài họa lại:

Châu dưng bao lâu mãi đến giờ,
Ngắm xem phong cảnh để mẩn thơ.
Tượng phai phấn trắng màu da cũ,
Bia phủ rêu xanh nét chữ mờ.
Tĩnh giác tang thương hồi mõ sớm,
Gọi người kim cổ tiếng chuông trưa.
Tây Phương cực lạc là đây nhi.
Cát Linh tu hành nhớ thờ xưa.

Họa thơ có thể theo ý bài cũ, tán dương hoặc phản đối có khi bài họa là một bài trả lời cho bài kia, như bài thơ Cô hàng chiếu họa lại bài thơ của cụ Nguyễn Trãi. Cụ Nguyễn Trãi gặp cô hàng chiếu làm thơ:

Ở à! ở đâu bán chiếu gon,
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?
Xuân xanh xin hỏi chừng bao tuổi,¹
Đã có chồng chưa, được mấy còn?

Để trả lời cụ, cô hàng chiếu họa lại bài thơ trên:

Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon,
Có chi ông hỏi hết hay còn.
Xuân xanh vừa độ trăng tròn lẻ,
Chồng còn chưa có, có chi còn.

Về những bài thơ họa ý kiến hòa hợp có thể kể bài thơ của Phạm Đình Trọng họa lại bài của phu nhân khi đôi bên còn là vị hôn phu, vị hôn thê.

Hồi đó ông Phạm Đình Trọng, viết thư cho gia đình nhà vợ chưa cưới ở Sơn Tây, ông đã nhận được bài thơ sau đây của vị hôn thê:

Tin tốt xu bay đến mái ngoài,
Trong khuê lòng khách khó nên lời.
Xuân qua vùn vụt đông dần tới,
Vườn cấm trắng hoa vẫn đợi ai.

Tân khoa họ Phạm nhận được bài thơ trên đã họa lại:

Quan san cách mấy dặm đường ngoài,
Mảnh giấy mong manh khó hết lời.
Trần trọng lời vàng vâng linh lấy,
Muôn chung nghìn tứ dám quên ai

Nhiều khi gặp bài thơ móc móc, người họa cũng móc móc lại người xướng. Như chuyện xưa như ông Nghè Châu Cầu bị

1 Câu này cũng có người ghi là
"Xuân xanh chừng độ bao nhiêu tuổi?"

mất cướp, cụ Yên Đỗ có bài hỏi thăm nhưng có ý moi móc.
Bài thơ này đã được ông Nghè Châu Cầu họa lại.

HỎI THĂM MẤT CƯỚP

Tôi nghe kẻ cướp nó lên ông,
Nó lại lời ông đến giữa đồng.
Lấy của đánh người, quân tề nhĩ!
Xương già da cóc có đau không?
Bây giờ mới thấy xây da trán,
Ngày trước đi đâu mất mấy lông.
Thôi cũng đừng nên ký cốp nữa,
Kèo mang tiếng đại với phường ngông.

Trả lời

Ông thăm tôi cũng già om ông,
Nó có lời tôi đến giữa đồng.
Cũng tưởng vun thu phòng lúc thiếu,
Nào ngờ ký cốp lại như không.
Chém cha thằng quý đen tai mắt,
Chẳng nể ông già bạc tóc lông.
Ông hỏi thăm tôi, tôi biết vậy,
Thương ông tuổi tác cháu thì ngông.¹

Nói đến họa thơ, phải nhắc tới cuộc đối thoại nẩy lửa của Phan Văn Trị đối với những bài thơ của Tôn Thọ Tường theo Pháp để cầu công danh, Phan chê thái độ đó và riêng mình luôn giữ trọn khí tiết của một kẻ sĩ. Tôn thường làm thơ để bào chữa cho thái độ của mình, Tôn càng bào chữa, Phan lại càng buộc tội trong những bài họa. Sau đây là mấy bài xướng họa, chúng tôi rất tiếc khuôn khổ tập sách này không cho phép chúng tôi được trích nhiều. Chúng tôi xin trích bài

1 Lãng Nhân – Chơi chữ, trang 135.



đầu tiên trong mười bài xướng họa với đề thơ *Giang sơn ba tỉnh* của họ Tôn.

Bài xướng

*Giang sơn ba tỉnh hầy còn đây,
Trời đất xui chi đến nỗi này?
Chớp nhoáng thẳng bon dây thép kéo
Mây tuôn đen kịt khói tàu bay.
Xấn vắn thăm tính, thương đôi chỗ,
Khấp khởi riêng lo, hiết những ngày.
Miệng cộp hàm răng chưa dễ chọc,
Khuyên đàn con trẻ chớ thày lay.*

Bài họa

*Hơn thua chưa quyết đó cùng đây,
Chẳng đã nên ta mới thế này.
Bến Nghé quân bao cơn lửa cháy,
Cồn Rồng dầu mặc bụi tro bay.
Nuôi muông giết thỏ còn chờ thừa,
Bùa hời sẵn nai cũng có ngày.
Đừng mượn hơi hùng rung nhất khi,
Lòng ta sắt đá há lung lay.*

Và sau đây, chúng tôi xin trích thêm bài thơ *Tôn phu nhân quy Thục*, trong đó Tôn Thợ Tường có ý dựa vào hoàn cảnh để cải tội, nhưng Phan đã bác tất cả những lời bào chữa của Tôn trong bài họa.

TÔN PHU NHÂN QUY THỤC

*Cật ngựa thanh gươm ven chữ tòng,
Ngàn thu rụng tiết gái Giang Đông.
Lìa Ngô, bịn rịn chòm râu bạc.
Về Hún, trau tria mảnh má hồng.
Sơn phấn thà cam rày gió bụi,*



Đá vàng chi để then non sông.
Ai về nhắn với Chu Công Cẩn,
Thà mất lòng anhặng bụng chồng.

Bài họa

Cài trâm sửa áo vện câu tòng,
Một ngà trời chiều biệt cội Đông.
Khoi tỏa trời Ngô chen thức bạc,
Duyên về đất Thục đượm màu hồng.
Hai vai tơ tóc bèn trời đất,
Một ganh cương thường nặng núi sông.
Anh hỡi, Tôn quyền anh có biết,
Trai ngay thờ chúa gái thờ chồng.

E. TẬP KIỀU¹

Tập Kiều, còn gọi là *lấy Kiều* là lấy hai câu thơ trong Kiều một câu sáu và một câu tám. hai câu ở hai đoạn khác nhau. Dùng lối tập Kiều, có thể nói được đến những điều mà chính trong truyện Kiều không nói tới.

Sở dĩ các thi nhân hay tập Kiều vì trong truyện Kiều giá trị của câu văn óng chuốt, ý tứ hàm xúc đã đành, lại còn vì các nhạc điệu dịu dàng êm ái khiến nên dễ ngâm, dễ nhớ, dễ truyền tụng, và nhất là vì đã tả được tâm trạng con người trong mọi cảnh ngộ hi, nộ, ai, lạc, ai gặp trường hợp nào cũng có thể tìm ra được một câu vừa ý mà ngâm ngợi, giải tỏa nỗi thắc mắc của mình.²

Trước đây soạn giả có dịp được gần Lãng Nhân trong công

1 Bị thất lạc mất một trang.

2 Theo Lãng Nhân trong Chơi chữ.

việc nghề nghiệp, rồi sau một thời gian ngắn, soạn giả phải rời bỏ nơi này. Trước khi đi chỗ khác, soạn giả đã được Lãng Nhân tiên sinh tặng mấy câu tập Kiều sau:

*Bình Khang nấn ná bấy lâu.
Chưa vui sum họp đã sầu chia phôi!
Giờ ra thay bực đối ngôi,
Cõi nguồn cũng ở lòng người mà ra.
Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ trịnh kia cũng có ba bảy đường...
Ôi Kim Lang, hỡi Kim Lang,
Bấy giờ Kim mã ngọc đường với ai.*

Với tập Kiều, người ta có thể tả những sự việc rất xa với truyện Kiều bằng văn thơ Kiều. Tác giả *Chơi chữ* đã nêu ra rất nhiều câu tập Kiều mà dưới đây chúng tôi xin trích lại mấy câu:

CÁI ỚNG MÁNG

*Trên vì nước dưới vì nhà,
Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng!
Nhìn càng lã chã giọt hồng,
Nổi lòng ai ở trong lòng mà ra.*

CÁI ĐIỀU SÁO

*Cánh hồng bay bổng tuyệt vời
Đình ninh hai miệng một lời song song.*

Trong khi tập Kiều, các thi nhân thường thay đổi chữ trong câu thơ, để hợp với hoàn cảnh hoặc sự vật miêu tả.

Tác giả *Chơi chữ* là một nhà thơ đã có nhiều bài tập Kiều có giá trị. Trong cuốn *Chuyện cà kê* do Nam Chi Tùng Thư xuất bản, ông có bài *Nơi Nghị Trường*, trong có rất nhiều câu tập Kiều thú vị:

- Mừng ông Nghị Chiếu:

*Như chàng có vừng tay cò,
Mười phần cũng đắp điểm cho một vài!
Đáng mặt anh tài.*

- Mừng ông Nghị Trường Phạm Huy Lục:

*Phong tình cổ lục còn truyền,
Mặn mà nét bút càng nhìn càng tươi.
Cùng nhau trông mặt cả cười,
Mà lòng trọng nghĩa khinh tài biết bao!
Cổ xúy xôn xao*

Trong câu tập Kiều này tuy nói đến ông Phạm Huy Lục nhưng lại nhắc khéo tới cả cô đốc Sao, người có ít nhiều liên hệ với ông Lục.

Tập Kiều là một thú tiêu khiển đặc biệt của lối chơi thơ, nhưng muốn làm được tập Kiều trước hết phải hiểu Kiều, phải thuộc Kiều, và lại phải biết dùng những câu Kiều sao cho hợp tâm tình, hoàn cảnh hoặc sự vật muốn mô tả. Nói như vậy nghĩa là tập Kiều tuy thích thú nhưng không phải là dễ dàng, và không phải bất cứ ai tập tọng làm thơ là cũng tập Kiều nổi.

F. THẢ THƠ VÀ ĐÁNH THƠ

Đây là một lối chơi thơ rất khó khăn và những người học hành ít, cổ thi không biết được nhiều không chơi nổi. Có thể nói đánh thơ là một lối đánh bạc văn chương, dùng văn chương đem ra đánh cá để ăn tiền.

Thả thơ có một người chủ trương. Thường trong lúc thả

thơ có ngâm thơ và người ngâm thơ thường là một phụ nữ thì cảm đều khá, vì ngâm thơ có đệm theo tiếng đàn.

Người chủ trương thả thơ dùng những bài cổ thi lựa những câu nào có những chữ có thể thay bằng bốn chữ khác nữa. Thí dụ như sau:

Vân khởi Cao dài nhật vị trầm

của Liễu Tôn Nguyên được người thả thơ chọn. Trong câu có hai chữ *Cao dài* là dài cao được người chủ trương lựa chữ *Cao* và dùng bốn chữ khác thay thế câu thơ có nghĩa:

Mây phủ dài cao bóng ác tà¹

Người thả thơ lựa bốn chữ có thể thay chữ *Cao* mà vẫn có ý nghĩa đối với câu thơ.

Bốn chữ đó có thể là:

- Giang, thành, giang dài, dài ở bên sông.
- Sơn, thành sơn dài, dài trên đỉnh núi.
- Mộ, thành mộ dài, dài bên mộ.
- Tịch, thành tịch dài, dài cô tịch.

Câu thơ được lựa chọn, người thả thơ viết trên một tờ giấy, nhưng chỗ chữ cao bỏ trống và vòng một vòng tròn. Đọc lên câu thơ sẽ thành.

Vân khởi VÒNG dài nhật vị trầm.

Mé đằng sau tờ giấy, người thả thơ phải ghi đúng chữ nguyên văn là chữ CAO.

Tờ giấy chép câu thơ được cuốn tròn mặt chữ ra ngoài để ai cũng có thể đọc được câu thơ. Người chủ trương thả thơ, đưa ra năm chữ:

GIANG, SƠN, CAO, MỘ, TỊCH

1 Vũ Thanh Duy dịch.

để những người đánh thơ lựa chọn một chữ sao cho đúng với câu thơ. Người đánh thơ đúng, người thả thơ phải giam tiền một gấp ba tùy theo số tiền người đánh đã đặt.

Trong mấy chữ trên, chữ nào thay cho chữ CAO, cũng đều có nghĩa. Chẳng hạn như chữ Giang, câu thơ sẽ có nghĩa:

Mây phủ dài bên sông, bóng ác tà.

Người đánh thơ cũng phải thuộc nhiều cổ thi như người thả thơ. Có khi lại phải thuộc nhiều hơn, vì người thả thơ có thể tra cứu các tập cổ thi để lựa chữ tung ra cho người đánh, còn người đánh thơ phải tự mình thuộc thơ của cổ nhân để đánh thơ cho đúng chữ mà không được tra cứu sách vở nào.

Câu thơ đã được thả ra người phụ nữ vừa đàn vừa ngâm câu thơ để những người tham dự đánh thơ, nghe thơ mà suy ngẫm, khi ngâm tới chữ được chọn, người này ngâm tiếng Vòng.

Các người đánh thơ vừa nghe thơ vừa tìm kiếm trong trí óc vị trí của câu thơ. Câu thơ trong bài nào và tác giả là ai?

Ngày xưa, tại các nhà vị quan tỉnh hoặc phủ hay có cuộc thả thơ, người đứng thả thơ thường là một tay văn tự nhưng bước công danh không đạt, lang thang ngày tháng lấy thú văn thơ tiêu khiển. Các vị quan phủ hoặc tỉnh thường là bạn cũ của nhà nho thất thế này muốn giúp đỡ bạn và cũng nhân thể muốn mở cuộc mua vui tao nhã, lấy văn chương làm hứng, mời bạn tới nhà tổ chức cuộc thả thơ và đánh thơ. Trong cuộc vui thanh tao này, những người tham dự đều là những tay văn tự, đánh thơ để tỏ ra mình là người biết thơ, còn được thua không đáng quan tâm. Đánh đúng câu thơ thả ra là một điều thống khoái, chứng tỏ mình xem nhiều biết rộng.

Tham dự thả thơ, vừa được nghe ngâm thơ lại vừa học hỏi thêm về cổ thi, người trí thức lấy đó là một điều bằng lòng, và cuộc vui thường rất giới hạn trong số người chơi, những kẻ tầm thường, học thức nông cạn không dám mon men tới

huống chỉ trong lúc thả thơ, nhiều khi chủ nhân lại mang trà ngon ra thiết, có khi chơi quá khuya lại có cháo gà lót bụng cho cả người thả lẫn người đánh thơ.

Dưới đây chúng tôi xin nêu thêm một thí dụ nữa về những câu thơ được lựa chọn.

Trong câu sau đây: *Quân hướng Tiêu Tương, ngã hướng Tân*, nghĩa là *anh hướng Tiêu Tương, tôi hướng về Tân*, người thả thơ có thể chọn chữ *hướng*, câu thơ sẽ thành:

Quân hướng Tiêu Tương, ngã VÒNG Tân.

Đồng thời bốn chữ khác được đưa ra cùng với chữ HƯỚNG để tùy những người đánh thơ lựa chọn: CỐ, TẠI, VỌNG, PHÂN. Trong năm chữ trên, chữ nào đặt vào câu thơ ở vào vị trí cái vòng tròn cũng đều có nghĩa.

CỐ là quay đầu lại nhìn

TẠI là ngóng về

PHÂN là trở về

Câu thơ có thể là: *Quân hướng Tiêu Tương, ngã “Cố” Tân* và có nghĩa: *Anh hướng về Tiêu Tương, tôi quay lại nhìn Tân*

Trong các cuộc đánh thơ, sau khi mọi người tham dự đã đặt tiền và chọn chữ, người thả thơ gọi nôm na là nhà cái mới thổi tờ giấy ra để cả mọi người đều trông thấy chữ đúng của câu thơ.

Người chủ trương, trong mỗi tối thả thơ ít nhất phải lựa sẵn vài chục câu thơ đem ra thả dẫu, canh này không hết, chỗ còn lại cất đi, dành tới canh sau.

Thả thơ và đánh thơ là một thú chơi thơ tao nhã, ngày nay không còn, vì tìm đâu ra đủ người để hiểu thơ cũ, thường thức thơ cũ để chủ trương thả thơ và tham dự đánh thơ. Than ôi! Thời thanh thú nay còn đâu!

CÂU ĐỐI

Trong thi phú còn lối chơi câu đối rất được phổ biến xưa kia, từ trong dân gian đến hàng trí thức. Câu đối gồm hai câu thành vế, đối nhau từ ý đến lời. Thí dụ:

*Sơn thủy thanh cao xuân bất tận,
Thần tiên lạc thú cảnh trường sinh.*

hoặc:

*Tiên tổ phương dung lưu quốc sử,
Tôn tôn tích học hiển gia phong¹*

Câu đối có thể là chữ hoặc nôm. Dưới đây là mấy đôi câu đối nôm:

*Ngoại cửa mừng xuân nghênh ngũ phúc,
Trong nhà chúc Tết hưởng tam đa.*

*Có tôn có tổ, có tổ có tôn, tôn tổ, tổ tôn, tôn tổ cũ,
Còn nước còn non, nước non, non nước, nước non nhà.
(Tân Đà)*

Xưa kia vào bất cứ một nhà nào, tại nơi tiếp khách tại giường thờ, ta đều đọc được những câu đối treo trên cột. Và vào dịp Tết đến Xuân về, nhà nhà đều dán câu đối ngay từ ngoài cửa:

*Môn ngoại, xuân lai điệu tấu ca,
Đình tiền, thủy phát hoa thành cấm.*

Tạm dịch:

1 Lãng Nhân – Giai thoại làng Nho toàn tập trang 550

*Xuân đến ngoài cửa chim vang hót,
Điềm lành trước sân hoa thành gấm.*

Rồi trong nhà các bàn thờ đều có những đôi câu đối đỏ, hoặc những đôi liễn mới. Những đôi câu đối nói lên những điều cầu mong tốt đẹp, nói lên lòng tôn kính tổ tiên, nói lên cái tung bừng của Xuân của Tết. Câu đối đỏ là một điều trước đây cần phải có trong ngày Tết:

*Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ,
Nêu cao pháo nổ bánh chưng xanh.*

Những nhà Nho trong dịp này thường nghĩ những đôi câu đối mới viết ra treo để thưởng xuân, còn giới bình dân ít học, họ ra chợ gặp những ông đồ bán chữ, mua dăm ba đôi viết sẵn trên giấy hồng về treo. Trong dịp này, những nhà Nho nghèo thường đi những chợ quê viết câu đối để kiếm cái Tết. Các cụ thường có một quyển sách trong ghi đủ những đôi câu đối cổ cho mỗi hoàn cảnh.

Chơi câu đối là một cái thú, và nhiều người thường gửi tâm sự vào những đôi câu đối cũng như vào những bài thơ.

Cụ Phan Bội Châu, lúc được tin Tôn Trung Sơn chết, có đôi câu đối viếng, tuy viếng Tôn Trung Sơn nhưng đồng thời than cho tình cảnh nước nhà:

*Bắc dĩ loạn nhi trị, Nam dĩ trị nhi vong, anh hùng
trương hận.
Ngã đương tử tắc tồn, quân đương tồn tắc diệt, tạo
hóa hà tâm!*

Lược dịch:

*Trung Quốc loạn mà bình, Việt Nam bình mà mất,
mối hận dài của người anh hùng.
Tôi đáng chết mà còn, Ngươi đáng còn mà mất, con tạo
nỡ lòng nào.*

Cụ Thủ Khoa Huân trước đây khởi quân đánh Pháp, bị Pháp bắt và kết án tử hình. Trước khi chết cụ có làm câu đối:

*Hữu chí nan thân, không uống bách niên chiêu vật nghị
Tuy công bất tưu, diệc tương nhất tử bảo quân ân.*

Lời dịch của Lãng Nhân:

*Có chí khôn bày, sá quân trăm năm lời nghị chúng,
Tuy công chưa lập cũng đành một thác báo ơn vua.*

Cụ Học Lạc, một nhân sĩ miền Nam thường dùng thơ phú để mỉa mai đời, nhất là bọn hàng thần theo Pháp. Cụ có để lại nhiều đôi câu đối với những ý tứ mới mẻ, không chịu nô lệ khuôn sáo.

Đây là câu đối tả chiếc ghe giương buồm chạy lẻ loi trên sông:

*Lục thụ tẩu song ngạn,
Hồng nhật chiếu cô châu.*

Lời dịch của Lãng Nhân:

*Cây xanh vùn vút bờ xanh,
Vòng hồng rọi xuống chiếc màn cô liêu.*

Và để đề quán cơm:

*Mục vị quán trung vô Phiếu Mẫu,
Chi hiềm lộ thượng thiếu Vương Tôn.*

Lời dịch của Lãng Nhân:

*Chớ nói quán này không Phiếu Mẫu,
Chi hiềm khách lại ít Vương Tôn.*

Câu đối cũng có thể dùng để châm biếm như thơ văn được. Trước đây ở Hà Nội, vào năm 1951, cố văn sĩ Nguyễn Cát Ngạc đã chỉ vì một câu đối châm biếm mà bị giam tại Nhà Công an Bắc Việt mất sáu tháng.

Nguyên đọc báo thấy ông Nguyễn Văn Tâm hỏi đó là Thủ tướng, sang Pháp gặp ông A.Sarraut, có nói mấy câu ý mong người Pháp ở lại Việt Nam, nhà văn Nguyễn Cát Ngạc liền cắt bức hình cuộc tiếp kiến ông Nguyễn Văn Tâm của ông Sarraut có in câu nói không mấy danh giá của ông Tâm, dán ở giữa nhà, hai bên bức hình, ông có câu đối:

*Chiến sĩ quốc gia nêu gương tranh đấu,
Cử nhân luật học tỏ chí quật cường.*

Bức hình và đôi câu đối dán giữa phòng khách, không hiểu có ai báo với Giám đốc Công an Bắc Việt hỏi đó là Nguyễn Đình Thái hay không, nhưng một buổi chiều, Thái dẫn một số nhân viên tới khám nhà ông Ngạc, Thái đã lặng lẽ bóc cả bức hình lẫn câu đối mang đi. Tường cũng nên nói thêm, Thái là em ruột Nguyễn Đình Thuần, Bộ trưởng của Ngô Đình Diệm sau này. Thái được Nguyễn Văn Tâm nhận làm con nuôi, cũng như Thuần là con nuôi Ngô Đình Diệm vậy.

Tối hôm trước Thái đến khám nhà ông Ngạc thì sáng hôm sau ông Ngạc nhận được giấy mời tới Nha Công an và bị giữ luôn sáu tháng. Một đôi câu đối, sáu tháng bị giam thật là quả đất vậy!

Đất thì đất, nhưng những nhà văn nhà thơ, xưa cũng như nay thường khinh ghét những lối hèn hạ, họ không sao dùng được mà không có thơ có câu đối.

Có một vị quan nhờ tăng công với Pháp mà được phong tước quận công, Vị quan này quê ở Nghệ An, lúc làm nên ở ngoài Bắc Việt. Khi ông tạ thế, một người đồng hương của ông đã có đôi câu đối viếng:

*Ông ra Bắc là may, quyền kinh lược, tước quận công,
bốn biển không nhà mà nhất nhĩ.
Cụ về Tây cũng tiếc, trong triều đình ngoài thôn dã,
một lòng vì nước có hai đầu.*

Nói đến câu đối viếng phải nhắc tới câu đối do một người lấy lời lẽ của vua Duy Tân viếng vua Khải Định:

*Sao ông bỏ mà đi! Bỏ cung, bỏ điện, bỏ vợ, bỏ hầu, bỏ
con hát thầy tăng, bỏ cả phong lưu trong một kiếp.*

*Nay tôi còn ở lại, còn nước, còn non, còn trời còn đất, còn
anh hùng, còn hào kiệt, còn nhiều ân oán với năm châu*

Thật là mỉa mai!

Câu đối dùng để treo trang hoàng cho nhà cửa, để mừng những tiệc vui, cưới, khao và cũng dùng để viếng trong đám tang.

Câu đối tập Kiều

Thơ có thơ tập Kiều, thì câu đối cũng có câu đối tập Kiều. Trong những đôi câu đối này, những câu thơ Kiều được dùng làm những vế đối. Nhưng thơ Kiều là thơ lục bát, câu sáu chữ cuối bao giờ cũng là hằng, và câu tám chữ, chữ thứ tám cũng vậy. Bởi vậy, muốn tập Kiều người ta hoặc phải thêm một chữ vào câu sáu, nhưng phải lựa câu cho hợp bằng trắc, hoặc bớt một chữ ở câu tám. Thường lối bớt một chữ ở câu tám thông dụng hơn. Thi dụ đôi câu đối *Dán cửa vườn hoa* sau đây.

Đường gần rừng tía, đường xa bụi...

Khi xem hoa nở, khi chờ trăng...

Trong *Chơi chữ* Lãng Nhân có nhắc tới một câu chuyện vui với đôi câu đối tập Kiều.

“Xóm Hồng lâu, buổi tối nọ, xảy ra một tấn bi kịch, hai cha con chạm trán nhau. Vì chạm trán, nhau mới biết rằng hai thế hệ đã cùng chung một quan điểm về thanh sắc. Hai thế hệ không biết làm thế nào cho thoát hiểm, và cho khỏi tổn thương thể diện, liền cùng quy lỗi vào cả giai nhân.

Con mắng:

Dám đem trần cấu dụ vào bố...

Bố cũng mắng:

Muốn màu son phấn đánh lừa con...

Thật là câu chuyện vui, chứ trên thực tế, gặp hoàn cảnh này lẽ tất nhiên anh con phải đồng (chạy) cho sớm!

Một câu chuyện vui về câu đối

Nhân nói đến câu đối, tôi nhớ lại một câu chuyện vui khác cũng hay hay, xin thuật lại cùng bạn đọc. Trong câu chuyện này, cái giá trị của làng nho đã được đề cao, và kẻ có tiền trước con mắt nhà nho thực không đáng giá.

Câu chuyện kể lại xưa có một nhà nho nghèo, trong nhà sách thì có, tiền thì không. Đã sống trong cảnh túng bấn thì chớ, đối diện với nhà nho, trên một con đường cùng xóm lại là một nhà phú ông giàu có thường có ý miệt thị nhà nho nghèo kiết. Phú ông này cửa cao nhà rộng, có vườn hoa cây cảnh, và đặc biệt trước cửa có trồng ba cây trúc trông lơ thơ rất đẹp.

So sánh cảnh bần hàn của mình với cảnh phong tục của lão phú ông vai u thịt bắp, lại thêm ý của miệt thị người nghèo, nhà nho bực lắm. Ông muốn tỏ vẻ khinh bỉ lão trọc phú ông liền viết đôi câu đối dán trước nhà. Đôi câu đối rằng:

'Gia trung vạn quyển thư,

Hiên ngoại tam can trúc.

Lược dịch:

Trong nhà vạn quyển sách

Ngoài hiên ba cây trúc.

Với đôi câu đối này nhà nghèo có ý khoe cái học vấn của mình với thiên kinh vạn quyển, và chê lão trọc phú chỉ có ba cây trúc để đối lại.

Thấy đôi câu đối dán ra, ông nhà giàu tức lắm, ông suy nghĩ rồi ông tự nhủ:

- Hừ! Ba cây trúc! Bây giờ ta chặt ba cây trúc đi, xem mi có phải bóc đôi câu đối đi không.

Nghĩ sao làm vậy, ông nhà giàu sai người nhà chặt ba cây trúc đi, Ba cây trúc chặt đi nhưng ba gốc trúc vẫn còn lại.

Phía nhà nho, khi ông thấy phú ông cho chặt ba cây trúc nhưng còn sót lại gốc, ông tủm tỉm cười. Rồi ông lấy bút viết thêm vào hai vế câu đối mỗi bên một câu. Và đôi câu đối đã thành:

*Gia trung vạn quyển thư trường
Hiên ngoại tam can trúc đoản*

Lược dịch:

*Trong nhà vạn quyển sách dài
Ngoài hiên ba cây trúc ngắn*

Sau khi chặt ba cây trúc đi rồi, ông nhà giàu chờ đợi nhà nho nghèo xé đôi câu đối đi. Thấy ông nhà nho đã không xé câu đối mà chỉ thêm vào mỗi vế một chữ để đôi câu đối càng nói lên sự khinh thường của nhà nho đối với ông, ông căm lắm, nhưng làm sao được, câu đối người ta dán ở nhà người ta, chứ người ta có dán ở nhà mình đâu. Ông đành chỉ có cách bắt người nhà đào cả gốc ba gốc trúc đi thôi. Hết ba gốc trúc, đôi câu đối sẽ thành vô nghĩa, và ông tin rằng ông nhà nho sẽ phải xé câu đối của mình đi.

Ba gốc trúc đã đào đi, ông nhà giàu chờ phản ứng của nhà nho, mà ông tin rằng với phản ứng ấy đôi câu đối sẽ không

con nữa. Nhưng không, đôi câu đối vẫn còn, và ông nhà nho lại chỉ lấy bút thêm vào mỗi vế câu đối một chữ. Đôi câu đối đã trở thành đôi câu đối thất ngôn:

*Gia trung vạn quyển thư trường hữu,
Hiên ngoại tam can trúc đoãn vô.*

Lược dịch:

*Trong nhà có vạn quyển sách dài
Ngoài hiên không có ba cây trúc ngắn*

Lần này ông nhà giàu đành chịu.

Câu chuyện vui trên chứng tỏ rằng thú chơi câu đối rất uyển chuyển, người có tài có thể sửa chữa dễ dàng một đôi câu đối chỉ bằng cách thêm một đôi chữ.

...

Tôi lại nhớ được đọc trong tập san sử địa một lối đối câu đối thích thú, lối đối này gọi là *Hợp chương*, mà tác giả là cụ Chu Mạnh Trinh và một ông cử bạn cụ. Câu chuyện do ông Tô Nam thuật lại.

Hồi đó cụ Chu Mạnh Trinh làm Án Sát Hưng Yên, nhân ngày Tết gần đến, có một người chủ thuyền mảnh ở Nghệ An đến xin câu đối. Ông Tô Nam viết:

“Hồi qua lai lịch và ý muốn xong, Ngài gọi quân hầu đem bút mực ra, rồi Ngài viết ngay một vế. Vừa viết đến chữ cuối cùng của vế trên thì lính hầu vô bẩm: Cụ Cử ở bên Phủ Lý sang chơi. Ngài vội đặt bút xuống bàn thì cụ Cử đã vào tới nơi chào hỏi: Ờ! Quan bác cũng chơi câu đối Tết đó sao? Ngài đáp: Không, chúng mình còn chơi chữ với ai mà Tết với nhất. Câu này để viết cho bác lái mảnh Nghệ đương ngồi chơi chờ viết...”

“Cụ Cù ngâm đi ngâm lại về trên không ngớt khen hay và giục: Vậy bác viết nốt về dưới xem nào? Về trên bác đã tập cổ để nói về cảnh, tất nhiên về dưới cũng phải tập cổ để nói về tình. Tìm được câu đối nào khả dĩ đối được với câu trên tưởng cũng khó lắm: Ấu là bác để phần tôi...”

“Cụ nghe vội vàng gạt đi mà rằng: Về dưới đệ cũng tìm được chữ đối xong rồi, khoái lắm! Khoái lắm! Vậy xin bác đừng đọc vội. Chúng ta hãy theo như cách Khổng Minh và Chu Công Cẩn ngày trước, mỗi người đều ra một chỗ, để viết câu của mình nghĩ vào trong bàn tay, thử xem văn tài của bác và tôi có giống nhau chăng.

“Quả nhiên sau khi viết xong, cùng quay trở lại chỗ cũ cùng xòe bàn tay ra coi, thì câu viết trong hai bàn tay không sai một chữ nào cả. Hai cụ vỗ tay cá cười, rồi đem viết ngay vào liễn. Câu đối ấy như sau:

*Vọng xuân xuân khả liên, linh thụ trùng đà thiên lý mục,
Dục qui qui vị đắc, cô chu nhất hệ cổ viên tâm.*

Nghĩa là:

*Trông xuân, xuân đáng thương, cây núi ngàn đôi nghìn
dặm mặt,
Muốn về, về chưa được, con thuyền buộc một mối tình nhà.*

Về phần ông chủ mảnh Nghệ, ngồi nghe các Cụ đàm đạo văn chương, nhất là lại được mục kích một lối chơi chữ bằng cách hợp chương như Khổng Minh và Chu Du đã thử nhau bằng một chữ hỏa trong bàn tay thì ông lấy làm một sự hi hữu trong đời...¹

1 Tô Nam Nguyễn Đình Diệm – *Giai thoại về câu đối Tết* – Tập san *Sử địa số* 5, Xuân Đinh Mùi 1967, trang 22, 23.

Chơi văn thơ là một thú tiêu khiển tao nhã, người càng hay chữ, lối chơi càng tinh vi để thêm nhiều thú vị. Lối hợp chương trên đây đâu phải ai cũng có thể chơi nổi!

Chơi câu đối phải là người có tài, mà người có tài thường hay kiêu, và kiêu có thể cũng được kể là một đức tính của những tay văn tự. Các nhà nho xưa thường thử tài người khác bằng cách ra câu đối, trong vế ra có người thường tự đề cao mình. Xem truyện Trạng Quỳnh ắt ai cũng nhớ tới ông Tú Cát và vế câu đối ông Tú đã ra cho Quỳnh khi Quỳnh còn nhỏ. Vế câu đối này nói lên sự kiêu ngạo của ông Tú Cát:

Trời sinh ông Tú Cát

Đã bị Quỳnh đối lại một cách rất hỗn xược:

Đất nứt con bọ hung.

Cũng trong truyện Trạng Quỳnh, có câu chuyện quan Bàng-Nhân thân phụ bà Thị Điểm ra câu đối cho Quỳnh. Quan bàng cũng có ý tự phụ trong vế câu đối ra:

Thằng quý ôm cái đầu đùng của khôi nguyên

Trong vế câu đối này ngoài cái ý cho Quỳnh là một kẻ đến trước nhà quan Bàng, một thằng quý, quan Bàng lại tự khoe mình đồ khôi nguyên. Đồng thời quan Bàng cũng ghép chữ xem Quỳnh có đối nổi không. Chữ Hán, chữ quý với chữ đầu là cái đầu ghép lại thành chữ khôi là đầu, mà nguyên cũng có nghĩa là đầu.

Câu đối này tuy khó nhưng Quỳnh đối lại rất mau mắn:

Con mọc dựa cây bàng dòm nhà bàng nhân.

Trong vế này, chữ mọc ghép với chữ bàng là chữ bàng Quỳnh đã đối chọi từng chữ rất tài.

Đến đây tôi lại nhớ lại vế đối của sứ giả nhà Vua ra cho Nguyễn-Hiến có giọng rất là khinh bạc:

Tự là chữ, cất giăng đầu, chữ từ là con: con ai con ấy

Nguyễn-Hiền đã ứng khẩu đối lại với một giọng xác không kém gì giọng khinh bạc của sứ giả:

Vu là chung, bỏ ngang lưng, chữ đình là đứa: đứa nào đứa này

Ra câu đối đã khó nếu muốn làm khó người đối, đối được những vế câu đối lại càng khó hơn, nhưng khó mà hoàn thành được, ấy mới là cái thú cao khiết của con người chơi thơ văn được thỏa mãn.

Đại tự

Đại tự là những chữ viết lớn trên bức hoành phi hoặc những bức tường. Hoành phi là những liễn gỗ khắc chữ lớn treo ngang nhà, thường là trước bàn thờ. Tại đình, đền, miếu ta cũng thấy có treo hoành phi. Ở nhà quê, tại những gia đình bình thường, thay vì hoành phi người ta dùng phen hoặc cốt đóng vào những khung gỗ, trên có dán giấy viết những chữ đại tự, và cũng được gọi là hoành phi. Hoành phi bao giờ cũng treo ngang.

Trái với hoành phi, tường lại treo dọc. Tường là những bức vải, vóc, lụa có thêu hay viết những chữ lớn để nói lên lời mừng hoặc lời điệu.

Ngày trước tại bất cứ gia đình nào, ở quê cũng như ở tỉnh trước bàn thờ đều có treo một hoặc hai bức hoành phi. Cũng có nhà treo những bức hoành phi là những chữ xin được các bậc đại nho viết cho rồi nhờ thợ khắc vào, những chữ này nói lên ý muốn của người xin để thờ kính tổ tiên, nhưng phần nhiều tại các gia đình, trên bức hoành phi chỉ là những chữ thông thường dùng tại nhiều nhà như ĐỨC LƯU QUANG, KÍNH NHU TẠI, PHÚ MÃN ĐƯỜNG...

Hoành phi tại các đền thường là có mấy chữ *Thượng Đẳng thần*.

Cũng có người treo hoành phi ở phòng khách. Đây thường là những chữ do các tay văn tự nghĩ cho hợp với hoàn cảnh của chủ nhân.

Những chủ nhân văn cũng thường tìm tới các bậc khoa mục để xin chữ. Có nhiều vị khoa mục vì không quen với người xin chữ, thường nghĩ cho những câu rất oái oăm và đã từng là những giai thoại làng nho lý thú.

Trước đây tại tỉnh Vĩnh Yên, Bắc Việt, có một ông họ Trần xuất thân làm thợ xẻ gỗ, sau làm ăn khá, lại có công với nước Pháp, được ân thưởng Bắc Đẩu Bội Tinh, ra ứng cử nghị viên cũng được thật là danh giá. Ông nghị này làm được một ngôi nhà mới, mua rượu và chè tới một ông đồ có tiếng hay chữ để xin mấy chữ đại tự treo nhà mới. Ông đồ đã viết giúp bốn chữ CAO CU LU XÁ nghĩa là ở ngôi cao mà nhà rộng, thật là hợp với địa vị và ngôi nhà đẹp của ông Nghị. Ông Nghị hí hửng cho khắc gập thành một bức hoành phi sơn son thiếp vàng để kịp treo vào dịp ăn mừng nhà mới. Ngày ông Nghị ăn mừng nhà mới khách ra vào tấp nập, ai cũng khen nhà cao cửa rộng, và nhất là bốn chữ trên bức hoành phi thật hay. Mãi về sau có một ông thừa phái bảo ông Nghị:

- Ai đã nghĩ cho Quan Nghị bốn chữ đại tự trên bức hoành phi này. Họ đã moi móc quan nghị đấy!

Chủ nhân ngạc nhiên hỏi:

- Họ moi móc sao ông Thừa?

- Xin quan nghị cứ đọc đi đọc lại cho nhanh bốn chữ đó quan nghị sẽ thấy.

Ông Nghị họ Trần nghe theo lời ông Thừa đọc đi đọc lại bốn chữ. Bỗng nhiên ông đỏ mặt căm hờn. Ông đọc nhanh, đọc đi đọc lại bốn chữ CAO CU LU XÁ đã biến thành KÉO

CUA LỬA XÉ, cái động tác của ông Thừa xưa khi ông còn đi xẻ gỗ.

Sau bữa ăn mừng tân gia, ông đã đem chẻ bức tranh hoành phi trước đây ông đã tốn rất nhiều công phu để có được!

Nói đến đại tự, phải kể đến bốn chữ ĐẠI ĐIỂM QUÂN THẦN của nhân sĩ Bắc Hà đã mừng thủ tướng Nguyễn Văn Tâm khi ông ra Bắc. Bốn chữ này ông đã cho thêu vào gấm và treo ở phòng khách với một sự hãnh diện.

Đại Điểm Quân Thần có nghĩa là một vị bày tôi lương đồng. Không hiểu các nhân sĩ Bắc Hà tặng khi thủ tướng Nguyễn Văn Tâm bốn chữ trên có hậu ý gì không, nhưng một vị quân sư quạu mo thấy ông Tâm hãnh diện về bốn chữ này đã thủ thí trình bày:

- Thủ tướng không nên treo bức trướng này. Bọn nhân sĩ Bắc Hà chúng nó đã moi móc thủ tướng.

Ông Tâm hỏi ông quân sư quạu mo này đã giải thích sau khi đón trước rào sau và xin phép rất kỹ lưỡng. Hắn giải thích rằng:

- Đại Điểm là *chấm to*, và *chấm to* nói lái là *Chó Tâm*, còn Quân Thần là *bầy tôi*, và *bầy tôi* nói lái là *bồi tây*. *Đại điểm Quân Thần* như vậy có nghĩa là *Chó Tâm bồi Tây*.

Thủ tướng Nguyễn Văn Tâm ức lắm, căm gan, tím mặt với bọn nhân sĩ Bắc Hà, và bức trướng thêu không phải đợi đến ngày hôm sau mới được xé bỏ đi.

Cụ Yên Đổ ngày xưa cũng thường hay moi móc xuyên tạc những người đến xin chữ, cả về câu đối lẫn đại tự.

Ông Ích Khiêm sau khi dẹp xong giặc Lý Dương Tài ở Bắc Cạn, khi về Hà Nội lập một ngôi đền thờ những quân nhân đã tử trận đến xin cụ Yên Đổ ba chữ để đặt tên cho ngôi đền. Cụ Yên Đổ đã viết cho ba chữ TỐI LINH TỬ nghĩa là ngôi đền rất thiêng.

Ông Ích Khiêm cho là ba chữ tâm thường quá, cụ Yên Đỗ cười nói:

- Tâm thường ở đâu, chứ ở đây rất đắt vì *TỐI LINH* là *Linh Tỏi*.

Cụ Yên Đỗ trước đây có viết để khắc ở cổng chùa làng Văn Trảng tỉnh Nam Định bốn chữ SẮC KHÔNG KHÔNG SẮC. Đây là bốn chữ cửa miệng của con người thờ Phật, để ở cổng chùa thật là đúng. Đúng thì đúng như vậy nhưng ở đây cũng lại là ác ý moi móc của cụ Yên Đỗ.

Nguyên làng Văn Trảng có nghề mài dao đánh kéo và mỗi khi mài dao xong, người mài dao thường hỏi người đưa mài *sắc không?* Câu trả lời có khi là *sắc!* Có khi là *không sắc!* Dùng bốn chữ nhà Phật để ở cổng chùa để moi móc cả làng người ta, cụ Yên Đỗ thật là quá ác!

Dùng đại tự để moi móc khéo léo đến quá khứ của người có thể kể tới bốn chữ VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH của một thuộc viên khoa cử mừng một cụ Tổng Đốc Bạch Đình xuất thân. Bốn chữ VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH có ý ví cụ lớn như bức thành vạn lý che chở cho cả tỉnh, thật là cung kính và trọng vọng nhưng thâm ý của người mừng ở cả hai chữ LÝ TRƯỜNG, chữ *Trường* có thể đọc là *Trưởng* với một nét ngoặc và như vậy LÝ TRƯỜNG biến thành LÝ TRƯỞNG; Nguyên cụ lớn trước đây ứng cử lý trưởng không xong sau nhờ thời cuộc Tây Tàu mà thân vai u thịt bắp, cổ cày vai bừa, răng đen mã tấu được dịp may mắn luôn lụy tiến bước công danh vùn vụt.

Trong ba chữ đại tự dưới đây, tác giả đã moi móc khéo léo hơn. Có một ông nhà giàu, nhưng thiếu sang, nhận thấy quan Tỉnh là một tay đại khoa, có tiếng văn hay chữ tốt, liền khấn khoản đến xin mấy chữ để làm một bức hoành phi. Quan Tỉnh đã viết cho ba chữ PHÚC BÁI LAI, có ý nói là phúc

đức nhiều, nhưng có kẻ xấu mồm đã tán rằng *Phúc Bài Lai* là *Phúc vái lại*, và hai chữ VÁI LAI nói lấy là LAI VAI. Chủ nhân nguyên xuất thân là nghề buôn vái! Không biết có phải đúng là thâm ý của vị quan tỉnh chăng?

Chúng tôi xin ngưng ở đây về những chữ đại tự. Nếu bạn đọc muốn đọc nhiều giai thoại về những bức đại tự cũng như về câu đối xin bạn đọc xem cuốn *Chơi chữ* của Lăng Nhân. Chính chúng tôi đã tham khảo và lấy rất nhiều tài liệu trong tập sách này để viết những trang này.

Chơi chữ đẹp

Làm thơ, ngâm thơ, làm câu đối, chơi đại tự đều là những thú của đệ tam thứ phong lưu, nhưng trong những thú người chơi tìm cái hay cái đẹp của câu thơ, của vế câu đối, của bức hoành phi hoặc bức trướng, những cái đẹp này là cái đẹp tiềm tàng, những cái đẹp qua ý tứ, qua lời thơ. Trong thú văn thơ, còn một thú nữa là thú chơi chữ đẹp. Một đôi câu đối hay, viết trên một đôi Liễn Tầu do chủ nhân đã kén sẽ giảm rất nhiều giá trị, nếu những chữ viết trên đôi Liễn lại là những chữ với nét chữ không đánh thép, những mac chữ không sắc, những gợn chữ không linh động. Nói chi bây giờ, đôi câu đối lại do những nét chữ gà bới viết lên đôi Liễn, cả liễn lẫn câu đối sẽ không còn một giá trị vật chất nào và có lẽ chủ nhân đôi liễn sẽ không dám treo vì còn khách khứa quan chiêm.

Chơi chữ đẹp, tức là kén hình thức chữ. Chữ nho có bốn lối viết là Chân, Thảo, Triện và Lệ. Chữ *Chân* viết ngay thẳng đúng như là lối chữ thường vẫn được viết trên các sách học. Chữ *Thảo* viết mau và vội vàng nhưng bay bướm, chữ *Triện* là lối chữ vuông vắn như những con Triện. Nghệ sĩ viết chữ triện mỗi chữ lựa làm sao để người đọc trông thấy như chữ

đóng trong một hình vuông. Chữ *Lệ* là nét đậm không giống ba loại chữ trên.

Nếu có những người không cầu kỳ, có liền là tìm người biết chữ, chữ viết không đến nỗi xấu là nhờ viết hộ những đôi câu đối theo ý mình muốn hoặc nhờ luôn người viết chọn hộ những đôi câu đối hợp với cảnh mình, thì trái lại có những người rất khó tính trong khi chơi chữ: kén người xin chữ và viết chữ giúp. Những chữ viết ra phải ý tứ cao xa, hợp với hoàn cảnh đã dành, nhưng lại kén nét chữ già dặn, vuông vắn, bay bướm. Chữ đẹp an với lời đẹp, đôi câu đối, bức tứ bình, bức trường cảnh tăng thêm giá trị.

Có những bậc Đại Khoa, những tay văn tự chữ rất đẹp, nhưng lại rất hiếm không muốn chữ viết cho ai treo. Kén được mấy chữ của những vị này treo trong nhà thấy quý giá hơn châu báu. Chính vì sự quý giá này nên nhiều người rất chuộng và cầu kỳ tìm mọi cách để xin cho được mấy chữ của những người trên, hoặc một bức tứ bình, hoặc đôi câu đối, hoặc mấy chữ đại tự vẽ treo trong nhà và để lại cho con cháu làm gia bảo. Một đôi câu đối có lưu lại trải mấy đời, lụa đã bạc màu nhưng nét chữ vẫn đanh thép điêu luyện có thể có giá trị hơn hoặc ít ra cũng không kém gì một bức tranh cổ lưu truyền qua nhiều thế hệ.

Nguyễn Tuân trong *Vang Bóng Một Thời* có nhắc tới câu chuyện xin chữ rất lý thú, người Quản Ngục xin chữ của kẻ tử tù là ông Huấn Cao.

Đây là người quản ngục trấn Sơn Hưng Tuyên. Ông Huấn Cao chống lại triều đình bị kết án tử hình và giam tại ngục này. Ông Huấn Cao là người viết chữ đẹp có tiếng. Quản ngục muốn xin ông mấy chữ vẽ treo ở nhà, nhưng chỉ sợ ông từ chối. Trong những ngày bị giam ở ngục, quản ngục hết sức trọng đãi ông nhưng bị ông hiểu lầm tưởng là y có ý muốn

dò xét ông, nhưng sau cùng trước ngày bị giải về kinh để thọ tội, ông Huấn Cao cũng đã được biết ý muốn của viên quản ngục, qua người thơ lại. Dưới đây là đoạn cuối của câu chuyện *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân:

“Ông Huấn Cao trầm ngâm rồi mỉm cười:

- Người về bảo chủ người, tối nay lúc nào lính canh trại về nghỉ, thì đem lụa mực, bút và một bó đuốc xuống đây rồi ta cho chữ. Chữ ta thì quý thực, ta không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết bao giờ. Nhất sinh ta cũng chỉ mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta rất cảm kích tấm lòng biệt nhân liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ.

Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vắng tiếng mõ trên vọng canh, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, tổ rệp, đất bừa bãi phân chuột và giân.

Trong một không khí khói tỏa như đám cháy, ánh sáng đỏ ngòm của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên trên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc tỏa cay mắt làm họ dụi mắt lia lia.

Một tên tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng phẳng trên mảnh ván. Tên tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò thì run run bưng chậu mực. Thay bút con, để xong lạc khoản, ông Huấn Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quản ngục đứng thẳng người dậy và định đặc bảo:

- Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy quản nên thay chỗ ở đi.

Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng treo với

những nét chữ vuông vắn rõ ràng như thế. Thôi mực kiến được ở đâu tốt và thơm lắm. Thấy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?... Ta bảo thực đấy, thầy quản nên tìm về quê mà ở đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây khó giữ thiên lương cho lành vững rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.

Lửa đốt cháy rừng rực, lúc lượm tàn lửa rụng xuống nền đất phòng giam, tiếng lửa tắt nghe sèo sèo.

Ba người nhìn bức chàm, rồi lại nhìn nhau.

Ngục quản cảm động, vãi tên tù một vãi và nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẻ miệng làm cho nghẹn ngào.

- Xin bái lĩnh!"

Bán chữ và cho chữ

Có những người thích chơi chữ trong số đó có nhiều người không biết chữ. Chơi chữ trong các bức hoành phi, chơi chữ trên các đôi câu đối, chơi chữ trong những bài thơ viết trên những bức tường, bức trướng.

Và có những người chơi chữ nhưng không biết chữ, hoặc biết chữ mà không nghĩ được ra những chữ để khắc vào hoành phi, để viết vào trướng; vào liễn, nên mới có những người bán chữ và nghĩ chữ hộ.

Người bán chữ vừa viết hộ lại vừa nghĩ hộ những đôi câu đối, những bài thơ hoặc những đại tự cho mọi người tùy theo hoàn cảnh và địa vị của từng người.

Có những người cho chữ như ông đồ, những tay khoa mục được tiếng hay chữ, nên những người chơi chữ tìm đến để xin nhờ nghĩ hộ và viết hộ. Những người này thường biếu bao chè, coi trầu tượng trưng bằng mười quả cau, và đâm ba vuông lụa mang tới những bậc văn hay chữ tốt để xin mấy chữ, hoặc đôi câu đối hoặc bài thơ về treo ở nhà trong một



Ông đồ viết chữ.

dịp nào, nhân khi làm nhà mới, khao thượng thọ, hoặc tết nhất v.v... Bao chè, coi trâu và dăm ba vuông lụa thay thế cho tiền nhuận bút, gọi là đồ lễ xin chữ. Đồ lễ này có khi rất hậu, thay vì mấy vuông lụa là gấm vóc và có khi thêm một món tiền rất đáng kể.

Vào những dịp tết, cho đến ngày nay, tại Sài Gòn tục này vẫn còn. Có một số các ông đồ nghiên bút giấy mực đi bán chữ ở các chợ quê hoặc các vỉa hè thành phố. Các ông thường có một quyển sách trong có sẵn những chữ, những đôi câu đối những bài thơ dùng để treo trong dịp xuân cũng như trong các dịp khác.

Các ông viết sẵn một số câu đối bày ra, ai lựa mua câu nào tùy ý, hoặc ai có sẵn câu đối muốn nhờ các ông viết cũng được câu đối, thơ, hoặc những chữ đại tự được viết trên giấy hồng đều có dát vàng hoặc không bằng mực tàu đen lánh hoặc bằng kim nhũ cũng có khi thay vì những tờ giấy hồng điều những đôi liên có vẽ tùng hạc, trúc tước v.v...

Ngoài dịp tết ra, tại nhà các ông thường cũng có người tới nua chữ đi mừng đám cưới, đám khao, hoặc đi viếng đám tang, hoặc dùng trong bất cứ một dịp gì khác: ăn mừng nhà mới, con thi đỗ v.v... Các ông tùy theo trường hợp, giờ trong sách ra lựa câu viết cho khách hàng rồi nhận hoặc món tiền thù lao nhuận bút hoặc một số đồ lễ xin chữ. Cụ Yên Đỗ xưa rất được nhiều người tới xin chữ tuy những chữ cụ cho đôi khi có ngảm sự moi móc.

Dưới đây là đôi câu đối cụ viết cho một ông lái mố lớn.

Từ thời bát tiết canh chung thủy

Ngạn liễu đôi hồ đuc điểm trang

Trong đôi câu đối này, cụ đã nhấn mạnh tới sáu chữ *bát tiết canh* và *đôi bồ dục* là những tiếng về nghề nghiệp của con nhà mổ lợn.

Khi viết hộ một bà thợ nhuộm khóc chồng, cụ đã viết:

Thiếp kể từ LÁ THẮM se duyên, khi VẠN TÍA, lúc con ĐEN, ĐIỀU đại ĐIỀU khôn nhờ bố.

Chàng ở dưới SUỐI VÀNG nghỉ lại vợ MÁ HỒNG, con rằng TRẮNG, TÍM gan TÍM ruột với trời XANH.

Trong câu đối tả lên tiếng khóc của người vợ, cụ đã dùng toàn những màu của nghề thợ nhuộm.

Lại như câu sau đây, làm hộ một ả đào khóc mẹ, cụ đã dùng những tiếng trong làng xướng ca:

Giàu làm KÉP, hẹp làm đơn, tống TÁNG cho yên hồn PHÁCH mẹ;

Cá kể ĐÀU, rau kể mớ, TÌNH TANG thêm tui lủ đàn con.

Và sau đây là lời vợ lò rèn khóc chồng với những tiếng trong nghề *thối bể*:

Nhà cửa để làm THAN, con thơ đại lấy ai RÈN cặp,

Công việc đành bỏ BẾ, vợ trẻ trung lắm kẻ ĐE loi.

Những đôi câu đối khóc trên đã hay, nghề nào cụ Yên Đỗ đã nói ra nghề đó, và lời vẫn vẫn là lời than vãn của kẻ ở khóc người đi, nhưng hay nhất theo ý chúng tôi là đôi câu đối sau đây của anh chồng *hàng gà* khóc vợ; Trong đôi câu đối này, ngoài những tiếng chuyên môn của nghề *hàng gà*, có cả tiếng *gà kêu*, và khéo nhất cụ đã dùng tục ngữ nhắc tới cảnh *gà sống nuôi con*:

LỔNG tạo hóa úp rồi, XAO XÁC con tìm mẹ

GANH giang sơn để lại, LỤC CỤC sống nuôi con.

Kể ra thì còn nhiều, chúng tôi sưu tầm không được bao nhiêu, nhưng đôi câu đối nào của cụ để lại, câu văn nào cũng tài tình, đôi khi pha ý nghĩ hài hước, nhưng cũng lại rất tự nhiên. Như câu chuyện một người mang cơi trầu tới xin cụ một câu đối để về thờ ông:

Kiểm một cơi trầu lên kêu cụ

Xin đôi câu đối để thờ ông

Đáng ghi nhớ và ác nhất của cụ có lẽ là đôi câu đối mừng một ông quan vô chột mắt, ông Quản Long:

Cung kiểm ra tay, thiên hạ đổ dồn hai mắt lại

Triều đình cù mục, anh hùng chỉ có một người thôi

*
* *

THÙ TẠC

Chơi thơ văn, ngoài các thú đã nói trên, còn thêm cái thú dùng văn thơ trong việc thù tạc giữa bạn bè thân hữu. Văn thơ thù tạc là văn thơ dùng để chia buồn, chia vui, hoặc cũng dùng để từ tạ và tiễn đưa bằng hữu.

Qua các trang trên, chúng tôi đã có dịp nhắc tới những văn thơ, những đôi câu đối để mừng các đám cưới, đám khao, mừng nhà mới hoặc để phúng viếng trong các đám tang, nghĩa là chung tôi đã đề cập tới thơ văn thù tạc qua các mục khác.

Ở mục này, chúng tôi chỉ nhắc lại một đôi điều chúng tôi đề cập tới ở các phần trên.

Ông Vương Tử Đại, Bố Chánh ở Nghệ An, được thuyên chuyển vào Quảng Bình có bài thơ *Lưu giã* khi rời khỏi Nghệ An để tỏ tình quyến luyến bạn hữu:

*Trí thiên tài sơ có cậy chi
Cầu trùng rộng mở bước đường đi;
Vân Sơn cảnh đẹp riêng giành đó,
Nam thủy ngày xuân lại có khi.
Lại lảng tấc lòng người phụng hịch,
Bâng khuâng hai chén khách phân y.
Đã hay vì trạch nào đâu dùm,
Dư luận còn nhờ chỗ Từ trì.*

Nam Phong số 47, tháng 5 năm 1921 trang 423

Ông Nguyễn Công Trứ khi làm Tổng Đốc Hải Dương, phu nhân sinh con trai, có làm tiệc rầy mừng, trong hàng khách tới dự có ông Nghè Tân có làm bài thơ để mừng ông Nguyễn Công Trứ, nhưng ông chỉ viết có ba câu đầu trên tờ giấy hoa tiên:

*Mừng ông sinh được cậu con trai
Thực giống con nhà chẳng giống ai
Mong cho chóng lớn đi ăn cướp*

Câu thứ tư bỏ trống đến khi ông Nguyễn Công Trứ hỏi, ông Nghè Tân mới thêm câu thứ tư:

Cướp lấy khỏi nguyên kèo nửa hoài

Hai ông Nguyễn Quyền và Huỳnh Thúc Kháng cùng bị đày ra Côn Đảo khi Nguyễn Quyền được về, ông Huỳnh có bài thơ tiễn:

*Ngon trào thương cực chấp chồng đưa
Lịch sử bình sinh miêng chệp thừa!
Ngay thẳng trong tù đừng dưng giá
Tạo thêm chữ mới bỏ hồn xưa*

Đây là một bài thơ tiễn hành tức là một bài thơ thuộc loại

thù tặc, nhưng trong thơ đã khéo gói gém cả tình tình và công nghiệp của ông Nguyễn Quyền và cầu chúc ông *thêm được chữ mới, bỏ được hồn xưa*.

Văn thơ thù tặc được dùng trong bất cứ trường hợp nào với mục đích xã giao, một viên chức hồi hưu có thể cáo từ các bạn đồng sự bằng một bài thơ:

*Rày đã cáo niên trở lại nhà,
Lại nhà hằng nhớ bạn đồng nha.
Chín nghìn ngày trước quen rừng núi¹
Mười sáu năm nay bước hải hà
Thời loạn tấm thân mưa gió trôi
Đường trường mái tóc tuyết sương pha.
Nước non qua khỏi còm dâu biển,
Hắn được yên vui cái cảnh già.*

Chiêu Dương

Người ra về từ biệt bạn đồng sự, bạn đồng sự cũng có người tỏ tình lưu luyến qua thơ văn:

*Lo xong việc nước hưởng vui nhà,
Lưu luyến bao tình gửi lại Nha²
Đốc xuất đã nên dài kỹ thuật
Công lao từng góp sức sơn hà
Từ nay trắng nước tình thơ vẹn,
Bỏ lúc sông hồ gió bụi pha
Bảy chục tuổi ngoài mừng vẫn mạnh,
Đèo dai phong độ thấy chưa già.*

Nguyễn Đăng Văn

1 Thời gian tác giả làm việc ở Tam Đảo.

2 Thời gian tác giả (Chiêu Dương, Nguyễn Đăng Văn và Vũ Tâm) làm việc Nha Căn Cứ Hàng Không.

Cùng với tình lưu luyến, còn thêm lời chúc tụng người ra về được hưởng những thú vui cao đẹp:

*Chúc bác điền viên dưới mái nhà,
Hồi hưu tiễn bác khắp toàn Nha,
Rượu bầu thơ túi miền Nam Việt
Gio mát trắng trong chốn Bắc Hà
Tình bạn dầu xa còn khẳng khít,
Nợ đời dù đáp vẫn phôi pha;
Công danh rửa sạch từ đây nhé,
Nhàn tản ngao du lúc tuổi già,
Vũ Tâm¹*

Khi có người ra đi dù ngắn hạn hay dài hạn, khi một người bắt đầu làm một công việc gì, bạn bè đều có thể có văn thơ thù tạc để tiễn hành hoặc để chúc mừng may mắn. Rồi tết nhất, người đau mới khỏi, bạn bè có thể chúc tụng, hỏi thăm nhau.

Văn thơ thù tạc có thể là mấy chữ toan tắt, mấy chữ đại tự, đối câu đối hoặc một bài thơ.

Tôi nhớ lại trước đây khi tôi làm việc ở Thái Bình có giấy đổi về Hà Nội, các bạn đồng sự đã tiễn tôi bốn chữ trên một bức trường thư: LONG ĐỔ TRẮNG DU, để chỉ chúc tôi về Hà Nội chơi cho thật khỏe. Long Đổ là Hà Nội.

Năm 1967, khi ông Trần Văn Ân, một chính khách ở Nam Việt ăn mừng sinh nhật 60 tuổi, có mấy người bạn mừng bốn chữ trên một bức trường: NAM CỤC TINH HUY có ý so sánh nhà chính khách sáng như sao Nam Cự tọa chiếu.

Có người nói rằng văn thơ thù tạc chỉ là những lời lẽ sáo vì hoàn cảnh được tạo nên. Điều đó cũng tùy, có nhiều bài

1 Thời gian tác giả làm việc ở Nha Căn Cứ Hàng Không.

thơ tiễn đưa nhau, có nhiều đôi câu đối mừng nhau, có nhiều bài khóc nhau chứa đầy tình cảm hoặc sự đau đớn của tác giả. Dẫu sao văn thơ thù tạc cũng giúp rất nhiều cho sự xã giao.

Khai bút

Cái thú đầu năm được người chơi văn thơ thường thức một cách trịnh trọng với một nghi thức hầu như thiêng liêng đó là cái thú *Khai bút*.

Khai bút là bắt đầu dùng bút. Năm cũ đã qua, năm mới bước sang, những tay văn học trước khi dùng đến bút mực vào những công việc khác bao giờ cũng khai bút để mở đầu cho mọi việc viết lách sau này.

Kể học trò nhà mô phạm, các bậc thi văn đều lấy khai bút làm một tục lệ trang trọng đầy ý nghĩa tôn giáo bên trong.

Dân ta vốn tin sự may rủi trong mọi việc đầu năm, việc khai bút cũng phải bắt đầu làm sao để suốt năm ngòi bút sẽ gặp may và người khai bút sẽ được nhiều sự tốt đẹp. Bởi vậy người xưa rất thận trọng trong việc khai bút, thận trọng như người đi buôn tìm hướng xuất hành, người làm ăn tìm cảnh hải lộc.

Không phải khai bút bất cứ ở ngày nào và cũng không phải khai bút muốn viết gì thì viết.

Trước hết các cụ phải chọn một ngày tốt trong mấy ngày đầu năm được ngày *trực khai* là hay nhất. Kén được ngày rồi các cụ lại phải kén giờ, sao cho được giờ *hoàng đạo* mà khai bút thì ngòi bút mới hanh thông.

Ngày giờ đã lựa, các cụ khai bút, nhưng đừng tưởng các cụ khai bút ngay đâu. Các cụ phải khăn áo chỉnh tề, chữ nhân hoặc chữ nhất sao cho đúng trên giữa trán, áo dài phải mặc cặp cho đủ trịnh trọng và hai ống tay áo ngoài các cụ vuốt lại cho thẳng. Có cụ cẩn thận lại lạy trước bàn thờ gia tiên thắp hương khấn với tổ tiên được giờ lành xin khai bút. Các ông

đồ nếu có thờ đức Khổng Tử tại nhà các ông cúng lễ Thánh rồi mới khai bút. Và sau đó các cụ mới ngồi vào án thư. Ở đây một bình trầm đã được đốt khói đang tỏa ngào ngạt và có thể một bình hoa tươi với hương thơm như đang chờ đón những câu văn hay chữ tốt. Đồ văn phòng tứ bảo đã đủ sẵn. Có cụ khai bút bằng son, cũng có cụ khai bút bằng mực, son là thứ son tàu đỏ chói, còn mực là thứ mực Quốc Bảo quý giá đen lánh và thơm phưng phức. Giấy để khai bút có thể là mảnh giấy hồng điều và nếu có là giấy trắng cũng là tờ giấy bạch ngọc trắng trinh và thơm mùi giấy mới.

Cây bút dùng để khai bút thường là một cây bút mới tinh đã được các cụ kén mua từ trong năm với dụng ý để khai bút và sau sẽ là cây bút các cụ dùng luôn với năm mới. Cũng có khi là một cây bút các cụ đang dùng, hợp ý với các cụ, viết nên những nét chữ sắc và đẹp.

Ngồi vào án thư, các cụ chấm mực hoặc chấm son lần ngồi bút cho thấm, các cụ bắt đầu viết. Ngồi bút viết thao thao bất tuyệt chữ đen hoặc đỏ trên nền giấy hồng hoặc giấy trắng như rồng bay phượng múa, lời lời nhả ngọc, hàng hàng phun châu. Vận mạng một năm nằm trong những dòng khai bút.

Bài khai bút có thể là một bài thơ hay một câu đối. Các cụ phải làm sao cho mau, viết một mạch, không ngắt quãng, ý tứ trong bài phải hướng lên và phản ánh tâm lý của thi nhân. Dù tả cảnh, tả tình, đôi câu đối hoặc bài thơ cũng không bỏ qua hiện tại của tác giả, cái hiện tại bắc cầu giữa quá khứ và tương lai, và cũng không quên nói lên hoài bão cùng với những nguyện vọng mong muốn của người viết.

Cụ Tú Xương đã có bài thơ khai bút:

*Nhập thế cục bất khả vô văn tự,
Chẳng hay ho cũng húng hắng một vài,*

*Hướng thân danh đã đổ Tú Tài,
Ngày Tết đến, cũng phải thờ một hai câu đối*

Đối rằng:

*Cực nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt tình hoài,
Tối thế thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt
Viết vào giấy dán ngay lên cột,
Hỏi mẹ mày rằng: đốt hay hay?
- Thưa rằng: Hay thực là hay!
Chẳng hay sao lại đổ ngay Tú tài.
Xưa nay em vẫn chịu ngài!*

Cụ Yên Đỗ khi 53 tuổi, có bài thơ khai bút để răn con cháu.

*Tuổi thêm, thêm được tóc râu phờ,
Nay đã năm mươi có lẽ ba.
Sách vở ích gì cho buổi ấy,
Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già.
Xuân về ngày loạn còn lơ lảo,
Người gặp đôi khi cũng ngất ngơ.
Lấn thấn lấy chi đèn tắt bóng,
Sao con đàn hát vẫn say sưa!*

Năm cụ 74 tuổi, cụ có bài thơ khai bút, giọng khôi hài mai mỉa:

*Năm nay tớ đã bảy mươi tư,
Rằng lão rằng quan tớ cũng ừ.
Lúc hứng uống thêm dấm chén rượu,
Khi buồn ngâm lão mấy câu thơ.
Bạn già lớp trước nay còn mấy,
Chuyện cũ mười phần chín chẳng như!
Cũng muốn sống thêm dăm tuổi nữa,
Thử xem Trời mãi thế này ư?*



Thi sĩ Tân Đà có để lại nhiều bài thơ khai bút, phần nhiều nhắc tới cái cảnh nghèo của tiên sinh:

KHAI BÚT NĂM CANH THÂN (1920)

*Năm nay tuổi đã bốn mươi hai,
Ta nghĩ mà ta chẳng giống ai.
Khắp bốn phương trời không thuộc đất,
Địa cầu nhưng muốn ghé bên vai.*

KHAI BÚT NĂM TÂN DẬU (1921)

*Năm nay tuổi đã bốn mươi ba,
Tu nghĩ mà ai chẳng giống ta.
Lo nước, lo nhà, lo thế giới,
Còn thêm lo nợ nghĩ không ra.*

Con nhà văn thơ, ít ai bỏ được tục khai bút, xuân mới đến, pháo nổ ran, trên bàn thờ khói hương nghi ngút, trong thư phòng hoa nở mừng xuân, nhà thơ nào mà không muốn gói gém tâm tình của mình trong mấy vản thơ. Còn mở ma thi sĩ Đông Hồ, ông có một thói quen rất đáng yêu. Hàng năm xuân đến ông làm bài thơ khai bút, ông dùng bài thơ khai bút để gửi chúc tất cả các bạn hữu. Dưới đây là bài thơ khai bút của ông năm Giáp Thìn (1964) mà chúng tôi đã hân hạnh nhận được:

*Xuân một lần thêm một đá vàng
Tuổi xuân đầy đặn nguyệt tròn gương,
Tơ giảng chỉ buộc bao khố khí.
Mực đậm sơn tươi mảy tò tường,
Mây khói qua rồi tan biển loạn,
Cỏ hoa còn đó ngát vãn chương
Bài thơ khai bút vản trình trắng
Cánh thiệp đầu năm hẹn trẻ trăng*

Hướng thân danh đã đỗ Tú Tài,
Ngày Tết đến, cũng phải thờ một hai câu đối

Đối rằng:

Cực nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt tình hoài,
Tối thế thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt
Viết vào giấy dán ngay lên cột,
Hỏi mẹ mài rằng: đối hay hay?
- Thưa rằng: Hay thực là hay!
Chẳng hay sao lại đỗ ngay Tú tài.
Xưa nay em vẫn chịu ngài!

Cụ Yên Đỗ khi 53 tuổi, có bài thơ khai bút để răn con cháu.

Tuổi thêm, thêm được tóc râu phờ,
Nay đã năm mươi có lẽ ba.
Sách vở ích gì cho buổi ấy.
Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già.
Xuân về ngày loạn còn lơ lảo,
Người gặp đôi khi cũng ngất ngơ.
Lấn thẩn lấy chi đèn tắt bóng,
Sao con đàn hát vẫn say sưa!

Năm cụ 74 tuổi, cụ có bài thơ khai bút, giọng khôi hài mai mĩ:

Năm nay tớ đã bảy mươi tư,
Rằng lão rằng quan tớ cũng ừ.
Lúc hứng uống thêm dấm chén rượu,
Khi buồn ngâm lão mấy câu thơ.
Bạn già lớp trước nay còn mấy,
Chuyện cũ mười phần chín chẳng như!
Cũng muốn sống thêm dăm tuổi nữa,
Thử xem Trời mãi thế này ư?



*Xuân tín lẫn lừa ngàn điệp thủy
Mai hoa e ấp nụ phân phương
Một cảnh xuân gửi nghìn thân trọng
Sứ dịch treo tay khéo mở đường*

Hàng năm mỗi lần xuân đến, chúng tôi cũng làm một bài thơ khai bút. Nhân viết về tục lệ khai bút của dân ta, chúng tôi mạo muội xin chép ra đây một trong những bài thơ đó, làm một chút kỷ niệm trong tập sách *Thú vui tao nhã* này:

*Đinh Mùi xuân tới tuổi năm bu,
Ổ thế ra ta đã sắp già!
Một chuyến di cư non nước hận,
Mười năm lận đận tháng ngày qua.
Non sông máu lửa còn lơ lảo,
Sự nghiệp bon chen hết đậm đà.
Thêm tuổi, thêm xuân, thêm hổ thẹn,
Buồn nhìn thế sự tấn tuồng ma!*

Người lớn khai bút, các trẻ em cũng khai bút.

Ngày xưa, khi con trẻ chưa tự nghĩ lấy những câu khai bút, người lớn thường dạy cho chúng những câu có sẵn để ngày xuân chúng khai bút. Đại khái như câu:

*Thiên tăng tuế nguyệt, nhân tăng thọ,
Xuân mãn càn khôn, phúc mãn đường*

Hoặc như câu:

*Niên niên tăng phú quý
Nhật nhật hưởng vinh hoa*

Cũng có khi thay vì những câu chữ nhỏ là những bài thơ nôm cho các em học chữ Quốc ngữ. Tôi nhớ ngày xưa, khi tôi học ở trường kiêm bị Đáp Cầu, Tết đến tôi được một ông

thầy dạy sẵn cho một bài thơ khai bút. Bài đó, năm năm¹ tôi nhắc lại, chỉ thay đổi một đôi chữ, và cho tới ngày nay tôi còn nhớ:

*Mồng một tháng kiến dân,
Cảnh sắc một màu xuân.
Cỏ hoa đã mừng mặt,
Mưa móc nhẹ đưa chân.
Lớn khôn hơn một tuổi,
Mạnh giỏi chúc hai thân.
Học hành ta tấn tới,
Thi đỗ cũng có phần.*

Có năm thay hai chữ *thi đỗ* bằng hai chữ *lên lớp*.

Tại những gia đình theo cổ học, ngày xưa, Tết đến bố mẹ thường bắt các con phải khai bút, mỗi một tờ giấy hoa tiên hoặc hồng điều, được giờ tốt, bố mẹ bắt phải khai bút. Những em nhỏ, bố mẹ đã cho chữ sẵn từ trước, còn những em hơi biết suy nghĩ, các em phải tự tìm lấy câu khai bút.

Nhiều nhà có đóng những cuốn sách, đầu năm bắt các con khai bút, rồi bố mẹ xem lời khai bút của các con mà đoán sự hay dở của từng đứa trong bài khai bút. Tập sách khai bút này được giữ làm vật kỷ niệm trong gia đình. Nhắc tới khai bút, tôi lại nhớ khi còn đi học chữ Hán mới lờm cờm được dăm ba chữ, mới học hết sách *Hán tự tân thư* và sách *Đệ nhị*, ngày Tết năm đó thầy tôi bắt tôi phải tự nghĩ lấy câu khai bút, tôi nghĩ không ra, ngậm bút đen cả miệng và khi các chú tôi khai bút xong tôi vẫn chưa tìm ra câu nào để viết. Tôi rơm rớm nước mắt, mẹ tôi đã phải nhắc cho mấy chữ HOA KHAI HỌC TIẾN. Viết xong bốn chữ tôi như trút được gánh

¹ năm năm = hàng năm.



nặng. Năm sau tôi khôn hơn, tôi nghĩ trước những lời khai bút, nhưng chỉ có năm đó, còn về sau tôi đi học chữ Quốc ngữ, mỗi năm khai bút tôi đã có bài thơ của thầy học đọc cho ở lớp từ trong Tết. Thầy mẹ tôi ngày nay không còn nữa, nhưng mỗi lần xuân đến cũng như mỗi lần nhắc tới chuyện khai bút, hình ảnh các người lại hiện ra trước mắt tôi, thấy tôi thì nghiêm nghị, mẹ tôi thì hiền từ, nhìn tôi bằng đôi mắt triu mến khi tôi ngâm bút tìm mấy lời khai bút hoặc mỉm cười khi thấy tôi viết xong mấy dòng khai bút. Ôi! kỷ niệm xưa sao mà êm đềm vậy.

Đàm luận thi văn

Trong lối chơi thơ văn, ngoài các thú kể trên còn cái thú giãi dãi nhưng không phải dễ dàng là nói chuyện văn thơ. Một vài người bạn gặp gỡ nhau, cùng làm thơ làm văn, cùng nhau đàm luận văn chương, ôn chuyện cổ, nói chuyện kim, so sánh câu thơ này với câu thơ khác, cân nhắc chữ nặng chữ nhẹ của từng câu thơ, thật là cũng là một cái thú tao nhã vậy. Vừa nói chuyện thơ, vừa thưởng thức ẩm chè ngon, rồi cao hứng một người lại ngâm lên một câu thơ đắc ý của mình hoặc của người khác để mấy người kia hoặc ngâm thơ hoặc cho ý kiến về câu thơ. Hương là trà thơm, lời thơ hay, giọng ngâm già dặn như hòa hợp nhau! Nếu có thêm một đỉnh tràm thật là tuyệt!

Nói đến đàm luận, tôi không sao quên được những buổi gặp gỡ thi sĩ Đông Hồ. Tôi thường đến thăm thi sĩ cùng với nhà thơ Bằng Bá Lân và mỗi lần gặp gỡ tay ba như vậy, câu chuyện của chúng tôi luôn luôn hướng về văn thơ! Thi sĩ Đông Hồ có thói quen tao nhã tiếp khách là đốt một thỏi trầm và pha một bình nước. Khách nói chuyện với thi sĩ phải chờ hết thỏi trầm, câu chuyện chưa dứt, thi sĩ đốt tiếp thỏi trầm mới.



Còn trăm đang cháy dở dang, thi sĩ bao giờ cũng tiếp trà và khơi chuyện khách không dứt được ra về giữa thời trăm.

Tôi còn nhớ, khi thi sĩ còn ở đường Nguyễn Thái Học, gần cầu mới, tôi và Bằng Bá Lân đến thăm thi sĩ, sau một cuộc đàm đạo văn thơ hết hai thời trăm, lúc ra về, chúng tôi lại được thi sĩ tặng mỗi người mấy thời trăm để mang về đốt khi làm thơ hoặc viết văn! Ngày nay thi sĩ còn đâu nữa!

Tất cả những thú chơi văn thơ nói trên là của lớp người cũ lớp người còn chơi văn thơ niêm luật, lớp người còn làm câu đối theo thể biên ngẫu, lớp người còn tìm chữ đại tự qua điển tích và cổ thư, văn thơ đã cải biến nhiều.

Từ năm 1930, thơ cũ đã được thay bằng thơ mới không niêm không luật, câu không hạn chữ và chỉ cốt có vần, có ý, có âm điệu. Thơ mới cũng không ngự trị được bao lâu đã bị thơ tự do lấn át, thơ tự do không cần vần, không cần ý và không cần cả âm điệu nữa. Người làm thơ nhiều khi đặt ý ngoài lời, nên thơ không nói lên tất cả, nhiều người không sao hiểu nổi. Đôi khi câu thơ như vô nghĩa, có câu rất ngắn có câu rất dài và lời thơ rất tự do. Tất nhiên các thi sĩ làm thơ tự do phải lấy làm hay và cho niêm luật là bó buộc không để cho thi nhân diễn tả hết cảm nghĩ của mình.

Thi văn đã cải biến! Cải biến phải chăng để cho hợp thời để tiến theo văn minh cơ khí, để được hoàn toàn tự do?

THI CA BIẾN THỂ



Ai cũng biết, trước khi có văn tự thì loài người đã có ngôn ngữ để thông cảm với nhau. Sau vì nói không có đủ lời, cho nên phải nói cho dài, phải cử động tay chân để bổ túc. Ca vũ phát sanh từ đó về lên phát sanh một cách tự nhiên.

Càng ngày càng có phương tiện giao thông thì lối sinh hoạt cũng biến chuyển sang đời tập thể, bèn cùng nhau bày thêm dấu hiệu, chẳng những để biên chép, mà còn để nói với người xa. Theo sử Trung Quốc thì trước công nguyên 2.600 năm Thương Hiệt là tay bày văn tự đời Huỳnh Đế.

Nói bằng chữ, thì hát cũng bằng chữ, 300 năm sau, đời vua Nghiêu, dân có hát rằng: *"Nhật xuất nhi tác, Nhật nhập nhi tức - Mặt trời mọc đi làm. Mặt trời lặn về nghỉ"*.

Ca dao đời ấy còn đơn giản; đến đời Chu (1134-256) thì ca đã biến thể thành thơ. Khổng Tử muốn quan sát lối chánh trị các địa phương, bèn chọn lọc hơn 300 bài hát của dân, nay chúng ta gọi là "Kinh thi" tức là thơ đời thượng cổ, mới có văn, chưa có điệu, thơ còn đơn giản như xưa.

Qua đời Hán, thì trong văn tự đã phân biệt những tiếng "Bình, Thương, Khứ, Nhập" gọi là "Tứ Thanh". Vua Võ

Đế (140-55) đặt một cơ quan, chuyên coi về âm điệu “Tứ Thanh” gọi là “Nhạc phủ”. Từ ngày ấy thơ mới có âm điệu theo Nhạc phủ, nhạc khí cũng được cải thiện theo thời gian. Ca dao có câu: “*Khúc hữu ngộ, Chu lang cố*” – Đàn có sai, chàng Chu ngô. – Chú Du tình âm nhạc, nghe sai một tiếng, thì ngô lại nhạc công liền.

Thi nhân đời Hán cũng có bậc thiên thành, như Tô Vô, Lý Lăng, hai nhà thơ hay tuyệt đối, vừa thẩm âm vừa thẩm mỹ, đến đời Đường, 500 năm sau, mà vẫn còn phục cả hai nhà.

Đời Đường vua Huyền Tôn còn phát minh thêm 5 điệu nữa: “Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ” gọi là ngũ âm. Lý qui âm nhạc rất tinh làm Nhạc phủ trường. Thơ làm có đúng nhạc phủ, mới gọi là “Cận thể”, không đúng, thì gọi là “Cổ thể” thơ xưa. Thơ Đỗ Phủ có câu “*Lý Lăng, Tô Vô thị ngô sư*”. Nghe câu ấy, thì biết văn nghệ khó đến chừng nào.

Ngoài “Cận thể” còn có một thể “Đường Luật” nữa, phải có đối ngẫu, và có đủ “Thanh, sắc, ý”. Ba yếu tố về thơ Thanh là làm đúng âm điệu nhạc phủ, thơ là nhạc, nhạc là thơ. Sắc là tô điểm câu thơ bằng điển cố, bằng danh từ, như họa sĩ dùng nước thuốc trên tranh ảnh. Hai yếu tố này là về ngoại biểu, còn có yếu tố thứ ba, mới về nội dung. Ý, là phải tả tình, tả cảnh, sao cho được mới được tươi, cho cảm động đến tâm hồn độc giả.

Qua đời Tống thì thể thơ lại chuyển biến chuyển ra thể “từ” thể này mỗi chữ một điệu, tác giả phải điền từng chữ cho đúng ngũ âm. Vì quá phiền phức, cho nên qua đời Nguyên, thì thể từ đã ít ai làm, lại vì nhà Nguyên bỏ từ chương, bãi khoa cử.

Theo lịch sử, thì bạn thi nhân, văn sĩ, phần uất, bèn dịch những sự tích đời xưa, không làm thơ từ mà làm kịch, mà làm tuồng, gọi là thể “khúc”. Lời văn đơn giản mà hấp dẫn, được quần chúng hoan nghênh, dẫu tác giả có ngụ ý bao biếm, thố



lộ những nổi bất bình mà người Nguyên vẫn thích xem, để tìm hiểu những ẩn tình của người Trung Quốc.

Từ Hán đến Nguyên, có hơn 1.500 năm về văn nghệ, một đời có một sắc thái riêng, khả dĩ đại biểu cho từng đời, như văn nhà Hán, thơ nhà Đường, từ nhà Tống, khúc nhà Nguyên hay quan cả một đời hay tuyệt đối.

Đến nhà Minh, nhà Thanh 1368-1912, trong khoảng hơn 500 năm về địa hạt thi ca chỉ học theo văn nghệ lưu truyền, chẳng có gì tiến hóa. Đã không tiến hóa thì thôi, là lẽ tất nhiên, xong chúng ta phải tìm hiểu lý do, vì sao đến nhà Thanh thì thi ca không biến chuyển nữa?

Giữa đời chỉ có hai phương diện: Vật chất và tinh thần, phương diện này thường bổ túc cho nhau, cũng như đạo đức và tài năng, nhà chánh trị phải nâng đỡ cả hai, không thiên về phương diện nào, để tạo thành một dân tộc có văn hóa.

Năm 1912 là năm Trung Hoa Dân Quốc cải nguyên hơn sáu trăm triệu dân, khuynh hướng theo phong trào Âu Mỹ. Tôn Văn tuyên bố: “Dân sanh chủ nghĩa” có ý thiên về vật chất, chủ trương cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi. Đời vật chất trước kia đơn giản chừng nào, thì ngày ấy phiền phức chừng ấy. Mạnh Tử nói: “*Chạy theo cơm áo chưa đủ, còn thì giờ đâu mà nghĩ tới lễ, nghĩa đạo đức*”. Vì vậy cho nên Trung Hoa Dân Quốc đơn giản hóa những gì về phương diện tinh thần.

Trong địa hạt luân lý, thì lấy pháp thay tình, ngày xưa lấy tình làm pháp. Năm 1917 năm năm sau ngày cách mạng thành công, Hồ Thích chủ trương dùng “Bạch thoại” vào thi văn, khỏi nô lệ cổ nhân, nghĩa là trong thi văn không dùng cổ điển, cả dân tộc điều hiểu rõ, mà khỏi mất thì giờ. Bạn đồng chí là Trần Độc Tú cũng hô hào: “Đã đảo lộn văn cổ điển”...

Lợi về vật chất chừng nào thì hại về tinh thần chừng ấy.



dân, hàng ngày tìm những phương pháp mới để cải tạo tâm hồn, nghĩa là làm cho một dân tộc, một quốc gia phải biết tự tôn, phải bỏ tất cả những gì bất hợp thời, về vật chất cũng như tinh thần, lấy “chí thiện” làm cứu cánh.

Vậy thì phương Đông cũng như phương Tây, nhà thơ có nhiệm vụ khai thác những gì mới mẻ về tinh thần, làm cho những người giàu sang, cũng như hạng nghèo hèn, hưởng chung gió mát trăng trong, nếu biết sống theo thi giáo... Nay chúng ta muốn tìm hồn thơ nước Việt, thì chúng ta mở tập thương sơn, có đủ các thể thơ, chúng ta được tự do phê bình, sau khi thưởng thức.

UNG TRINH

Lãnh mệnh số 70 ra ngày 1.7.1962

Phần 4

Họa

HỌA



VẼ

Vẽ là thú tiêu khiển đứng thứ tư trong làng *tứ thú phong lưu*. Tuy là một thú tiêu khiển nhưng không phải bất cứ ai cũng có thể hưởng được cái thú phong lưu này hoàn toàn, nghĩa là biết thưởng thức những bức vẽ và tự biết vẽ nên những bức tranh.

Người ta có thể biết thưởng thức một bức tranh, tìm thấy cái đẹp, vẻ linh động, vẻ hồn nhiên trong bức tranh nhưng tự vẽ ra bức tranh phải là những người có khiếu vẽ hội họa, có hoa tay, có óc quan sát biết đem những điều quan sát đặt vào ngòi bút vẽ lên giấy.

Thực ra, vẽ là một nghệ thuật và đứng trong nền mỹ thuật Việt Nam.

Trong cuốn *NGƯỜI VIỆT... ĐẤT VIỆT*, hợp soạn với Cửu Long Giang, khi nói về nền mỹ thuật Việt Nam chúng tôi đã có dịp trình bày sơ lược về ngành hội họa của đất nước.

Hội họa trước đây rất ít được chú ý tại nước ta và cách vẽ của ta dựa theo sách vẽ của Tàu chỉ tạo nên những bức

tranh sơn thủy thanh cảnh hoặc những bức tranh tôn giáo đầy trang nghiêm nếu không nói tới những bức tranh về bình dân, những bức tranh vẽ do giới bình dân sản xuất và cũng được giới bình dân thưởng thức.

Tóm lại, tuy là một thú chơi trong tứ thú phong lưu nhưng họa không được phát triển như ba thú chơi trên, tuy vậy, nói đến thú vui tao nhã của dân tộc Việt Nam ta không thể nào bỏ qua được.

Trước đây, người ta ngoài sự vẽ kiểu cho các thợ chạm, thợ khảm, thợ sơn, thợ thêu, thì chỉ vẽ những bức tranh sơn thủy, bức tứ bình, bức mảnh mảnh, hoặc là điểm những hình tứ bình, ngũ phúc, bát bửu đắp ở các mái đền chùa hay các bình phong mà thôi. Về cách vẽ tường thì thịnh hành ở chùa lớn mới thấy có những bức tranh thập điện, hay những tứ bình, long cuốn thủy, cá hóa rồng. Cách vẽ chân dung thì chất phác và hiếm người biết. Cách vẽ đầu và sơn thì thường dùng để vẽ những phong cảnh hay cầm thú ở các bức hoành, hay là mặt tráp, mặt hộp sơn mài thôi...¹

Vì nghề vẽ không được mấy chú trọng nên nếu ta cố tìm những bức tranh cổ Việt Nam, thật ra cũng rất khó. Đời Lê về thế kỷ thứ XVI có để lại ít nhiều bức tranh vẽ phong cảnh, và từ triều Lê tới triều Nguyễn nghề hội họa cũng không tiến bước gì hơn. Phải chờ cho tới đầu thế kỷ, nhờ ảnh hưởng của nền mỹ thuật Âu Tây, nghề vẽ hướng theo một con đường mới và bắt đầu phát triển với các họa sĩ do trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội đào tạo, trong các họa sĩ này ta có thể nhắc tới ông Lê Phổ, Vũ Cao Đàm, Tô Ngọc Vân, Lê Bá Đảng, Mai Trung Thu, Nguyễn Gia Trí, Lê Văn Đệ. v.v...

Các họa sĩ này đã cải tiến và trẻ trung hóa nghệ thuật hội

1 Đào Duy Anh – Việt Nam Văn hóa sử cương Trang 287-288



họa Việt Nam, cho tới ngày nay, ngành vẽ đã tiến nhiều, và rất nhiều họa sĩ đã nổi danh với những họa phẩm của mình: Văn Thanh, Phạm Thăng, Bé Ký, Mộng Chương v.v...

Đặc biệt gần đây họa sĩ Tú Duyên với lối thủ ấn họa đã làm sống lại và linh hoạt hóa nghệ ấn họa bình dân của ta xưa. Nhiều tác phẩm đặc biệt đã nổi tiếng và được rất nhiều người yêu nghệ thuật đòi hỏi.

Trở lại ngành hội họa cổ truyền, ta phải lưu ý tới những bức tranh *thủy mặc*, cũng như những bức *tranh màu đơn sơ* nhưng gợi cảm.

TRANH THỦY MẶC

Vẽ thủy mặc là cách vẽ bằng mực đen hòa với nước. Lối vẽ này không dùng tới màu sắc, chỉ lấy màu đen của mực và màu trắng của giấy mà họa nên bức tranh. Tuy không có màu sắc, nhưng người xưa thường tạo nên những bức tranh thủy mặc rất linh động, đầy tâm hồn, phản ánh đúng ý muốn của họa sĩ.

Tranh thủy mặc có thể là một bức tranh sơn thủy nét đậm nhạt của mực hòa với nước, nét bút giản dị nhưng linh động, non xa nước gần, có cây có lá, đôi khi thêm cả ngư tiêu. Ở đây, chính nghệ thuật của nghệ sĩ đã được vận dụng nhiều để làm nổi bức tranh. Núi có mây, nước có con thuyền đứng đỉnh. Chỉ những nét đậm, nét nhạt nhưng họa sĩ đã dùng tài năng của mình đặt vào bức tranh một linh hồn, mặt nước như gợn sóng, lá cây như rung động. Tranh thủy mặc cũng có thể là những bức tứ bình tả cảnh ngư tiêu canh mực, hoặc cảnh bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông với mai lan cúc trúc, hoặc những bức tranh khác như trúc tước, anh hùng độc lập v.v...



Dù tranh vẽ cảnh gì, cảnh có hồn, có gợi cảm đều nhờ ở tài họa sĩ, và ở nhiều bức tranh, với một đôi nét đơn sơ, vẽ một âm thanh cảnh vắng, người xem tranh đã tưởng tượng ra cả một buổi chiều với tiếng chuông, tiếng mõ, với một nhà sư đang tụng niệm trước một bàn thờ Phật... Có khi vài ba nét bút của họa sĩ chỉ nêu lên một cảnh mai với vài cánh hoa đang nở đã khiến cho ta tưởng tượng đến cả một mùa xuân với trăm hoa đua nở với chim hót vang, với mưa xuân lấm tấm rơi.

Tranh thủy mặc trông thật bình dị, không màu sắc nhưng đã nói lên rất nhiều những cái gì của tinh thần Đông phương qua nét bút trác tuyệt của họa sĩ. Cái hay của những bức tranh là tuy không có màu nhưng đã nói lên nhiều màu sắc, dù chính màu sắc cũng không trình bày hết.

Vào trong một gia đình, bắt gặp một bức tranh hoặc một bộ tứ bình vẽ lối thủy mặc, ta có thể đoán chủ nhân ông nhà này là một người thanh đạm nhưng tâm hồn súc tích, và tùy bức tranh ta có thể biết thêm ít nhiều tính nết của chủ nhân.

Chính vì cái giá trị cao xa ấy, mà ngày nay mặc dầu ngành họa ở Việt Nam được trẻ trung hóa, nhiều người vẫn không bỏ lối vẽ thủy mặc, và nhất là rất nhiều người ưa chơi những bức tranh thủy mặc.

TRANH MÀU

Ta ưa chuộng tranh thủy mặc, nhưng không phải vì thế mà trước đây ta không có tranh màu. Nhiều họa sĩ cũng vẽ tranh màu, nhất là tranh bình dân lại càng nhiều màu sắc.

Không kể những bức tranh bình dân, các họa sĩ thời xưa khi dùng màu thường cũng chỉ có màu bạc và màu son. Hai màu



này, đậm nhạt tùy nét trên bức tranh hòa hợp với màu đen, tạo nên những bức tranh màu sắc thật đơn sơ, nhưng lại rất nhịp nhàng. Những nét vẽ của họa sĩ, những nét vẽ bút lông, cũng như trên những bức tranh thủy mặc, thường không cầu kỳ nhưng linh động, và mỗi bức tranh đều có những cảnh người xem tranh phải tưởng tượng ngoài nét. Cũng là những bức tranh sơn thủy, cũng là những bức tranh ghi lại một vài cảnh sinh hoạt của con người, cũng là những bức tranh tứ bình. Nhưng ở đây chỉ khác tranh thủy mặc là có thêm vài màu sắc, những màu sắc trầm trầm của sơn non, những màu sắc bằng bạc của màu bạc. Gọi là tranh màu nhưng không lộng lẫy, nghệ thuật phương Đông thường thâm kín trầm lặng có ẩn nhiều tình cảm, và mỗi bức tranh với mỗi vẻ đều nói lên một cái gì thiêng liêng của phương Đông, bức tranh *Là Vọng câu cá* chẳng hạn, đây tuy họa sĩ chỉ vẽ một ngư ông ngồi câu cá, nhưng xem tranh ta phải nghĩ tới cái chí lớn của kẻ trượng phu chưa gặp thời, ngồi câu cá đấy, nhưng ngư ông có thể nhắm lại bàn cờ thiên hạ, hoặc giả ta cũng có thể nghĩ được rằng ngư ông thích cái sống an nhàn thanh tĩnh, lấy thú đi câu để quên ngày tháng sau một cuộc sống ồn ào. Nhưng bức tranh *Lý ngư vọng nguyệt* nói lên cảnh trăng trong gió mát, và nhắc tới cái hoài vọng của Lý Ngư sẽ vượt Vũ môn để hóa rồng. Những vẩy bạc của con cá, màu sơn non của ánh trăng tóa xuống nước, giữa những đợt sóng lăn tăn thật là hòa hợp với cái khung cảnh của bức tranh!

Về tranh màu phải kể tới tranh bình dân, loại tranh này có đủ các màu sắc sơ xanh, đỏ, tím, vàng, mỗi màu do một chất phẩm tạo nên, và những màu này lại hòa hợp với nhau biến thành nhiều màu khác. Lối tranh bình dân rất được giới

bình dân trước đây ham thích, phần vì tính cách tôn giáo của tranh, phần vì tranh được dùng trang hoàng trong những gia đình bình dân nhất là ở miền Bắc.

Dưới đây chúng tôi xin dành riêng một mục để nói về loại tranh này.

TRANH BÌNH DÂN

Tranh bình dân là một cái gì đặc biệt của miền Bắc, và tuy chơi tranh là một thú thanh cao, nhưng chơi tranh bình dân tại miền Bắc hầu như đi lẫn vào lãnh vực tín ngưỡng. Người ta chơi những bức tranh này vào một dịp thiêng liêng nhất trong năm: Đó là dịp Tết Nguyên Đán. Hơn nữa, trong những bức tranh sáng tác bởi giới bình dân, đòi hỏi giới bình dân có những bức tranh tôn giáo, mà thiếu những bức tranh này, sự chơi tranh ắt giảm đi rất nhiều ý nghĩa. Lại có những bức tranh dùng riêng trong việc thờ phụng, bên những bức tranh mặc dầu có ý nghĩa tôn giáo, nhưng được người dân mua về với tác dụng của những bức tranh Tết: Đó là những bức tranh *Tiến tài tiến lộc* dán ở cổng ngõ hoặc trước cửa nhà, những bức tranh *Vũ Đình*, *Thiên Ái* cũng dán ở hai bên cánh cổng tranh *Bộ ba Táo quân*...

Người dân quê dán những bức tranh trên với ý niệm tín ngưỡng: dán tranh *Tiến Tài*, *Tiến lộc*, người ta hy vọng thần nhân sẽ mang tài lộc lại cho gia đình, dán tranh *Vũ Đình*, *Thiên Ái*, người ta mong hai vị thần này sẽ ngăn ma quỷ không vào được nhà. Còn tranh bộ ba Táo quân, người ta thường dán ở trong nhà để tỏ lòng kính trọng ba vợ chồng Vua Bếp.

Lại còn những bức tranh *Bình An* mà người ta cho là có

sức tạo được sự bình an cho nhà cửa, bức tranh *Trường sinh* tượng trưng cho tuổi thọ.

Có thể nói, mỗi bức tranh là một lời chúc tụng, cầu mong và người dân quê chất phác tin tưởng một cách chân thành ở sự cầu mong này.

Nghề vẽ tranh bình dân là một nghề đặc biệt ở miền Bắc đầy tính chất văn hóa, và người dân quê chơi những bức tranh này với một tinh thần, vừa tìm sự trang hoàng cho nhà cửa, vừa đem lại sự vui sướng cho các em trong dịp Xuân, vì có Tết là có tranh có pháo, và lại vừa tin tưởng ở những sự thiêng liêng mẫu nhiệm của mỗi bức tranh.

Trước đây đã có nhiều tác giả nhất là các tác giả ngoại quốc, nói tới tranh Tết và nghề vẽ tranh bình dân, nhưng chưa có mấy ai đã nghiên cứu kỹ lưỡng tỉ mỉ để đi sâu vào nghề vẽ tranh bình dân của ta. Ngoại trừ gần đây ông Durand trong cuốn *Imageries populaires du Việt Nam*.

Ở đây chúng tôi cố gắng tìm hiểu kỹ lưỡng hơn về nghề vẽ tranh, in tranh, rồi chúng tôi cố gắng nêu ra ý nghĩa của mỗi bức tranh qua những lời các cụ để lại, cũng như qua các sách báo chúng tôi đã may mắn được đọc.

Trước hết chúng tôi cần phải minh định rõ ràng, ở đây chúng tôi nói tới tranh bình dân Việt Nam mà không nói tới những tranh Tàu do người Trung Hoa sản xuất có kỹ thuật điêu luyện hơn, và chúng tôi hiểu nghĩa tranh bình dân là những loại tranh vẽ màu sắc sỡ bằng thuốc, bằng phẩm được bày bán ở các chợ quê và cả các chợ tỉnh nữa, mỗi dịp Xuân về Tết đến. Những tranh này còn được gọi là Tranh Tết và được các trẻ em ưa thích, tuy người lớn vẫn mua và cũng tìm thấy cái mong muốn của họ trong những bức tranh này.

Thường Tết đến nhà nào cũng mua tranh, tùy sự giàu nghèo của mỗi gia đình, và các bà mẹ đi phiên chợ Tết bao giờ cũng

mua tranh và pháo cho các con. Các làng quê lại có những phiên chợ trẻ con,¹ trong các phiên chợ này các hàng tranh pháo giữ phần quan trọng.

CHẾ TẠO TRANH

Việc chế tạo tranh do các nhà sản xuất chuyên môn và mỗi tỉnh chỉ có một vài làng có nghề này.

Xưa kia ở Hà Nội, tại phố Hàng Quạt có nhiều nhà làm nghề sản xuất tranh bình dân. Tỉnh Hà Đông có tại các xã Nam Du Thượng và Bình Vọng, huyện Thanh Trì, tỉnh Bắc Giang tại xã Sen Hồ tục gọi là làng Hồ, huyện Việt Yên và tỉnh Bắc Ninh có xã Đông Hồ, phủ Thuận Thành xưa kia có nghề sản xuất tranh bình dân, và có lẽ đến ngày nay còn nhiều người vẫn giữ nghề này mặc dầu có mọi cuộc thay đổi về chính trị.

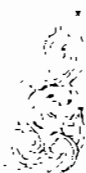
Hàng năm, sau vụ gặt tháng Mười, những gia đình làm nghề sản xuất tranh bắt đầu in tranh để kịp bán Tết Nguyên Đán.

Việc sản xuất tranh bắt đầu là vẽ tranh, rồi tranh này được khắc trên những khuôn bằng gốm hoặc *Gỗ thị*, hoặc *gỗ vàng tâm*, *gỗ giổi* hay *gỗ mỡ*.

Gỗ thị để khắc những bức tranh người ta cần in cho rõ nét và không tô màu: đây là những bức tranh in đen trên giấy màu *hoa hiên đỏ* có thể gọi được là *màu vàng đậm*. Thường những bức tranh vẽ chữ Thần (), tranh Táo quân, tranh chuối tiền v.v... in trên giấy này và không có tô màu.

Gỗ vàng tâm, gỗ giổi, gỗ mỡ mặt nhẵn được dùng để khắc in các khuôn tranh có tô màu.

1 Xem *Nếp cũ. Làng xóm Việt Nam* của Toàn Ảnh. Chương *Tết làng* đã xuất bản.



IN TRANH

Tranh trước kia được in trên *giấy bản* do các xã Hồ-Khẩu và Hạ-Yên-Quyết tỉnh Hà Đông sản xuất, tới thời Pháp thuộc, người ta dùng giấy báo thay cho giấy bản.

In tranh bằng hai loại giấy tùy theo khuôn gỗ thị hoặc các gỗ khác.

In tranh bằng khuôn gỗ thị người ta dùng giấy màu hoa hiên đỏ nhuộm bằng *hoa hòe*. Giấy nhuộm màu phải phơi khô trước khi dùng để in tranh.

Muốn in tranh người ta có dùng *bột điệp*, một thứ bột do vỏ sò huyết tán nhỏ ra tạo thành đem hòa với hồ tẻ loãng. Hồ hòa bột điệp được quét lên giấy hoa hòe.

In tranh tô màu, bằng khuôn gỗ vàng tâm, gỗ giới hoặc gỗ mỡ, người ta dùng giấy trắng có phết hồ điệp.

Cách in tranh hết sức giản dị. Thông thường có các công việc sau đây:

- Khuôn tranh được đem lau chùi kỹ lưỡng, rửa sạch rồi phơi khô.
- Dùng một chổi rom cắt bằng đầu nhúng vào một bát mực tàu hòa sẵn rồi quét lên mặt khuôn cho đều.
- Đặt tờ giấy để in tranh lên mặt khuôn đã quét mực, mặt in tranh úp xuống mặt khuôn.
- Dùng một chiếc xơ mướp xoa trên mặt sau giấy cho đều để hình khắc trên khuôn ăn vào giấy.
- Sau đó lật tờ giấy ra, bức tranh với những nét mực đen đã được in trên tờ giấy.

BỒI TRANH

Bức tranh in ra rồi. nếu là bức tranh nhỏ và là tranh của trẻ em dán Tết, không cần phải bồi thêm cho dày nhưng có những bức tranh cỡ lớn, nhất là những bức tranh tôn giáo người dân quê mua về để treo thờ, hoặc những bức tranh dành cho người lớn như bức tranh chữ Thần, những đôi liễn, những bức tứ bình v.v... nếu để giấy mỏng sẽ dễ bị rách, ngoài ra thường người ta còn làm trục ở đầu tranh để treo lên tường, lên cột hoặc lên bàn thờ, nên người ta phải bồi tranh cho dày hơn.

Người ta quấy một thứ hồ bằng bột tẻ có pha vôi và phèn chua, hai chất này để trừ gián và nhảy hỏ quấy hơi loang loảng.

Mỗi gia đình làm tranh đều có những tấm ván phẳng. Người ta đặt tờ tranh trên một tấm ván, mặt lưng ngửa lên. Với một chiếc chổi bằng lá thông hoặc bằng xơ dừa người thợ quét hồ lên lưng tranh cho đều rồi dán sau đó một tờ giấy để tăng bề dày của tranh. Muốn tranh dày đến cỡ nào, giấy được bồi thêm chừng đó. Bồi xong, tranh được đem phơi khô trên một tấm ván hoặc trên tường.

PHÓNG TRANH

Đây cũng là một cách in tranh. Có những nhà sản xuất tranh vì một lý do gì, về một mẫu tranh nào không sẵn khuôn họ phải sản xuất tranh bằng cách phóng tranh làm nhiều bản. Phóng tranh như ngày nay can kê vậy. Người ta dùng giấy than để lên giấy trắng rồi đặt trên cùng bức tranh cần phóng ra. Người ta tô mạnh lên những nét trên bức tranh. Mỗi lần, người ta có thể phóng ra được ba bốn bức tranh tùy theo giấy

than. Phóng tranh xong, nếu có bức nào nét không hoàn toàn rõ, người thợ tranh sẽ dùng bút nhỏ tô lại cho đậm nét hơn.

Tranh phóng xong, hoặc được đem bồi, hoặc không tùy theo các trường hợp nói trên.

TÔ MÀU

Tranh in hoặc phóng xong và đối với những bức tranh cần bồi thì khi bồi xong người ta đem tô màu ngoại trừ những bức tranh in trên giấy hoa hiện đó.

Tô màu trên tranh phải hiểu đây là *những bức tranh in trên giấy điệp, phải dùng thuốc cái*, nghĩa là thuốc không pha nước, thuốc có pha nước không ăn vào giấy, tô màu không được hoặc nếu có được cũng phai ngay hoặc biến màu.

Ngoài loại tranh in hoặc phóng trên giấy điệp, còn thứ tranh Tết trẻ em thông dụng, dưới thời Pháp thuộc được in trên một loại giấy mỏng gọi là *giấy bán tây*, một mặt nhẵn một mặt ráp, mặt nhẵn ít thấm nước. Đối với loại tranh này, người ta dùng thuốc pha với nước để tô lên tranh cho đỡ tốn.

Tô màu tranh phải tô những màu nhạt trước, màu thắm sau. Các màu vàng bạc được tô bằng kim nhũ hoặc ngân nhũ.

MÀU TRANH

Tranh Tết thật là sặc sỡ, chính những màu sắc sặc sỡ này đã làm cho tranh Tết càng nổi. Ở đây chúng tôi dùng hai chữ *tranh Tết* thay cho ba chữ *tranh hình dân* vì ở miền Bắc, dân quê gọi chung những loại tranh này là tranh Tết, tuy cũng có những bức tranh được bày bán quanh năm như những bức



tranh vẽ tôn giáo: tranh Ngũ Hổ, tranh Ông Hoàng, Bà Chúa, tranh Phật Bà, tranh Tam Phủ, Tứ Phủ v.v...

Tết tới tranh mới tò màu xong được bày bán ở các vỉa hè thành phố, ở các chợ quê trông thật là tung bừng như muốn tăng vẻ náo nhiệt cho những ngày sắp Tết.

Ông Lê Văn Hòe, trong một bài trong tập *Xuân Văn Nghệ* Quý Ty 1953 đã viết về màu sắc của tranh Tết:

Tranh gà, tranh lợn, đỏ như xôi gấc, vàng như màu lúa chín, xanh như lá mạ hay vàng như nghệ cá kho, xanh như cốm non, đỏ như ngô già, nâu như đất cày, toàn những màu sắc quen thuộc thân mến từ bao nhiêu đời người rồi. Những màu sắc ấy, in sâu vào tâm não nông dân, hết thế hệ này đến thế hệ khác thành những màu sắc dân tộc rồi. Những màu sắc xanh đỏ, chói rực của tranh Tàu, tranh Tây nó chói quá, nó không mộc mạc quen như những màu xanh đỏ thô kệch, đậm đậm thật thà của tranh lợn gà.

Những màu sắc của tranh Tết tuy sặc sỡ nhưng lại hết sức giản dị, vì tất cả mọi màu hòa hợp nhau đều do nơi năm màu chính, năm màu của năm thứ thuốc cái. Xin nhấn mạnh thuốc cái đặc chứ không pha loãng như thuốc nước.

Năm thuốc cái chính với năm sắc là:

1. *Phấn trắng* còn gọi là *thuốc điệp* là thứ thuốc tạo thành bởi vỏ sò đã nói ở trên.
2. *Xa thanh*: xanh nước biển
3. *Mực Tàu*: đen
4. *Kim nhũ*: vàng óng ánh
5. *Ngân nhũ*: bạc óng ánh

Với thuốc cái chính, ngoại trừ ngân nhũ và kim nhũ, những thợ vẽ tranh chế biến thành sáu màu, đậm nhạt nhích khác nhau trong mọi màu:



một bản của ta bắt đầu từ đời nhà Lý, như vậy có thể trước ông Lương Nhữ Hộc, dân ta đã có in tranh mộc bản nhưng không tô màu, rồi tới đời nhà Lê, ông Lương Nhữ Hộc mới học thêm được cách tô màu tranh truyền dạy cho dân chúng.

Dù nghề in tranh truyền sang nước ta, từ đời nào thì chơi tranh Tết cũng đã ăn vào nếp sống của dân ta, và được dân ta lưu truyền. Hàng năm ngày Tết đến, Tranh Tết đã khiến ngày Tết thêm ý nghĩa, và mỗi bức tranh đã nhắc tới hoặc một sinh hoạt của đời sống dân quê, hoặc một điều gì, lịch sử, tôn giáo hằng được dân quê lưu tâm tới.

Theo những tài liệu có thể có được, nghề in tranh này hiện vẫn được duy trì ở miền Bắc, mặc dầu nó không bành trướng được như trước, và số người làm nghề vẽ tranh không còn đông đảo bao nhiêu.

Nghề vẽ tranh trước đây là một nghề cha truyền con nối, đời này qua đời khác, những gia đình vẽ tranh phải làm lễ Thánh sư hàng năm. Những gia đình chuyên vẽ về tranh tôn giáo thường có bàn thờ ở trong nhà để luôn luôn lễ bái vì tục tin rằng vẽ những bức tranh Thần Phật là có tội bất kính với các Ngài, nếu không có lễ bái để xin được vẽ những bức tranh này.

Theo ông Maurice Durand thì trước đây từ năm 1940 về trước hàng năm các nhà vẽ tranh miền Bắc sản xuất gần 2.000.000 bức tranh gồm 2.000 mẫu tranh. Số này sút xuống 300.000 bức tranh vào năm 1957.

CÁC LOẠI TRANH VỚI CÁC ĐỀ TÀI

Tranh Tết chia làm nhiều loại, tùy theo đề tài có thể phân làm mấy loại chính sau đây:

1. *Tranh tôn giáo*: Táo Quân, Phật Bà Quan Âm, ông Hoàng Bà Chúa, Thần Hồ v.v... Trong loại tranh tôn giáo này, có loại tranh bán quanh năm, ta gọi là *tranh thờ*, và có loại chỉ bán vào dịp Tết.
2. *Tranh lịch sử và cổ tích*: Ngưu Lang và Chức Nữ, Đinh Tiên Hoàng, Lý Thường Kiệt, Hai Bà Trưng v.v...
3. *Tranh giáo dục*: Tranh nhệ thập nữ hiếu.
4. *Tranh giải cảnh*: Tứ thời hoa bướm v.v...
5. *Tranh châm biếm*: Thầy đồ cóc, Đám cưới chuột v.v...
6. *Tranh khôi hài*: Hứng dừa, Đánh ghen.
7. *Tranh chúc tụng*: Đinh Tài lương vượng, Trường Sinh Bình An v.v...
8. *Tranh trấn trạch*: Bát Quái, Vũ Đình, Thiên Ất.
9. *Tranh đời sống dân quê*: Đánh vật, bắt cua, chần trâu, tứ dân...
10. *Tranh đời sống văn minh*: Đi xe đạp, Đánh quần vợt v.v...

Những người có nhận xét nông cạn, trong số đó có rất nhiều người ngoại quốc cho rằng trong việc vẽ tranh cũng như trong những vấn đề khác, Việt Nam đã chịu ảnh hưởng Trung Hoa vì trước đây ta là một tiểu quốc, một chư hầu của Trung Hoa.

Nhận xét đó hoàn toàn sai lầm. Ta theo văn hóa Trung Hoa hấp thụ văn minh của Trung Hoa, nhưng ta không chịu ảnh hưởng Trung Hoa một cách nô lệ trên bất cứ lĩnh vực nào. Nếu ta có theo văn hóa Trung Hoa thì ta cũng đã gan đục khơi trong. Việt Nam hóa những cái hay của Trung Hoa, và đồng thời ta có những sáng kiến riêng qua mọi lĩnh vực.

Riêng về tranh bình dân nói chung, về tranh Tết nói riêng, với chín loại đề tài nêu trên, trong đó, có nhiều bức tranh vẽ theo sự tích Trung Hoa, nhưng đã được trình bày một cách



hoàn toàn Việt Nam, như những tranh *Nhị thập tứ hiếu* đã được vẽ với một tinh thần mà không ai dám bảo đó là tinh thần ngoại quốc, chúng tôi sẽ nêu một vài bức tranh để bạn đọc cùng thấy.

Ngoài ra với những tranh *Đánh ghen*, *Hứng dừa* cùng những bức tranh về lịch sử như *Đinh Tiên Hoàng*, *Trung Nữ Vương*, trong những bức tranh về đời sống dân quê như bắt cua, chăn trâu, v.v... ảnh hưởng của Trung Hoa đâu có những bức tranh này. Lại còn những bức tranh về những cảnh tả trong các tiểu thuyết Việt Nam: *Kiều*, *Nhị Độ Mai*, *Thạch Sanh*, *Trê Cóc*, *Lưu Bình Dương Lễ*, *Trần Minh khố chuỗi* v.v... người Trung Hoa đâu có những bức tranh này...

Trong nghề vẽ tranh bình dân, người ta cũng vẽ nhiều cảnh ghi trong lịch sử hoặc Tiểu thuyết Trung Hoa: *Sơn Hậu*, *Tam Quốc Chí*, *Tây Du*...

Tóm lại, tranh Việt Nam có tinh thần Việt Nam, dù vẽ những cảnh trong truyện ngoại quốc.

Có điều đáng chú ý là những nét vẽ tranh Tết thật là mộc mạc, đơn sơ, trông như vụng về, nhưng trong cái vụng về đó đã gói ghém tất cả cái gì là hồn nhiên của con người Việt Nam.

MÁY BỨC TRANH TƯỢNG TRƯNG

Theo như sự phân loại trên, tranh bình dân và tranh Tết chia thành chín loại, nhưng giản dị hơn, ta có thể phân biệt làm hai loại chính:

- Tranh tôn giáo và Tranh Tết

Tranh tôn giáo

Đây là những bức tranh vẽ với mục đích để thờ: Tranh



Ngọc Hoàng, ông Hoàng bà Chúa, Thần Hồ, Thổ Công, Táo Quân, Hương chủ v.v...

• **Tranh Ngọc Hoàng** vẽ đức Ngọc Hoàng ngồi ngai ở giữa hai tay chấp cầm chiếc hốt. Hai bên tả hữu có hai vị Nam Tào, Bắc Đẩu đứng chầu. Chung quanh phía đầu đức Ngọc Hoàng có vòng hào quang, và hai bên có hai chiếc quạt đối nhau.

• **Tranh Ông Hoàng** vẽ một vị thần của đạo Lão được giới đồng bóng tôn thờ, ông Hoàng mặc quốc phục Việt Nam màu đen chít khăn chữ nhân, cưỡi ngựa có lông che, có cờ, đi hai bên và đằng sau là lũ quân lính mang gương đao cờ quạt.

Cũng có tranh vẽ ông Hoàng bận quốc phục màu trắng, cưỡi ngựa, có tên lính che lông đi hầu, đi trước ngựa là một tên lính đánh trống, đi bên trái là một tên lính sách diếu.

Lại có tranh vẽ ông Hoàng cưỡi con Lý ngư bơi trên mặt nước, quần áo màu trắng, tay phải có cầm gương có hai tên lính theo hầu, một tên che lông và một tên bưng khay nước.

Xin chú ý là ở hầu hết các tranh tôn giáo, các vai chính thường vẽ lớn, còn các vai phụ vẽ nhỏ hơn chỉ bằng non nửa. Ở tranh các ông Hoàng cũng vậy, hình ông Hoàng thì lớn còn hình quân lính hầu thì nhỏ.

• **Tranh Bà Chúa** thường vẽ các vị thánh mẫu, có bức tranh vẽ ba vị thánh mẫu là Bà Cửu Thiên Huyền Nữ, đức Mẫu Thượng Ngàn và đức Mẫu Thủy Phủ, có bốn nữ tỳ đứng hầu. Đây cũng là những vị Thần của Đạo Lão.

• **Tranh Cô Cá Thương Thiên** là bức tranh vẽ Bà Liêu Hạnh Công Chúa. Tục cho rằng Cô Cá Thương Thiên được thờ ở đền Sòng, và những người có cơ duyên được cô bắt đồng:

*Thấy người mà phấn lưng ong.
Cô mới bắt đồng tiến mẫu Sòng Sơn.*

Tranh vẽ cô ngồi ở trên Ngai ở giữa, hai bên mỗi bên có sáu thị nữ đứng hầu, ở dưới chân có hai con voi trắng quỳ chân. Cô là vị nữ chúa cai quản các cô khác.

Thượng thiên Cô Cả quản cai các nàng.

Tay cô cầm chiếc gậy như ý đủ phép màu.

Hai con voi trắng tượng trưng cho sự may mắn.

Tóc và lông mày cô đều bạc chứng tỏ niên kỷ của cô đã cao.

Về tranh các ông Hoàng Bà Chúa, các Cô, các Cậu còn nhiều, phạm vi bài này không cho phép chúng ta nói được hết. Xin kể sơ qua một số các tranh:

• **Tranh Ngự vương quan** vẽ năm vị quan mặc áo châu.

• **Tranh Đức Thánh Mẫu Thượng Ngàn**, tranh *Cửu Trùng Thánh Mẫu*, tranh các cậu *Quận*, tranh *Đức Mẫu Thoài* tức là *Bà Chúa Thủy Cung*, tranh ông *Hoàng Ba*, tranh *Đệ tam công chúa Thủy Cung*, tranh cậu *Hai* v.v...

Đặc biệt hơn cả trong các loại tranh này phải kể những bức tranh *Tứ phủ* và *Tam phủ*.

• **Tranh Tứ phủ** có nhiều màu.

Tứ phủ là bốn phủ theo những môn đồ lưu phái của đạo Lão thờ điện và lên đồng. Bốn phủ gồm: thiên phủ, địa phủ, thủy phủ và thượng ngàn.

- Trong tranh tứ phủ vẽ đủ các vị cai quản bốn phủ này, và đứng trên hết là đức Phật.

Bức tranh thường được các nhà đồng bóng thờ tại điện và có vẽ.

- Trên cùng hàng thứ nhất là đức Phật Bà.
- Hàng thứ hai là tứ vị đại vương tại tứ phủ
- Hàng thứ ba là ba đức Thánh mẫu ba phủ.
- Hàng thứ tư là năm vị vua cai quản năm hương.
- Hàng thứ năm là bốn vị Thánh mẫu khác.

- Hàng thứ sáu là bốn cậu hình nhỏ hơn những hình trên.

Và dưới cùng là sáu cô hình bằng hình các cậu. Một bức tranh tứ phủ khác về đơn giản hơn và chỉ gồm có hàng chính và một hàng phụ ở dưới.

Trên cùng là Đức Phật Bà hai bên có Thiện Tài và Long nữ.

- Hàng thứ hai là Tứ vị Đại vương coi tứ phủ

- Hàng thứ ba là Tứ vị Thánh mẫu.

- Dưới cùng là hai cô chèo đồ.

Ở hàng thứ hai ngoài bốn vị Đại vương còn có hai vị vương quan với trào phục, ngồi ở khe sau vị đại vương đầu tiên, mỗi bên, hình nhỏ hơn.

Ở hàng thứ ba cũng có thêm bốn vị công chúa đứng ở khe các vị Thánh Mẫu.

• **Tranh Tam phủ** vẽ ba phủ là: Thiên phủ, Thủy phủ và Thượng ngàn. Tranh gần giống bức tranh tứ phủ được trình bày trên:

Trên cùng là đức Phật Bà hai bên có Thiện Tài và Long nữ.

Hàng thứ hai là ba vị đại vương có hai vị vương quan ngồi ở hai khe, hình nhỏ hơn.

Hàng thứ ba là ba vị Thánh mẫu có bốn vị công chúa đứng ở khe giữa các vị Thánh mẫu và hai bên

Dưới cùng là hai cô chèo thuyền rồng.

Tranh *Thần Hổ* vẽ hình Hổ đã được tôn là thần.

Có tranh Bạch Hổ vẽ riêng một Hổ trắng đuôi vĩnh lên, mặt ngoảnh ra ngỏ. Có tranh Hắc Hổ vẽ riêng một Hổ đen, mặt dữ tợn, đuôi cũng vĩnh lên.

• **Tranh Ngũ hổ** vẽ năm hổ, hổ vàng ngồi giữa, mé trên ở bên mặt là hổ trắng, bên trái là hổ đen, mé dưới bên mặt là hổ xanh lục, bên trái là hổ đỏ.

• **Tranh Táo Quân**

Đây là một bức tranh tôn giáo; nhưng cũng là một bức tranh Tết với tác dụng của tranh. Khi là tranh tôn giáo thì bức tranh khổ to, khi là tranh Tết thì khổ nhỏ.

Tranh vẽ ba vợ chồng ông Táo với ba chữ bên trên: Táo Quân vị.

Bà Táo ngồi giữa, hai bên hai ông chồng.

Hai bên bức tranh có hai câu đối.

Niên niên tăng phú quý

Nhật nhật thọ vinh hoa.

Dịch lược:

Năm năm thêm phú quý

Ngày ngày hưởng vinh hoa.

Trước mặt ba Ông bà là đĩa cá, khay rượu và đĩa hoa quả, hai bên hai tiểu đồng bưng ấm nước và coi trâu.

Dưới có vẽ những nông cụ, những gia súc, cối xay và kiềng bếp, được sự bảo đảm của Táo quân.

Tranh Táo quân thường in trên giấy hoa hiên đỏ.

• **Tranh Thổ công.** Tranh này cũng như tranh Táo quân, vừa là tranh tôn giáo vừa là tranh Tết nhưng ở đây hình vẽ được in trên giấy trắng và do đó có tô màu.

Tranh vẽ hai vợ chồng Thổ công,

Trên cùng có ba chữ *Thổ công vị*

Hai bên có đôi câu đối:

Trạch chủ bình an.

Thổ công tương trợ.

Dịch:

Chủ đất bình an.

Thổ công giúp đỡ.



Trước mặt ông bà Thổ Công cũng có đĩa cá, khay hoa quả và khay rượu. Cũng có hai tiểu đồng hai bên và cũng có đồ đặc gia súc như ở tranh Táo quân.

• **Tranh Hương chủ** là tranh vẽ bàn thờ. Tranh có nhiều kiểu khác nhau, nhưng kiểu nào cũng vẽ gần giống nhau là hình một bàn thờ với ỷ, hoặc khám và các đồ đặc bày trên bàn thờ.

Những ông đồng bà cốt thường mua tranh này treo ở điện, ở bàn.

Chúng tôi xin ngưng ở đây về những tranh tôn giáo, vì kể ra nữa thì không sao cho hết vì tranh tôn giáo rất nhiều và chúng tôi cũng không biết hết. Chúng tôi hy vọng với những bức tranh đã được trình bày cũng giúp bạn đọc hiểu qua về tranh tôn giáo của dân ta, nhất là dân miền Bắc.

Tranh tết

Đây là những tranh người ta dùng để treo hoặc dán lên tường trong dịp Tết đến Xuân về. Xưa kia, Tết không có tranh không đủ vị Tết, và tranh Tết đã làm cho Tết thêm tung bừng ở trong nhà và thêm ấm cúng ở lòng người. Đã có Tết phải có tranh, thiếu tranh ngày Tết chẳng khác gì thiếu bánh chưng xanh, thiếu dưa hành và thiếu câu đối đỏ.

Tranh trang hoàng cho nhà cửa và tranh đem hy vọng lại cho con người nhân dịp năm mới qua những lời chúc tụng ghi trong tranh, hoặc những ý nghĩa tượng trưng bởi các hình vẽ.

Tranh Tết có loại *tranh người lớn* và có loại *tranh trẻ em*, khác nhau từ đề tài cho đến cách trình bày.

1 Về tranh Tết, soạn giả đã nói nhiều trong cuốn *NẾP CŨ: LÀNG XÓM VIỆT NAM*, nên ở đây không nhắc lại kỹ lưỡng nữa.



• **Tranh Tết người lớn**

Người lớn ưa tranh một phần vì màu sắc của tranh dùng trang trí cho nhà cửa trong dịp Tết, nhưng cũng chơi tranh vì ý nghĩa của bức tranh.

Thường người lớn ưa những bức tranh nhắc lại những điển tích trong truyện cổ để cao tính thần độc lập cũng như nền đạo đức của phương Đông, hoặc những bức tranh ca tụng hóa công với cảnh đẹp với chim chóc, hoặc những bức tranh nêu lên nghề nghiệp của tứ dân.

Có người treo giữa nhà một bức tranh *anh hùng độc lập* tượng trưng bởi một con ó đậu trên mỏm đá cao. Có người treo trên vách bốn bức tranh vẽ bốn mùa tượng trưng bởi bốn loại cây. Bốn bức tranh có khi được lồng khung treo gọi là bộ tứ bình. Đây là những bộ tứ bình Việt Nam, vì xưa kia, những người sung túc, chơi tranh Tàu, thường mua những bộ tứ bình của Trung Hoa.

Bốn bức tứ bình có thể là Mai, Tùng (hoặc Lan), Cúc, Trúc cũng có thể là Đào, Hà, Cúc, Mai.

Mai, Tùng, Cúc, Trúc: Mai là một gốc mai có hoa và có đôi chim họa mi đậu hướng mỏ về nhau. Tùng là một gốc thông, dưới gốc có con hươu sao, và trên cây cũng có đôi chim tung cánh bay. Cúc là một cây cúc có đôi chim trĩ đậu. Trúc là bụi trúc có đàn chim sẻ.

Đào, Hà, Cúc, Mai: Đào là một cành đào, Hà là một bó sen có hoa có lá. Cúc là một cây cúc đại đóa. Mai là một cành hoa mai.

Có khi *Đào, Hà, Cúc, Mai* được vẽ khác:

- Đào: một cây đào với đôi chim yến.
- Hà: Một cây sen với đôi vịt.
- Cúc: Một cây cúc long trào với đôi bướm.



- Mai: Một cây mai với con gà sống.

Có thể vẽ nhiều hình vẽ khác để chỉ bốn mùa, lồng khung thành tứ bình như Mai Hạc, Dung trĩ, Cúc Phượng và Tùng Công. Trên những bức tranh này đều có một cây với hai con vật, duy có bức Cúc, Phượng chỉ vẽ một con Phượng thay vì hai con.

Có khi tứ thời lại được tượng trưng một cách khác hơn.

- Mùa Xuân: Cây hoa Cúc và con chim yến.

- Mùa Hạ: Bụi chuối và đàn voi.

- Mùa Thu: Bụi Sen và đôi cua.

- Mùa Đông: Cây Mai và con hươu.

Trên đây chỉ xin được kể mấy thứ, chính ra về tứ thời còn nhiều bức tứ bình khác.

Tứ dân cũng là đề của những bức tứ bình. Tứ dân là *Ngư, Tiều, Canh, Độc*.

Ngư có thể là một bọn người câu cá hoặc có thể là một nhà thuyền chài giăng câu.

Tiều có thể là mấy người gánh củi, hoặc có thể là một người gánh củi.

Canh có thể là mấy người thợ cày với con trâu, hoặc có thể là một người đang cày ruộng.

Độc là cảnh đọc sách, có khi là mấy thầy trò, có khi là một người.

Những loại tranh tứ bình này ta thường thấy treo ở những gia đình hơi khá giả có một trình độ Nho học đến mức nào để hiểu mà thưởng thức cảnh vẽ trong tranh.

Ở những gia đình bình dân, tranh Tết của người lớn hơi khác tranh Tết của những gia đình trên.

Thường người ta treo những bức tranh về những cảnh trong các truyện Tàu: Tam Quốc, Chinh Đông, Chinh Tây, Tây Du...



Hoặc có khi là những cảnh trong các truyện Thạch Sanh, Nhị độ Mai, Quan Âm Thị Kính, Kiều, Phan Trần v.v... không phải những gia đình khá giả người ta không chơi những tranh này, cùng với những bức tứ bình, cũng có nhà, người ta treo cả những tranh vẽ theo các tích truyện nữa.

Cũng có khi là những bức tranh vẽ lại những đoạn sử của dân tộc: Phù Đổng Thiên Vương đuổi giặc Ân, An Dương Vương và truyện My Châu, Trọng Thủy, Sơn Tinh và Thủy Tinh v.v...

Những bức tranh vẽ theo điển tích hoặc truyện cổ thường gồm từng bộ, mỗi bộ bốn tờ và mỗi tờ có ba hình ảnh, tổng cộng mỗi bộ mười hai hình ảnh.

Những tranh chúng tôi trình bày trên xin nhắc lại đều là những tranh sản xuất bởi người dân Việt Nam, nhưng trong dịp Tết, các nhà buôn tranh có bán cả tranh Tàu, in đẹp trên giấy trắng bóng, mỹ thuật hơn tranh bình dân của ta. Mặc dầu có tranh Tàu, nhiều người dân quê Việt Nam, với một tình thần quốc gia vững chắc, ngày Tết chỉ chơi tranh Việt Nam, nhất là những bức tranh vẽ về lịch sử Việt Nam hoặc vẽ theo các sự tích trong các truyện Việt Nam.

• *Tranh Tết trẻ em*

Đây là những tranh các trẻ em mua về dán trong dịp Tết. Trong những bức tranh này, thường những đề tài thiên nhiên, về luân lý và khuyến khích các em trên đường đạo đức, ngoài trừ một số tranh khôi hài.

Cũng có những bức tranh tôn giáo, nhưng ở đây không phải là những bức tranh để thờ cúng, mà là những bức tranh được sử dụng theo đúng tác dụng những bức tranh với ý mong mỗi và có sự tin tưởng tôn giáo như bức tranh *Từ vi Trấn Trạch* vẽ vị thần từ vi cười một nghệ (lân), các bức tranh *Vũ Đình*



và *Thiên Ất* vẽ hình hai võ tướng cầm thanh long đao. Xưa nay, tục vẫn tin rằng những bức tranh trên dán trên tường nhà sẽ khu trừ được ma quỷ. Ở đây cần nói thêm, tuy là tranh Tết của trẻ em nhưng người lớn, nhất là các bà mẹ thường mua cho các con những bức tranh này.

Lại như những bức tranh *Tiến Tài*, *Tiến Lộc* vẽ hình hai vị văn quan, một vị mang chiếc bảng có hai chữ Tiến Tài, một vị mang chiếc bảng có hai chữ Tiến Lộc thường được người dân quê mua dán ở cổng ngõ hoặc tường trước nhà với sự tin tưởng và cầu mong là tài lộc sẽ vào.

Về tranh lịch sử và cổ tích có những tranh vua *Đinh Tiên Hoàng cờ lau tập trận*, *Vua Đinh Tiên Hoàng cưỡi ngựa cầm cờ lau*, hoặc chống gươm đứng trên lưng rồng, *Tranh Trưng Vương chống quân Hán*, tranh *Lý Thường Kiệt*. Tranh *Bà Trưng* và *Bà Triệu* được vẽ cưỡi voi, còn tranh *Lý Thường Kiệt*, cũng như các tranh võ tướng khác cưỡi ngựa, tranh *Hưng Đạo Vương* và tranh *Ngô Vương Quyền* đứng trên thuyền rồng.

Lại có những tranh vẽ các tích *Phù Đổng Thiên Vương*, *Sơn Tinh và Thủy Tinh*, hoặc vẽ các nhân vật và các đoạn trong các truyện như *Triệu Tử Long* và *Mã Siêu* trong truyện *Tam Quốc*, *Hạng Vũ* trong truyện *Hán Sở tranh hùng*, *Tề Thiên Đại Thánh* trong *Tây Du* v.v....

Tranh giáo dục vẽ những cảnh của *Nhị Thập Tứ Hiếu*

Tranh châm biếm gồm những tranh *Đám cưới chuột*, *Thấy đồ Cóc*.

Hứng dừa và *Đánh ghen* là hai bức tranh khôi hài.

Về đời sống dân quê, có những bức tranh tả cảnh hội hè, có cờ bạc, có đánh đu, có đánh vật, có kéo co. Lại có những bức tranh vẽ phụ nữ bắt cua bắt ốc, phụ nữ cấy lúa, đàn ông đi cày.



Về đời sống mới có những bức tranh *Đi xe đạp, Nhảy đầm, Đánh quần* (quần vợt) với những lời chú thích văn minh, tiến bộ, *mơia tấng phú, toa tấng xương*.

Tranh Tết thực ra rất nhiều, mỗi bức tranh mỗi vẽ có những bức tranh là những lời chúc tụng: *Đình Tài lương vương, Phú quý, Bình an* v.v...

Viết tới đây tôi lại nhớ tới những ngày thơ ấu khi tuổi mới lên chín lên mười, mỗi năm Tết đến những khi phiên chợ làng, nhất là ngày phiên chợ trẻ con khi giáp Tết – gọi là *phiên chợ trẻ con*, vì trong buổi chợ này, hàng tranh pháo rất nhiều, và đây là phiên chợ cuối năm cho trẻ em đi sắm Tết, – năm nào tôi cũng đi chợ để xem và để mua tranh.

Chợ làng tôi không to lắm, nhưng có đến năm bảy hàng tranh Tết, thường là các bà.

Các bà bày tranh Tết ra trước mặt, mỗi bà trên một khoảng đất bẽ dài chừng ba thước và bẽ ngang chừng thước rưỡi. Các bà ngồi đằng sau những xấp tranh của mình, có xấp dày có xấp mỏng từ mười tờ tới vài ba chục tờ tùy theo số trang mỗi xấp đã bán được nhiều ít còn lại. Trên mỗi xấp tranh đều có chặn một hòn đá nhỏ, tuy xấp tranh đã được một sợi lạt buộc ngang. Tay mỗi bà cầm một chiếc que tre dài, dùng để gạt những góc bức tranh bị gió làm cho gập lại.

Thường thường, các bà đều bán những tranh đề tài giống nhau, những tranh, có lẽ các bà cùng buôn ở một nhà sản xuất, và đây là những tranh rất thông thường năm nào tôi cũng thấy xuất hiện cùng với các bà. Thỉnh thoảng mới có một bà có một vài bộ tranh lạ.

Những bức tranh các bà bán thường đi với nhau từng đôi một, đôi nhau, hình vẽ quay mặt vào nhau: đôi *Lý ngư vọng nguyệt*, đôi *Gà sống gáy sáng*, đôi *Đàn lợn mẹ con*, đôi *Gà*



mẹ nuôi con v.v... đối với nhau. Những bức tranh vẽ hình người cũng đối nhau, nhưng đây không phải hai người giống nhau, mà những nhân vật khác nhau, như Hưng Đạo Vương cưỡi thuyền rồng đánh giặc Nguyên đối với vua Ngô Quyền cũng cưỡi thuyền rồng đuổi quân Nam Hán, vua Đinh Tiên Hoàng cưỡi ngựa cầm đao thì đối với ông Lý Thường Kiệt cũng cưỡi ngựa cầm đao... Có hai bức tranh vẽ hai người đối nhau, tới giờ đây nghĩ lại, tôi không khỏi mỉm cười vì ý của nhà sản xuất chỉ muốn tạo nên những bức tranh từng đôi một, có hai nhân vật đối nhau. Hai nhân vật này là ông Lê Nguyên Hồng, một nhân vật cận kim Trung Hoa, trên bức tranh kia vẽ ông Đông Dương Tổng Thống. Không hiểu ý nhà sản xuất định vẽ ai, hay đây là một lời tiên tri đã ước đoán nước Việt Nam sau này sẽ có những vị Tổng Thống anh minh của dân tộc, hoặc xứ Đông Dương sẽ được thống nhất, đứng đầu sẽ là một vị Tổng Thống, vị Tổng Thống này thuộc dân tộc nào, người Việt Nam hay người Mỹ đây! Cả ông Lê Nguyên Hồng và ông Đông Dương Tổng Thống đều mặc quần áo kiểu Tây Phương cài khuy ở giữa và trên ngực có đeo nhiều mẽ dây. Đặc biệt nhất là cả hai ông đều cưỡi ngựa, và cả hai con ngựa cũng quay đầu đối nhau như hai ông vậy.

Lại có những bức tranh cũng vẽ người nhưng đây không phải là những nhân vật hữu danh, mà chỉ là những người vô danh trong những tầng lớp rất quen thuộc của dân quê: hai chị bắt cua váy vén quá đầu gối, không mặc áo, mỗi chị chỉ mang một chiếc yếm, cốt che cho kín cặp đùi gang ở trước ngực, tay mỗi chị xách một giỏ cua còn tay kia cầm một thanh tre dùng để đào hang cua. Hai chị đều chít khăn vấn đầu. Nét mặt hai chị trông có vẻ hài lòng, có lẽ vì công việc bắt



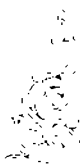
cua đã lo tròn. Trên hai bức tranh đều có một câu chú thích bằng chữ nôm giống nhau, lời chú thích là một câu ca dao:

*Giang hồ chút phận đàn bà
Gặp người quân tử ắt là thành nhân.*

Về loại tranh vẽ những người, hay nói đúng hơn, những nếp sống dân quê, như hai bức tranh bát cua trên, còn nhiều những bức tranh khác nữa, cứ hai bức đối nhau: hai bức tranh vẽ hai người thợ cày ngồi nghỉ dưới gốc cây với chú thích, một bên bốn chữ *Thiên hạ thái bình*, một bên bốn chữ *Nhân dân yên lạc*, con trâu tô màu xanh đậm gần ngả sang đen, hoặc tô màu nghệ, có thợ cày, có trâu, phải có cày bừa, hai nông cụ cần thiết của người dân quê, bởi vậy, một bên có chiếc cày bên người thợ cày còn bên kia là chiếc bừa.

Lại có bức tranh vẽ hai chú bé chăn trâu, cuối trên mình trâu, một chú thổi sáo, ngồi trên đám lá sen rải trên mình trâu, một chiếc lá sen bay phơ phất trên đầu như chiếc tán, bức tranh này có ghi bốn chữ *Hà Diệp cái thanh* – thanh nghĩa là lá sen xanh che trên đầu, còn chú bên kia, nằm uơng người trên chiếc chiếu vắt ngang lưng trâu, tay cầm chiếc nón lá của mình, chiếc nón hình lòng chảo mà người dân quê miền Bắc quen gọi là *nón gũ*, bên mình chú có mấy bông hoa chắc chú vừa hái được, bức tranh này có chú thích. *Vũ thu phong nhất dục*, một cánh bay trước gió thu.

Lại có những bức tranh cũng vẽ người, nhưng đây không phải là một người, mà là một cảnh sinh hoạt có nhiều người, cảnh sinh hoạt quen thuộc của người đồng quê, như bức tranh vẽ cảnh hái dừa, quen được gọi là tranh *Hứng dừa*. Bức tranh vẽ một cây dừa lúc lỉu những quả, có hai chàng đang leo lên hái dừa, và phía dưới có hai nàng đang đang tốc váy đưa ra hứng những chùm dừa hai chàng ở trên cây ném xuống. Đằng



sau một nàng có một em nhỏ đầu còn để trái đào, tung tăng cầm một chùm dừa giơ lên. Bức tranh được chú thích một hàng chữ nổi: *Trong như ngọc trắng như ngà*. Câu này tuy nói về cùi dừa với nước dừa, nhưng vẫn có ý tại ngôn ngoại, ý khác ngoài lời. Bức tranh *Hứng dừa* này được đối với bức tranh *Đánh ghen*. Bức tranh *Đánh ghen* vẽ cảnh người vợ cả với hai con đánh ghen cùng người vợ lẽ đang được chồng bênh. Bà vợ cả váy xắn cao, tóc búi ngược, còn cô vợ lẽ váy buông trùng, tóc để đuôi gà. Họa sĩ đã khéo nói lên tâm trạng của hai người đàn bà trong hai hoàn cảnh khác nhau. Người vợ cả trong cơn giận dữ, tóc búi ngược, váy xắn đang hùng hổ xông tới; Người vợ lẽ được chồng chiều chuộng, vẫn đầu tóc để đuôi gà, váy thông dài che quá gót chân nói lên sự thanh nhàn được nhờ lượng từng quân! Hai đứa con người vợ cả đang túm lấy tay mẹ như muốn ngăn cản mẹ trong việc đánh ghen. Bức tranh được chú thích: *Muốn về thanh, tham về quý! Phải chăng sáu chữ này là lời trách móc của người vợ cả đối với người chồng?*

Về cảnh sinh hoạt của dân quê, có nhiều bức tranh vẽ về hội xuân với những trò bách bí, và với những môn cờ bạc, nhất là môn xóc đĩa. Trong hai bức tranh đối nhau *Du xuân đồ*, tranh vẽ du xuân và *Thường xuân đồ*, tranh vẽ thường xuân, có vẽ rất nhiều cảnh chơi xuân ngày hội. Trên bức *Du xuân đồ* có bài thơ tứ tuyệt:

*Thời bình mở hội xuân,
Nô nước quyết xa gần.
Nhạc dân ca trong điệu,
Trẻ thường vật ngoài sân.*

Bức tranh vẽ ở trên hết một cảnh ca nhạc, kẻ đàn người hát, cho hai văn nhân, đứng ra là hai ông quan với áo thụng

mũ cánh chuồn thường thức. Giữa bức tranh là một cảnh đánh vật, hai đô vật đang ôm nhau lừa miếng, và ở trên có câu chú thích: *Hai ta quyết lấy giải làng*. Dưới cùng bức tranh vẽ một ban Tổ Tôm điểm.¹

Bức *Du xuân đồ* ở bên trái, còn ở bên phải để đối lại là bức tranh *Thuồng Xuân đồ*: toàn thể bức tranh này vẽ một sông xóc đĩa. Trên cùng về góc tay trái là chủ sông ngồi trên một chiếc sập, tay trên một chiếc gối, trước mặt có chiếc khay đựng hai chén rượu. Bên tay phải chủ sông là bà chủ đang đếm những quan tiền kẽm. Ở dưới đất, mé tay trái chủ sông, là anh xóc cái đang mân mê những quan tiền đặt trong một chiếc thùng hần kẹp giữa đùi. Trên đầu hần là một bài thơ tứ tuyệt:

*Bốn đồng trong chặn lấy,
Mua bán mới liến tay
Rượu chè dù thích chí,
Thua được lại càng say!*

Mé tay trái anh xóc cái một bà quần xắn cởi trần chỉ mặc có chiếc yếm, đang lòi kéo một con bạc, đây chính là chồng bà, ông chồng (con bạc) này đang cưỡng lại. Có lẽ đôi vợ chồng đang cãi nhau, theo hai dòng chữ chú thích phía trên:

*Ông Hai xóc đĩa mới về,
Gái này đang muốn ngựa ghê với ông!*

Trong khi cặp vợ chồng này đang giằng co nhau ông nhà cái giao Bán Chặn, theo hai chữ ghi chú ngay phía dưới. Con bạc ngồi tay phải ông có lẽ muốn ăn mặt chặn, phải chăng hần đã đáp gia nội, nghĩa là thêm phía bên trong. Xa xa, một

1 Xin xem trong *Hồi hè đình đám*, quyển I, soạn giả đã nói rõ về lối chơi này.

con bạc khác đang hút thuốc Lào, hẳn đang nghĩ ngợi đề chờ nước bạc, trên đầu hẳn có ghi hai chữ *Thong thả*.

Phía dưới, một ông già ngồi theo dõi canh bạc, bên cạnh là một người đàn bà đứng đang như có vẻ muốn thoát ý, tay cầm chiếc thắt lưng chìa ra. Ở ngay bên có hàng ghi chú, nói lên ý mụ muốn đem cầm chiếc thắt lưng lựa:

*Khố này chính lựa Cốt đồ,
Quả nhiên ngồi chặn, xin cô hãy cầm!*

Phải chăng mụ chìa chiếc thắt lưng cho cô chủ sòng, nài cầm lấy một món tiền để tiếp tục canh bạc.

Dưới cung bức tranh, bên trái là một ông già đang ngồi uống một ly rượu, ông vừa được bạc, sự may mắn đầu năm đã đến với ông. Hoạ sĩ chú thích:

*Năm mới được lấy may,
Đành nên ta về nghỉ.*

Được bạc, uống rượu rồi về nhà năm nghỉ, cuộc thưởng xuân quả là thú vị vậy.

Trước mặt ông già này, ở khoảng giữa phía dưới tranh, có hình một nàng mặc yếm đang đối thoại với một người đàn ông ngồi dưới mái nhà, về phía bên phải. Nàng đang yêu cầu chàng về nhà; chàng quay đầu lại nàng, nhưng tỏ ý không chịu nghe nàng, mặc dầu nàng dụ dỗ, qua lời chú thích:

*Chơi xuân nó nhớ đến hoa,
Mời cậu về nhà xuân lại thêm xuân.*

Về cờ bạc đầu xuân, loại tranh Tết có nhiều màu, bức tranh *Thưởng xuân* trên chỉ là một. Có những hàng tranh bày bán hai bức tranh, một bức vẽ một bàn xóc đĩa, và một bức vẽ một bàn Tổ Tôm Điểm

Từ trên chỉ là những cặp tranh Tết đối nhau. Có nhiều bức tranh đứng một mình, nhưng hình ảnh mang đầy đủ ý nghĩa, và không cần phải dán đối với một bức tranh khác. Loại tranh đứng một mình này không ít, lâu ngày tôi không còn nhớ rõ hết, ngày nay nghĩ lại chỉ loáng thoáng vài bốn bức trở lại đầu óc tôi.

Trước hết là một bức tranh *Hội xuân* vẽ cảnh một cặp trai gái đang cùng nhau đánh đu, trên cây đu có treo những giải thưởng gồm: quan tiền, đôi giày, quạt lông, quạt lược. Lời chú thích ở đây được ghi: *Đôi đu*, cùng trong bức tranh này còn có vẽ một cặp trai gái khác đang ôm nhau và cùng thò tay *Bắt chạch trong chum*. Bức tranh này có năm tôi thấy bán một mình, có năm tại nhiều hàng tranh có bán cùng với bức tranh *Bịt mắt bắt dê* để cho hai bức đối nhau. Tranh *Bịt mắt bắt dê* vẽ một cặp trai gái, mắt đều bị băng kín, mỗi người khoác một chiếc áo tơ lá, đang cùng đuổi bắt ở trong giồng, một con dê cũng khoác một chiếc áo tơ lá. Chung quanh giồng là những khách đi xem hội, dự xem trò bịt mắt bắt dê này.

Trong các bức tranh để dán một mình, tôi nhớ nhất tranh *Táo quân* và tranh *Thổ công*. Nhưng tôi cũng không quên bức tranh *Thần tài tặng phúc*, vẽ một vị thần phúc hậu, râu ba chòm, mũ cánh chuồn ngấn, áo măng bào, chân đi hài. Áo trên có hình mây, dưới gợn thủy ba, màu lam đậm. Vị thần ngồi trên chiếc ngai, có hai chiếc biển cấm hai bên, mỗi bên mang hai chữ nhỏ, biển trên tay phải hai chữ *Thần tài*, biển bên tay trái mang hai chữ *Tặng phúc*. Tranh *Táo quân*, tranh *Thổ công*, soạn giả đã trình bày ở những trang trên.

Có lẽ đề tài về thần linh huyền bí cũng được các nhà sản xuất tranh ưa khai thác, mỗi Tết đều thấy có bán rất nhiều



tranh thuộc loại này. Bức tranh *bát quái, trấn môn, chiếu trạch*, bức tranh dán một mình không có tranh đối, là một trong những bức tranh này: giữa tranh là hình bát quái với tám cung, ở trên và ở dưới có những chữ phú quý, thọ, phúc, lộc. Hai bên hình bát quái này có vẽ hai vị thần bên trái thần *Huyền Đàn* với bốn chữ *Huyền Đàn trấn môn*, bên phải thần *Tử vi* với bốn chữ *Tử vi chiếu trạch*. Cũng đề tài trên, nhiều bức tranh ở nhiều hàng tranh vẽ khác nhau và hình hai vị thần cũng không giống. Đây là do nhiều nhà sản xuất tranh vẽ khác nhau.

Có bức tranh vẽ cũng hình Bát quái với những sự chúc mừng cầu mong phúc, lộc, phú, quý như trên nhưng hình vẽ được trình bày khác hẳn. Hình bát quái ở trên cùng do một thanh đồng nằm ngửa giờ tay đờ, dưới thanh đồng này là hình một thanh đồng khác nằm đối lưng với thanh đồng trên tay xách con rùa, cuốn sách, cành hoa tượng trưng cho sự trường thọ, sự thông minh học hành.

Những bức tranh dán một mình còn có bức *Tử vi trấn trạch*, thần tử vi trấn giữ nhà cửa, vẽ Thần tử vi hai mắt sáng quắc, cỡi trâu, tay trái cầm giờ lên đầu chiếc khung vuông mang bốn chữ *Tử vi chính chiếu*; những bức tranh *Hương chủ*, vẽ hình ban thờ người ta thường dán ở sau các bàn thờ là những bức tranh liên quan tới giới vô hình. Lại còn những bức tranh tiên tẩm, những bức tranh vẽ cả một cảnh sinh hoạt nông thôn trong lúc thanh bình đều là những bức tranh dán một mình, ngày nay nghĩ lại tôi chỉ còn mang máng nhớ.

Hình ảnh bát tiên quá hải cũng được ghi trên nhiều bức riêng, trong đó mỗi vị tiên có một phép mầu, hoặc hai bức đối nhau, hoặc bốn bức thành một bộ tứ bình.

Phải chăng tại con trẻ chúng tôi hồi đó thích những câu chuyện thần tiên và những câu chuyện phép mầu nên các bà

hàng tranh đã bày bán rất nhiều nhưng bức tranh thuộc về loại này: tranh *Tề thiên đại thánh* đối với tranh *Thần độc cước*, tranh *Ông Tơ se chỉ thắm*, ở đây ông tơ hồng được vẽ cười rông đối với tranh bà *Nguyệt kết tơ đào*, về Bà nguyệt lão cười phượng. Đây là chưa kể đến những bức tranh *Thạch sanh bắn chim đại bàng*, *Thạch sanh giết hồ ly chín đầu* v.v...

Những bức tranh thường vẽ Thạch Sanh đóng khố, người họ Thạch tô màu hồng.

Về các chuyện cổ tích như: tranh Thạch Sanh, ngoài những bức tranh đối nhau hai chiếc một, các bà hàng tranh còn bán những bộ tranh, mỗi bộ bốn tờ, và trên mỗi tờ tranh ba hình, vị chi tổng cộng mỗi bộ mười hai hình, mỗi tờ tranh hình chữ nhật dài độ một thước hai mươi và bề ngang độ trên hai mươi phân.

Truyện *Thạch Sanh*, truyện *Nhị Độ Mai*, truyện *Lục Vân Tiên*, truyện *Phạm Công Cúc Hoa*, truyện *Tống Trân*, truyện *Lưu Bình Dương Lễ*, truyện *Trê Cóc* v.v..., và nhất là truyện *Kiều* đều được vẽ thành tranh, và ở những tấm tranh này, mỗi hình đều được chú thích hoặc bằng những câu thơ trích ở ngay trong các cuốn truyện trên hoặc bằng lời lẽ khác. Tôi còn mang máng nhớ một bức tranh vẽ truyện *Phan Trần*, hình vẽ vào đoạn cuối khi Phan Sinh đã đỡ Trạng Nguyên, chàng trở về chùa *Kim Lăng* để tìm vợ yêu là *Kiều Liên*. Hình vẽ về phía trên, Phan Sinh mặc quần áo ông Nghè, cười ngửa có lính che tàn, đằng trước có lính vác cờ biển, cờ mang bốn chữ *Trạng Nguyên cập đệ*, còn biển mang bốn chữ *Ấn tứ vinh quy*. Ở đây có hai câu thơ trong truyện được trích ra làm chú thích:

*Thám hoa ngày ở Từ Môn.
Trai thành nên đức thế tôn độ người.*



Phía dưới là cảnh chùa Kim Lăng, chùa vẽ lẩn cao lên nửa phía trên với ba chữ *Kim Lăng tự*. Ở thềm chùa, Kiều Liên đứng với bà sư già. Ở đây cũng có hai câu thơ dùng làm lời chú thích:

Bên tai chợt tiếng hào âm.

Hoa xuân điểm tuyết giăng rằm vén mây.

Với tuổi thơ hồi đó tôi ước ao mua được một bộ tranh vẽ dán ở nhà, nhưng trong túi nhiều tiền lắm chỉ có năm xu, mà mỗi bộ tranh giá tối thiểu cũng phải một cắc (một hào), tôi đành chỉ nhìn những bộ tranh một cách thèm thuồng. Tôi ưng ý nhất bộ tranh *Nhị Độ Mai*, gồm bốn bức tranh lớn, không phân thành những hình nhỏ. Bốn bức tranh lớn vẽ:

Bức thứ nhất: Cảnh Đường trào với Vua Đường Túc Tồn xuống lệnh xử tử Mai Công, vì Mai Công đã dám xin nhà vua cách chức bọn Lư kỷ Hoàng tung. Mai Công quỳ giữa sân trào. Dưới cùng bức tranh là cửa ngo môn có hai tên lính gác.

Bức thứ hai: Cảnh từ biệt giữa Mai Sinh và Hạnh Nguyên. Theo chiếu chỉ của nhà vua, Hạnh Nguyên phải đi cống Hồ. Hai người từ biệt nhau ở Huyện Cam Đan, nơi biên giới, Hạnh Nguyên muốn trèo lên lầu tháp Trùng Đài để nhìn lại quê hương lần cuối với một tâm mất xa vời. Xuân Sinh lúc đó đứng xa hai người, ở con đường lên Trùng Đài. Phía dưới cảnh trên là đoàn người tùy tùng đang chờ đợi Hạnh Nguyên để bước sang đất Hồ.

Bức thứ ba: Hạnh Nguyên đã sang tới hồ. Hình phía trên vẽ miếu Chiêu Quân, Hạnh Nguyên vào yết miếu trong y phục nước Hồ, bọn man binh đợi ở ngoài miếu; ở phía dưới hình đoàn tùy tùng của Hạnh Nguyên từ giả nàng và mời nàng thay y phục, đổi Hán phục, mặc man phục.

Bức thứ tư: phía trên vẽ mộ Mai Công, và phía dưới vẽ đám rước Mai Sinh với Xuân Sinh đi cùng Hạnh Nguyên và Vân Tiên có đoàn tùy tùng đi theo.

Nét vẽ trong bức tranh có vẻ đơn sơ giản dị, nhưng với tuổi thơ ngây, tôi say mê ngắm những tấm tranh, đưa tay lật những bức tranh để xem những bức tranh phía dưới. Những bộ tranh này cũng có khi được các bà hàng tranh treo trên những sợi dây căng ở phía sau hoặc ở hai bên cửa hàng bán tranh, gọi là cửa hàng, nhưng đây chỉ là một xó chợ, một góc cầu chợ hoặc ở ngay bên cổng chợ.

Tôi thích thú những hình vẽ, tôi thích thú nội dung sự tích của mỗi bức tranh, nhưng tôi cũng bị quyến rũ bởi những màu sắc tô trên những bức tranh. Đây là những màu sắc sỡ xanh đỏ tím vàng pha lẫn màu nâu, màu cam, màu nghệ như muốn hòa hợp với nhau để tăng cảnh sắc cho hàng tranh và tăng huy hoàng nhộn nhịp cho những ngày phiên chợ cuối năm. Mỗi màu mỗi vẽ, và mỗi bức tranh năm nào cũng giống năm nào, năm nay vẫn được tô nguyên bằng những màu năm ngoái và khổ tranh với nét vẽ cũng hình như không muốn thay đổi với thời gian.

Tranh *Táo quân vị*, bao giờ cũng in trên giấy hoa hiên đỏ, cũng như tranh *Chữ Thẩn*, hoặc tranh *Chuỗi tiền*; tranh *Kéo co* và tranh *Đánh vật*, hai bức tranh này đối nhau – thường vẽ trên giấy bản quét một lượt bột điệp và toàn thể hình người trong tranh đều tô màu nâu đậm, màu đất của đồng ruộng. Những người kéo co cũng như những người đánh vật đều cời trần trùng trục, mỗi người chỉ mang một mảnh khố. Hai bức tranh này năm nào tôi cũng thấy in trên khổ nhỏ, độ mười bốn phân chiều ngang và hai mươi sáu phân chiều dài. Giá bán chỉ có 1 xu hai bức. Cả hai bức tranh chung quanh đều



có vẽ khung. Nhưng tranh *Lợn mẹ nuôi lợn con*, lợn mẹ bao giờ cũng tô màu lam sẫm, hai đàn lợn đối nhau, thường vẽ trên khổ giấy lớn gấp đôi khổ tranh *Kéo cò* hoặc *Đánh vật*. Những tranh này không có khung và những con lợn con lúc nhúc dưới bụng lợn mẹ. Tranh *Gà nuôi con* cũng khổ giấy ấy, lông gà màu vàng hoặc sặc sỡ, hai đàn gà trên hai bức tranh đối nhau. Cũng có khi có những đàn gà vẽ trên giấy khổ nhỏ. Tranh *Lý ngư vọng nguyệt* vẽ hai con cá châu nhau, mỗi bên có vẽ thêm một cây sen với hoa lá nụ. Hình mặt trăng tô màu da cam còn hình đôi cá màu sặc sỡ, những lá sen màu xanh, hồ sen màu đỏ. Những tranh này vẽ trên khổ lớn, hình vẽ có đóng khung và giá bán là một xu một tấm.

Mỗi tranh mỗi màu sắc, tuổi hoa niên của tôi đã sung sướng ngắm nghía từng bức tranh, say mê vì màu sắc và vì nét vẽ. Viết lại, những kỷ niệm này của ngày thơ ấu, giờ đây tôi chỉ còn mang máng nhớ từ hình vẽ tới màu tô trên tranh. Có điều tôi nhớ rõ là năm nào tôi cũng mua tranh dán Tết, và tôi cũng nhớ tất cả những lời giải thích về mỗi bức tranh của các bà hàng tranh, khi các bà thấy lũ trẻ chúng tôi chú ý tới một bức tranh nào. Lời bà nói, chúng tôi thấy rất có lý và đã khiến chúng tôi yêu những bức tranh hơn.

Tôi ngắm một bức tranh vẽ những đồng tiền tô màu rêu xếp thành một khung chữ nhật, ở giữa khung này là một hàng chữ Hán lâu ngày tôi không còn nhớ rõ, hình như là bốn chữ: *Thái Bình, Thịnh Trị*, đây là một bức tranh cỡ nhỏ có khung đen viền bên ngoài. Bức tranh này dán đối là một bức tranh *Tờ tiền* khác, hình vẽ cũng giống nhau, chỉ khác bốn chữ nhỏ bên trong.

Bà hàng tranh thấy tôi nhìn kỹ những đồng tiền trên hình vẽ, bà bảo tôi:

- Tranh tờ tiền đấy, mua đi em! Dán tranh này trong nhà tốt lắm, trong nhà sẽ có tiền. Những đồng tiền trong tranh là tiền mẹ, chúng nó sẽ sinh những tiền con. Thấy mẹ em buồn bán sẽ phát tài, tiền con sẽ tìm về với tiền mẹ!

Tôi nghe nói bùi tai, nhưng tôi hỏi lại:

- Thưa bà, chúng cháu đánh đáo có được không? Tiền con có theo chúng cháu về với tiền mẹ không?

Bà hàng tranh cười nói:

- Có chứ, không những chỉ đánh đáo, mà Tết này cháu có chơi xuân bài bạc, đánh gì cháu cũng được, quay đất, thò lò, tam cúc... được tất.

Tôi đã tin theo lời bà hàng tranh, và đã bỏ ra một xu mua hai tấm tranh tờ tiền về dán!

Lời nói của bà hàng tranh chỉ cốt dụ lũ trẻ con chúng tôi mua tranh, nhưng không ngờ đấy lại là lời nói đúng đối với tôi. Mua hai tấm tranh tờ tiền về dán ở nhà, năm đó tôi thật may mắn: ngày Tết được tiền mừng tuổi nhiều hơn mọi năm, đánh bài xuân và cả đánh đáo nữa, luôn luôn tôi đã thắng! Quả thật tiền mẹ đã gọi tiền con về!

Các bà hàng tranh có lẽ giống nhau, muốn mời khách mua tranh, nhất là lũ trẻ nhỏ chúng tôi, các bà đã giải thích được những hình vẽ trong tranh một cách rất ly thú.

Về hai bức tranh và hai vị thần Vũ Đình, Thiên Ất y phục võ tướng, người ta thường mua về dán ở hai bên cánh cửa, hoặc ở cổng ngõ, một bà hàng tranh đã giảng cho chúng tôi nghe:

- Đây là hai ông Thần trừ ma quỷ. Ngày Tết ma quỷ chúng nó đi kiếm ăn nhiều, phải có các ông thần này ngăn cản kéo chúng nó vào trong nhà. Và các em, khi các em đi chơi qua những bãi tha ma, những nơi có bụi cây lớn, ma quỷ ẩn nấp, chúng sẽ theo các em về, nhưng chỉ theo về đến cổng thôi, nếu



ngoài cổng nhà các em có dán tranh hai vị Thần canh cổng này, ma quỷ trông thấy các vị thần là chúng nó phải lẩn trốn.

Các bà tài tình lắm. Bức tranh nào các bà cũng có những lời giải thích rất là khéo léo, gây hào hứng cho lũ trẻ chúng tôi muốn mua tranh.

Thí dụ như bức tranh *Trê cóc*, trê và cóc kiện nhau, quan xử kiện là một chàng cá chép, tôi đã được nghe một bà hàng tranh nói:

- Đây là cá trê và cóc kiện nhau, tranh nhau con, con là con nòng nọc đứt đuôi, kéo nhau lên quan xử kiện. Trê và cóc đều đồng anh em, các em nào muốn có em bé nhiều mua tranh này về dán mẹ sẽ đẻ em bé ngay.

Chúng tôi đã tin những lời giải thích của các bà hàng tranh. Có lẽ các bà tin như thế là thật, lời nói của các bà hồi đó, qua con mắt ngây thơ của lũ trẻ chúng tôi, thấy thành thật lắm.

Cho đến bây giờ nhớ lại, tôi cũng không hối tiếc sự tin tưởng dễ dàng. Lớn lên đụng chạm với lớp người xảo trá, tôi mất hết lòng tin đối với mọi người, muốn tìm lại tuổi hoa niên với một tâm hồn dễ tin, nhưng còn đâu nữa!

Năm nào tôi cũng đi ngắm các hàng tranh, và năm nào tôi cũng đã mua tranh và dán Tết! Các trẻ em ngày nay, trong lứa tuổi tôi ngày đó, đâu có được cái thú tuy quê mùa mộc mạc, nhưng rất đáng yêu của thời xưa!

Thời xưa, Tết thiếu tranh cũng như thiếu pháo không được. Khi người Pháp còn nắm chính quyền, mỗi độ xuân về, trong khoảng năm 1943, 1944, tôi thấy họ phát không về các vùng quê rất nhiều tranh Tết, những tranh Tết cổ truyền của chúng ta, dưới mỗi bức tranh đều có ghi những lời tuyên truyền cho người Pháp, cho chính quyền Đồng Dương và những lời khuyên nhủ dân chúng nên lương thiện làm ăn, tránh nghe



những kẻ xúi giục chống lại chính quyền. Họ đã làm công việc tuyên truyền qua một cổ tục của dân ta.

Sau này, chính quyền Việt Minh cũng đã vận dụng cổ tục này trong công tác tuyên truyền, không những dùng những mẫu tranh cũ, nhà nước còn cho vẽ thêm nhiều mẫu mới. Những mẫu tranh cũ, lựa mẫu nào không thích hợp với chế độ bỏ đi hoặc đặt lời chú thích để làm sao những bức tranh biến thành những biểu ngữ được dán tại các tư gia. Có những mẫu tranh được biến hóa đi như hai bức tranh vẽ hai bác nông phu ngồi nghỉ dưới gốc cây, đã sửa đổi vẽ một phụ nữ với chiếc cày và con trâu, nàng ngồi nghỉ tay bưng nước uống; đối với bức tranh này là bức tranh một bác nông phu ngồi nghỉ cạnh chiếc bừa với con trâu. Có những bức tranh cổ động và đề cao chế độ, ở đây tôi không nói tới, nhưng lại có rất nhiều mẫu tranh mới khuyến khích người dân tăng gia sản xuất, khuyến khích người dân tham gia chăn nuôi, cò gắng làm việc, với những lời chú thích bằng chữ Việt ở ngay trong hình. Cũng còn lời chú thích chữ Hán trong một đôi bức tranh như trong hai bức tranh đối nhau *Tăng gia sản xuất* và *Canh nông vì bản*. Tôi đã có dịp được thấy một số bức tranh này và tôi đã sao lại, nay xin sơ lược trình bày để bạn đọc có thể có một ý niệm về Tranh Tết dưới chính quyền Việt Minh.

Bức tranh *Tăng gia sản xuất*, vẽ hai người đang trồng rau và một em bé gánh nước, gốc bức tranh vẽ mẹ tay phải có một bụi chuối. Lời chú thích trong tranh ghi:

*Thi đua sản xuất tăng gia,
Rau ta ta tưới, vườn ta ta trồng.*

Đối với bức tranh *Chăn nuôi gia súc*, vẽ ba em bé đang cho gà ăn, và có lời chú thích:

*Chăn nuôi gia súc cho đông,
Sinh năm đẻ bảy la công của mình.*

Bức tranh vẽ cảnh thanh bình với công việc đồng áng có người cấy lúa, người cày ruộng, lại có một nông phu vác cuốc lưng thưng ra đồng. Tranh được chú thích:

*Thanh bình đồng ruộng vang ca
Nông dân đoàn kết tăng gia cấy cày.*

Đối với bức tranh trên là bức tranh vẽ cảnh mùa gặt, có những thợ gặt đang cắt lúa ngoài đồng, có những nông dân nam nữ gánh lúa về làng. Tranh có lời chú thích:

*Hoa màu thu hoạch về tay
Giang sơn cùng gánh vơi đầy có nhau.*

Trên đây là mấy bức tranh tượng trưng, thực ra còn nhiều những bức tranh khác, đề cập nhiều tới đời sống nhân dân và nhất là đề cao chế độ, nhưng rất tiếc kẻ viết không nhớ rõ nên không tiện nhắc lại.

Viết lại về tranh tết, tôi lại mang máng nhớ quê hương miền Bắc mỗi khi xuân về với gió lạnh căm căm đôi khi điểm những hạt mưa phùn lấm tấm, nhưng càng lạnh càng mưa phùn, cái Tết lại càng như có vẻ thiêng liêng và quyến rũ hơn! Đối với lứa tuổi lên chín lên mười, tranh Tết như muốn thêu cho đời thêm đẹp, tuổi hoa niên thêm nồng nàn!

Từ khi di cư vào Nam, từ năm 1954 đến nay, tôi không còn cái thú vị ngắm những bức tranh Tết để nhớ lại thời thơ ấu của mình! Nhớ tranh tết, bao nhiêu bài báo viết về tranh tết, tôi đều lưu giữ lại, kể cả những bài đăng trên tờ Thế giới Tự do, do cơ quan Viện trợ Mỹ xuất bản.

Ở miền Nam giờ đây không thấy có tranh tết, và cổ tục này tuy đã được người Pháp lợi dụng để tuyên truyền và

chính quyền Hà Nội vận dụng trong chiều hướng có lợi cho chế độ, nhưng lại không được lưu ý ở miền Nam. Tranh tết đối với nhiều người ngày nay chỉ còn là một dư âm, một cái gì là êm ái trong dĩ vãng!

May thay! Tuy tranh tết ở miền Nam không có nhưng tôi cũng đã được ngắm những bức tranh na ná tranh tết nhưng có nghệ thuật hơn, nét vẽ điêu luyện và đề tài lựa chọn hơn: đó là những bức thủ ấn họa của Tú Duyên. Trong tranh của Tú Duyên không có cái đơn sơ mộc mạc của những bức tranh tết cũ nhưng cũng phảng phất cái tinh thần phương Đông khiến cho người ngắm tranh phải suy nghĩ...

TOAN ÁNH
NẾP CŨ
Cầm - Kỳ - Thi - Họa

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHẬT

Biên tập: TRẦN HỮU - HOÀNG ANH

Bìa: BIÊN THUY

Sửa bản in: TRẦN HỮU - DUY HOÀNG

Kỹ thuật vẽ trình: MAI KHANH

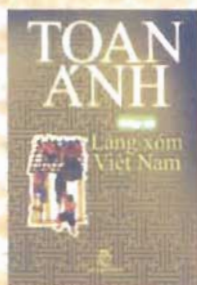
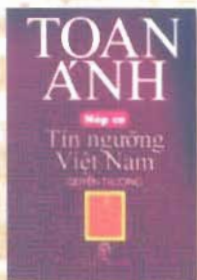
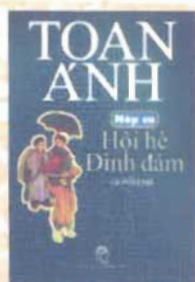
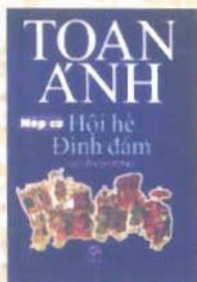
NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 39316289 - 39316211 - 38465595 - 38465596 - 39350973
Fax: 84.8.38437450 - E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn
Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Phòng 602, Số 209 Giảng Võ, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 04.37734544
Fax: 04.35123395
E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

Kích: 14 cm x 20 cm, số: 92-2011/CXB/67-05/Tre
Quyết định xuất bản số 263A/QĐ-Tre, ngày 06 tháng 5 năm 2011
In 2.000 cuốn, tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2011



" Ông đã ghi hết được những đại cương về cầm ca của ta từ thời cổ: nhắc qua 'nhạc lý': lục ky, thất bát đàn; tả mấy chục thứ nhạc khí và không biết bao nhiêu giọng ca hát trí thức và bình dân: hát đồ đưa, hát chầu trâu, hát ru em, hát ví, hát quan họ, hát dặm, hát trống quân, hát phường, hò, vè, hát xẩm, hát ả đào, ca Huế, hát thờ, hát tuồng, hát chèo, vân vân, cả ca cải lương nữa...
... Ông Toan Ánh đã có công gợi cho ta nhớ lại cái hồn của đất nước..."

Nguyễn Hiến Lê



ISBN 978-604-1-00448-7

Cầm - Kỳ - Thi - Họa



Giá 90.000 đ